



hân nhiên

HẢO NỮ TRUNG HOA

"Không thể nào quên."

—The times

VHSG
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ SÀI GÒN


nhà nam

Hảo Nữ Trung Hoa

Hân Nhiên

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

TABLE OF CONTENTS

[GIỚI THIỆU](#)

[MỞ ĐẦU](#)

[CHƯƠNG 1: Hành trình đến với những câu chuyện của người phụ nữ Trung Hoa](#)

[CHƯƠNG 2: Cô bé giữ ruồi làm vật nuôi](#)

[CHƯƠNG 3: Cô sinh viên](#)

[CHƯƠNG 4: Người đàn bà nhặt rác](#)

[CHƯƠNG 5: Những người mẹ hứng chịu trận động đất](#)

[CHƯƠNG 6: Điều phụ nữ Trung Quốc tin](#)

[CHƯƠNG 7: Người đàn bà yêu đàn bà](#)

[CHƯƠNG 8: Người đàn bà được Cách Mạng sắp đặt hôn nhân](#)

[CHƯƠNG 9: Mẹ tôi](#)

[CHƯƠNG 10: Người đàn bà chờ đợi bốn mươi lăm năm](#)

[CHƯƠNG 11: Con gái viên tướng Quốc Dân Đảng](#)

[CHƯƠNG 12: Tuổi thơ tôi không thể quên](#)

[CHƯƠNG 13: Người phụ nữ không được cha nhận ra](#)

[CHƯƠNG 14: Người đàn bà thời thượng](#)

[CHƯƠNG 15: Những người phụ nữ ở Đồi Hết](#)

[LỜI BẠT](#)

[Chú thích](#)

GIỚI THIỆU

Kinh Phong Dạ Thoại như ngọn gió được đêm đen ôm ấp, chỉ khi thân phận được che giấu và được lắng nghe thật sự, những người phụ nữ Trung Hoa mới dám cất tiếng nói nhỏ nhoi yếu ớt đã bị đè nén suốt cả trăm năm ròng, tiết lộ thế giới bí mật mang đầy những đau thương và tủi nhục.

Trong cái thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa đen tối và hỗn loạn của lịch sử Trung Quốc, không chỉ một mà có cả trăm, nghìn, thậm chí cả triệu người phụ nữ bị dìm chà đạp, lăng nhục, và hủy hoại. Những câu chuyện đau lòng đã được kể trong *Hảo Nữ Trung Hoa* sẽ ám ảnh và làm day dứt tâm hồn của cả những con người cứng rắn nhất.

Những người con gái, những người vợ, những người mẹ, đặt trong mối quan hệ giữa những người đàn ông và xã hội đã phải gánh chịu quá nhiều bất công đàn áp. Những cô gái bị cưỡng hiếp, bạo hành đến mức tâm thần không còn ổn định, những người vợ bị đối xử như một công cụ thỏa mãn sinh dục và những cái máy đẻ rệu rã, những người con gái bị tước đoạt tình yêu, những người mẹ phải tận mắt nhìn con mình lìa bỏ cuộc đời... Khi đàn ông là những kẻ vũ phu bội bạc, những tên cuồng dâm, những tên đội lốt *Cách Mạng* để làm những việc dơ bẩn, đón hèn thì phụ nữ vẫn phải lặng im chịu đựng. Vì họ không có cách bảo vệ chính mình, và cũng không ai bảo vệ họ. Hàng nghìn số phận phụ nữ bị vùi dập và nhấn chìm dưới những quy định cổ hủ và tàn nhẫn của xã hội, trong những biến động lịch sử dữ dội của đất nước Trung Hoa, trong sự thờ ơ và bàng quan của nhân loại. Hân Nhiên đã đem nỗi đau của chính bản thân bà, và nỗi đau của những người phụ nữ khác, giải bày qua từng trang giấy. Chính sự thật quá phũ phàng mới làm lòng người lay động mạnh mẽ vô cùng khi đọc *Hảo Nữ Trung Hoa*.

Nhưng không chỉ có nỗi đau và niềm uất ức, *Hảo Nữ Trung Hoa* còn là bức tranh ghép đa màu về những khát khao tình yêu, quan niệm hạnh phúc và nhân sinh quan của phụ nữ, những đức tính tốt đẹp vô cùng của họ. Những trang sách đẹp nhất của *Hảo Nữ Trung Hoa* là những trang viết về những người mẹ. Người mẹ với một tình cảm mẫu tử thiêng liêng cao cả có thể làm tất cả chỉ mong cho con mình hạnh phúc. Người mẹ với kí ức đau thương sẽ không bao giờ phai mờ về đứa con đã mất.

Những khổ đau lớp lớp của phụ nữ Trung Quốc qua lối kể mộc mạc và chân thực của Hân Nhiên gọi lên trong lòng người đọc một mỹ cảm vô cùng về vẻ đẹp trong tâm hồn mỗi người phụ nữ. Như chính bà đã từng phát biểu: *Phụ nữ là lực lượng sáng tạo trong vũ trụ này. Họ đem đến cho cuộc sống cái đẹp, cảm xúc và sự nhạy cảm. Họ tinh khiết và trong sạch. Phụ nữ là những tạo vật tuyệt vời nhất...*

Hãy thật can đảm khi đọc *Hảo Nữ Trung Hoa*, vì trái tim bạn sẽ run rẩy và bị bóp nghẹt bởi sự thật phũ phàng và những đau đớn nghẹn ngào ẩn trong trang sách. Một bức tranh đa chiều được viết nên bằng máu và nước mắt, sẽ mãi khắc sâu ấn tượng với bất kì ai đã từng chiêm ngưỡng nó.

Hảo Nữ Trung Hoa đã vẽ lại hình ảnh một đất nước Trung Quốc khác, không phải đất nước vĩ đại với hàng ngàn năm văn hiến, cũng không phải đất nước với những kỳ quan kỳ vĩ khiến thế giới ngưỡng mộ. Trung Quốc của Hân Nhiên đầy rẫy những mảnh đời bị bỏ quên, những *Hảo Nữ* vẫn đang sống từng ngày trong đau thương.

Hân Nhiên (Xinran) sinh năm 1958 tại Bắc Kinh. Bà là nhà báo, người dẫn chương trình *Kinh Phong Dạ Thoại* của Đài phát thanh Nam Kinh. Khi làm chương trình, bà được lắng nghe những cuộc gọi đến của rất nhiều thính giả cũng như chia sẻ về câu chuyện cuộc đời họ. Hân

Nhiên không chỉ trò chuyện mà còn gặp gỡ, thu thập tư liệu từ hàng ngàn phụ nữ bà đã phỏng vấn. Chương trình này đã đưa Hân Nhiên trở thành một trong những nhà báo thành công nhất của Trung Quốc. Năm 1997, bà tới Luân Đôn cùng con trai. Chính tại nơi đây, Hân Nhiên mới có thể viết lại những câu chuyện thành một pho sách gây nhức nhối và đầy ám ảnh. Đã từng nghe, phỏng vấn hơn 200 phụ nữ. Bà đã gom góp những cuốn sách bí mật trong từng gia đình, những nỗi đau riêng tư, những cam chịu đè nén trong đau thương và uất hận, những bi kịch thầm kín, từng chứng kiến trong 8 năm làm việc tại Trung Quốc. Tháng 7 năm 2002, lần đầu tiên những câu chuyện này xuất hiện tại Anh trong cuốn sách có tên *Hảo Nữ Trung Hoa* (The good women of China: Hidden Voices). Hiện nay, *Hảo Nữ Trung Hoa* đã đến tay bạn đọc trên toàn thế giới và được dịch ra trên 30 thứ tiếng.

Hảo Nữ Trung Hoa là tập hồi ký mà nhà báo Hân Nhiên đã thay những người phụ nữ vô danh ở khắp nơi trên đất nước Trung Quốc rộng lớn kể lại cuộc đời họ với mọi đau đớn và bi thảm.

MỞ ĐẦU

Chín giờ tối ngày 3 tháng Mười một năm 1999, tôi đang trên đường về nhà sau buổi dạy tối ở Khoa Phương Đông và Châu Phi thuộc Đại Học Luân Đôn. Khi ra khỏi ga tàu điện ngầm Stamford Brook bước vào bóng tối của đêm thu, tôi nghe thấy có tiếng động hối hả ở phía sau. Tôi chưa kịp phản ứng thì đã có ai đó đập mạnh vào đầu và đẩy tôi ngã nhào xuống đường. Theo bản năng, tôi nắm chặt lấy chiếc túi xách đang đựng bản duy nhất của bản thảo tôi mới hoàn thành. Nhưng kẻ tấn công kia vẫn không bỏ cuộc.

“Đưa tao cái túi,” hắn liên tục hét lên.

Tôi chống trả với sức mạnh mà tôi chưa từng nghĩ mình lại có. Trong bóng tối, tôi không thấy một ai. Tôi chỉ biết rằng mình đang chiến đấu với hai bàn tay khỏe mạnh và còn vô hình. Tôi gắng tự vệ đồng thời đá vào chỗ mà tôi nghĩ có lẽ là háng của hắn. Hắn đá lại và tôi cảm thấy đau nhói ở lưng và cẳng chân, và vị mặn mặn của máu trong miệng.

Những người đi ngang bắt đầu chạy về phía chúng tôi và hét lên. Một đám đông giận dữ nhanh chóng vây lấy gã đàn ông. Khi loạng choạng đứng lên, tôi thấy hắn cao hơn mét tám.

Sau đó, cảnh sát hỏi tôi tại sao lại liều mạng chống trả chỉ vì một chiếc túi xách.

Run rẩy và đau đớn, tôi giải thích, “Tôi để cuốn sách của mình trong đó.”

“Một cuốn sách?” viên cảnh sát kêu lên. “Chẳng lẽ một cuốn sách còn quan trọng hơn mạng sống của cô sao?”

Đương nhiên là tính mạng quan trọng hơn cuốn sách rồi. Nhưng ở nhiều khía cạnh, cuốn sách đó chính là mạng sống của tôi. Nó là lời chứng về cuộc sống của người phụ nữ Trung Quốc, là kết tinh của nhiều năm làm việc với tư cách nhà báo của tôi. Tôi biết mình đã thật đại dốt: Nếu bị mất bản thảo, tôi vẫn có thể cố viết lại được. Tuy nhiên, tôi không dám chắc mình có thể vượt qua được những cảm xúc cực độ trào dâng lên khi tôi viết lại cuốn sách hay không. Trải nghiệm lại câu chuyện của những người phụ nữ tôi từng gặp quả là đau đớn, song sắp xếp các ký ức và tìm ra ngôn từ thích đáng để viết còn khó hơn. Khi chiến đấu để giữ bằng được chiếc túi, tôi đang bảo vệ cho những cảm xúc của mình và của những người phụ nữ Trung Quốc. Cuốn sách là kết quả của quá nhiều điều một khi mất đi sẽ không bao giờ có thể tìm lại. Khi bước vào ký ức của mình, bạn đang mở ra một cánh cửa dẫn tới quá khứ; con đường trong đó có rất nhiều ngã rẽ và mỗi lần đi lại là một lộ trình khác nhau.

CHƯƠNG 1

HÀNH TRÌNH ĐẾN VỚI NHỮNG CÂU CHUYỆN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRUNG HOA

Một sớm mùa xuân năm 1989, tôi ngồi trên chiếc xe đạp hiệu Phi Cáp rong ruổi qua các con phố Nam Kinh, mơ màng nghĩ đến Phan Phan, con trai tôi. Búp chồi xanh non trên cây cối, hơi sương mù mịt bao phủ những người đạp xe khác, những chiếc khăn lụa phụ nữ phấp phới bay trong gió xuân, tất cả hòa vào ý nghĩ của tôi về con trai. Tôi đã một mình nuôi nấng nó, không có sự trợ giúp của người đàn ông, và thật không dễ gì để chăm sóc thằng bé trong khi vẫn phải làm việc. Dù thế, bất kể tôi đi đâu, xa hay gần, kể cả trong cuộc xe gấp gấp đến chỗ làm, thằng bé vẫn song hành bên tôi trong tâm tưởng và tiếp thêm lòng can đảm cho tôi.

“Này, người dẫn chương trình nổi tiếng, để ý xem cô đang đi đâu đấy nhé,” một đồng nghiệp kêu lên khi tôi tất tả bước vào khu liên hợp đài phát thanh và truyền hình - nơi tôi làm việc.

Hai công an có vũ khí đứng ở cổng. Tôi xuất trình giấy thông hành. Khi vào trong, tôi sẽ phải chạm mặt mấy người bảo vệ có vũ trang khác nữa tại cửa ra vào văn phòng và phòng thu. An ninh ở đài cực kỳ nghiêm ngặt và các nhân viên luôn cảnh giác với cánh bảo vệ. Người ta kháo nhau rằng đã có một tay tân binh ngủ gật trong phiên gác đêm và bị kích động đến mức giết chết người đồng chí đã đánh thức anh ta dậy.

Phòng làm việc của tôi nằm trên tầng mười sáu của tòa nhà hai mươi một tầng hiện đại và góc guốc đó. Tôi thích đi cầu thang bộ hơn là liêu lĩnh đi bằng cái thang máy chẳng biết đường nào mà lần, vốn thường xuyên trở chứng. Khi tới bàn làm việc, tôi mới nhận ra mình đã để quên chìa khóa xe đạp trong ổ khóa. Thông cảm với tôi, một đồng nghiệp đề nghị sẽ gọi điện xuống chỗ người gác cổng hộ tôi. Việc đó không dễ dàng lắm vì hồi đó nhân viên bình thường chưa có điện thoại riêng và người đồng nghiệp của tôi đã phải đi tới phòng của trưởng ban để gọi điện. Cuối cùng, có người mang lên cho tôi chìa khóa cùng với đám thư từ. Giữa đồng thư từ ngồn ngộn, có một bức thư đập vào mắt tôi ngay lập tức: Chiếc phong bì được làm từ bìa một cuốn sách, trên đó có dán một chiếc lông gà. Theo truyền thống của người Trung Quốc, chiếc lông gà là dấu hiệu của một tình huống quần bách.

Lá thư là của một cậu bé, được gửi từ một ngôi làng cách Nam Kinh chừng 250 cây số.

Cô Hân Nhiên rất mực kính mến!

Cháu đã lắng nghe tất cả các chương trình của cô. Thực ra, mọi người trong làng cháu đều thích nghe cả. Nhưng cháu không viết thư để nói với cô là chương trình của cô hay đến thế nào; cháu viết thư này để kể với cô một bí mật.

Thực ra cũng không hẳn là một bí mật, vì mọi người trong làng đều biết cả. Có một ông già sáu mươi tuổi bị thọt ở đây mới mua về một cô vợ trẻ. Cô gái trông rất trẻ - cháu nghĩ chắc là cô ấy đã bị bắt cóc. Ở đây, chuyện này xảy ra như cơm bữa, nhưng nhiều cô sau đó đã trốn thoát. Ông già kia sợ cô vợ của mình bỏ trốn nên đã trói cô ấy lại bằng một sợi xích sắt to tướng. Cổ tay cô ấy bị sợi xích nặng đó làm trầy trụa, máu thấm qua quần áo cô ấy. Cháu nghĩ cứ thế thì cô ấy sẽ chết mất. Xin hãy cứu cô ấy.

Dù có làm gì thì cô cũng đừng đưa lên đài nhé. Người làng mà biết, họ sẽ đuổi cả gia đình cháu đi mất.

Chúc cho chương trình của cô càng ngày càng hay.

Thính giả trung thành của cô

Trương Tiểu Thuyên

Đó là lá thư đau xót nhất mà tôi nhận được kể từ khi bắt đầu thực hiện chương trình phát thanh buổi tối của mình, *Khinh Phong Dạ Thoại*^[1], bốn tháng trước đó. Trong buổi phát thanh, tôi thảo luận về nhiều khía cạnh đa dạng của cuộc sống đời thường và vận dụng kinh nghiệm bản thân để giành được lòng tin của thính giả đồng thời gợi ý cho họ những cách tiếp cận với các khó khăn trong cuộc sống. “Tên tôi là Hân Nhiên,” tôi mở đầu buổi phát thanh đầu tiên của chương trình như vậy. Hân Nhiên có nghĩa là Vui Vẻ. *Xin xin ran zhang kai le yan*,^[2] Chu Tự Thanh đã viết như vậy trong một bài thơ về mùa xuân: *Vui vẻ mở bừng đôi mắt*. Chương trình này là một điều mới mẻ dành cho mọi người, kể cả chính tôi. Tôi vừa mới trở thành người dẫn chương trình và tôi đang cố gắng làm điều gì đó chưa từng có tiền lệ ở đài phát thanh.

Từ năm 1949, các phương tiện truyền thông đã trở thành nơi phát ngôn của Đảng. Đài phát thanh của nhà nước, báo chí của nhà nước và sau đó là đài truyền hình của nhà nước cung cấp nguồn thông tin duy nhất mà người dân Trung Quốc được quyền tiếp cận. Việc trao đổi với bất kỳ ai ở nước ngoài khó như bắc thang lên trời. Khi Đặng Tiểu Bình khởi động công cuộc Cải Cách Mở Cửa chậm chạp vào năm 1983, thì các nhà báo, nếu có đủ lòng dũng cảm, có thể thử thực hiện những thay đổi nho nhỏ trong việc đưa tin. Cũng từ đó, việc thảo luận về các vấn đề cá nhân trên phương tiện truyền thông cũng có thể thực hiện được, dù có lẽ còn nguy hiểm hơn. Trong chương trình *Khinh Phong Dạ Thoại* tôi đang cố gắng mở một ô cửa sổ nho nhỏ, một cái lỗ tí xíu để người dân có cơ hội trút bầu tâm sự. Nhà văn và nhà triết học Trung Quốc, Lỗ Tấn, một lần từng nói, *Người đầu tiên ăn thử một con cua ắt hẳn cũng đã thử một con nhện, nhưng rồi nhận ra rằng ăn nhện không ổn*. Khi chờ đợi phản hồi của thính giả về chương trình, tôi tự hỏi không biết họ thấy nó là con cua hay con nhện đây. Những lá thư gửi đến bày tỏ sự thích thú chất đồng trên bàn làm việc đã thuyết phục tôi rằng nó chính là con cua.

Lá thư tôi nhận được từ cậu bé Trương Tiểu Thuyên là lá thư đầu tiên xin tôi giúp đỡ bằng hành động, và nó khiến tôi lúng túng. Tôi báo cáo lại với trưởng ban và hỏi ý kiến xem tôi nên làm gì. Ông ta hứa bảo tôi nên liên lạc với đồn công an địa phương. Tôi gọi điện và thuật lại câu chuyện của cậu bé.

Người công an ở đầu dây bên kia bảo tôi hãy bình tĩnh. “Chuyện kiểu này xảy ra nhiều lắm. Nếu ai cũng phản ứng như cô thì chúng tôi sẽ chết hết vì kiệt sức mất. Mà trường hợp này thì hết hy vọng. Chúng tôi còn cả đồng báo cáo ở đây này, trong khi nhân lực và tài chính thì có hạn. Nếu tôi là cô, tôi sẽ rất thận trọng trong việc nhúng tay vào chuyện đó. Những dân làng như thế thuộc loại trời không sợ đất không sợ rồi; kể cả chúng ta có đến đó chẳng nữa thì họ cũng sẽ đốt xe và đánh đập các nhân viên công vụ thôi. Để duy trì dòng dõi, khỏi mắc tội với tổ tiên vì không thể sinh ra người nối dõi, họ sẽ làm những việc mà cô không thể tưởng tượng nổi đâu.”

“Vậy”, tôi nói, “Có phải ý anh là anh sẽ khoanh tay đứng nhìn?”

“Tôi không nói vậy, nhưng...”

“Nhưng sao?”

“Nhưng không việc gì phải vội cả, chúng ta có thể làm từ từ.”

“Anh không thể để ai đó chết dần chết mòn!”

Người công an nọ bật cười. “Quả không sai khi người ta nói cảnh sát thì đi dập lửa còn nhà báo thì đi châm lửa. Mà cô bảo tên cô là gì nhỉ?”

“Hân... Nhiên,” tôi nói qua kẽ răng.

“À, à, Hân Nhiên, tên hay đấy. Được thôi, Hân Nhiên, cô qua đây đi. Tôi sẽ giúp cô.” Anh ta nói cứ như thể đang ban ơn cho tôi chứ không phải là đang thực thi nhiệm vụ của mình vậy.

Tôi tới thẳng phòng làm việc của anh ta. Anh ta là một tay công an Trung Quốc điển hình: Tráng kiện và cảnh giác.

“Ở nông thôn phép vua thua lệ làng,” anh ta nói. Theo anh ta thì ở đó luật pháp vô hiệu. Người nông dân chỉ sợ mỗi các quan chức địa phương nắm quyền sinh quyền sát với nguồn cung cấp thuốc trừ sâu, phân bón, giống má và nông cụ cho họ mà thôi.

Anh ta nói đúng. Rốt cuộc, chính người thủ kho cung cấp thiết yếu phẩm nông nghiệp ở thôn đó đã cứu được cô gái. Ông ta dọa sẽ cắt phần phân bón của người làng nếu họ không thả cô gái ra. Ba nhân viên công an hộ tống tôi đến thôn đó bằng xe công vụ. Khi chúng tôi đến, trưởng thôn phải dẹp đường cho chúng tôi đi qua những người dân đang giơ nắm đấm về phía chúng tôi mà chửi rủa. Cô bé nọ chỉ mới mười hai tuổi. Khi chúng tôi đưa cô bé ra khỏi nhà ông già kia, ông ta kêu gào ầm ĩ và chửi thề độc địa. Tôi không dám hỏi thăm về cậu bé đã viết thư cho tôi. Tôi muốn cảm ơn cậu nhưng anh công an nói, người làng mà biết được cậu bé đã làm gì họ thì sẽ giết cả nhà cậu ấy mất.

Được tận mắt chứng kiến sức mạnh của nông dân, tôi bắt đầu hiểu tại sao Mao Trạch Đông lại thắng được Tưởng Giới Thạch, dù Tưởng được Anh và Mỹ cung cấp vũ khí cùng sự hậu thuẫn mạnh mẽ.

Cô bé được gửi trả về nhà ở Tây Ninh - một chuyến tàu hai mươi tư tiếng đồng hồ từ Nam Kinh - cùng với một cán bộ công an và một người của đài phát thanh. Hóa ra, cha mẹ cô bé đã phải vay nợ tới 10.000 tệ để đi tìm cô bé.

Tôi chẳng nhận được lời khen nào vì đã giải thoát cho cô bé đó, lại còn bị phê bình vì “bắt quân đội phải đi đi lại lại và kích động quần chúng”, làm tốn thời gian và tiền bạc của nhà đài. Tôi rất sững sốt trước những lời chỉ trích đó. Một cô bé đang bị nguy hiểm, nhưng đến giải cứu cô bé thì lại bị xem là *vất kiệt sức lực nhân dân và làm tiêu hao công quỹ*. Vậy cuộc sống của một người phụ nữ Trung Quốc có giá trị gì?

Câu hỏi này bắt đầu ám ảnh tôi. Hầu hết những người viết thư cho tôi ở đài phát thanh là phụ nữ. Thư của họ thường là nặc danh, hoặc đề tên giả. Nhiều điều họ kể khiến tôi chấn động sâu sắc. Tôi vốn cứ ngỡ rằng mình đã hiểu phụ nữ Trung Quốc. Đọc thư của họ, tôi mới nhận ra mình đã lầm tưởng đến mức nào. Những người đồng giới với tôi đang phải sống những cuộc đời và vật lộn với những rắc rối mà tôi chưa từng tưởng tượng ra.

Họ hỏi tôi nhiều câu liên quan đến vấn đề giới tính. Một phụ nữ muốn biết tại sao tim cô lại đập nhanh hơn khi vô tình ngã vào một người đàn ông trên xe buýt. Người khác lại hỏi tại sao mình lại toát mồ hôi khi một người đàn ông chạm vào tay. Đã từ lâu lắm, mọi bàn luận về vấn đề giới tính bị cấm ngạt và bất kỳ đụng chạm nào giữa một người đàn ông và đàn bà chưa kết hôn đều sẽ bị dư luận lên án - bị “tẩy chay” - hoặc thậm chí bỏ tù. Ngay cả giữa vợ chồng với nhau, “đầu ấp tay gối” cũng bị xem như là bằng chứng của cách xử sự tội lỗi, và trong những cuộc gia đình chiến, vợ hoặc chồng thường dọa sẽ tố giác người kia với công an vì đã buông thả trong chuyện đó. Kết quả là, hai thế hệ người Trung Quốc lớn lên mà cứ mù mờ về những bản năng tự nhiên của mình. Chính tôi cũng có lần ấu trĩ tới mức, dù đã ở tuổi hai mươi hai, tôi đã từ chối cầm tay một giáo viên nam tại một buổi đốt lửa trại vì sợ sẽ có thai. Khi ấy, hiểu biết của tôi về việc thụ thai là học mót từ dòng này trong một cuốn sách: *Họ nắm tay nhau dưới ánh trăng... Vào mùa xuân, họ có một bé trai bụ bẫm*. Tôi thấy mình cũng háo hức muốn biết nhiều hơn về đời sống thầm kín của những người phụ nữ Trung Quốc và quyết định bắt đầu nghiên cứu bối cảnh văn hóa khác biệt của họ.

Ông Trần là người đầu tiên được tôi kể cho nghe về kế hoạch của mình. Ông là nhà báo kỳ cựu và rất được nể trọng. Người ta nói rằng ngay cả chủ tịch thành phố Nam Kinh cũng tới gặp ông xin lời khuyên. Tôi thường tham khảo ý kiến của ông về công việc, không chỉ bởi kính trọng thâm niên trong nghề của ông, mà còn để học hỏi vốn kinh nghiệm phong phú của ông nữa. Tuy nhiên, lần này, phản ứng của ông khiến tôi ngạc nhiên. Ông lắc cái đầu hói nhẵn tới mức người ta không thể phân biệt nổi da đầu ông dừng lại ở chỗ nào và khuôn mặt ông bắt đầu từ đâu, và nói: “Ngây thơ quá!”

Tôi lấy làm sững sốt. Người Trung Quốc xem hói đầu là dấu hiệu của sự thông thái. Liệu tôi có nhầm lẫn không? Tại sao muốn tìm hiểu người phụ nữ Trung Quốc lại bị xem là ngây thơ?

Tôi kể với một người bạn thời đại học về lời cảnh báo của ông Trần.

“Hân Nhiên,” anh ta nói, “cô đã bao giờ ở trong một xưởng làm bánh xốp chưa?”

“Chưa,” tôi trả lời, cảm thấy khó hiểu.

“Chắc, tôi thì rồi. Vì thế tôi không bao giờ ăn bánh xốp nữa.” Anh ta bảo tôi nên đến một xưởng làm bánh để hiểu anh ta muốn nói gì.

Tính tôi vốn nôn nóng, nên vào lúc năm giờ sáng hôm sau tôi đã tự mình đi đến một xưởng bánh nhỏ nhưng bánh ngon có tiếng. Tôi không báo trước rằng mình sẽ đến thăm, nhưng tôi không nghĩ mình sẽ gặp phải bất kỳ trở ngại nào. Nhà báo ở Trung Quốc được mệnh danh là *những vị vua không ngai*. Họ có quyền ra vào hầu hết mọi cơ quan trên đất nước này.

Người quản lý tiệm bánh không hiểu tại sao tôi lại đến, nhưng ông ta bị ấn tượng bởi nhiệt tình của tôi đối với công việc: Ông ta bảo chưa từng gặp nhà báo nào tới sớm đến thế để thu thập tư liệu. Trời còn chưa sáng hẳn, dưới ánh đèn tù mù của gian xưởng, bảy tám người thợ nữ đang đập trứng vào một chiếc thùng to. Họ đang ngáp và khò khè ầm ĩ kinh khủng. Tiếng khạc nhổ liên tục khiến tôi khó chịu. Một người phụ nữ bị lòng đỏ trứng trát khắp mặt, có lẽ vì quẹt nước mũi hơn là do một công thức làm đẹp khó hiểu nào đó. Tôi quan sát hai người thợ nam đổ gia vị và phẩm màu vào một lớp bột nhào mỏng được nhào từ hôm trước. Hỗn hợp đó được thêm trứng rồi đổ vào các hộp thiếc trên một băng chuyền. Khi hộp thiếc ra khỏi lò, khoảng hơn chục người thợ nữ đóng gói những chiếc bánh vào hộp. Mép họ dính đầy vụn bánh.

Khi rời khỏi xưởng bánh, tôi nhớ lại những điều một đồng nghiệp từng nói với tôi: Những thứ bẩn nhất trên thế giới này không phải là nhà vệ sinh hay cống rãnh mà là nhà máy chế biến thực phẩm và bếp nhà hàng. Tôi cũng kiên quyết không bao giờ ăn bánh xốp nữa, nhưng không thể hiểu nổi những điều tôi nhìn thấy thì có liên quan gì tới vấn đề tìm hiểu người phụ nữ Trung Quốc.

Tôi gọi cho anh bạn của mình, anh có vẻ thất vọng vì tôi chẳng hiểu ra được gì.

“Cô đã thấy những chiếc bánh đẹp dễ, mềm xốp đã được làm ra như thế nào rồi đấy. Nếu cô chỉ nhìn chúng ở tiệm bánh, cô sẽ không bao giờ biết được điều đó. Tuy nhiên, dù cô có thể mô tả được rằng xưởng đó được quản lý tệ hại và vi phạm những quy tắc về an toàn thực phẩm đến thế nào đi nữa, cô có nghĩ rằng điều đó sẽ khiến cho mọi người không còn muốn ăn bánh xốp nữa không? Những người phụ nữ Trung Quốc cũng vậy. Dù cô tiếp cận được tổ ấm và ký ức của họ chẳng nữa, liệu cô có thể phán xét hay thay đổi được những luật tắc đã hình thành nên cuộc sống của họ như thế không? Hơn nữa, có bao nhiêu phụ nữ sẽ thực sự sẵn sàng từ bỏ lòng tự trọng của họ để bộc bạch với cô? Tôi e người đồng nghiệp của cô mới là bậc tri túc thực sự đấy.”

CHƯƠNG 2

CÔ BÉ GIỮ RUỒI LÀM VẬT NUÔI

Đương nhiên, ông Trần và người bạn đại học của tôi đều đứng ở một điểm. Sẽ khó lòng tìm được những người phụ nữ sẵn sàng nói chuyện một cách thoải mái với tôi. Với phụ nữ Trung Quốc, thân thể trần truồng là một thứ đáng hổ thẹn chứ không phải cái đẹp. Họ luôn che đậy kỹ càng. Đề nghị phỏng vấn một người phụ nữ cũng giống như bảo họ phải trút bỏ quần áo vậy. Tôi nhận ra là tôi sẽ phải thử những cách thức tế nhị hơn để tìm hiểu về cuộc sống của họ.

Những lá thư tôi nhận được từ các thính giả, tràn đầy khao khát và hy vọng, là xuất phát điểm của tôi. Tôi hỏi giám đốc xem liệu mình có thể thêm chuyên mục hòm thư đặc biệt dành cho phụ nữ - trong đó tôi sẽ thảo luận và có thể sẽ đọc một số lá thư nhận được vào cuối chương trình - được không. Ông ta không phản đối ý tưởng đó, ông ta cũng muốn biết xem phụ nữ Trung Quốc nghĩ gì để có thể xử lý mối quan hệ căng thẳng với bà vợ. Tuy nhiên, bản thân ông ta không có quyền cho phép thực hiện chuyên mục đó; tôi sẽ phải gửi một lá đơn tới văn phòng trung ương. Tôi quá quen với thủ tục này rồi: Các sếp trong đài chỉ như những chú bé chạy việc được tuyên dương, chẳng có quyền điều hành gì cả. Lãnh đạo bên trên là những người ra quyết định cuối cùng.

Sáu tuần sau, đơn của tôi được gửi trả về, với bốn cái dấu đỏ chót kết thành tràng hoa khẳng định sự thông qua chính thức. Thời lượng dự kiến của chuyên mục bị cắt xuống còn mười phút. Dù thế, tôi vẫn cảm thấy như được lộc trời cho vậy.

Tác động của chuyên mục Hòm Thư Phụ Nữ kéo dài mười phút ngắn ngủi của tôi vượt quá cả mong đợi: Số lượng thư thính giả gửi về tăng đến mức hàng ngày tôi nhận được hơn một trăm lá thư. Sáu sinh viên đại học phải giúp tôi xử lý đồng thư này. Chủ đề của các bức thư càng ngày càng trở nên đa dạng. Những câu chuyện thính giả kể cho tôi xảy ra trên khắp đất nước, trong những thời gian khác nhau từ khoảng bảy mươi năm trước hoặc trước đó đến giờ, trong cuộc sống của phụ nữ ở nhiều vị thế xã hội, đặc trưng văn hóa và nghề nghiệp khác nhau. Họ tiết lộ những thế giới bị che giấu khỏi tầm mắt của đa phần dân chúng, kể cả tôi. Tôi thực sự xúc động trước những lá thư đó. Nhiều lá còn có cả dấu ấn cá nhân, như là hoa, lá hay vỏ cây ép khô, và những vật lưu niệm móc tay.

Một chiều, tôi trở về cơ quan thì nhận được một cái gói cùng bức thư ngắn mà người gác cổng để lại trên bàn tôi. Hình như có một người phụ nữ chừng bốn mươi đã đem gói đồ tới nhờ người gác cổng chuyển lại cho tôi; bà ta không để lại tên tuổi, địa chỉ gì. Vài đồng nghiệp khuyên tôi nên đưa gói đồ đó cho phòng an ninh kiểm tra trước khi mở, nhưng tôi không làm vậy. Tôi có cảm giác rằng vận mệnh không gõ cửa hai lần, và bị thôi thúc mạnh mẽ muốn mở gói đồ ấy ra ngay. Bên trong là một hộp đựng giày đã cũ, trên nắp có hình vẽ một con ruồi trông như người rất xinh xắn. Màu sắc hầu như đã bạc hết cả. Bên cạnh miệng con ruồi có ghi một câu: *Không có mùa xuân, hoa không nở; không có chủ, hộp không được mở*. Ngoài ra còn có một chiếc khóa nhỏ vừa xinh với cái nắp.

Tôi ngần ngại: Liệu có nên mở nó ra không? Rồi tôi nhận thấy một dòng nhỏ xíu rõ ràng là vừa mới được dán lên: *Hân Nhiên, xin hãy mở ra*.

Cái hộp đựng đầy những mẫu giấy màu vàng, bạc phếch. Những mẫu giấy chi chít chữ, không cùng kích cỡ, hình dạng, hay màu sắc: Chúng gần như là những mẫu đầu thừa đuôi thẹo của loại giấy được dùng làm sổ bệnh án ở bệnh viện. Trông giống một cuốn nhật ký. Trong đó cũng còn có cả một bức thư chuyển phát có ký nhận, dày. Nó được gửi cho Nghiêm Ngọc Long ở Đội

Sản Xuất X, tỉnh Sơn Đông, và người gửi là một cô Hồng Tuyết nào đó, địa chỉ là một bệnh viện ở tỉnh Hồ Nam. Lá thư đóng dấu bưu điện ngày 24 tháng Tám năm 1975. Nó cũng đã được mở ra, và trên cùng có ghi: *Hân Nhiên, tôi trân trọng đề nghị cô hãy đọc từng từ một. Một thánh giá trung thành.*

Vì tôi không có thời gian xem qua đồng mẫu giấy trước giờ phát sóng, tôi quyết định đọc lá thư trước:

«Ngọc Long thân!

Chị có khỏe không? Em xin lỗi vì đã không viết thư cho chị sớm hơn, không có lý do gì thực sự cả, chỉ là vì em có quá nhiều điều muốn nói, mà lại chẳng biết phải bắt đầu từ đâu. Xin hãy tha lỗi cho em.

Đã muộn để xin chị tha thứ cho lỗi lầm khủng khiếp không thể sửa chữa được của em, nhưng em vẫn muốn nói với chị, Ngọc Long thương mến, em rất xin lỗi!

Trong thư, chị có hỏi em hai câu: “Tại sao em không muốn gặp cha?” và “Điều gì đã khiến em nghĩ ra chuyện vẽ một con ruồi, và tại sao lại vẽ nó đẹp đến thế?”

Ngọc Long thân mến, cả hai câu hỏi đó đều quá sức đau đớn đối với em nhưng em sẽ vẫn cố gắng giải đáp cho chị.

Có đứa con gái nào lại không yêu cha mình? Cha là một thân cây lớn che chở cho cả gia đình, là trụ cột chống đỡ cả ngôi nhà, là người bảo vệ cho vợ và các con. Nhưng em không yêu cha - Em ghét ông ấy.

Ngày mừng một Tết năm em bước sang tuổi mười một, em rời khỏi giường từ sáng sớm tình mơ, phát hiện ra mình bị chảy máu mà không biết vì sao. Em sợ quá khóc òa lên. Mẹ em nghe tiếng khóc vội chạy đến, bảo, “Hồng Tuyết, con đã lớn rồi đấy.” Không ai - kể cả mẹ - từng nói với em về những vấn đề của phụ nữ. Ở trường không ai dám hỏi những câu hỏi xúc phạm như thế bao giờ. Ngày hôm đó, mẹ có chỉ cho em một chút về cách xử lý chuyện chảy máu đó, nhưng chẳng giải thích thêm điều gì nữa cả. Em phẫn khích lắm: Em đã trở thành phụ nữ rồi! Em chạy quanh sân, nhảy múa, suốt ba tiếng. Thậm chí em còn quên cả cơm trưa nữa.

Một ngày tháng Hai, tuyết rơi dày lắm, mẹ đi thăm một người hàng xóm. Cha em từ căn cứ quân sự trở về, một chuyến thăm nhà hiếm hoi. Ông ấy bảo em: “Mẹ mày bảo mày thành người lớn rồi. Nào, cởi quần áo ra cho bố xem có đúng thể không.”

Em không biết ông ấy muốn xem cái gì, mà trời thì lạnh căm - em không muốn cởi quần áo.

“Nào nhanh lên! Để bố giúp!” ông nói, khéo léo cởi quần áo em ra. Ông ấy khác hẳn với vẻ chậm chạp thường ngày. Hai bàn tay ông xoa xoa nắn bóp khắp người em, luôn miệng hỏi: “Có phải hai cái núm vú này đang nhô lên không? Có phải máu chảy ra từ đây không? Cái miệng kia có muốn hôn bố không? Bố xoa thế này có thích không?”

Em thấy nhục nhã. Từ khi biết nhớ, chưa bao giờ em trần truồng trước mặt ai đó trừ phi trong những nhà tắm công cộng có vách ngăn. Cha em đã nhận ra em đang run rẩy. Ông bảo em không việc gì phải sợ, và dặn mình không được nói với mẹ. “Mẹ chưa bao giờ thích con cả. Nếu mẹ biết là bố yêu con thế này thì mẹ sẽ chăm sóc con ít hơn nữa.”

Đó là “kinh nghiệm đàn bà” đầu tiên của em. Sau đó em thấy buồn nôn.

Kể từ lần đó, cứ khi nào mẹ không ở trong phòng, thậm chí cả khi mẹ đang nấu nướng ngay trong bếp hay ở trong nhà vệ sinh, cha lại dồn em vào sau cánh cửa và xoa nắn khắp người. Càng ngày em càng thấy khiếp sợ cái thứ “tình yêu” đó.

Sau đó, cha em được chuyển đến một căn cứ quân sự khác. Mẹ không thể đi theo ông

vì công việc của bà không cho phép. Bà bảo bà đã kiệt sức vì phải nuôi nấng hai chị em em, bà muốn cha em làm trọn trách nhiệm của người cha trong một thời gian. Và thế là bọn em đến sống cùng cha.

Em đã rơi vào hang sói.

Trưa nào cũng vậy, kể từ ngày mẹ đi, cha trèo lên giường em khi em đang ngủ trưa. Mỗi nhà có một căn hộ riêng trong nhà tập thể và ông viện cớ rằng em trai em không thích ngủ trưa để nhốt nó bên ngoài.

Vài hôm đầu, ông ấy chỉ lấy tay xoa nắn thân thể em. Sau dần, ông bắt đầu thọc lưỡi vào miệng em. Rồi ông bắt đầu thúc cái vật cứng ở phần thân dưới vào người em. Ông bò vào giường em, bất kể ngày hay đêm. Ông dùng tay banh em ra và làm chuyện bậy bạ. Thậm chí ông ta còn thò ngón tay vào bên trong em nữa.

Từ đó, ông ấy thôi không giả bộ đó là “tình yêu của người cha” nữa. Ông đe dọa em, bảo rằng nếu kể với ai khác thì em sẽ bị mọi người chỉ trích và bị rắc rối lên đầu đem đi bêu ngoài phố vì em đã trở thành cái mà người ta gọi là “đồ điếm”[\[3\]](#).

Cơ thể đang dậy thì nhanh chóng của em khiến ông ta càng ngày càng kích động, còn em thì càng ngày càng khiếp sợ. Em lắp một cái khóa vào cửa phòng ngủ, nhưng ông ta không thêm bận tâm tới chuyện mình có đánh thức hàng xóm hay không mà cứ gõ ầm ỉ vào cánh cửa cho đến khi em mở. Thỉnh thoảng ông ta còn lừa mọi người trong khu tập thể giúp ông ta phá cửa phòng em ra, hoặc bảo với họ rằng ông ta phải trèo qua cửa sổ để lấy mấy món đồ vì em ngủ say quá. Thỉnh thoảng chính em trai em cũng giúp ông ta một tay mà không biết mình đang làm gì. Vì thế, bất kể là em có khóa cửa hay không, ông ta cũng sẽ đường hoàng vào được phòng em ngay trước mắt mọi người.

Mỗi khi nghe tiếng gõ cửa, em thường sợ đến đờ cả người, chỉ cuộn mình trong chăn mà run rẩy. Những người hàng xóm sẽ bảo em, “Mày ngủ như chết ấy, nên bố mày phải trèo vào mà lấy đồ, tội nghiệp ông ấy!”

Em không dám ngủ trong phòng nữa, thậm chí em còn không dám ở trong đó một mình nữa. Cha nhận ra em càng ngày càng hay lấy cớ đi ra ngoài, nên ông ta đề ra quy tắc là hàng ngày em phải trở về nhà đúng giờ ăn trưa. Nhưng em thường ngắt xỉu trước khi kịp ăn xong bữa: Ông ta bỏ thuốc ngủ vào thức ăn. Em không còn cách nào để tự vệ cả.

Đã nhiều lần em nghĩ đến chuyện tự sát, nhưng lại không đành lòng bỏ mặc em trai, giờ nó chẳng còn ai để mà trông cậy. Em càng ngày càng gầy hơn, và ngã bệnh nặng.

Lần đầu tiên em được đưa vào bệnh viện quân đội, cô y tá trực đã bảo với bác sĩ tham vấn, bác sĩ Chung, rằng em ngủ không yên giấc. Em thường run bắn lên sợ hãi vì bất kỳ tiếng động nào nhỏ nhất. Bác sĩ Chung, không biết nguyên do thực sự, lại cho rằng đó là vì em sốt cao quá.

Tuy nhiên, ngay cả khi em ốm thập tử nhất sinh như thế, cha vẫn tới bệnh viện và lợi dụng em khi em phải truyền nước và không di chuyển được. Một lần, khi nhìn thấy ông ta đi vào phòng, em đã hét lên thất thanh, nhưng cha em chỉ bảo cô y tá trực đang chạy vào rằng tính em rất hay cáu kỉnh. Lần đầu tiên đó, em chỉ nằm viện hai tuần. Khi trở về nhà, em thấy một vết thâm tím trên đầu em trai, và vài vết máu khô trên chiếc áo khoác nhỏ của nó. Nó bảo rằng lúc em ở trong bệnh viện, bố nổi điên lên đánh nó vì một lý do hết sức vớ vẩn. Ngày hôm đó, người cha bệnh hoạn của em đã điên cuồng ép ghì thân thể em - vẫn ốm yếu đến bất lực - vào người ông ta và thì thầm rằng ông ta nhớ em đến chết đi được!

Em không thể nín khóc. Đây là cha em ư? Ông ta có con chỉ để thỏa mãn dục vọng thú vật của mình thôi sao? Ông ta sinh ra em để làm gì cơ chứ?

Kinh nghiệm ở bệnh viện đã chỉ cho em cách để tiếp tục sống. Đối với em, những mũi tiêm, những viên thuốc và những lần thử máu còn sung sướng hơn là sống với cha. Thế nên em bắt đầu tự làm mình ốm, hết lần này tới lần khác. Mùa đông, em ngâm mình trong nước lạnh, rồi đứng bên ngoài trên băng dưới tuyết; mùa thu, em ăn thức ăn ôi thiu; một lần, trong cơn tuyệt vọng, em đã giơ cánh tay ra hứng một miếng sắt đang rơi để nó cắt vào cổ tay trái của mình (Nếu không nhờ một thanh gỗ mềm ở bên dưới thì chắc chắn mình đã mất bàn tay). Lần đó, em đã giành được cả thảy sáu mươi đêm an toàn. Do tự làm bản thân bị thương rồi lại phải uống thuốc, càng ngày em càng gầy thảnh thơi.

Hơn hai năm sau, mẹ được chuyển công tác và tới sống với cha con em. Việc bà chuyển tới không làm suy sụp dự vọng bản thân của cha đối với em. Ông ta bảo thân thể mẹ em đã già nua teo tóp, và em là vợ bé của ông ta. Mẹ không có vẻ gì là nhận ra sự tình cho tới một hôm vào cuối tháng Hai, khi cha đánh em vì không mua thứ gì đó đúng ý ông, lần đầu tiên trong đời em hét vào mặt ông ta, hòa lẫn cả đau khổ và giận dữ: “Ông là ai chứ? Ông thích đánh ai thì đánh, ông thích bậy bạ với ai thì bậy bạ!”

Mẹ em, lúc ấy đang đứng ngoài nhìn, hỏi em nói thế nghĩa là sao. Em vừa mở miệng, cha đã trừng mắt hăm dọa, “Đừng có nói linh tinh!”

Em đã chịu đựng đủ lắm rồi, nên em nói với mẹ toàn bộ sự thật. Em có thể thấy mẹ đau khổ tột cùng. Nhưng chỉ vài giờ sau, người mẹ “hiếu nhẽ” ấy bảo với em rằng, “Để cả nhà này yên ổn, con phải chịu đựng điều đó. Nếu không, tất cả chúng ta sẽ làm gì được đây?”

Hy vọng của em hoàn toàn sụp đổ. Chính mẹ đẻ của em đang thuyết phục em cam chịu để cho cha em, chính là chồng bà ấy lạm dụng - lẽ công bằng ở đâu trong chuyện này?

Đêm đó em sốt tới 40 độ. Em lại được đưa vào viện, rồi ở luôn tới tận bây giờ. Lần này em không cần phải làm gì để tự làm mình ốm nữa. Đơn giản là em suy sụp, vì trái tim em suy sụp. Em không hề có ý định quay trở lại cái nơi được gọi là nhà ấy nữa.

Ngọc Long thân, đó chính là lý do vì sao em không muốn gặp cha mình. Ông ta là loại cha gì chứ? Em vẫn im lặng là vì em trai và mẹ (dù bà ấy chẳng hề yêu thương em); không có em họ vẫn là một gia đình như trước.

Tại sao em vẽ con ruồi, và tại sao em lại vẽ nó đẹp đến thế?

Bởi vì em khao khát có một người mẹ và người cha thực sự. Một gia đình thực sự nơi em được là con, được khóc trong vòng tay mẹ cha; nơi em có thể an toàn ngủ trên giường trong nhà mình; nơi những bàn tay yêu thương sẽ vuốt ve mái đầu, an ủi em sau một giấc mơ đáng sợ. Từ thuở bé xíu, chưa bao giờ em cảm nhận được thứ tình yêu đó. Em hy vọng, em ao ước có được nó, nhưng em chưa bao giờ có được, và giờ thì sẽ chẳng bao giờ có được nữa, vì chúng ta chỉ có một cha một mẹ mà thôi.

Một con ruồi nhỏ đáng yêu từng một lần cho em thấy sự đụng chạm của những bàn tay yêu thương.

Ngọc Long thân, em không biết sẽ phải làm gì tiếp theo đây. Có lẽ em sẽ tới để tìm chị, và giúp đỡ chị bằng cách nào đó. Em có thể làm được nhiều việc, mà em cũng không ngại khó ngại khổ đâu, miễn là em được ngủ yên bình. Chị có ngại không nếu em tới? Hãy viết thư báo cho em biết nhé.

Em thực sự muốn biết dạo này chị ra sao. Chị vẫn ôn luyện tiếng Nga chứ? Chị có còn thuốc không? Lại sắp sang đông rồi, chị nhớ phải giữ gìn sức khỏe đấy.

Em mong chị hãy cho em cơ hội để hàn gắn và làm việc gì đó cho chị. Em không còn gia đình nào nữa, nhưng em hy vọng sẽ được trở thành em gái của chị.

Chúc chị vui khỏe!

Nhớ chị.

Hồng Tuyết, 23 tháng Tám 1975.»

Lá thư làm tôi bàng hoàng sâu sắc, và cảm thấy khó giữ được sự điềm tĩnh trong suốt buổi phát thanh tối hôm đó. Sau đó, nhiều thính giả đã gửi thư đến hỏi thăm xem có phải tôi bị ốm không.

Sau khi chương trình kết thúc, tôi gọi cho một người bạn để nhờ họ chạy qua nhà tôi xem con trai tôi và người giữ trẻ có ổn không. Rồi tôi ngồi lại trong phòng làm việc vắng tanh và xếp lại các mảnh giấy theo đúng trật tự. Kết quả là tôi đọc được nhật ký của Hồng Tuyết.

• 27 tháng Hai - Tuyết rơi dày đặc

Hôm nay mình thấy vui làm sao! Điều ước của mình đã thành sự thật lần nữa: Mình lại được vào viện! Lần này không khó lắm, nhưng mình đã chịu đựng quá nhiều rồi!

Mình không muốn nghĩ ngợi thêm chút nào nữa. “Mình là ai? Mình là cái gì?” Những câu hỏi đó thật vô dụng, giống như tất cả mọi thứ của mình: Đầu óc, tuổi trẻ, sự nhanh trí và những ngón tay lạnh lẽo. Giờ mình chỉ muốn có một giấc ngủ sâu, và dài.

Mình mong tối nay các bác sĩ và y tá sẽ lơ lửng một chút, không kiểm tra các phòng bệnh quá khẩn cấp theo lịch như mọi khi nữa.

Phòng bệnh này thật ấm áp, và dễ chịu biết bao để ngồi viết.

• 2 tháng Ba - Nắng

Tuyết tan nhanh thật. Sáng qua tuyết còn trắng xóa; hôm nay khi mình chạy ra ngoài, chút tuyết còn sót lại đã thành màu vàng ố, lem nhem như những ngón tay của bệnh nhân cùng phòng với mình, bà già Vương hút thuốc như ống khói.

Mình thích trời có tuyết rơi dày đặc. Bốn bề trắng xóa và sạch tinh; gió lùa theo những đường viền trên mặt tuyết, những chú chim lách chách để lại vết chân mảnh dẻ, và cả con người nữa, cũng vô tình để lại những dấu chân đẹp đẽ. Hôm qua mình đã lén ra ngoài mấy lần. Bác sĩ Lưu và cô y tá trưởng quở trách: “Cháu điên mất rồi, đang sốt cao thế mà lại chạy ra ngoài! Cháu định tự sát đấy phỏng?” Mình không để bụng những lời họ nói. Mình biết họ chỉ ác khẩu thể thôi, chứ họ cũng dễ mũi lòng lắm.

Tiếc là mình không có máy ảnh. Chụp được một bức ảnh khung cảnh đất trời ngập trong tuyết trắng thì hay biết mấy.

• 17 tháng Tư - Nắng rực rỡ (rồi sẽ có gió?)

Ở viện có thêm một bệnh nhân mới tên là Ngọc Long: Bệnh thấp khớp mãn tính khiến chị ấy phải nhập viện mỗi năm vài lần. Y tá Cao luôn tặc lưỡi thương cảm, tự hỏi không hiểu tại sao một cô gái xinh xắn, thông minh nhường ấy lại mắc phải căn bệnh khó chịu này.

Ngọc Long coi mình như cô em gái thân thiết. Khi ở đây, chị ấy luôn rủ mình ra chơi ở khuôn viên sân nhỏ bất cứ khi nào mình được phép ra khỏi phòng (bệnh nhân không được phép sang các phòng bệnh khác. Họ sợ bọn mình sẽ truyền bệnh cho nhau hoặc gây ảnh hưởng đến việc điều trị). Bọn mình chơi bóng chuyền, cầu lông hoặc cờ vua, và trò chuyện. Chị ấy chẳng bao giờ để mình cô đơn. Có món gì ngon hay trò gì vui là chị ấy lại chia cho mình hay rủ mình chơi cùng.

Một lý do khác nữa khiến mình quý Ngọc Long là vì chị ấy rất xinh. Hồi xưa mình nghe ai đó bảo rằng bạn bè sau một thời gian trông sẽ giống nhau. Chỉ cần xinh bằng nửa Ngọc Long thôi

là mình cũng đã thấy đủ lắm rồi. Không chỉ mình quý Ngọc Long, mọi người đều thế. Nếu chị ấy cần làm việc gì, mọi người đều sẵn lòng giúp một tay. Chị ấy cũng có được sự ủng hộ đặc biệt mà những người khác không có được. Chẳng hạn, khăn trải giường của Ngọc Long được thay hai lần mỗi tuần chứ không phải một, chị ấy được phép tiếp khách trong phòng, và chị ấy không bao giờ phải chờ được y tá chú ý đến. Các y tá nam luôn tìm lý do để qua lại phòng chị ấy. Mình chắc là Ngọc Long cũng được ăn đồ ngon hơn.

Mình thực sự ghen với chị ấy - như bà già Vương nói, nhìn mặt cũng đủ thấy số chị ấy sướng. Tuy vậy, bà Vương không thích Ngọc Long. Bà bảo chị ấy giống như con hồ ly tinh hay mê hoặc khiến đàn ông phải chết trong truyền thuyết.

Mình bí mật trở dậy để viết, nhưng bác sĩ Du bắt gặp mình trong phiên đi kiểm tra ban đêm của cô. Bác sĩ hỏi mình có đói không, và mời mình bữa ăn đêm nhẹ. Cô ấy bảo ăn no sẽ giúp mình ngủ được.

Trong phòng trực, y tá Cao bật lò sưởi lên và bắt đầu nấu mì với hành tươi phi giòn. Đột nhiên mất điện, nguồn ánh sáng duy nhất là từ cái bếp. Bác sĩ Du vội vã cầm đèn pin đi kiểm tra bệnh nhân. Y tá Cao tiếp tục nấu mì. Có vẻ như cô đã quen làm việc trong bóng tối, và rất nhanh, mùi hành phi thơm nức cả căn phòng. Y tá Cao tốt bụng biết mình thích ăn hành phi giòn, nên đã múc hai thìa đầy bỏ riêng ra cho mình. Lát sau có điện trở lại và bác sĩ Du quay về rồi cả ba cùng ngồi xuống ăn. Trong khi mình đang nhắm nháp nốt thìa hành thứ hai, mình bảo bác sĩ Du là cô y tá Cao đã chiều hư mình biết mấy khi lấy riêng hành ra cho mình.

Đột nhiên, bác sĩ Du hẩy cái thìa của mình đi và hỏi gấp gáp: “Cháu đã nuốt chút nào chưa đấy?”

Mình gạt đầu, không hiểu gì cả: “Đây là thìa thứ hai.”

Y tá Cao cũng ngạc nhiên. “Có chuyện gì sao? Sao chị làm bọn em sợ vậy?”

Bác sĩ Du lo lắng chỉ vào đám hành vương vãi trên sàn nhà. Giữa đám hành lá là vô số xác ruồi, bị đốt cháy xoắn tít. Lũ ruồi đã bị hơi ấm và ánh sáng của cái bếp lò thu hút ra khỏi nơi ẩn náu. Bị cái rét mùa đông làm cho đuối sức, chúng rơi vào trong nồi. Trong bóng tối, không ai nhận ra điều đó.

Bác sĩ Du và y tá Cao nhanh chóng tìm thuốc. Mỗi người họ uống hai viên còn mình uống bốn viên. Uống với dung dịch đường glucô. Món mì thơm ngào ngạt, bị đổ hết vào nhà vệ sinh. Họ cố trấn an mình rằng sẽ không bị đau bụng.

Trong đầu mình toàn hình ảnh lũ ruồi mình đã nuốt vào bụng ấy. Mình có nhai gãy xương và nghiền nát thân thể chúng không? Hay là mình đã nuốt chứng chúng rồi? Có trời mới biết! Nhưng mình đã viết một câu chuyện hài hước!

• 21 tháng Tư - Mưa lất phất

Mình quyết định sẽ giữ một chú ruồi con làm vật nuôi.

Chủ nhật trước mình không phải truyền dịch, nên mình được ngủ ngon cho tới khi bị cảm giác buồn buồn, nhồn nhột trên da đánh thức. Mắt nhắm mắt mở, mình cảm thấy ngại nhúc nhích, bèn nằm đó đoán xem cảm giác ấy là do đâu. Dù là cái gì thì nó vẫn cứ ở đó, bò lên bò xuống chân mình, nhưng nó không quấy rầy hay làm mình sợ chút nào. Mình cảm giác như có một đôi bàn tay bé tí xúu đang nhẹ nhàng ve vuốt mình. Mình thấy biết ơn đôi bàn tay tí hon đó, và muốn biết nó thuộc về ai. Mình mở mắt ra và nhìn.

Một con ruồi! Thật kinh khủng làm sao! Ruồi dính đầy rác rưởi và vi trùng!

Nhưng chưa bao giờ mình biết rằng chân của một con ruồi lại mang đến cảm giác mềm mại

và dịu dàng đến thế, dù chúng rất bẩn. Trong vài ngày, mình chờ đợi “những bàn tay tí hon” đó, nhưng chúng không trở lại.

Trong lúc chụp X-quang sau khi uống chất cản tia X sáng hôm đó, đột nhiên mình nhớ lại cái lần mình tới phòng nghiên cứu mẫu vật ở bệnh viện, và những con vật nhỏ các bác sĩ nuôi để làm thí nghiệm y học. Mình có thể nuôi một chú ruồi sạch sẽ! Đúng thế, mình sẽ tìm một chú ruồi con và nuôi trong màn.

• 25 tháng Tư - u ám

Thật khó kiếm nổi một chú ruồi con. Xung quanh toàn ruồi to, vo ve khắp nơi, đậu vào những chỗ bẩn thỉu nhất, hôi thối nhất, nhưng mình không dám đụng vào chúng. Mình thực sự muốn hỏi ý kiến của bác sĩ Chung; chú ấy là chuyên gia sinh vật học, và chắc chắn sẽ biết phải tìm ruồi con ở đâu. Nhưng mình mà hỏi không khéo chú ấy lại tưởng mình ầm đầu mất.

• Tháng Năm - Nắng lên

Mình mệt quá, mệt lắm lắm.

Hai ngày trước, cuối cùng mình cũng tóm được một chú ruồi con. Nó nhỏ xíu. Nó đang vật vờ trong cái mạng nhện trên cây táo nhỏ trong đám bụi cây sau căng tin. Mình gói cả cái mạng nhện lẫn chú ruồi trong cái túi gạc làm bằng khẩu trang rồi đem về phòng. Khi đi qua phòng điều trị, y tá Trương hỏi mình vừa bắt được cái gì đấy. Mình thốt ra thứ đầu tiên xuất hiện trong đầu, rằng đó là một con bướm, rồi chạy nhanh về phòng và chui tọt vào màn. Vừa chui vào bên trong, mình liền từ từ mở chiếc túi ra. Lạ thay, sợi gạc đã khiến cái mạng nhện không dính vào nhau nữa, và chú ruồi con có thể di chuyển tự do trong đó. Mình nghĩ hẳn là nó phải mệt và đói lắm sau khi bị dính vào cái mạng nhện bao nhiêu lâu, nên mình chạy vù vào phòng trực, lấy trộm một mẫu gạc nhỏ, đổ nước đường glucô lên đó. Rồi mình chạy vào bếp lấy một mẫu thịt trong chiếc chậu đựng thức ăn thừa. Khi mình trở về màn, chú ruồi con có vẻ như không động đậy nữa, đôi cánh tí hon của nó vẫy vẫy yếu ớt; trông nó có vẻ mệt mỏi và đói. Mình đặt mẫu thịt xuống lớp gạc tấm đường, rồi nhẹ nhẹ đẩy nó lại gần chú ruồi con. Vừa lúc ấy mình nghe thấy tiếng xe đẩy chở thuốc. Đã đến giờ trị liệu buổi chiều. Mình phải tìm thứ gì đó để giấu chú ruồi đi, không thể để người khác phát hiện ra nó được. Mình thích sưu tập những chai hộp nhỏ, nên dễ dàng tìm được một cái hộp với cái nắp nhựa trong để cho chú ruồi và “cái tổ” bằng gạc của nó vào. Mình vừa làm xong thì y tá Trương đẩy chiếc xe vào phòng.

Chú ấy bảo, “Thế con bướm của cháu sao rồi? Cho chú xem nó có đẹp không nào?”

“Cháu... cháu thấy nó cũng không đẹp lắm, nên cháu thả nó đi rồi,” mình lắp bắp nói dối.

“Không sao, lần sau chú sẽ bắt cho cháu một con đẹp,” chú ấy an ủi.

Mình nói cảm ơn chú, nhưng chỉ mong chú làm nhanh nhanh lên rồi đi. Mình thấy lo cho ruồi con bé bỏng.

Nuôi một chú ruồi con khó hơn nhiều so với nuôi mèo con. Mọi người đều thích mèo con, nên nếu có một con, nhiều người sẽ giúp bạn. Nhưng chẳng ai thích ruồi cả. Mình sợ ai đó sẽ giết nó mất, hoặc nó sẽ trốn đi. Mấy hôm nay, mình không dám ra ngoài tập thể dục vì sợ nhớ có chuyện gì xảy ra với ruồi con. Tối đến mình ngủ không yên vì lo các bác sĩ và y tá sẽ đuổi ruồi con đi. Mình lắng nghe tiếng bước chân của họ, và thò tay ra khỏi màn trước khi họ bước vào, để họ có thể bắt mạch và đo nhiệt độ của mình mà không cần vén màn lên. Ngày nào cũng vậy, suốt mấy hôm. Mình thực sự rất mệt.

Tuy vậy, như thế này vẫn còn tốt chán so với ngủ ở nhà. Hơn nữa, giờ thì ruồi con của mình trông đã khá hơn nhiều rồi. Nó lớn chậm lắm, hầu như không to hơn là mấy. Nhưng thế cũng

được, mình không thích mấy con ruồi to đầu xanh lét chút nào. Ruồi con lúc nào cũng đậu vào người mình: Mình thích cái cảm giác êm dịu, đôi lúc buồn buồn trên da. Mình cũng thích lắm khi nó nghịch chơi trên má mình, nhưng không khi nào mình để nó thơm môi mình cả.

• Tháng Năm - Nắng

Mấy ngày nay mình chưa phải truyền lần nào. Bác sĩ Chung bảo họ sẽ giữ mình lại thêm mấy ngày để theo dõi thêm, và điều trị theo phương pháp mới. Mình không bận tâm họ sẽ làm gì, miễn là được ở lại đây mà không phải về nhà.

Chú ruồi con của mình thật tuyệt.

Mình vừa làm cho nó một cái nhà, ở trong đó nó được an toàn và di chuyển thoải mái: Đó là một cái vỏ bọc bằng gạc, loại dùng đây tiêm thức ăn trong căng tin. Bác bếp trưởng cho mình vì mình bảo mình phải truyền dịch hàng ngày, không thể ăn đúng giờ và muốn có cái gì để ngăn ruồi bọ đậu vào thức ăn. Bác bếp trưởng tốt bụng thật. Bác ấy đồng ý ngay, thậm chí còn khâu một chiếc túi nhỏ bằng gạc dành riêng cho mình để bọc bát đĩa cho sạch sẽ. Vì thế chú ruồi con của mình có một ngôi nhà riêng đặc biệt, nhưng quan trọng nhất là ở đây nó rất an toàn. Chẳng ai ngờ rằng có một chú ruồi trong một cái túi chống ruồi cả. Hơn nữa mình cũng không còn phải chạy vào căng tin lấy thức ăn cho nó nữa: Nó có thể cùng ăn cơm và rau với mình.

Mình có thể ngủ ngon trở lại rồi.

Hôm nay trời nắng đẹp. Mình cho ruồi con vào trong ngôi nhà của nó ở dưới chân giường, và mượn bà già Vương cái kính phóng đại để xem nó ăn đường.

Chú ruồi trông như một ông già nhỏ xíu dưới kính lúp, khắp người nó toàn lông lá! Trông nó kinh quá, mình phải bỏ cái kính xuống ngay tức khắc. Mình không muốn nó trông xấu xí như thế. Nhìn bằng mắt thường thì nó lúc nào cũng đáng yêu: Thân mình nhỏ xíu, chẳng thể đoán chắc là nó màu xám, nâu hay đen (có lẽ còn có hoa văn nữa); đôi cánh của nó lấp lánh dưới ánh nắng như hai viên kim cương bé tí; những cái chân của nó mảnh đến mức làm mình nghĩ tới chân của các vũ công; mắt của nó trông như hai quả cầu thủy tinh nhỏ. Mình chưa bao giờ thấy được con người của nó; cứ như thể nó chẳng bao giờ nhìn cái gì cả.

Chú ruồi con của mình trông thực sự ngộ nghĩnh trên miếng gạc tẩm đường: mấy cái chân trước của nó lúc nào cũng huơ huơ lên, tiến tiến lui lui, xoa xoa vào nhau, cứ như người ta rửa tay vậy.

• Tháng Sáu - Nhiều mây, sau lại quang đãng

Mấy ngày gần đây mình thấy người rất oải, nhưng khi kiểm tra hàng ngày, mình lại không bị sốt cao, và huyết áp cũng không thấp lắm. Hôm nay, khi chơi cầu lông với chị Ngọc Long, mình hầu như chẳng nhìn thấy quả cầu đâu; có một lần, suýt nữa mình sụm xuống khi cố đỡ quả phát cầu của chị ấy. Mắt mình mờ đi, mọi vật cứ nhòe nhoẹt. May thay, hôm nay là phiên trực của bác sĩ Chung. Khi mình kể với chú ấy về tình trạng này, chú ấy bảo mình nên quay lại bệnh viện trung tâm để thử máu.

Thôi, mình sẽ không viết gì nữa vậy. Mình nhìn một hóa hai rồi.

Mình cũng không thể thấy ruồi con rõ ràng được nữa. Nó quá nhỏ bé. Hôm nay, mình nhìn như có hai chú ruồi con vậy.

Y tá Trương bảo hôm nay chú ấy sẽ cho mình một thứ gì đó đẹp lắm, nhưng bây giờ mình sắp đi ngủ mà chú ấy vẫn chưa đến. Chú ấy hẳn đang trêu mình đây. Hôm nay mình sẽ không viết gì cả, mình buồn ngủ díp cả mắt rồi. Chúc ngủ ngon, nhật ký thân yêu.

• Tháng Sáu - ?

Mình mới chỉ vừa ngừng khóc. Không ai biết tại sao mình khóc, các bác sĩ, y tá và những bệnh nhân khác đều nghĩ là mình sợ chết. Thực ra là mình không sợ chết. Bà già Vương bảo, “Sống và chết chỉ cách nhau một đường tơ.” Mình nghĩ điều đó hẳn là đúng. Chết chắc là chỉ giống như ngủ; mình thích ngủ thiếp đi rồi rời xa thế giới này. Hơn nữa, nếu mình chết đi, mình sẽ không còn phải lo bị trả về nhà nữa. Mình mới mười bảy, nhưng mình nghĩ chết ở tuổi này là được rồi. Mình sẽ mãi mãi là một thiếu nữ, và không bao giờ trở thành bà già như bà già Vương, mặt hằn sâu những nếp nhăn.

Mình khóc bởi vì ruồi con của mình đã chết.

Tối hôm kia, mình vừa mới viết được vài dòng nhật ký thì bỗng cảm thấy sây sẩm mặt mày đến mức không viết nổi nữa. Mình trở dậy ra nhà vệ sinh, rồi, khi chuẩn bị quay về giường, mình thấy một cặp mắt ma quái nhìn chằm chằm vào mình từ chỗ đầu giường. Mình sợ quá thét lên rồi ngất xỉu.

Bác sĩ Lưu bảo mình mê sảng mất nửa ngày, lúc nào miệng cũng la hét về ruồi, ma quỷ và những cặp mắt. Bà già Vương kể với tất cả các bệnh nhân cùng phòng rằng mình bị ma ám, nhưng cô y tá trưởng đã bảo bà ấy đừng có nói linh tính.

Bác sĩ Chung biết nguyên nhân khiến mình ngất xỉu, và chú ấy đã mắng y tá Trương thậm tệ vì chuyện đó. Y tá Trương đã mất mấy tiếng đồng hồ để đi tìm bắt một con bướm hoa to dùng làm quà cho mình. Chú ấy cài con bướm vào đầu giường, hy vọng sẽ làm mình ngạc nhiên thích thú, chứ chẳng bao giờ nghĩ rằng mình lại bị nhát đến mức hồn xiêu phách lạc đến thế.

Trong lúc mê sảng, mình không chăm sóc cho ruồi con được. Khi ấy, có người đã đặt đồ lên chiếc bàn cạnh giường để bọ ruồi con trong chiếc túi gạc. Phải khó khăn lắm mình mới tìm ra nó, nhưng thân thể tí hon của nó đã khô xác ra rồi.

Tội nghiệp ruồi con, nó đã chết trước khi kịp lớn.

Mình nhẹ nhàng đặt ruồi con vào một cái hộp diêm để dành từ lâu. Mình đã lôi ra một mẩu bông trắng trong lõi chèn và lót dưới đáy hộp. Mình muốn ruồi con được ngủ êm ái một chút.

Ngày mai, mình sẽ chôn ruồi con trên đồi cây phía sau bệnh viện. Có ít người đến, nên nơi ấy rất thanh bình.

• Tháng Sáu - Trời u ám, sau nhiều mây

Sáng nay trời sầm sì và u ám. Phòng bệnh cũng một màu xám xịt; trông mọi vật y như tâm trạng của mình. Lúc nào mình cũng chực khóc, và luôn nghĩ tới ruồi con, nó không bao giờ chơi đùa với mình được nữa.

Bác sĩ Chung bảo lượng bạch cầu của mình quá thấp, và đó là lý do mình thấy người uể oải. Kể từ hôm nay mỗi lần mình phải truyền tới ba chai thuốc mới; mỗi chai 500ml phải mất hai giờ truyền, ba chai mất gần sáu giờ. Nằm ở đây một mình, đếm từng giọt thuốc thật khó quá. Mình sẽ nhớ ruồi con.

Buổi trưa, trời hưng hửng nắng, nhưng mặt trời vẫn lẩn khuất sau đám mây. Không biết có phải nó đang nghịch ngợm mà chơi trò trốn tìm hay không nữa, hay là do nó quá ốm hoặc lười biếng đến mức không chịu chiếu sáng. Hay phải chăng nó cũng đang đau buồn vì ruồi con, và âm thầm than khóc?

Mãi tận sau bữa chiều mình mới truyền xong, nhưng chẳng thấy đói lắm. Mình muốn chôn cất ruồi con của mình khi trời vẫn còn sáng.

Mình gói hộp diêm vào chiếc khăn tay yêu thích và đi vòng xa ra để tránh khỏi phòng trực,

lên ra khỏi bệnh viện chạy vào rừng cây nhỏ trên đồi. Mình chọn được một chỗ bên một cạnh tảng đá mà đứng dưới chân đồi cũng nhìn thấy được, định sẽ chôn cất ruồi con ở đó. Mình muốn dùng tảng đá làm bia mộ, như thế mình có thể dễ dàng nhìn thấy nó từ cửa sau bệnh viện. Nền đất rất cứng - dùng tay đào không ăn thua. Mình thử dùng một cành cây con nhưng vẫn rất chặt vật, nên mình quyết định tìm một cành cây to hơn. Mình để chiếc hộp lên tảng đá, và trèo lên cao hơn tìm kiếm.

Đột nhiên, mình nghe thấy ai đó thở dốc và một tiếng rên rỉ lạ lùng. Ngay sau đó, mình nhìn thấy một đôi nam nữ đang cuộn tròn lấy nhau trên đám cỏ trong rừng. Mình không nhìn rõ lắm, nhưng có vẻ như họ đang vật lộn. Tiếng thở nghe như những vùng vẫy cuối cùng của một người sắp chết vậy.

Mình bắt đầu run lên vì sợ. Mình không biết phải làm gì nữa: mình từng thấy cảnh như thế này trong phim, nhưng chưa bao giờ trong đời thực cả. Mình biết mình rất yếu, và chẳng đủ sức giúp người phụ nữ kia, nói gì tới chuyện ngăn cản người đàn ông đó. Mình nghĩ tốt hơn là nên đi gọi người giúp. Mình vội vàng chộp lấy cái hộp diêm - không thể để ruồi con của mình ở lại đây một mình được - và chạy về bệnh viện.

Người đầu tiên mình gặp khi xuống tới chân đồi là cô y tá trưởng, cô ấy đang tìm mình ở chỗ cổng bệnh viện: mình quá mệt, thở hổn hển nên chẳng nói thành lời, nhưng mình rồi rít chỉ về phía ngọn đồi. Bác sĩ Chung vừa xong ca trực và rời bệnh viện, liền chạy tới hỏi có chuyện gì.

Mình không biết phải nói thế nào cho họ hiểu. “Cháu nghĩ là có người sắp chết!”

Bác sĩ Chung vội chạy lên đồi còn cô y tá trưởng thì cho mình thở oxy. Mình mệt đến độ ngất luôn lúc ấy.

Khi tỉnh dậy, mình tới phòng trực. Mình muốn biết liệu người phụ nữ trong rừng đó có được cứu không, và cô ấy thế nào rồi.

Thật lạ, cô Cao, y tá trực, không nói với mình gì cả. Cô chỉ vỗ vỗ vào đầu mình và nói, “Ồi, cháu thật là...!”

“Cháu làm sao cơ ạ?” Mình thấy thật bối rối. Mình vẫn chẳng hiểu nổi có chuyện gì xảy ra.

• Tháng Sáu - Nắng

Mình vừa tìm được một chỗ an toàn cho ruồi con: chiều nay có cô y tá cho mình một hộp đựng sôcôla rượu mùi. Mình khoái sôcôla rượu mùi lắm: mình thích dùng kim chọc hai cái lỗ trên vỏ sôcôla, rồi mút rượu mùi trong đó (không mút được nếu chỉ có một lỗ). Hôm nay, trong khi mình đang làm vậy, đột nhiên mình nảy ra một ý tưởng mới mẻ. Mình có thể đặt ruồi con vào một vỏ sôcôla rượu mùi rỗng, rồi cho vào tủ lạnh trong phòng trực (cô y tá trưởng bảo mình có thể cất thức ăn ở đó mà). Và thế là mình đặt ruồi con vào một vỏ sôcôla, chắc chắn là nó thích ăn lắm. Như thế, mình cũng có thể thăm nó thường xuyên.

Mình thật là thông minh, phải không? Đúng rồi! Ít ra là mình thấy vậy.

• 23 tháng Sáu - Nóng và gió

Ngọc Long sẽ bị buộc ra viện vào ngày mai - mình không muốn chị ấy đi. Đương nhiên, ra viện thì tốt cho chị ấy.

Mình nên tặng Ngọc Long cái gì làm quà chia tay đây?

• 24 tháng Sáu - Nóng và ẩm

Ngọc Long đi rồi - mình không đi tiễn được vì đang phải truyền dịch. Ngay trước khi đi chị ấy xin phép tới phòng mình chia tay. Chị ấy dịu dàng vuốt ve bàn tay đang tua tua kim châm cứu

của mình, và nói với mình thật tình cảm. Chị ấy bảo mình đừng rửa tay bằng nước lạnh mà hãy ngâm trong nước nóng, để mạch máu liền lại nhanh hơn.

Ngọc Long còn tặng mình một đôi găng tay chị ấy đã đan riêng cho mình. Lúc đầu chị ấy định để dành khi mùa đông tới mới tặng mình cơ. Chị ấy đi quanh phòng mình nhìn ngắm, xếp lại các thiết bị y tế, và khen mình biết giữ đồ sạch sẽ ngăn nắp.

Mình hỏi chị ấy có biết chuyện gì xảy ra với người phụ nữ trên đồi không. Ngọc Long không biết mình nói về chuyện gì nên mình kể lại cho chị ấy nghe chuyện mình thấy. Chị ấy im lặng và mắt ngân ngấn nước.

Mình tặng Ngọc Long bức tranh mình vẽ một chú ruồi con xinh xắn, mình đã đóng khung nó bằng miếng cao su cũ, giấy bóng kính và bìa cứng. Ngọc Long bảo chị ấy chưa bao giờ nhìn thấy hình vẽ con ruồi nào đẹp như thế, chị ấy cũng khen cái khung của mình rất độc đáo.

Mình chúc Ngọc Long lên đường may mắn, nhưng vẫn thầm mong chị ấy sẽ trở lại viện sớm để bầu bạn với mình.

• 16 tháng Bảy - Mưa

Mình chưa bao giờ, không bao giờ tưởng tượng nổi rằng chính mình là người đã phá hoại cuộc đời của Ngọc Long.

Hôm nay mình nhận được một lá thư Ngọc Long gửi từ làng chị ấy:

Hồng Tuyết thân!

Em vẫn khỏe chứ? Em có còn phải truyền dịch nữa không? Gia đình em không thể chăm sóc cho em, nên em phải tự học cách chăm sóc lấy bản thân mình nhé. Cũng may là các bác sĩ và y tá ở bệnh viện đều yêu mến em, các bệnh nhân khác cũng thế. Tất cả mọi người đều mong em sớm được về nơi mà lẽ ra em nên ở, giữa người thân và bạn bè của em.

Chị đã bị đuổi khỏi học viện quân sự và áp giải trở về làng: mọi người trong làng đều bảo chị đã làm tiêu tan mọi hy vọng của họ.

Chị chưa kể với em rằng chị mồ côi. Cha mẹ chị nối nhau qua đời - người thì vì bệnh tật người thì có lẽ là chết đói - không lâu lắm sau khi chị được sinh ra. Dân làng thương chị cô cút nên thay nhau cưu mang chị. Chị ăn nhờ, mặc nhờ thức ăn, quần áo của hàng trăm gia đình. Làng chị nghèo lắm. Dân làng để con họ nhin ăn nhin mặc để đưa chị tới trường: chị là đứa con gái đầu tiên trong làng được đi học. Bốn năm trước, học viện quân sự tới quê chị để tuyển tân sinh viên từ nông dân và công nhân. Bí thư Đảng bộ quê chị đã cùng chị đi ròng rã suốt đêm tới doanh trại quân đội trên huyện để xin các lãnh đạo nhận chị. Ông ấy nói đây là mong mỏi tha thiết nhất của mọi người trong làng. Các lãnh đạo nêu chuyện của chị với các cộng sự, và cuối cùng chị đã được đặc cách tham dự khóa huấn luyện thực tế, và sau đó là vào học viện quân sự.

Ở học viện, chị học tiếng Nga và Thông tin liên lạc trong Quân đội, hầu hết các bạn cùng lớp đều từ nông thôn ra. Vì yêu cầu quan trọng nhất để được nhận vào là phải có lý lịch chính trị trong sạch, nên có hàng loạt khác biệt về trình độ học vấn. Chị là học sinh khá nhất lớp vì chị đã từng được học một năm sơ trung. Thêm vào đó, có vẻ như chị còn có khiếu ngoại ngữ nữa, vì điểm tiếng Nga của chị luôn rất cao. Các giáo viên trong khoa đều bảo chị có tố chất của một nhà ngoại giao, hoặc ít nhất là chị sẽ không khó khăn gì để trở thành một thông dịch viên. Chị học rất chăm, và không khi nào ngừng học vì bệnh thấp khớp mà chị mắc từ nhỏ. Chị muốn đáp lại lòng tốt của dân làng đã nuôi chị khôn lớn.

Hồng Tuyết ạ, một năm trước, chị đã không thể trốn tránh thực tế rằng chị đã lớn, và chị khổ sở lắm khi nhận thức được là mình đã trở thành một người phụ nữ trưởng thành. Giờ thì em

chưa hiểu nổi, nhưng vài năm nữa em sẽ hiểu thôi.

Em gái, chị chính là người phụ nữ em muốn “cứu” trên ngọn đồi đằng sau bệnh viện đó. Chị không bị xâm hại, chị cùng với người yêu...

Bác sĩ Chung và mấy người khác đã đưa bọn chị về Phòng Kỷ Luật Quân đội. Người yêu chị bị nhốt lại tra hỏi, rồi chị bị gửi trả lại bệnh viện quản thúc vì chị cần phải chữa bệnh. Đêm đó, người yêu chị, một người rất tự trọng, đã tự sát. Hôm sau, các cán bộ Phòng Kỷ Luật Quân đội, Cục Công An - và các cơ quan khác nữa, có lẽ vậy - tới bệnh viện để điều tra. Họ bảo chị đã cung cấp cho người yêu chị “phương tiện để phạm tội với Đảng và những người khác mãi mãi bằng cách tự giết mình” (họ bảo tự sát là phạm tội). Chị không chịu nói là đã bị cưỡng bức mà chỉ thề sống chết mãi mãi yêu anh ấy.

Cái giá chị phải trả cho tình yêu của mình là bị trả về ngôi làng nghèo khó này để làm nông dân. Giờ đây, dân làng đều xa lánh chị, chị không biết liệu có còn chốn nào cho chị ở đây nữa không.

Người yêu chị là một người tốt, chị yêu anh ấy nhiều lắm.

Chị không viết thư để trách móc em dù chỉ là chút xíu. Chị biết em vẫn còn nhỏ, em chỉ cố cứu người vì lòng tốt mà thôi. Hứa với chị là đừng buồn khổ vì chuyện này nhé. Nếu không, cái giá chị phải trả sẽ còn cao hơn nữa đấy.

Cuối cùng, em gái à, em đã chuẩn bị tinh thần để trả lời những câu hỏi này chưa:

— Sao em lại không muốn gặp lại cha mình?

— Điều gì khiến em nghĩ tới chuyện vẽ một con ruồi, và tại sao em lại vẽ nó đẹp thế?

Chị mong em vui vẻ và chóng khỏe.

Nhớ em!

Ngọc Long

Bên ngọn nến, đêm, 30 tháng Sáu 1975.

Giờ mình đã hiểu vì sao dạo này nhiều người cứ lảng tránh mình. Họ đều biết kết cục bi thảm của Ngọc Long, và mình chính là thủ phạm, kẻ gây ra nỗi bất hạnh của chị ấy.

Ngọc Long, em đã gây ra cho chị một chuyện không thể cứu vãn được rồi.

Ai có thể tha thứ cho em đây?

• 30 tháng Bảy - Oi bức trước cơn bão

Mình không ra ngoài mấy suốt vài ngày liền. Mình không muốn gặp ai. Mọi lời lẽ trong thư của Ngọc Long đã khắc sâu vào trí não mình. Những câu hỏi của chị ấy cứ bám riết không buông.

Sao em không muốn gặp cha mình?

Điều gì khiến em nghĩ tới chuyện vẽ một con ruồi, và tại sao em lại vẽ nó đẹp thế?

Để trả lời Ngọc Long, mình phải nhớ lại, và trở về địa ngục. Nhưng chính mình cũng đã đẩy Ngọc Long xuống địa ngục rồi còn gì. Thế cho nên mình phải chấp nhận chuyến hành trình đó thôi. Mình không thể từ chối chị ấy được.

Ruồi con vẫn ngủ trong lòng thổi sôcôla nhân rượu mùi; không gì còn có thể quấy rầy nó nữa, Hôm nay, khi tới thăm nó, mình đã rất ghen tỵ.

• 8 tháng Tám - Nóng

Nửa cuối tháng này, trời cứ nóng và ẩm suốt. Chẳng hiểu cái gì đang kéo đến trên trời kia mà

khiến con người dưới này cứ vã mồ hôi như tắm thế không biết.

Minh cần phải can đảm lên, can đảm để nhớ lại. Minh cần phải mạnh mẽ, và mình cần sức mạnh ý chí.

Vất vả lội ngược dòng ký ức, nỗi đau cứ dính lấy như bùn lầy; lòng căm ghét, vốn đã phai dần trong màu trắng của thế giới toàn bệnh tật này, đột nhiên ào về như thác lũ.

Minh muốn viết thư trả lời Ngọc Long, nhưng không biết phải bắt đầu từ đâu. Minh không biết phải trả lời chị ấy thế nào cho rõ ràng mạch lạc cả. Chỉ biết đó hẳn phải là một lá thư rất dài.

Ba ngày nay, mình không dám ghé qua thăm ruồi con. Trong mơ mình thấy nó bảo... ôi, trời nóng quá đi mất!

• 18 tháng Tám - Mát mẻ

Cuối cùng thì trời cũng đã trút được cảm xúc của mình. Bầu trời mùa thu cao vút và không khí vừa trong lành vừa tinh khôi. Mọi người đều có vẻ như vừa trút được một tiếng thở dài nhẹ nhõm, và tổng khứ sự ảm đạm của bao ngày qua. Các bệnh nhân, bị ngột ngạt trong bệnh viện, sợ cái nóng, giờ đều tìm có để đi ra ngoài.

Minh không muốn đi đâu cả. Minh phải viết thư cho Ngọc Long. Sáng nay mình đã cho ruồi con vào trong hộp diêm rồi đi tản bộ nửa tiếng. Nhưng vì sợ thổi socola bị chảy ra và làm đau ruồi con, nên mình phải trả nó về tủ lạnh càng sớm càng tốt.

Hôm qua, bác sĩ Chung cảnh cáo mình khi chú ấy đi kiểm tra trong phiên trực. Chú bảo rằng mặc dù kết quả xét nghiệm máu cho thấy bệnh thiếu máu của mình không trầm trọng lắm, nhưng máu của mình vẫn không phải là bình thường do sốt cao tái diễn liên tục cũng như tác dụng phụ của thuốc. Nếu mình không an dưỡng đúng cách, rất có thể mình sẽ bị nhiễm trùng máu. Y tá Cao dọa mình rằng nhiễm trùng máu là chết. Cô ấy cũng chỉ ra rằng sau mười tiếng đồng hồ truyền dịch, mình không nên ngồi vào bàn viết mà không nghỉ ngơi hay tập thể dục gì cả. Y tá Trương thì nghĩ mình viết một bài khác cho Quân Đội Nhân Dân Tự Do hay tạp chí Thanh Niên Trung Quốc và hào hứng hỏi mình đang viết gì. Minh đã có vài bài được đăng và chắc có lẽ y tá Trương là độc giả nhiệt thành nhất của mình.

• Tháng Tám - Nắng

Hôm nay mình gửi thư chuyển phát có ký nhận cho Ngọc Long. Lá thư rất dày nên mình đã phải tiêu nhãn số tiền nhuận bút của một trong những bài viết được đăng trước đó để trả bưu phí.

Trước đây, mình thường mơ rằng nỗi đau của mình bằng cách nào đó có thể bị xóa bỏ, nhưng mình có thể xóa bỏ được cuộc đời mình không? Mình có thể xóa bỏ được quá khứ và tương lai của mình không?

Minh thường soi mặt mình rất kỹ trong gương. Trông nó có vẻ trơn láng vì sức trẻ, nhưng mình biết nó đã có vết hằn bởi những điều mình phải trải qua: lơ là trang điểm, nên hai nếp hằn thường xuyên xuất hiện, đó là dấu hiệu của nỗi sợ hãi mà mình cảm thấy đêm ngày. Mắt mình không có chút láng ướt hay vẻ xinh đẹp của một cô gái trẻ, trong đáy sâu của nó là một trái tim đang vật vã. Đôi môi thâm khao khát cháy bỏng được cảm nhận mặt đất; đôi tai, bị yếu đi vì phải luôn luôn cảnh giác, đã không thể mang dù chỉ là một đôi gọng kính; tóc xác xơ vì lo âu, trong khi lẽ ra nó phải bóng loáng khỏe mạnh.

Đó có phải là gương mặt của một cô bé mười bảy?

Vậy chính xác thì đàn bà là gì? Liệu có nên xếp đàn ông vào cùng loại với đàn bà không? Tại

sao họ lại khác nhau đến thế?

Sách vở phim ảnh hay nói làm đàn bà thì tốt hơn, nhưng mình không tin được. Chưa bao giờ mình thấy điều đó đúng, không bao giờ.

Sao con ruồi to vào đây vo ve cả buổi chiều này cứ đậu trên bức tranh mình vừa vẽ thế? Liệu nó biết ruồi con trong tranh không nhỉ? Mình xù đuổi nó đi nhưng nó chẳng sợ gì cả. Thay vào đó, mình lại sợ - nhớ đây là mẹ ruồi con thì sao?

Thật nghiêm trọng - mình phải...

• **Tháng Tám - Nắng**

Hôm qua lúc đèn tắt mình chưa viết xong.

Hôm nay con ruồi to đó vẫn ở trong phòng mình. Nó rất khôn. Mỗi khi có ai vào, nó lại trốn mất, mình chẳng biết ở đâu. Ngay khi bốn bề vắng lặng nó lại đậu vào bức tranh hoặc vo ve quanh mình. Mình không biết nó đang làm gì cả. Mình có cảm giác hình như nó không muốn rời xa mình.

Buổi chiều, bác sĩ Chung bảo nếu tình trạng của mình ổn định thì chứng tỏ việc điều trị có hiệu quả, và mình sẽ được cho ra viện về nhà dùng thuốc để hồi phục sức khỏe. Y tá trưởng bảo họ sẽ thiếu nhiều giường bệnh khi mùa thu tới, cho nên những bệnh nhân mắc bệnh mãn tính đều sẽ rời viện.

Về nhà ư? Thật kinh khủng! Mình phải nghĩ cách để ở lại.

• **Tháng Tám - Âm u**

Mình gần như thức trắng đêm. Mình nghĩ tới nhiều cách, nhưng tất cả đều không thể thực hiện được. Làm sao bây giờ?

Có lẽ cách nhanh nhất là làm cho mình nhiễm bệnh, nhưng những phòng bệnh truyền nhiễm đều bị cách ly hết sức nghiêm ngặt.

Hôm nay đầu mình rối bời nghĩ đủ cách để ở lại đến mức mình bước hụt một bậc ở cầu thang căng tin. Một chân dẫm vào không khí và mình ngã chống gối. Đùi mình thâm một vết to tướng còn cánh tay rách một vết sâu. Khi giao ca, bác sĩ Du bảo y tá chấm thêm một ít thuốc mỡ lên tay mình.

Cô ấy bảo thể trạng mình yếu ớt và rất dễ bị nhiễm trùng máu, và dặn dò cô y tá coi chừng ruồi muỗi khi thay băng cho mình, bảo rằng ruồi mang đầy mầm bệnh.

Tối hôm ấy, y tá trực bảo trong phòng mình có ruồi và chú ấy muốn xịt thuốc giết nó.

Mình không muốn ruồi to bị giết nên mình nói với chú ấy rằng mình dị ứng với thuốc xịt ruồi. Chú ấy bảo mai sẽ đập ruồi cho mình vậy. Mình không biết ruồi to trốn ở đâu. Mình định để mở cửa sổ khi ngủ để nó trốn đi. Mình không biết liệu làm thế có cứu được nó không nữa.

• **Tháng Tám - Mưa phùn**

Mình không cứu được ruồi to. Lúc 6 giờ 40 sáng, bác sĩ Du vào kiểm tra phòng và đập nó bẹp gí trên bức tranh của mình. Mình bảo rằng mình muốn giữ lại bức tranh nên ngăn được bác sĩ Du vút ruồi to đi, và đưa nó vào tủ lạnh với ruồi con. Không biết tại sao, nhưng mình luôn cảm thấy chúng có mối quan hệ đặc biệt.

Mình nghĩ vết thương trên cánh tay mình đã hơi nhiễm trùng. Nó đã trở thành một vết sưng đỏ tấy to tướng, và mình cảm thấy rất không thoải mái khi viết. Nhưng mình bảo cô y tá thực tập thay băng cho mình rằng nó sẽ lành thôi và không cần phải bôi thêm thuốc mỡ nữa. Là thật, cô ấy tin mình! Chiếc áo bệnh nhân dài tay che kín mít cả cánh tay mình.

Mình hy vọng cách này sẽ hiệu quả.

“Ruồi mang theo ổ vi trùng.” Câu nói của bác sĩ Du gợi ý cho mình, và mình đã quyết định thử một phen. Mình chả thèm bận tâm đến hậu quả, thà chết còn hơn phải về nhà.

Mình định ép xác ruồi to vào vết thương trên cánh tay.

• 30 tháng Tám - Nắng

Thành công rồi! Hai ngày nay mình càng lúc càng sốt cao. Mình thấy rất mệt, nhưng sung sướng. Bác sĩ Chung rất sững sốt trước tình trạng xấu đi của mình; chú ấy định làm thêm một xét nghiệm máu toàn diện cho mình.

Mấy hôm nay, mình chưa đi thăm ruồi con thương mến của mình. Mình cảm thấy như thể vừa bị chuột rút khắp người.

Ruồi con ơi, tao xin lỗi.

• Tháng Chín

Tối qua mình vừa được đưa vào bệnh viện chính.

Mình rất mệt và buồn ngủ. Mình nhớ ruồi con lắm, thật đấy.

Mình không biết Ngọc Long đã trả lời thư mình chưa..."

Tôi đọc xong tập nhật ký khi tia nắng đầu tiên ló ra ở đằng Đông, và tiếng mọi người đến làm việc ở những văn phòng quanh đó bắt đầu rộn rịp. Hồng Tuyết đã chết vì nhiễm trùng máu. Giấy chứng tử cũng được để trong chiếc hộp đó, ghi ngày 11 tháng Chín năm 1975.

Ngọc Long ở đâu? Cô ấy có biết Hồng Tuyết đã chết không? Người đàn bà tầm bốn mươi tuổi đã đem chiếc hộp tới cho tôi là ai? Liệu những bài viết đăng báo của Hồng Tuyết có hay như những trang nhật ký trong cái hộp này không? Khi biết con gái mình tự sát, liệu cha Hồng Tuyết có cảm thấy hối hận không? Liệu mẹ Hồng Tuyết, người đã đối xử với con gái của mình như một vật hy sinh, có nhận thức ra được điều gì từ bản năng của người mẹ không?

Tôi không biết câu trả lời cho những câu hỏi ấy. Tôi không biết đã có bao nhiêu cô gái bị bạo hành tình dục đang khóc giữa hàng nghìn linh hồn còn mơ màng trong thành phố sáng hôm đó.

CHƯƠNG 3 CÔ SINH VIÊN

Hồng Tuyết ám ảnh tôi. Như thể cô bé cứ nhìn tôi đăm đăm bằng đôi mắt mong mỏi và bất lực, như thể muốn cầu xin tôi hãy làm điều gì đó. Một sự việc xảy ra vài ngày sau đó đã củng cố mạnh mẽ quyết tâm của tôi tìm mọi cách để chương trình phát thanh giúp đỡ được cho phụ nữ nhiều hơn.

Khoảng mười giờ sáng hôm đó, tôi vừa đạp xe đến đài thì một đồng nghiệp đang rời nhiệm sở sau ca sớm chặn tôi lại. Cô bảo tôi rằng một đôi vợ chồng già đã tới đài, giận dữ lớn tiếng nói rằng sẽ tính sổ với tôi.

“Vì sao?” Tôi hỏi, kinh ngạc.

“Tôi không rõ. Hình như họ bảo cô là kẻ giết người.”

“Giết người? Họ nói vậy là sao?”

“Tôi không rõ, nhưng tôi nghĩ tốt hơn cả là cô nên tránh mặt họ. Khi một số thánh giả dở chứng thì không việc gì phải tranh luận đúng sai với họ.” Cô ta ngáp dài. “Xin lỗi, không nhin được. Tôi phải về nhà ngủ đây. Phải đến cơ quan lúc bốn rưỡi sáng để làm bản tin sớm đúng là một sự tra tấn. Tạm biệt.”

Tôi chờ dẫn vẫy tay chào.

Tôi nôn nóng muốn biết có chuyện gì xảy ra, nhưng phải chờ Văn Phòng Đối Ngoại xử lý vụ việc này đã.

Lúc chín giờ tối đó, văn phòng cuối cùng cũng đưa lại lá thư mà cặp vợ chồng già kia gửi cho họ. Người đồng nghiệp chuyển nó cho tôi bảo đó là lá thư tuyệt mệnh của đứa con duy nhất của họ, một cô gái mười chín tuổi. Sợ rằng mình sẽ bị rối trí trong lúc lên sóng sau khi đọc nó, tôi để lá thư vào túi áo khoác.

Khi tôi rời khỏi phòng thu thì đã hơn một rưỡi sáng. Tới lúc ngả lưng xuống giường ở nhà, tôi mới dám mở lá thư ra. Nó nhòe nhoẹt nước mắt.

Hân Nhiên thân mến!

Tại sao cô không trả lời thư cháu? Chẳng lẽ cô không hề biết rằng cháu đang phải quyết định sống hay chết sao?

Cháu yêu anh ấy, nhưng cháu chưa từng làm chuyện gì xấu xa cả. Anh ấy chưa bao giờ đụng đến người cháu, nhưng một người hàng xóm thấy anh ấy hôn lên trán cháu, và bảo với mọi người rằng cháu là đồ gái hư. Bố mẹ cháu rất xấu hổ.

Cháu yêu bố mẹ cháu lắm. Từ khi còn nhỏ, cháu đã mong sao bố mẹ sẽ được tự hào vì cháu, sung sướng vì có được một đứa con gái thông minh, xinh đẹp hơn là cảm thấy thua kém những người khác vì không có con trai.

Giờ cháu đã khiến họ mất cả hy vọng lẫn thể diện. Nhưng cháu không hiểu cháu đã làm gì sai. Chắc hẳn tình yêu không phải là vô đạo đức hay là thương phong bại tục đúng không cô?

Cháu đã viết thư hỏi cô xem cháu nên làm gì. Cháu nghĩ cô sẽ giúp cháu giải thích mọi chuyện với bố mẹ. Nhưng ngay cả cô cũng quay lưng lại.

Không một ai bận tâm. Chẳng còn lý do gì để sống nữa.

Tạm biệt, Hân Nhiên. Cháu yêu cô và cũng hận cô.

Một thánh giả trung thành trong đời.

Tiểu Ngọc.

Ba tuần sau, lá thư cầu cứu đầu tiên của Tiểu Ngọc mới tới. Tôi cảm thấy bị nghiền nát bởi sức nặng của thảm kịch này. Tôi ghét phải nghĩ về các cô gái trẻ Trung Quốc đã phải trả giá bằng mạng sống cho những tò mò tuổi trẻ của họ. Làm sao có thể đánh đồng tình yêu với sự vô đạo đức và thương phong bại tục được chứ?

Tôi muốn đưa câu hỏi này ra cho thánh giả của tôi và hỏi giám đốc xem tôi có thể nhận các cuộc gọi về chủ đề này trên sóng phát thanh được không.

Ông ta lo lắng. “Cô định dẫn dắt và điều khiển cuộc đối thoại đó như thế nào?”

“Thưa giám đốc, chẳng phải chúng ta đang tiến hành công cuộc Cải Cách Mở Cửa hay sao? Sao chúng ta không thử một lần xem?” Tôi cố viện đến những lý lẽ rút từ vốn từ vựng mới mẻ đang thịnh hành về mở cửa và đổi mới. *Cải cách không phải là cách mạng, mở cửa không phải là tự do. Chúng ta là cơ quan phát ngôn của Đảng, chúng ta không thể phát sóng bất cứ cái gì chúng ta thích.* Nhận thấy tôi không chịu bỏ cuộc, cuối cùng ông ta khuyên tôi nên thu trước một chương trình về chủ đề này. Thế có nghĩa là kịch bản và bất kỳ cuộc phỏng vấn được ghi âm nào đều được hiệu đính cẩn thận trước tại phòng thu và chương trình cuối cùng, đã qua biên tập được gửi tới phòng kiểm định trước khi phát sóng. Vì mọi chương trình thu âm trước đều phải qua khá nhiều khâu biên tập và thẩm định nên chúng được coi là tuyệt đối an toàn. Với những chương trình phát thanh trực tiếp, sự kiểm tra ngay tại chỗ ít hơn nhiều. Mọi việc đều dựa trên thủ thuật và khả năng lái cuộc thảo luận ra khỏi những lĩnh vực nhạy cảm của người dẫn chương trình. Ban giám đốc thường xuyên nghe những chương trình như thế với tâm trạng phấp phỏng, vì mắc sai lầm có thể khiến họ bị mất chức, hoặc thậm chí mất cả tự do.

Tôi lấy làm thất vọng vì không thể nhận cuộc gọi trực tiếp trên sóng phát thanh. Phải mất thời gian gấp đôi, nếu không nói là gấp ba để làm một chương trình thu trước như vậy. Tôi bắt tay vào thu âm một loạt các cuộc phỏng vấn qua điện thoại.

Trái với mong đợi của tôi, khi chương trình được phát sóng, cộng đồng gần như không có phản ứng. Thậm chí còn có một lá thư chỉ trích rất hằn học, tất nhiên là nặc danh:

Trước kia, các chương trình phát thanh chẳng có gì hơn ngoài một chuỗi các khẩu hiệu và những từ ngữ quan liêu. Cuối cùng cũng có được một giọng điệu khác đi chút ít, có chút gì đó nhân văn, vậy tại sao lại thoái lui như thế chứ? Chủ đề này đáng để điều tra, nhưng người dẫn chương trình lại né tránh trách nhiệm bằng cách ứng xử xa cách, lạnh lùng của cô ta. Không ai muốn nghe một kẻ dạy khôn từ xa như thế cả. Đây là một chủ đề để thảo luận, tại sao mọi người lại không được phép nói tự do? Tại sao người dẫn chương trình lại không dũng cảm gọi điện phỏng vấn trực tiếp một thánh giả?

Sự xa cách mà người thánh giả bất bình này mô tả là kết quả của một quá trình biên tập dài dằng dặc. Các giám sát viên, do từ lâu đã quen làm việc theo một cung cách nhất định, đã cắt bỏ tất cả các phần trong đó tôi cố đưa vào bình luận của mình giọng điệu đậm chất cá nhân hơn là trong kịch bản. Họ giống như những người đầu bếp trong một khách sạn lớn: họ chỉ làm một món ăn duy nhất và điều chỉnh mọi giọng điệu về “khẩu vị” quen thuộc của họ.

Ông Trần biết tôi cảm thấy bị tổn thương và phẫn uất

“Hân Nhiên này, giận dữ chẳng ích lợi gì cả. Hãy dẹp nó qua một bên. Khi cô đi qua những cánh cổng của cái đài phát thanh này, lòng can đảm của cô bị giam lại. Cô sẽ trở thành hoặc người quân tử hoặc kẻ tiểu nhân hèn nhát. Bất kể người khác có nói gì hay chính cô nghĩ gì thì cũng thế thôi: cô chỉ có thể là một trong hai loại đó. Cô nên đối diện với thực tế đi.”

“Vậy thì ông là loại người nào?” tôi hỏi.

“Tôi là cả hai. Đối với mình, tôi là quân tử, đối với người khác tôi là thằng tiểu nhân. Nhưng ở sâu bên trong, sự phân loại luôn rất phức tạp. Cô đang thảo luận về mối quan hệ giữa tình yêu, truyền thống và đạo đức. Làm sao chúng ta có thể phân biệt rạch ròi ba thứ đó đây? Mỗi người, với văn hóa và nhạy cảm khác nhau, lại nhận thức về chúng khác nhau. Đàn bà được nuôi dạy trong một môi trường ứng xử hết sức truyền thống thì sẽ thẹn đỏ mặt khi nhìn thấy ngực một người đàn ông. Ngược lại, trong những hộp đêm, có những cô gái trẻ lại phô ra thân hình gần như lồ lộ của mình.”

“Thế có hơi cường điệu quá không?”

“Cường điệu ư? Thế giới thực của đàn bà đầy rẫy những sự đối lập còn kinh khủng hơn thế nhiều. Nếu muốn hiểu sâu hơn nữa về thế giới phụ nữ thì cô nên tìm cách ra khỏi đài phát thanh mà quan sát cuộc sống. Ngồi trong văn phòng và phòng thu suốt cả ngày thì chẳng ích gì đâu.”

Ông Trần tác động mạnh đến tôi. Ông nói đúng. Tôi phải quan sát cuộc sống của những người phụ nữ bình thường nhiều hơn nữa thì quan điểm của tôi mới chín chắn hơn. Nhưng, vào cái thời buổi mà việc đi lại bị hạn chế ngay cả với cánh nhà báo, điều đó quả không dễ chút nào. Tôi bắt đầu tạo ra cơ hội bất cứ khi nào có thể, thu thập thông tin về những người phụ nữ trong các chuyến công tác, thăm viếng bạn bè và gia đình, đi nghỉ. Tôi cài thêm những thông tin này vào chương trình phát thanh của tôi và chú ý tới những phản ứng nó gây ra với thính giả.

Một hôm, tôi đang vội về đài phát thanh từ trường đại học tôi được mời tới thỉnh giảng. Vào giờ ăn trưa, Khu trường học như một tổ ong tấp nập, và tôi phải dắt xe lách qua đám đông các sinh viên. Đột nhiên, tôi nghe thấy mấy thiếu nữ đang nói chuyện gì đó hình như liên quan đến tôi:

“Cô ta bảo phụ nữ Trung Quốc rất truyền thống. Mình không đồng ý. Đúng là phụ nữ Trung Quốc có một quá khứ, nhưng họ cũng có cả tương lai nữa chứ. Bây giờ có bao nhiêu người theo truyền thống nữa nào? Mà truyền thống là gì? Áo bông cài ở bên sườn? Tóc búi tó? Giày thêu? Giấu mặt đi khi đứng trước đàn ông à?”

“Tớ nghĩ truyền thống mà cô ấy nói tới chắc là một khái niệm, những quan niệm truyền lại từ thời ông bà tổ tiên, hay đại loại thế. Tớ không nghe chương trình phát thanh đó tối qua nên mình không chắc lắm.”

“Tớ không bao giờ nghe các chương trình dành cho phụ nữ, tớ chỉ nghe những chương trình có ca nhạc thôi.”

“Mình thì nghe rồi, mình thích nghe chương trình của cô ấy lúc đi ngủ. Cô ấy bật nhạc hay và giọng cô ấy rất truyền cảm. Nhưng mình không thích cái cách cô ấy cứ nói đi nói lại về sự hiền lành của phụ nữ. Chắc cô ấy không có ý bảo là đàn ông thì hung dữ chứ?”

“Tớ nghĩ là có đấy, một chút. Cô ta hẳn là loại phụ nữ cư xử như bà chúa đồng đánh trong vòng tay chồng.”

“Ai biết được? Biết đâu cô ta lại là loại đàn bà khiến cho lão chồng già quỳ dưới chân để trút giận thì sao.”

Tôi điếng người. Tôi không hề biết đám con gái trẻ bây giờ lại ăn nói thế. Vì đang vội, tôi không thể dừng lại để hỏi ý kiến chúng như thường lệ, nhưng tôi quyết định sẽ dành chút thời gian nói chuyện với các sinh viên. Vì thỉnh thoảng tôi cũng được mời tới trường đại học làm giáo sư thỉnh giảng nên tôi cũng khá dễ dàng tiến hành phỏng vấn ở đó mà không gặp những rắc rối về mặt thủ tục. Cách mạng luôn bắt đầu từ đám sinh viên; chính những con người trẻ

tuổi này đang leo lên đỉnh ngọn sóng đối mới trong nhận thức của người Trung Quốc hiện đại.

Một số người kể với tôi về một cô gái trẻ là thành viên tiếng tăm của “nhóm ưu tú” trong trường đại học, nổi tiếng vì những sáng kiến, ý tưởng và quan niệm tân tiến. Nghe tên mà đoán người: Kim Soái, “tướng quân vàng”. Tôi mời cô gái đến gặp mình một quán trà.

Kim Soái trông giống một giám đốc PR hơn là một sinh viên. Dù các nét không nổi bật lắm, cô vẫn khiến người khác phải chú ý. Cô mặc một bộ vest lính thủy cắt may rất chuẩn làm nổi phom người, một chiếc áo sơ mi thanh nhã và đôi boots da cao cổ trông thật quyến rũ. Mái tóc dài để xõa.

Chúng tôi nhấm nháp trà Long Tĩnh trong chiếc tách tráng men đỏ son.

“VẬY, Hân Nhiên, chị có hiểu biết như người ta vẫn đồn đại không nhỉ?”

Kim Soái ngay lập tức đảo ngược vai trò của chúng tôi bằng cách đặt câu hỏi đầu tiên.

Hăm hở muốn gây ấn tượng với cô gái, tôi điểm vài cuốn sách về lịch sử và kinh tế mà mình đã đọc.

Kim Soái không bị ấn tượng chút nào. “Những bộ sách cũ rích khô khan đó thì có thể dạy người ta cái gì về nhu cầu và khát vọng của con người chứ? Chúng chỉ là nhãi nhép những lý thuyết rỗng tuếch. Nếu chị muốn đọc những cuốn sách hữu ích cho mình, hãy thử Quản Lý Thương Mại Hiện Đại, Nghiên Cứu Về Những Quan Hệ Cá Nhân, hay Cuộc Sống Của Một Doanh Nhân xem. Ít ra chúng cũng giúp chị kiếm tiền được. Tội nghiệp, chị có bao nhiêu là mối quan hệ quan trọng, chưa kể đến những thính giả, vậy mà vẫn phải làm việc suốt ngày đêm để kiếm một đồng lương còm cõi. Chị đã lãng phí quá nhiều thời gian để đọc những thứ sách đó thành ra lỡ mất cơ hội của mình rồi.”

Tôi phản ứng. “Không, mọi người đều có những lựa chọn cho cuộc đời mình...”

“ẤY, ĐỪNG CÁU THẾ. Chẳng phải nghề của chị là trả lời các câu hỏi thính giả đó sao? Để tôi hỏi chị thêm chút nữa nhé. Phụ nữ có nhân sinh quan gì không? Thế nào là hạnh phúc đối với một người phụ nữ? Và điều gì làm nên một người phụ nữ tốt?” Kim Soái uống một hơi cạn tách trà.

Tôi quyết định trao quyền kiểm soát cuộc nói chuyện cho Kim Soái, hy vọng cô sẽ bộc lộ suy nghĩ thực. “Tôi muốn nghe điều em nghĩ,” tôi nói.

“Tôi ư? Nhưng tôi là một sinh viên ngành khoa học tự nhiên, tôi không biết gì về khoa học xã hội cả.” Kim Soái bỗng trở nên nhũn nhặn nhận một cách kỳ lạ, tôi nghi ngờ không biết mình có thể dùng các kỹ thuật phỏng vấn để cô tiếp tục hay không.

“Nhưng những ý kiến của em đâu chỉ giới hạn trong khoa học,” tôi khơi gợi.

“À, đúng, tôi cũng có một vài ý kiến.”

“Không chỉ một vài đâu. Em nổi tiếng vì những ý kiến mà.”

“CẢM ƠN.” Lần đầu tiên cô nói với giọng tôn trọng mà lúc trước tôi cứ tưởng sinh viên nào cũng nói vậy.

Tôi tóm ngay lấy cơ hội để đặt câu hỏi cho Kim Soái. “Em thông minh, trẻ trung và hấp dẫn. Vậy, em có nghĩ mình là một người phụ nữ tốt không?”

“Tôi ư?” Cô lưỡng lự một chút, rồi khẳng định chắc nịch, “Không.”

Nổi tò mò trĩu nặng trong tôi. “Tại sao?” Tôi hỏi.

“Phục vụ, làm ơn cho thêm hai tách Long Tĩnh nữa.” Sự tự tin trong cách Kim Soái gọi đồ uống cho thấy hoàn cảnh khá giả của cô. “Tôi không hiền dịu và tận tụy như người ta cần tôi phải thế. Người phụ nữ Trung Quốc tốt là phải biết cư xử dịu dàng, nhu mì, và họ mang theo cả

cái cách cư xử đó lên giường. Kết quả là các đức lang quân ca thán rằng họ chẳng gọi tình chút nào, thế là người phụ nữ phải chịu áp bức, tin rằng lỗi là ở họ. Họ phải chịu đựng nỗi đau đớn mỗi khi đến kỳ kinh hay sinh nở và phải làm việc như đàn ông để duy trì gia đình khi chồng họ không kiếm đủ tiền. Đàn ông treo tranh ảnh đàn bà đẹp trên đầu giường để thấy kích thích, trong khi vợ họ tự buộc tội mình vì thân thể tàn tạ. Dù sao chẳng nữa, trong mắt đàn ông, không tồn tại cái gọi là đàn bà tốt”

Tôi thắc mắc. Kim Soái không cần khích lệ để nói ra.

“Khi hoóc môn của đàn ông trỗi dậy, họ thề thốt một tình yêu vĩnh cửu. Cái đó làm cho những tập thơ ca cứ ngày một dày lên qua bao đời nay: tình sâu tựa biển hay đại loại như thế. Nhưng đàn ông như thế chỉ có trong tiểu thuyết. Đàn ông ngoài đời bào chữa rằng họ chưa gặp một người đàn bà nào xứng đáng với tình cảm đó cả. Đàn ông là chuyên gia về thủ đoạn lợi dụng sự mềm yếu của đàn bà để điều khiển họ. Một vài lời yêu đương hay khen ngợi có thể khiến một số phụ nữ hạnh phúc rất lâu, nhưng đó chẳng qua chỉ là ảo tưởng mà thôi.”

“Hãy nhìn những đôi vợ chồng già gắn bó với nhau hàng mấy chục năm xem. Người ta cứ nghĩ ông chồng chắc phải mãn nguyện lắm đấy, phải không nào, nhưng cứ thử cho ông ta một cơ hội xem, ông ta sẽ bỏ phắt bà vợ già để cưới ngay một cô nàng trẻ trung hơn cho xem. Lý do mà chắc chắn ông ta sẽ đưa ra là vì bà vợ của ông ta không được tốt. Trong mắt của những người đàn ông có bồ, phụ nữ tốt lại còn hiếm hoi hơn nữa. Những người đó đơn giản chỉ xem phụ nữ như đồ giải trí. Họ khinh miệt các cô bồ của họ, nếu không họ đã cưới mấy cô đó từ lâu rồi.”

Kim Soái ngừng lại, và trở nên nghiêm nghị. “Chị có biết đàn ông muốn loại đàn bà nào không?”

“Tôi không phải là chuyên gia,” tôi thành thực trả lời.

Kim Soái nói với vẻ sành sỏi. “Đàn ông muốn một người đàn bà vừa là người vợ đức hạnh, vừa là người mẹ tốt và có thể làm mọi việc nhà như một nữ tỳ. Ra ngoài, cô ta cần phải hấp dẫn, có văn hóa và làm anh ta nở mặt nở mày. Trên giường, cô ta phải là một kẻ cuồng dâm. Còn gì nữa, đàn ông Trung Quốc cũng cần đàn bà của họ vừa biết quản lý tiền bạc vừa kiếm ra thật nhiều tiền, thế họ mới có thể gia nhập vào giới giàu có và quyền lực. Đàn ông Trung Quốc bây giờ than phiền về chính sách cấm đa thê. Ông Cô Hồng Minh cuối đời Thanh đã nói rằng ”Một người đàn ông tốt nhất là có bốn người đàn bà, giống như một ấm trà có bốn cái chén là hợp nhất vậy.“ Và đàn ông Trung Quốc hiện đại thì muốn có thêm một cái chén nữa để rót tiền vào. Vậy chị thử nói xem, có bao nhiêu phụ nữ Trung Quốc đáp ứng nổi tất cả các đòi hỏi đó? Theo những tiêu chuẩn đó, thì mọi phụ nữ đều xấu cả.”

Hai người đàn ông ở bàn bên thỉnh thoảng lại quay sang nhìn Kim Soái. Cô vẫn tiếp tục không hề sợ hãi.

“Chị đã nghe câu *Con mình, vợ người* chưa?”

“Rồi,” tôi đáp, cảm thấy thoải mái vì cuối cùng cũng có thể nói rằng mình biết thứ gì đó.

Kim Soái trầm ngâm, “Tôi từng đọc một cuốn sách viết về tình yêu thế này: *Con sư tử đang đói sẽ ăn một con thỏ nếu không còn thứ gì tử tế hơn, nhưng một khi già nua nát con thỏ, nó sẽ vứt đi để đuổi theo một con ngựa vằn...* Điều bi thảm là có quá nhiều phụ nữ chấp nhận để đàn ông coi mình là đàn bà xấu.”

Cảm thấy Kim Soái đang tính cả mình vào đám người đó, tôi hơi đỏ mặt. Cô không hề nhận thấy điều đó.

“Hân Nhiên, cô có biết chính những người đàn bà xấu xa thực sự mới là những kẻ may mắn

không? Tôi tin câu *Tiền làm đàn ông trở nên xấu xa; sự xấu xa làm đàn bà có tiền*. Chớ tưởng tất cả sinh viên chúng tôi ở đây đều nghèo cả. Nhiều cô gái trẻ trong chúng tôi sống sành điệu mà chẳng nhận một xu từ gia đình. Có những cô khi mới nhập trường không có tiền để mua thịt trong nhà ăn, nhưng giờ họ choàng khăn cashmere và đeo đồ trang sức. Đi đâu họ cũng gọi taxi và ở trong khách sạn. Nhưng đừng hiểu lầm, những cô gái đó không nhất thiết phải đi bán thân."

Kim Soái nhận ra tôi đang choáng váng và nói tiếp, mỉm cười.

"Ngày nay, những người đàn ông giàu có càng ngày càng đòi hỏi khắt khe người phụ nữ của mình hơn. Họ muốn phô ra một *thư ký riêng* hay *người tháp tùng* có học thức. Trong tình trạng thiếu người tài ở Trung Quốc hiện nay, chỗ nào có thể cung cấp ngàn ấy *thư ký riêng*, ngoài trường đại học? Một người đàn bà không bằng cấp sẽ chỉ hấp dẫn được một vài doanh nhân nhỏ thôi; càng có học thức, chị càng có cơ hội câu được doanh nhân cỡ bự. *Thư ký riêng* chỉ làm việc cho một người, *người tháp tùng* làm việc cho nhiều người. Có ba cấp độ quan hệ: cấp độ thứ nhất là theo đàn ông đến nhà hàng, hộp đêm, và quán karaoke. Cấp độ thứ hai đi xa hơn, đến những nơi khác nữa như nhà hát, rạp chiếu phim, vân vân; chúng tôi gọi kiểu quan hệ này là *bán nghệ không bán thân*. Tất nhiên, để những người đàn ông đó sờ soạng bên ngoài quần áo là một phần trong thỏa thuận. Cấp độ thứ ba là hoàn toàn phục tùng người đàn ông, gọi lúc nào phải tới lúc đó, kể cả tình dục. Nếu là loại *thư ký riêng* này, chị sẽ không ngủ trong ký túc xá sinh viên, trừ những dịp hiếm hoi ông sếp của chị về nhà. Ngay kể cả lúc đó, đa phần là người đàn ông sẽ để chị ở lại phòng khách sạn ông ta thuê, để có thể dễ dàng tìm thấy chị khi ông ta quay lại. Là một *thư ký riêng*, mọi bữa ăn, quần áo, tiền phòng và chi phí đi lại đều được lo chu toàn. Không ai dám qua mặt chị khi chị gần gũi sếp đến thế. Chị ở dưới một người nhưng trên muôn người! Nếu thông minh, chị sẽ sớm giành được chút quyền lực nào đó, và nếu chị thực sự khôn ngoan sắc sảo, chị sẽ không bao giờ phải lo lắng về tiền bạc."

Kim Soái tự rót thêm trà cho mình.

"Chẳng phải người ta vẫn nói *Thời thế tạo anh hùng* đó sao? *Thư ký riêng* ở Trung Quốc là sản phẩm của Chính Sách Cải Cách Mở Cửa của Đặng Tiểu Bình. Ngay khi Trung Quốc mở cửa, mọi người đều lao theo đồng tiền; ai ai cũng muốn thành sếp. Rất nhiều người mơ trở nên giàu có, nhưng rất ít người thành công. Chị có để ý thấy chức danh trên danh thiếp của tất cả mọi người đều là Tổng Giám Đốc hay Giám Đốc không? Bất chấp quy mô công việc làm ăn của họ, công ty của họ không thể không có một cái tên thật hoành tráng.

"Và làm sao tất cả những người đàn ông đó mở công ty được nếu không có thư ký - chẳng phải họ sẽ mất thể diện sao? Nhưng một thư ký chỉ làm tám tiếng một ngày thì chưa đủ, cần có ai đó ở đó để xử lý mọi việc mọi lúc. Theo Định Luật Hấp Dẫn Giới Tính, cơ hội cho những cô gái trẻ hấp dẫn nhan nhản khắp nơi. Những cô gái trẻ ăn mặc hợp một chút nường nượp qua lại giữa những khu văn phòng chính phủ ngọt ngào và làm đầy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc.

"Ngoài ra những người nước ngoài đang tranh nhau tuyên bố quyền sở hữu với nền kinh tế nước ta cũng cần đến thư ký riêng nữa. Họ không hiểu những điều cơ bản về Trung Quốc và phong tục của nó. Nếu không có sự trợ giúp của các thư ký, các quan tham Trung Quốc chẳng đã băm chà họ từ lâu rồi. Có điều, muốn trở thành thư ký của ông chủ nước ngoài, chị còn phải biết nói ngoại ngữ.

"Hầu hết các *thư ký riêng* đều khá thực tế về viễn cảnh của mình. Họ biết rằng các ông sếp sẽ chẳng bao giờ từ bỏ gia đình. Chỉ có kẻ ngốc mới nhầm tưởng những lời đường mật của họ là tình yêu. Tuy nhiên vẫn có một số kẻ khờ khạo, và tôi không cần phải nói chị cũng có thể hình

dung kết cục.”

Tôi há hốc miệng ngồi nghe Kim Soái tiết lộ về thế giới của những *người tháp tùng* và *thư ký riêng*. Tôi không thể tưởng tượng nổi là tôi và cô gái này đang sống trong cùng một thế kỷ, nói gì là trong cùng một đất nước. “Chuyện này thực thế sao?” Tôi lắp bắp hỏi.

Kim Soái sững sốt trước sự mù tịt của tôi.

“Đương nhiên rồi! Để tôi kể cho chị một câu chuyện có thật. Tôi có một người bạn tốt, Anh Nhi, một cô gái đáng yêu, chu đáo, mảnh mai cao ráo, gương mặt dịu dàng và giọng nói ngọt ngào. Anh Nhi là một sinh viên tài năng ở trường nghệ thuật. Cô ấy có thể hát và chơi bất kỳ loại nhạc cụ nào, nên cô ấy mang âm nhạc, niềm vui và tiếng cười tới khắp nơi. Cả đàn ông lẫn phụ nữ đều thích làm bạn với cô. Hai năm trước, Anh Nhi đang học năm thứ hai, cô ấy gặp một tay giám đốc họ Ngô người Đài Loan ở sàn nhảy. Anh ta trông ưa nhìn và thông minh; công ty bất động sản anh ta điều hành ở Thượng Hải đang làm ăn rất tốt, vì thế anh ta muốn mở thêm chi nhánh ở Nam Kinh. Nhưng khi tới thành phố này, anh ta thấy khó mà hiểu được hết những quy định thương mại ở đây. Anh ta đã bỏ ra hàng nghìn đô la Mỹ, nhưng sau sáu tháng vẫn chưa tiến tới thành lập được chi nhánh.

Anh Nhi thấy thương hại tay họ Ngô. Bằng tài xoay xở, cách cư xử dễ chịu và những mối quan hệ tốt của mình, cô ấy đã tìm ra giải pháp đối với thói quan liêu của cục thương mại, phòng thuế, hội đồng thành phố và ngân hàng. Văn phòng chi nhánh nhanh chóng đi vào hoạt động. Tay giám đốc họ Ngô vô cùng biết ơn Anh Nhi. Anh ta thuê cho cô ấy một phòng suite trong khách sạn bốn sao, và bao toàn bộ phí tổn khác. Anh Nhi là người phụ nữ từng trải, nhưng cô ấy lại bị cách hành xử lịch lãm của họ Ngô đốn gục. Anh ta không cư xử như mấy tay có của, nghĩ rằng tiền bạc có thể mua được mọi thứ. Anh Nhi quyết định không tháp tùng những người đàn ông khác nữa và lao vào giúp tay họ Ngô trong công việc làm ăn của anh ta ở Nam Kinh.

Một hôm, khoảng ba giờ sáng, Anh Nhi gọi cho tôi, nghe có vẻ cực kỳ hạnh phúc:

“Lần này là sự thật. Nhưng đừng hốt hoảng, mình chưa nói với anh ấy mình cảm thấy thế nào. Mình biết anh ấy có vợ rồi. Anh ấy bảo cô ta là một người phụ nữ tốt. Anh ấy còn cho mình xem cả ảnh cưới nữa: trông họ thật đẹp đôi. Mình không muốn làm gia đình anh ấy tan nát, chỉ cần anh ấy tốt với mình là đủ. Anh ấy thật đáng yêu; khi mình buồn bực hoặc cáu giận, anh ấy không nổi giận với mình. Khi mình hỏi sao anh ấy lại kiên nhẫn đến thế, anh ấy bảo: “Làm sao một thằng đàn ông tự xưng mình là nam nhi đại trượng phu nếu anh ta nổi giận với một người phụ nữ đang đau khổ?” Cậu đã từng nghe điều gì êm ái như vậy chưa? Rồi rồi, mình không làm phiền cậu lâu thêm nữa, chỉ là mình không muốn giấu cậu điều gì cả thôi. Ngủ ngon nhé, bạn yêu.”

Tôi trần trọc hồi lâu, tự hỏi liệu thứ tình yêu lý tưởng giữa đàn ông và đàn bà có thực sự tồn tại hay không. Tôi hy vọng Anh Nhi sẽ chứng minh được điều đó, và cho tôi một tia hy vọng.

Mấy tháng sau đó, tôi không gặp Anh Nhi vì cô ấy đang mải mê với hạnh phúc. Khi chúng tôi gặp lại nhau, tôi đã bị sốc trước vẻ tiều tụy và u sầu của cô ấy. Anh Nhi kể với tôi rằng vợ của tay họ Ngô kia đã viết thư cho anh ta, yêu cầu anh ta lựa chọn giữa ly dị và từ bỏ Anh Nhi. Anh Nhi ngây thơ tin rằng anh ta sẽ chọn mình vì dường như anh ta không thể sống thiếu cô ấy được. Hơn nữa, tài sản của anh ta lớn đến mức nếu có chia ra thì cũng chẳng ảnh hưởng gì mấy đến công việc kinh doanh cả. Tuy nhiên, khi đối mặt với cô vợ bên Đài Loan sang, anh ta tuyên bố không thể bỏ cả vợ lẫn tài sản, và yêu cầu Anh Nhi ra khỏi cuộc đời mình. Vợ chồng ông ta trả cho Anh Nhi 10.000 đôla để tỏ lòng biết ơn vì sự giúp đỡ của cô đối với việc làm ăn của họ ở Nam Kinh.

Anh Nhi suy sụp, cô ấy yêu cầu gặp riêng tay họ Ngô để hỏi ba câu. Cô ấy hỏi quyết định của anh ta đã chắc chắn chưa. Họ Ngô bảo chắc chắn. Cô ấy lại hỏi những lời yêu anh ta nói trước đó có nghĩa lý gì không. Tay họ Ngô ta bảo có. Cuối cùng, Anh Nhi hỏi làm sao tình cảm của anh ta lại có thể thay đổi như thế. Anh ta trơ trẽn đáp rằng cuộc sống luôn thay đổi, rồi tuyên bố ba câu hỏi của cô đã xong.

Anh Nhi trở lại cuộc sống của một *người thấp tùng*, tin chắc rằng tình yêu đích thực không tồn tại. Năm nay, chưa đầy hai tháng sau khi tốt nghiệp đại học, cô ấy đã lấy một người Mỹ. Trong lá thư đầu tiên cô ấy gửi cho tôi từ Mỹ, cô ấy viết: *Đừng bao giờ xem người đàn ông là cái cây mà cậu có thể nghỉ ngơi dưới bóng râm của nó. Phụ nữ chỉ là phân bón, rửa ra tan vào đất để cái cây khỏe mạnh... Không có tình yêu chân chính đâu. Những cặp tình nhân nhìn có vẻ thắm thiết ở bên nhau chỉ vì lợi ích cá nhân, tiền, vì quyền hoặc thế lực.*

“Tiếc là Anh Nhi nhận ra điều đó quá muộn.”

Kim Soái chìm vào im lặng, như thể xúc động trước số phận của cô bạn.

“Kim Soái, em có định lấy chồng không?” Tôi tò mò hỏi.

“Tôi chưa nghĩ nhiều tới chuyện đó. Tôi vẫn chưa biết tình yêu là gì. Bọn tôi có một ông thầy lạm dụng quyền hạn của mình để quyết định điểm số. Ông ta gọi các cô học trò có chút nhan sắc đến để *tâm sự*; họ nói chuyện với nhau trên đường tới khách sạn. Đó là một bí mật mở, ai cũng biết, trừ vợ ông ta. Bà ta nói về măn nguyện về việc chồng đã làm hư bà ta thế nào: ông ta mua mọi thứ bà ta muốn và làm tất tậ việc nhà, bảo rằng không thể chịu nổi khi thấy vợ phải làm việc. Cô có thể tin nổi ông thầy dâm dăng và ông chồng tận tụy ấy chỉ là một không?

“Người ta bảo *Nữ trọng tình, nam trọng sắc*. Nếu kết luận này là đúng, vậy thì tại sao phải lấy chồng? Những người đàn bà ở bên người chồng không chung thủy của mình thật ngu ngốc.”

Tôi nói phụ nữ thường là nô lệ của tình cảm, và kể cho Kim Soái nghe câu chuyện về một giảng viên đại học tôi biết. Vài năm trước, chồng người phụ nữ ấy, cũng là một học giả, thấy nhiều người kiếm bộn tiền bằng cách tách ra làm ăn riêng. Anh ta tức mình bỏ việc làm theo. Cô vợ bảo anh ta không có kỹ năng kinh doanh và quản lý để cạnh tranh, và nhắc nhở anh ta rằng chuyên môn của anh ta là: dạy học, nghiên cứu và viết lách. Anh chồng kết tội cô ta coi thường mình, và hùng hổ lao vào chứng minh cho vợ mình biết là cô ta đã sai. Công việc làm ăn của anh ta thất bại thảm hại: anh ta tiêu tán toàn bộ số tiền tiết kiệm của nhà và chẳng còn lại gì mà chứng minh nữa. Cô vợ trở thành người duy nhất kiếm tiền nuôi cả nhà.

Anh chồng thất nghiệp lại không chịu làm việc nhà. Khi cô vợ nhờ chồng giúp làm việc nhà, anh ta cự nự bảo mình là đàn ông, không thể bị bắt đi làm ba cái việc của đàn bà thế được. Cô vợ phải đi sớm về muộn, loạng choạng vì kiệt sức. Chồng cô ta, vốn chẳng bao giờ ra khỏi giường trước một giờ chiều, cả ngày ngồi xem ti vi, lại còn kêu ca rằng anh ta kiệt sức bởi áp lực của tình trạng thất nghiệp. Anh ta ngủ không ngon và chán ăn, nên anh ta cần đồ ăn ngon, bổ dưỡng để phục hồi sức khỏe.

Cô vợ tận dụng mọi thời gian rảnh rỗi đi dạy thêm kiếm thêm tiền, rốt cuộc còn bị chồng chê bai vì để mình tàn tạ. Anh ta không thèm nghĩ xem gia đình họ nhờ đâu mà có cái ăn cái mặc. Không dám dùng tiền để mua đồ trang điểm hay diện quần áo mới cho mình nhưng cô giảng viên đó lại không bao giờ để chồng đi đâu mà không đánh bộ vest xịn, giày da tề chỉnh. Anh ta chẳng những không biết ơn vợ đã gắng sức vì mình mà lại còn than phiền rằng vợ mình không ăn mặc tử tế và thanh lịch như xưa, so sánh cô đầy vẻ chê bai với những cô gái trẻ hấp dẫn. Bất chấp là đã được học hành đến mức ấy, anh ta vẫn chẳng khác nào anh nông dân lo lắng sao để chứng tỏ quyền lực và địa vị đàn ông của mình.

Các đồng nghiệp ở trường đại học của cô vợ trách cô đã làm hư chồng mình. Một số sinh viên còn tỏ thái độ phản đối. Họ hỏi cô tại sao cô lại phải bắt mình phải chịu đựng nhiều đến thế vì một người đàn ông không xứng đáng như vậy. Người phụ nữ ấy trả lời đầy bất lực: “Trước kia anh ấy rất yêu tôi.”

Kim Soái nổi giận trước câu chuyện của tôi, nhưng nhận ra rằng đó là tình huống rất phổ biến.

“Tôi nghĩ hơn một nửa số gia đình Trung Quốc cấu thành từ những người phụ nữ lao lực quá độ và những người đàn ông chỉ ngồi thõ dãi vì tham vọng bất thành của họ, rồi buộc tội vợ và nổi cơn tam bành. Thêm vào đó, nhiều đàn ông Trung Quốc cứ nghĩ rằng nói vài lời yêu đương với vợ là hạ thấp giá trị của mình. Tôi không thể hiểu nổi. Lòng tự trọng của gã đàn ông sống dựa vào một người đàn bà yếu đuối mà không thấy cần rút lương tâm như thế ở đâu cơ chứ?”

“Cô nói nghe như một nhà nữ quyền ấy,” tôi đùa bỡn.

“Tôi không phải nhà nữ quyền - chỉ là tôi chưa thấy một người đàn ông Trung Quốc nào đáng mặt nam nhi cả. Nói tôi biết, có bao nhiêu người phụ nữ viết thư đến chương trình của chị bảo rằng họ hạnh phúc với người đàn ông của mình nào? Và có bao nhiêu đàn ông Trung Quốc bảo chị đọc lá thư trong đó họ thú nhận mình yêu vợ đến mức nào trên sóng phát thanh? Tại sao đàn ông Trung Quốc lại nghĩ rằng nói câu Anh Yêu Em với vợ là hủy hoại vị thế đàn ông của họ?”

Hai người đàn ông ngồi bàn kế bên đang chỉ trỏ về phía chúng tôi. Tôi tự hỏi không biết họ nghĩ gì về biểu hiện dữ dội của Kim Soái.

“Ờ, thì đó là câu đàn ông Phương Tây nói vì nền văn hóa của họ thế.” Tôi cố gắng chống đỡ cho cái sự thật là tôi chưa từng nhận được một bức thư nào như vậy cả.

“Sao cơ? Chị cho rằng đó là do khác biệt văn hóa à? Không, nếu người đàn ông không đủ can đảm để nói những lời đó với người phụ nữ mình yêu trước cả thế giới thì chị có thể gọi anh ta là đàn ông không? Theo tôi biết, ở Trung Quốc chẳng có ai là đàn ông cả.”

Tôi im lặng. Đối diện với trái tim của một phụ nữ còn trẻ nhưng đã đóng băng lại rồi, tôi có thể nói gì đây? Nhưng Kim Soái lại phá lên cười.

“Bạn bè tôi bảo rốt cuộc Trung Quốc cũng đã theo được với phần còn lại của thế giới khi nó nhận thức được ra những chủ đề mà chúng ta đang nói tới đây. Khi chúng ta không còn phải lo lắng về chuyện thiếu ăn thiếu mặc nữa, chúng ta sẽ bàn đến quan hệ giữa đàn ông và đàn bà. Nhưng tôi nghĩ chủ đề đàn ông và đàn bà còn phức tạp hơn nữa ở Trung Quốc. Chúng ta phải đấu tranh với hơn năm mươi dân tộc, vô số biến động chính trị và những tập tục lâu đời quy định cách ứng xử, chịu đựng và ăn mặc dành cho phụ nữ. Thậm chí chúng ta còn có tới hơn mười từ khác nhau để gọi người vợ.”

Trong khoảnh khắc, Kim Soái trông giống một cô gái vô tư, ngây thơ. Sự nhiệt tình hợp với cô hơn là lớp vỏ của một cô gái làm PR và tôi thấy ưa cô hơn.

“À, Hân Nhiên, chúng ta có thể nói về những câu danh ngôn gắn với phụ nữ không nhỉ? Ví dụ như: *Gái chính chuyên chỉ có một chồng*. Trong lịch sử Trung Quốc, đã có bao nhiêu người phụ nữ góa chồng thậm chí không bao giờ nghĩ tới chuyện tái giá để bảo vệ thanh danh cho gia đình? Có bao nhiêu người phụ nữ đã *bị hoạn* mất bản năng giống cái của mình vì thể diện? Ờ, tôi biết *hoạn* không phải là từ dùng cho phụ nữ, nhưng tình trạng đó đúng là như vậy. Ở nông thôn bây giờ vẫn còn những người phụ nữ như thế. Và còn có câu về cá...”

“Cá gì?” Tôi chưa từng nghe kiểu nói như thế bao giờ và nhận thấy mình hẳn có vẻ rất ngờ nghệch trong con mắt của giới trẻ thời nay.

Kim Soái thở dài một cách phô trương và gõ gõ mấy cái đầu móng tay sơn màu xuống mặt bàn. “Ôi, tội nghiệp Hân Nhiên. Chị thậm chí còn chẳng biết đến cách phân loại đàn bà. Làm sao chị có thể hy vọng hiểu nổi đàn ông cơ chứ? Để tôi nói chị hay. Khi rượu vào đàn ông mới buột ra một loạt các định nghĩa về phụ nữ. Tình nhân là *Cá kiếm*, ngon lành nhưng xương nhọn hoắt. *Thư ký riêng* là *Cá chép*, hầm càng lâu mùi vị càng ngon. Vợ người là *Cá nóc Nhật Bản*, thử một miếng có thể tiêu ngay, nhưng liều mạng thì anh ta sẽ vênh vào được với đời.”

“Thế còn vợ họ thì sao?”

“Cá tuyết muối.”

“Cá tuyết muối. Là sao?”

“Vì cá tuyết muối giữ được lâu. Khi không còn thứ nào khác, cá tuyết muối vừa rẻ vừa tiện, thêm cơm nữa là thành bữa... Nào, giờ thì tôi phải đi Làm. Lẽ ra chị không nên nghe tôi huyền thuyên quá lâu như thế. Sao này giờ chị không nói gì cả?”

Tôi im lặng, bị ám ảnh bởi sự so sánh đáng kinh ngạc giữa vợ với cá tuyết muối.

“Đừng quên trả lời ba câu hỏi của tôi trong chương trình của chị đấy: Phụ nữ có nhân sinh quan gì không? Với phụ nữ thế nào là hạnh phúc? Và điều gì làm nên một người phụ nữ tốt?”

Kim Soái uống hết tách trà, cầm lấy túi xách và đi.

Tôi ngẫm nghĩ về ba câu hỏi của cô rất lâu, nhưng tôi nhận ra rằng mình không biết câu trả lời. Dường như có một cái hố ngăn cách khổng lồ giữa hai thế hệ chúng tôi. Suốt mấy năm sau đó, tôi đã có cơ hội được gặp gỡ nhiều sinh viên hơn nữa. Khí chất, quan điểm và cách sống của thế hệ phụ nữ Trung Quốc mới lớn lên trong thời kỳ Cải Cách Mở Cửa hoàn toàn khác với bố mẹ họ. Nhưng dù họ có đủ các loại lý thuyết màu mè về cuộc đời, vẫn có một tầng trống rỗng phía sau suy nghĩ của họ.

Họ có đáng trách vì điều đó không? Tôi không nghĩ vậy. Quá trình trưởng thành của họ thiếu mất điều gì đó, khiến họ thành ra thế. Họ không được lớn lên trong một môi trường bình thường, thân ái.

Sau giai đoạn xã hội mẫu quyền thuở xa xưa, địa vị của người phụ nữ Trung Quốc luôn luôn ở mức thấp nhất. Họ bị xem như đồ vật, như một phần tài sản, bị chia sẻ cùng với lương thực, công cụ và vũ khí. Sau này, họ được phép gia nhập thế giới đàn ông, nhưng họ chỉ được tồn tại dưới chân của đàn ông - hoàn toàn phụ thuộc vào sự tốt xấu của người đàn ông. Nếu học về kiến trúc của Trung Hoa, bạn sẽ thấy rằng phải mất bao nhiêu năm ròng một bộ phận nhỏ phụ nữ mới được phép rời khỏi chái nhà ở sân trong (nơi cất dụng cụ làm việc và để gia nhân ngủ) để chuyển ra căn buồng bên cạnh gian chính (nơi chủ gia đình và các con trai của ông ta sống).

Lịch sử Trung Hoa rất dài, nhưng thời điểm người phụ nữ có cơ hội được là chính mình và đàn ông bắt đầu hiểu họ thì lại rất muộn. Vào những năm 1930, khi phụ nữ Phương Tây đang đấu tranh đòi bình đẳng giới, phụ nữ Trung Quốc mới chỉ bắt đầu phản đối xã hội phụ quyền, không còn tự nguyện bó chân, hay để cho bề trên sắp đặt chuyện hôn nhân của họ. Tuy nhiên, họ vẫn không hiểu được trách nhiệm và quyền lợi của người phụ nữ là gì; họ không biết làm thế nào để đấu tranh giành lấy thế giới riêng. Họ ngây ngô tìm kiếm câu trả lời trong không gian chật hẹp của chính họ, và trong một đất nước mà cả nền giáo dục do Đảng chỉ đạo. Hậu quả gây ra cho thế hệ trẻ thật đáng lo ngại. Để tồn tại trong thế giới khắc nghiệt này, nhiều phụ nữ trẻ như Kim Soái phải khoác lên người chiếc áo giáp cứng rắn và đè nén tình cảm thực của mình.

CHƯƠNG 4

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHẬT RÁC

Bên cạnh tường bao quanh đài phát thanh, cách chỗ phòng bảo vệ không xa lắm, có một dãy lều lụp xụp đắp điểm bằng những mảnh kim loại, giấy dầu và túi nilon. Những người đàn bà ở đó sống bằng nghề nhặt rác đem bán. Tôi thường tự hỏi không biết họ từ đâu tới, điều gì đã đưa họ đến với nhau, và kết cục của họ ở đó rồi sẽ ra sao. Dù sao, họ cũng khá khôn ngoan khi chọn một địa điểm an toàn cho những căn lều của mình, cận kề với những người lính gác ở phía bên kia bức tường.

Trong dãy lều thưa thớt đó có cái lều bé nhất nổi bật hẳn lên. Vật liệu của nó không có gì khác, nhưng được nó được sắp xếp khá cẩn thận. Những bức vách bằng mảnh kim loại được sơn màu rắng chiều rực rỡ, và giấy dầu được cuộn lại trông giống như cái tháp nhỏ trên lầu đài. Có ba cái cửa sổ nhỏ làm bằng túi nilon đỏ, vàng và xanh lam, còn cửa ra vào làm bằng các tông nhiều màu xen lẫn những tấm nhựa, che gió chắn mưa khá tốt. Tôi thấy xúc động trước sự cẩn thận và tỉ mỉ rõ rệt trong việc dựng lên chiếc lều mỏng manh này, và chợt nhận ra hình ảnh mấy chiếc chuông gió làm từ những mảnh thủy tinh vỡ nhẹ nhàng va vào nhau leng keng trên cái cửa thật hết sức thương tâm.

Chủ nhân lầu đài phế liệu này là một người đàn bà gầy guộc yếu đuối, đã ngoài năm mươi. Không chỉ cái lều của bà độc nhất vô nhị; ngay cả bà cũng khác hẳn những người đàn bà nhặt rác khác về ngoại hình. Hầu hết bọn họ đều đầu tóc bù xù, mặt mũi nhem nhuốc và rách rưới thảm hại, nhưng người đàn bà này luôn giữ cho mình gọn gàng, và những bộ quần áo sờn cũ của bà được giữ gìn tuyệt đối sạch sẽ và vá rất khéo. Nếu không có chiếc túi bà mang theo để thu gom phế thải, người ta sẽ không hình dung nổi bà là một người nhặt rác. Có vẻ như người đàn bà này sống khá khép mình.

Khi tôi kể với các đồng nghiệp về điều tôi quan sát được ở người đàn bà nhặt rác đó, thì tất cả họ, không muốn tôi cảm thấy mình là người duy nhất, người nọ nối tiếp người kia bèn nói rằng họ cũng đã chú ý đến bà ta. Có người thậm chí còn bảo tôi rằng mấy phụ nữ nhặt rác đó chính là thính giả nhiệt thành của chương trình của tôi. Tôi không rõ liệu có phải họ đang giấu cợt mình hay không nữa.

Đứng ngoài cuộc, Lý Đại, phóng viên mảng xã hội, gõ bút lên mặt bàn đánh cộc, dấu hiệu cho thấy ông sắp sửa thuyết giảng cho các đồng nghiệp trẻ một bài.

“Các cô các cậu chẳng nên thương xót những bà nhặt rác đó làm gì. Họ chẳng nghèo đâu. Linh hồn của họ siêu thoát khỏi thế giới trần tục này theo cách mà người bình thường không hình dung nổi. Cuộc đời họ không có chỗ nào dành cho sở hữu vật chất, nên ham muốn vật chất của họ rất dễ thỏa mãn. Mà nếu các cô các cậu lấy tiền làm tiêu chuẩn đánh giá, rồi các cô các cậu sẽ nhận ra rằng một vài người trong số họ chẳng nghèo khổ hơn những người làm nghề khác chút nào đâu”.

Ông bảo chúng tôi rằng ông từng thấy một bà nhặt rác trong hộp đêm cao cấp, đeo trang sức lấp người và uống rượu brandy Pháp giá một trăm tệ một ly.

“Thật vớ vẩn!” Mạnh Tinh, làm chương trình âm nhạc, phản bác lại. Với cô, riêng sự khác biệt thế hệ đã có nghĩa là cô không bao giờ tin bất kỳ điều gì Lý Đại nói rồi.

Vốn là người thận trọng nhất, không ngờ Lý Đại lại hăng máu lên đòi cá cược với Mạnh Tinh. Cánh nhà báo thích khuấy tung mọi thứ lên, nên những người khác đều hăng hái hòa vào gợi ý nên đặt cược bao nhiêu tiền. Và rồi họ quyết định cá một chiếc xe đạp.

Để thực hiện vụ cá cược, Lý Đại nói dối vợ rằng ông sắp phải làm một số bản tin tối, còn Mạnh Tinh bảo bạn trai là cô phải đi ra ngoài tìm hiểu về âm nhạc đương đại. Trong vài ngày sau đó, tối nào hai người cũng tới chỗ hộp đêm mà Lý Đại tuyên bố là người nhặt rác nợ thường lui tới.

Mạnh Tinh thua. Nhắm nháp whisky, người nhặt rác kể với Mạnh Tinh rằng thu nhập của bà ta từ việc bán đồ phế thải là 900 tệ mỗi tháng. Lý Đại kể Mạnh Tinh bị sốc mất mấy tiếng liền. Mạnh Tinh kiếm được khoảng 400 tệ một tháng, và cô được xem là một trong những nhân viên được ưu ái ở cấp bậc của cô. Kể từ đó, Mạnh Tinh không còn cầu kỳ về giá trị thẩm mỹ của nghề nghiệp nữa; miễn là có thể kiếm tiền, cô ta chấp nhận bất kể việc gì. Mọi người trong phòng nói rằng vụ thua cược cái xe đạp đã dẫn đến cung cách thực dụng kiểu mới đó.

Dù có để ý đến người đàn bà ngẩn ngáp sống trong lâu đài phế liệu đó, song tôi cũng chẳng chú ý nhiều lắm tới cách sống của những người nhặt rác. Thật lòng, trong tôi có phần nào đó xa lánh họ. Tuy nhiên, sau vụ của Mạnh Tinh, mỗi lần nhìn thấy người ta nhặt rác tôi lại cố đoán xem liệu thực ra họ có phải là người lắm tiền nhiều của hay không. Biết đâu lẽ của những người phụ nữ nhặt rác chỉ là nơi làm việc của họ, còn nhà của họ lại là những căn hộ cực kỳ hiện đại.

Chính chuyện cô bạn đồng nghiệp Tiểu Dao của tôi có thai đã thúc đẩy tôi tìm hiểu về người phụ nữ nhặt rác đó. Ngay khi Tiểu Dao biết mình có thai, cô ta bắt đầu đi tìm người trông trẻ. Tôi có thể hiểu tại sao cô lại bắt đầu tìm kiếm trước khi sinh chín tháng: tìm được ai đó đáng tin cậy để chăm sóc đứa bé và làm việc nhà không phải là việc dễ dàng.

Người trông trẻ của tôi là một cô bé mười chín tuổi ở quê ra, tử tế, trung thực, siêng năng, cô bé một thân một mình chạy ra thành phố để trốn một cuộc hôn nhân bị ép buộc. Cô bé cũng có chút tư chất, nhưng chưa bao giờ được giáo dục. Điều này khiến cuộc sống của cô bé gặp vô số trở ngại: cô bé không phân biệt được tờ tiền này với tờ tiền khác hoặc hiểu được tín hiệu đèn giao thông. Ở nhà, cô bé có thể òa khóc nức nở bởi vì không thể nhấc cái nắp nồi cơm điện ra, hay nhầm trứng muối cao cấp với trứng thối và vứt vào thùng rác. Một lần, cô bé chỉ vào một cái thùng rác nhỏ bên vệ đường, bảo tôi vẽ hoàn toàn nghiêm túc rằng cô đã bỏ thư từ của tôi vào 'thùng thư' đó. Hàng ngày tôi đều phải để lại những lời hướng dẫn cẩn thận về những việc cô bé nên và không nên làm, và gọi điện đều đặn về nhà kiểm tra xem mọi thứ có ổn không. May thay, không có gì khủng khiếp xảy ra, đồng thời cô bé và Phan Phan cũng rất quấn nhau. Tuy nhiên, có một lần, tôi không thể ngăn nổi cơn giận. Đó là vào mùa đông, hôm ấy tôi đi làm về sau khi thực hiện chương trình và thấy Phan Phan, lúc đó mới mười tám tháng, đang ngồi trên cầu thang lên tầng năm, chỉ mặc độc một bộ quần áo ngủ mỏng. Nó bị lạnh bởi cái rét cắt thịt đến mức chỉ có thể khóc một cách yếu ớt. Tôi hốt hải chạy đến bế con lên và đánh thức cô bé trông trẻ đang ngủ say, tự sỉ vả bản thân vì không thể dành thời gian hay sự chăm sóc của người mẹ cho con mình.

Tôi không bao giờ bàn luận với các đồng nghiệp về những khó khăn trong việc chăm sóc con cái, nhưng tôi đã nghe rất nhiều chuyện khủng khiếp từ những người khác. Trên báo đầy rẫy những chuyện như vậy. Những cô giúp việc bất cẩn để trẻ con ngã từ bậu cửa sổ tầng bốn xuống mà chết; những người khác, ngu dốt và đần độn, để trẻ con vào máy giặt để tắm rửa, hay nhốt chúng vào tủ lạnh trong khi chơi trốn tìm. Còn có những trường hợp trẻ con bị bắt cóc đòi tiền chuộc, hoặc bị đánh đập.

Ít cặp vợ chồng nào sẵn sàng nhờ bố mẹ mình chăm sóc lũ trẻ, vì như vậy họ sẽ phải sống chung dưới một mái nhà. Hầu hết bọn họ sẵn sàng chấp nhận cuộc sống khó khăn hơn một chút để tránh cặp mắt soi mói của người già. Các bà mẹ chồng Trung Quốc, đặc biệt là những

người truyền thống hoặc ít học, nổi tiếng là hay hành hạ con dâu, bởi chính họ đã từng phải co rúm lại trước mẹ chồng của họ ngày xưa. Mặt khác, người phụ nữ bỏ việc để dành thời gian chăm sóc con cái là một chuyện không thể thực hiện được, bởi vì gần như không thể chi tiêu cho cả gia đình chỉ bằng đồng lương trung bình của một người. Mà những ông chồng ở nhà làm nội trợ là điều chưa có ai nghe thấy bao giờ.

Nghe Tiểu Dao khẩn nài giúp tìm một người trông trẻ đáng tin, sống tình cảm và lương thấp, ông Trần đùa cợt đáp lại, “Có nhiều bà nhặt rác quanh đây đấy, sao cô không đề nghị một trong số những người nghèo khổ làm cho cô? Cô sẽ không phải lo chuyện họ bỏ việc, và cũng không cần phải trả cho họ nhiều tiền nữa.”

Người ta bảo rằng đàn ông nhìn xa, đàn bà nhìn kỹ. Giống như mọi điều khái quát, tôi chưa từng tin điều đó là thật, nhưng câu nhận xét băng quơ của ông Trần khiến tôi kinh ngạc trước cái kiểu *cái khó ló cái khôn* đôi khi vẫn thấy ở đàn ông. Không chỉ mình tôi thấy thế. Vài đồng nghiệp nữ cũng buột mồm thốt lên thích thú: “Đúng! Sao chúng ta không nghĩ ra từ trước nhỉ?”

Câu nói nổi tiếng của Mao Chủ Tịch: *Một tia lửa cũng có thể làm bùng lên cả biển lửa*, được khẳng định nhanh chóng. Chọn một người nhặt rác làm trông trẻ trở thành chủ đề bàn luận sôi nổi của đám đồng nghiệp nữ ở cơ quan tôi suốt mấy ngày. Vì các con của họ chênh tuổi nhau, họ nghĩ có thể tìm được ai đó để có thể thuê luân phiên. Họ lập nên cả một kế hoạch chi tiết giám sát và đánh giá bà ta, và đề ra cả các quy tắc nữa.

Ngay sau đó, tôi được đề nghị tham gia “buổi họp mặt của chị em” trong một phòng họp nhỏ cạnh nhà vệ sinh nữ. Tôi vừa ngồi xuống và nhấp nhồm hỏi liệu họ có gọi nhằm người không, thì họ đã tuyên bố nhất trí cử tôi là người đại diện để chọn ra một người trông trẻ trong đám các bà nhặt rác sống cạnh đài phát thanh. Với kiểu quân phiệt không cho phép tranh cãi, họ tuôn ra một loạt các tiêu chuẩn đã khiến họ cử tôi làm đại diện. Đây là lần đầu tiên các nữ đồng nghiệp tỏ ra tán thưởng tôi. Họ bảo rằng trông tôi thành thật, có cách ứng xử dễ được cảm tình và hiểu lý lẽ, rằng tôi chín chắn, và cẩn thận. Mặc dù ngờ họ có những động cơ đằng sau, tôi vẫn bị sự tăng bốc ấy làm cho mềm lòng.

Vài ngày sau, tôi bắt đầu kiểm soát đi ra chỗ dây lều của những người phụ nữ nhặt rác. Nhưng kết quả tôi quan sát được thật đáng thất vọng: nhìn những người đàn bà mọc rễ quanh đó nhặt tìm những đồ phế thải có thể tận dụng được, thật khó lòng hình dung họ như những người cẩn thận, hiểu lý lẽ, nói gì đến chuyện mời họ về nhà. Họ chùi nước mũi bằng bất cứ thứ gì trong tầm với, những ai có con thì quắp con dưới nách để hai bàn tay rảnh rang nhặt rác. Chỉ với một mẩu giấy che chắn, họ tiểu tiện ngay bên vệ đường.

Người đàn bà nhặt rác duy nhất đáng xem xét chính là chủ nhân của cái lều đài phế liệu kia. Trong những hoạt động thường nhật, bà ta dường như cũng thể hiện sự ân cần, sạch sẽ và nhân hậu. Sau vài lần khởi đầu sai cách, tôi thu hết can đảm chặn bà ta trên đường về căn lều.

“Chào bà! Tôi tên là Hân Nhiên, tôi làm việc trong đài phát thanh. Xin lỗi, tôi có thể nói chuyện với bà được không?”

“Chào cô! Tôi biết cô. Cô là người dẫn chương trình *Khinh Phong Dạ Thoại*. Tối nào tôi cũng nghe chương trình của cô. Tôi giúp gì cho cô được nhỉ?”

“Chuyện là thế này...” tôi, người dẫn chương trình có thể nói không ngừng nghỉ trước micro, đột nhiên lại ăn nói chằng ra đâu vào đâu đến mức hầu như không theo kịp những lời lảm nhảm của mình.

Bà nhặt rác nhanh chóng nắm bắt được ý định của tôi. Bà ta trả lời diềm đạm, nhưng dứt khoát. “Cô làm ơn gửi lời cảm ơn tới các đồng nghiệp của cô hộ tôi vì ý định tốt đẹp của họ,

nhưng tôi khó mà nhận lời đề nghị hào hiệp ấy. Tôi thích được sống một cuộc sống không bị ràng buộc.” Chỉ với một câu nói điềm tĩnh, bà ta đã quét sạch mọi khả năng thuyết phục mà các đồng nghiệp đã nhận thấy ở tôi.

Khi tôi thuật lại với các đồng nghiệp, họ không tin nổi vào tai mình. “Người dẫn chương trình phát thanh cứng cựa mà không thuyết phục nổi một bà nhặt rác...”

Lúc ấy có muốn tôi cũng chẳng thể làm được gì. Ánh mắt của bà nhặt rác đã chặn mọi lý lẽ lại. Tôi cảm thấy trong nét mặt của bà không chỉ có sự từ chối, nhưng vẫn chưa hiểu nổi là còn có gì khác nữa.

Kể từ đó, việc quan sát lâu đài phế liệu và chủ nhân của nó trở thành một phần trong thói quen hàng ngày của tôi. Một tối nọ vào tháng thứ hai của mùa thu, cuối cùng tôi cũng có một cơ hội khác tiến lại gần túp lều nhỏ đó. Sau khi kết thúc chương trình, tôi đi bộ qua dãy lều của những người nhặt rác như thường lệ. Lúc tôi đi qua tòa lâu đài phế liệu, một giọng hát khe khẽ vang ra - đó là một bài dân ca Nga “Thảo Nguyên”. Tôi hết sức tò mò. Sau Cách Mạng Văn hóa, Trung Quốc đã có *chiến tranh lạnh* với Nga, vì thế không nhiều người biết bài hát này; và số người hát được nó còn ít hơn. Mẹ tôi học tiếng Nga ở trường đại học và dạy tôi bài hát này. Làm sao một bà nhặt rác lại biết nó nhỉ?

Tôi ghé lại gần lâu đài phế liệu đó. Tiếng hát đột nhiên ngừng bật, và cái cửa sổ được thiết kế đặc biệt khẽ mở ra. Người đàn bà nhặt rác, mặc chiếc váy ngủ tự khâu, hỏi, “Gì thế? Cô cần gì à?”

“Tôi... tôi xin lỗi, tôi chỉ muốn nghe bà hát, bà hát hay lắm!”

“Thật hả? Cô thích bài hát đó hả, Hân Nhiên?”

“Có, có chứ! Tôi thích lắm. Tôi thích cả ca từ lẫn giai điệu, đặc biệt là vào buổi đêm khuya. Nó như một bức tranh hoàn hảo vậy.”

“Cô hát được chứ?”

“Một chút thôi, không hay lắm. Có vẻ tôi không thể nắm bắt được hương vị của nó.”

“Mấy người trong đài phát thanh các cô thật buồn cười. Các cô làm từ ngữ sống dậy, nhưng lại không thể hát. Thế hương vị của bài hát này là gì vậy? Ngọt ngào? Gay gắt? Đáng chát?”

“Xin lỗi, nhưng tôi phải xưng hô với bà như thế nào nhỉ?”

“Tất cả các cô vẫn gọi chúng tôi là bà nhặt rác đó thôi, phải vậy không? Tôi nghĩ đó là cách hay để gọi chúng tôi, thế nên chỉ cần gọi tôi là Người Đàn Bà Nhặt Rác là được. Cách gọi ấy hợp với tôi.”

“Nghe có vẻ không ổn lắm thì phải?”

“Đừng bận tâm, cô Hân Nhiên ạ. Chỉ cần gọi tôi là Người Đàn Bà Nhặt Rác A, B hay C gì đó là được. Không sao. Vậy ra cô đang nghe tôi hát. Cô có muốn gì thêm nữa không?”

“Không, tôi chỉ đi ngang qua trên đường về nhà sau buổi phát thanh thôi. Khi nghe bà hát bài dân ca Nga đó, tôi chỉ nghĩ có gì đó hơi khác thường thôi. Xin lỗi, nhưng tôi có thể hỏi làm cách nào bà biết bài hát đó không?”

“Chồng tôi dạy; ông ấy học ở Nga.”

Người Đàn Bà Nhặt Rác không nói gì thêm, hay mời tôi vào trong cái lâu đài của bà, nhưng tôi không để tâm, vì bài hát Nga đã cho tôi một chiếc chìa khóa nhỏ mở cánh cửa dẫn vào ký ức của bà.

Sau cuộc trò chuyện đêm đó, Người Đàn Bà Nhặt Rác không tỏ ra dấu hiệu thân thiện đặc biệt

nào khi thấy tôi nữa. Trong đầu tôi không ngừng ong ong những câu hỏi: Chồng bà ta từng là du học sinh, vậy làm sao bà ta lại trôi giạt đến mức trở thành một người nhặt rác? Lời ăn tiếng nói và cử chỉ của bà ta rất tao nhã - bà ta xuất thân trong một gia đình thế nào? Bà ta đã được học hành tới đâu? Bà ta có con không? Nếu có, chúng ở đâu?

Không lâu sau, khi sắp sang năm mới, tôi có một chuyến công tác viết bài ở Bắc Kinh. Một người bạn ở Đài Phát Thanh Bắc Kinh gợi ý tôi tới thăm Trung Tâm Lufthansa, một trung tâm mua sắm bán các mặt hàng của những nhãn hiệu nổi tiếng nước ngoài. Tôi chú ý đến một hộp sôcôla rượu mùi của Nga. Nó rất đắt, nhưng dù vậy tôi vẫn quyết định mua. Bạn tôi chép miệng trước sự kém hiểu biết của tôi: sôcôla rượu mùi của Thụy Sĩ mới là ngon nhất, đã ai nghe nói tới sôcôla rượu mùi của Nga bao giờ đâu? Nhưng tôi muốn mua cho Người Đàn Bà Nhặt Rác. Tôi cảm thấy một cách chắc chắn rằng ai có thể hát một bài dân ca Nga hay như thế thì sẽ hiểu rõ giá trị của nó.

Khi trở về từ Bắc Kinh, tôi không thể ngăn mình đi thẳng tới lâu đài phế liệu kia trước thay vì về nhà. Trước khi gõ tay lên cánh cửa túp lều của Người Đàn Bà Nhặt Rác, tôi lưỡng lự. Người Trung Quốc có câu, *Trên đời này, chẳng có tình yêu vô duyên vô cớ, chẳng hận thù không có nguyên do*. Làm sao tôi có thể giải thích được lý do tặng quà cho bà ta, khi tôi không thể giải thích nổi cho chính mình?

Người Đàn Bà Nhặt Rác đón nhận chiếc hộp một cách kính cẩn bằng cả hai tay, lộ vẻ xúc động sâu sắc. Thường ngày vốn bình thản dửng dưng, nhưng lúc đó rõ ràng là bà đã run lên khi nhìn thấy hộp sôcôla. Bà ta bảo tôi rằng chồng bà thích loại sôcôla rượu mùi này lắm - đúng như tôi dự đoán, những người thế hệ đó nghĩ rằng đồ Liên Xô là đồ tốt nhất - và rằng bà đã không nhìn thấy chúng từ hơn ba mươi năm nay rồi.

Nét mặt Người Đàn Bà Nhặt Rác dần lấy lại vẻ điềm đạm, cuối cùng bà hỏi tôi tại sao lại tặng bà một món quà đắt tiền đến thế.

“Bởi vì chúng ta đều là phụ nữ, và tôi muốn nghe câu chuyện của bà,” chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên trước sự chân thành của mình lúc ấy.

“... Thôi được rồi!” Người Đàn Bà Nhặt Rác dường như đã có một quyết định quan trọng. “Nhưng không phải ở đây, không có bức tường nào ở đây cả. Không có ai, nhất là một người đàn bà, muốn để tất cả mọi người nhìn thấy những vết sẹo trên ngực mình cả.”

Chúng tôi đi bộ lên một quả đồi nhỏ trong vườn bách thảo, nơi chỉ có cây cối và tôi có thể nghe thấy câu chuyện của Người Đàn Bà Nhặt Rác.

Câu chuyện của bà thật rời rạc. Bà không nói rõ nguyên nhân hay hệ quả, và tôi có ấn tượng mạnh mẽ rằng bà vẫn chưa sẵn sàng phơi bày hết tất cả những gì bà đã trải qua. Những lời bà kể mới chỉ mở nắp chiếc hộp mà bà tự nhốt mình trong đó, chứ chưa vén tấm mạng lên khỏi mặt bà.

Khi còn trẻ, chồng Người Đàn Bà Nhặt Rác đi học ở Matxcova ba năm, rồi gia nhập chính trường không lâu sau khi về nước. Đó vừa hay cũng là thời điểm xảy ra những sự kiện khủng khiếp trong cuộc Đại Nhảy Vọt. Được Đảng quan tâm, làm mỗi, ông đã lấy Người Đàn Bà Nhặt Rác. Khi cả gia đình bà đang vui mừng đón đứa con thứ hai thì chồng bà đột ngột qua đời vì một cơn đau tim. Cuối năm sau, đứa con nhỏ của bà chết vì sốt phát ban. Nỗi đau mất chồng mất con khiến Người Đàn Bà Nhặt Rác không còn can đảm để sống tiếp. Một hôm, bà đem đứa con lớn tới bờ sông Dương Tử để tìm cách tái hợp với chồng và con trong kiếp sau.

Bên bờ sông, khi bà đã sẵn sàng để vĩnh biệt cuộc đời thì đứa con trai ngây thơ hỏi, “Mình đi gặp bố hả mẹ?”

Người Đàn Bà Nhật Rác choáng váng: làm sao một đứa trẻ năm tuổi lại hiểu thấu điều trong trái tim bà? Bà hỏi con trai mình, “Con nghĩ sao?”

Thằng bé đáp lớn, “Tất nhiên là đi gặp bố rồi! Nhưng con không cầm ô tô đồ chơi đi để khoe bố rồi!”

Bà bật khóc, và không hỏi thêm câu nào nữa. Bà nhận ra rằng thằng bé cảm nhận được nỗi lòng mình. Nó hiểu rằng cha không còn ở trên cùng một thế giới với mẹ con nó nữa, nhưng giống mọi đứa trẻ khác, nó không hiểu rõ về sự khác nhau giữa sự sống và cái chết. Nước mắt làm sống lại tình mẫu tử và ý thức trách nhiệm trong bà. Bà ôm con vào lòng và khóc, để cho nước sông cuốn trôi sự yếu đuối và đem lại cho bà sức mạnh. Sau đó, bà nhật bức thư tuyệt mệnh lên và dẫn con trai về nhà.

Thằng bé lại hỏi bà, “Thế mình không đi gặp bố nữa hả mẹ?”

Bà đáp, “Bố ở xa quá con ạ, mà con còn quá nhỏ chưa tới đó được. Mẹ sẽ nuôi con khôn lớn, để con có thể lấy được nhiều thứ đẹp hơn, tốt hơn mà mang tới khoe với bố con.”

Sau đó, Người Đàn Bà Nhật Rác làm mọi việc mà một người mẹ độc thân có thể làm để đem lại cho con trai những thứ tốt đẹp nhất. Bà kể rằng con trai bà đang gặt hái thành công rực rỡ.

Nhưng tại sao con trai bà, giờ hẳn đã lấy vợ và có nghề nghiệp ổn định rồi, lại để cho mẹ mình, người đã vất vả cả đời vì anh ta, phải đi nhật rác như thế? “Con trai bà giờ ở đâu? Tại sao...?” Tôi ngập ngừng hỏi.

Người Đàn Bà Nhật Rác không trả lời thẳng vào vấn đề. Bà chỉ bảo không ai có thể diễn tả được trái tim người mẹ. Bà bóng gió một cách dứt khoát rằng tôi đừng gắng hỏi gì thêm nữa.

Năm mới đã qua và Tết Âm Lịch đang tới. Đây là dịp lễ quan trọng nhất trong năm của người Trung Quốc, nhiều người thường sử dụng nó như một cơ hội để củng cố quan hệ làm ăn của mình. Hàng năm, các viên chức trong giới truyền thông thường thu hoạch khá nhiều trong dịp này. Dù ở cấp bậc nào, họ cũng nhận được hàng đồng quà và hàng tá thiệp mời dự các sự kiện tiệc tùng. Mặc dù vào thời điểm đó tôi chỉ là một người dẫn chương trình xoàng xĩnh, không có chút thực quyền, tôi vẫn được những người giàu có và có ảnh hưởng săn đón bởi chương trình của tôi được nhiều người biết đến. Sự quan tâm của họ không phải là một sự công nhận đối với thành quả tôi đạt được, mà là tầm quan trọng của các thánh giả. Mọi quan chức ở Trung Quốc đều biết lời nói của cổ nhân từ đời Đường truyền lại: *Nước đầy thuyền nhưng nước cũng có thể lật thuyền*. Những người bình thường như các thánh giả của tôi là nước, và các quan chức là thuyền.

Trong đồng thiệp mời sơn son thếp vàng rực rỡ mà tôi nhận được, có một cái từ một người rất thành đạt mới được bổ nhiệm vào hội đồng thành phố. Người ta đồn rằng người đàn ông trẻ này có khả năng làm việc lớn; anh ta có tiềm năng sẽ trở thành một trong số ít những người tiếp tục thăng tiến thành cán bộ nòng cốt cấp tỉnh. Tôi rất muốn biết người đàn ông chỉ nhỉnh hơn tôi vài tuổi này có những phẩm chất đặc biệt gì để có thể vượt qua được cái mê cung chính trị của người Trung Quốc. Tôi quyết định tham gia bữa tiệc của ông ta; tấm thiệp mời ghi rõ là tiệc buffet tự phục vụ theo kiểu Phương Tây, một điều mới mẻ.

Bữa tối được tổ chức tại nhà của chính khách kia, tuy không phải là một dinh thự lớn, nhưng rất ấn tượng. Riêng phòng khách lễ ra có thể chia thành bốn căn hộ một phòng cho những người độc thân như tôi. Vì tôi tới khá muộn, căn phòng đã tràn ngập tiếng chuyện trò râm ran của đám đông và tiếng ly cốc lạnh canh. Bà chủ nhà cẩn thận giới thiệu tôi với vài nhân vật vai vế theo thứ tự đẳng cấp của họ. Một ý nghĩ bất kính lóe lên trong óc tôi: khi những nhân vật vai vế này đi vệ sinh, liệu họ có phải theo trật tự đẳng cấp này không nhỉ? Nếu mà vậy thì chắc

những người ở thứ bậc thấp hơn phải nhìn khổ nhìn sở mất.

Bữa tiệc buffet Phương Tây khá sang trọng, và có vẻ đúng kiểu, nếu theo tiêu chuẩn của những bức ảnh tôi thấy trên các tạp chí. Để chứng minh rằng mình đang đối xử với những người phụ nữ trong giới truyền thông một cách đặc biệt, bà chủ nhà nhiệt tình đã diễn một màn biểu thị sự thân thiết, bằng cách gọi mấy nhà báo nữ vào phòng ngủ, và mang ra một hộp sôcôla rượu mùi bà ta dành riêng cho chúng tôi.

Tôi sững người vì ngạc nhiên: hộp sôcôla đó giống hệt với hộp tôi đã tặng cho Người Đàn Bà Nhật Rác. Nữ chủ nhân mở hộp ra. Trong nắp là lời của bài dân ca Nga “Thảo Nguyên” mà tôi chép tay cho Người Đàn Bà Nhật Rác như một lời chúc mừng năm mới.

Gia đình quyền lực này và lâu đài phế liệu của Người Đàn Bà Nhật Rác cách nhau xa một trời một vực. Tại sao hộp sôcôla lại lưu lạc tới đây? Đầu tôi ong lên với những câu hỏi, nhịp tim cũng tăng lên. Tôi chẳng muốn ở lại bữa tiệc thêm chút nào nữa, nên nhanh chóng cáo lỗi rồi chạy ngay đến lâu đài phế liệu, chạy như một người đàn bà điên.

Người Đàn Bà Nhật Rác không có ở đó. Tôi chờ một lúc lâu cho đến khi bà ta trở về lúc đêm khuya. Vừa mới nhìn thấy tôi, bà liền vui vẻ reo lên, “Năm mới Tết Âm Lịch là mùa bận rộn của những người nhật rác chúng tôi. Có rất nhiều thức ăn còn nguyên cả bao bì, và những vật dụng hữu ích bị người ta bỏ đi trong tất cả thùng rác lớn nhỏ. Thành thật mà nói, thời buổi này... Người ta đã quên mất cái thời khó khăn rồi.”

Tôi không kìm nén thêm được nữa, ngắt lời bà ta hỏi thẳng thùng, “Tại sao tôi lại vừa thấy hộp sôcôla tôi tặng bà trong nhà một chính khách đang lên? Có kẻ nào đã đánh cắp nó sao? Chuyện này là thế nào?”

Người Đàn Bà Nhật Rác nghe trong câu hỏi với vẻ mặt phức tạp. Rõ ràng là bà đang run lên, nhưng với một nỗ lực lớn bà đã kìm nén được mà đáp, “Chúng ta có thể thu xếp một buổi gặp sau Tết và tôi sẽ kể cho cô nghe.”

Sau đó, bà đóng cửa và không để ý đến tôi nữa. Tôi đứng như trời trồng ở đó. Chiếc chuông gió kêu leng keng trong ngọn gió lạnh buốt cuối cùng cũng đánh thức tôi khỏi trạng thái ngơ ngẩn, và tôi trở về nhà.

Tết Âm Lịch dường như kéo dài vô tận. Tôi cảm thấy vô cùng áy náy, sống một mình trong căn lều mỏng manh bị mưa gió đập vùi, không bạn bè, không người thân, Người Đàn Bà Nhật Rác hẳn là còn lâu mới muốn mang thêm gánh nặng những câu hỏi thiếu tế nhị của tôi. Tôi nghĩ đến chuyện tới thăm bà, nhưng tôi biết rằng bà đã quyết định dứt khoát: Sẽ phải sau Tết Âm Lịch.

Vào ngày đi làm đầu tiên sau đợt nghỉ Tết, tôi vội vàng đến văn phòng từ rất sớm. Khi đi qua lâu đài phế liệu, tôi nhìn thấy cửa đã khóa móc. Người Đàn Bà Nhật Rác cũng luôn rời nhà từ rất sớm. Điều này không có gì lạ: ai muốn ngủ muộn trong cái lều bé tin hìn chẳng chống được nóng cũng chẳng che được lạnh này? Ở cổng đài phát thanh, người gác cổng oang oang gọi tôi để thông báo có người nào đó gửi lại cho tôi một bức thư từ hôm trước. Nhiều thánh giả thường chịu khó đích thân mang thư tới. Có vẻ như họ nghĩ rằng làm vậy sẽ an toàn hơn, và có nhiều khả năng được tôi chú ý đến hơn. Tôi cảm ơn người gác cổng, nhưng không chú ý đặc biệt gì đến lá thư, mà bỏ luôn vào chiếc khay đựng công văn của tôi khi đi ngang qua.

Ngày hôm đó tôi lên ra ngoài ba, bốn lần để ra chỗ lâu đài phế liệu, nhưng cửa vẫn khóa và vẫn không thấy Người Đàn Bà Nhật Rác đâu cả. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi cáu vì bà ta không giữ lời, nhưng quyết định sẽ đợi bà đến cùng. Tôi muốn xin lỗi, và xí xóa vụ hộp sôcôla lần trước. Tôi quyết định ở lại văn phòng đến ca cuối để đọc thư.

Khoảng tám giờ hai mươi tối đó, tôi lại ra ngoài lần nữa, nhưng cửa lâu đài phế liệu vẫn khóa. Tôi tự hỏi tại sao bà ta vẫn chưa về. Phải chăng bà nhật được rất nhiều đồ? Trở về phòng làm việc, tôi tiếp tục đọc thư. Lá thư tiếp theo được viết bằng nét chữ bay bướm, rất đẹp. Người viết hẳn là một phụ nữ có học vấn cao, một người đã được giáo dục rất tốt. Tôi chờ người ra khi đọc những dòng này:

Hân Nhiên thân mến!

Cảm ơn cô. Cảm ơn chương trình của cô - tôi vẫn nghe hàng ngày. Cảm ơn vì lòng chân thành của cô - bao năm rồi tôi mới có một người bạn. Cảm ơn vì hộp sôcôla rượu mùi của Nga - nó làm tôi nhớ ra rằng tôi là người đàn bà đã từng có một người chồng.

Tôi đã tặng cho con trai chúng tôi hộp sôcôla đó. Tôi nghĩ nó sẽ thích hộp sôcôla đó như cha nó trước kia.

Sống với mẹ là chuyện rất khó khăn với một đứa con trai, và cũng rất khó khăn đối với vợ nó. Tôi không muốn phá hoại cuộc sống của con trai tôi, hay khiến nó chịu khổ sở khi phải cố giữ cân bằng giữa vợ và mẹ. Tuy nhiên, tôi nhận ra rằng mình không thể nào lẩn tránh được bản tính đàn bà của mình và những thói quen chung thân của một bà mẹ. Tôi sống như thế này để được gần con trai tôi, để được nhìn thấy nó dù thoáng qua khi nó đi làm mỗi sáng sớm, xin đừng nói cho nó biết điều đó. Nó vẫn nghĩ rằng tôi đã chuyển về sống ở vùng nông thôn trong suốt thời gian rồi.

Hân Nhiên, tôi xin lỗi; nhưng tôi phải đi rồi. Tôi là một giáo viên dạy ngoại ngữ, và tôi nên trở lại nông thôn để dạy dỗ được nhiều trẻ em hơn nữa. Như cô từng nói trong chương trình của mình ấy, người già cần có một không gian riêng để dệt nên tuổi già đẹp đẽ cho chính mình.

Xin hãy bỏ quá cho tôi vì đã đối xử lạnh lùng với cô. Tôi đã dành hết tất cả sự ấm áp cho con trai tôi rồi, cha nó tiếp tục sống trong nó.

Chúc cô một năm mới hạnh phúc và an bình.

Người Đàn Bà Nhật Rác

Lều Rác

Tôi có thể hiểu tại sao Người Đàn Bà Nhật Rác lại ra đi. Bà ta đã để cho tôi nhìn thấu tâm can mình và sự hổ thẹn không để bà đối mặt với tôi lần nữa. Tôi cảm thấy ân hận vì đã buộc bà ra đi khỏi cái thế giới được tạo dựng công phu của bà, đồng thời cũng thấy tiếc cho bà vì bà đã đốt cháy mình để thắp sáng cuộc đời con cái, để rồi cam chịu bị hắt sang bên lề. Niềm tin duy nhất của bà chính là tư cách của một người mẹ.

Tôi giữ bí mật cho Người Đàn Bà Nhật Rác và không bao giờ nói với con trai bà chuyện mẹ anh ta đã dối theo anh ta từng bước như thế nào. Nhưng tôi cũng không bao giờ tới nhà anh ta lần nữa, vì tôi trân trọng ký ức của Người Đàn Bà Nhật Rác, người chưa bao giờ bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà đó. Mặc dù trông anh ta có vẻ giàu sang, nhưng mẹ của anh ta mới chính là người giàu có thực sự.

CHƯƠNG 5

NHỮNG NGƯỜI MẸ HỨNG CHỊU TRẬN ĐỘNG ĐẤT

Khi cô đồng nghiệp Tiểu Dao sinh con, tôi thu xếp đến bệnh viện thăm cô cùng vài chị em cùng phòng. Mạnh Tinh rất phấn khích, vì cô chưa bao giờ đến phòng phụ sản. Giám đốc Trương ở bộ phận Đối Ngoại khuyên cô không nên đi: ở Trung Quốc, phụ nữ chưa sinh con bị cho là nặng vía đối với trẻ mới sinh. Mạnh Tinh bỏ ngoài tai lời cảnh báo, coi đó là chuyện mê tín của mấy bà già, và dẫn đầu đoàn chúng tôi đi vào bệnh viện.

Chúng tôi đến bệnh viện mang theo cơ man đồ ăn cho Tiểu Dao: đường đỏ và nhân sâm để cô uống bổ máu, chân giò lợn và cá để giúp sữa xuống nhiều, gà và hoa quả để phục hồi thể chất. Khi chúng tôi bước vào phòng, chúng tôi thấy Mạnh Tinh đã ríu rít trò chuyện với Tiểu Dao rồi. Cô đang ăn trứng luộc nhuộm đỏ tượng trưng cho hạnh phúc khi sinh được một đứa con.

Bố mẹ đẻ và bố mẹ chồng của Tiểu Dao cũng có mặt ở đó, căn phòng đầy ắp những món quà. Tiểu Dao trông hạnh phúc với vẻ tươi tắn đáng ngạc nhiên sau cơn vượt cạn. Tôi đoán rằng việc sinh được con trai cũng là một lý do khiến cô rạng ngời đến thế.

Qua bao thế hệ người Trung Quốc, câu nói này vẫn luôn luôn đúng: *Dù có đủ cả ba mươi sáu phẩm chất, nhưng tôi không sinh được người nối dõi đủ quét sạch tron mọi phẩm chất đó.* Một người phụ nữ sinh được con trai thì không thể chê trách vào đâu được.

Khi Tiểu Dao đang đau đẻ, cô ở trong phòng sinh cùng với bảy người phụ nữ khác. Tiểu Dao đã mấy lần bảo chồng chuyển cô đến một phòng riêng, nhưng anh ta không chịu. Khi nhận được tin cô sinh con trai, anh chồng ngay lập tức thu xếp để chuyển cô đến một phòng đơn.

Căn phòng chật chội nhưng sáng sủa. Chúng tôi mỗi người tự tìm lấy một chỗ mà ngồi, và mọi người bắt đầu chuyện trò như pháo rang. Tôi không giỏi tán chuyện lắm vì tôi không thích nói chuyện về đời tư của mình, câu chuyện về những gia đình không đầy đủ. Khi còn bé, tôi bị tách khỏi bố mẹ; khi trưởng thành, tôi không có gia đình thực sự của mình - chỉ có con trai tôi. Lặng lẽ ngồi nghe, tôi gấp một tờ giấy gói đồ thành hình một con thỏ theo kiểu gấp giấy Nhật Bản.

Ngoài tiếng trò chuyện của đồng nghiệp, tôi còn nghe thấy những giọng nói ngoài hành lang. Một người đàn ông nói bằng giọng nhỏ nhưng dứt khoát. “Em nghĩ lại đi. Chuyện này quá nguy hiểm.”

“Em không sợ. Em muốn biết cảm giác sinh con ra như thế nào,” người đàn bà đáp.

“Có thể em không sợ, nhưng anh thì sợ. Anh không muốn con anh mồ côi mẹ.”

“Nếu em không sinh nở tự nhiên, làm sao em có thể tự gọi mình là một người mẹ được?” Giọng người đàn bà có vẻ mất kiên nhẫn.

“Nhưng em biết rõ là trong tình trạng của em, em không thể...”

“Bác sĩ không bảo là 100% không thể!” người đàn bà ngắt lời, “em chỉ muốn tự mình thực hiện điều đó...” Tiếng của họ nhỏ dần khi họ đi xa.

Khi tôi chuẩn bị về, mẹ chồng của Tiểu Dao lén dúi một mảnh vải đỏ cho tôi và bảo đốt nó để “xua đuổi ma quỷ mà Mạnh Tinh dẫn tới”. Tôi không dám trái lời. Khi ra khỏi bệnh viện, tôi quẳng mảnh vải vào cái bếp lò trong một quầy hàng ăn ven đường, nhưng không kể gì với Mạnh Tinh, vì cô nàng rất ghét phải thừa nhận thất bại.

Ba tháng sau, tôi được mời đến dự bữa tối trong đám tang của một gia đình mà tôi không

biết. Thính giả thường mời tôi đến tham dự các sự kiện gia đình, nhưng thường là đám cưới. Người lạ hiếm khi được mời đến dự các bữa cơm tối trong đám tang, nên tôi lấy làm bối rối. Bữa ăn được tổ chức ở một nhà hàng chứ không phải là phòng tiếp khách tang lễ hay đài hóa thân, và trên tấm thiệp mời đề nghị khách đến mang theo một cái tên bé trai. Tôi chưa từng gặp nghi lễ nào như vậy cả.

Tôi quyết định đi, và mang theo tên “Thiên Thi” (chìa khóa của trời). Chủ nhà bế một đứa bé vừa đầy tháng trên tay ra đón khách; vợ anh ta đã chết khi sinh con. Khi biết tôi là ai, ông ta bật khóc và hỏi tôi tại sao vợ ông ta lại không chịu mổ để dù biết khi làm vậy sẽ cô sẽ phải mạo hiểm tính mạng của mình. Chẳng lẽ trải nghiệm sinh nở tự nhiên lại quan trọng hơn cả mạng sống?

Tôi tự hỏi mình không biết đây có phải là cặp vợ chồng mà tôi đã nghe thấy họ nói chuyện trong bệnh viện không. Tôi thấy sốc trước quyết định của người phụ nữ không quen này, nhưng từ nơi sâu thẳm, tôi hiểu niềm khao khát có được nếm trải độc nhất vô nhị ấy. Người chồng góa vợ của cô không thể hiểu và cũng không hiểu vậy. Anh ta hỏi tôi liệu tôi có thể cho anh ta biết làm thế nào để hiểu được phụ nữ không.

Tôi không biết con trai anh ta có lấy cái tên Thiên Thi không, nhưng khi rời khỏi đám tang ấy tôi hy vọng nó sẽ là chiếc chìa khóa trời ban cho cha nó để mở cánh cửa dẫn vào tâm hồn phụ nữ.

Tuy nhiên, tôi chỉ thực sự hiểu được làm mẹ có nghĩa là thế nào khi tới thăm thành phố công nghiệp Đường Sơn năm 1992, được xây lại sau khi bị phá hủy hoàn toàn trong trận động đất khủng khiếp làm 300.000 người thiệt mạng ngày 28 tháng Bảy năm 1976.

Vì đài phát thanh Nam Kinh là một trong những đài quan trọng của Trung Quốc, nên tôi thường phải đi khắp đất nước để tham dự những cuộc hội nghị ở địa phương về vấn đề phát triển công tác phát thanh và truyền hình. Mục đích duy nhất của những cuộc hội nghị này là nhắc lại như vẹt chính sách của Đảng chứ không phải tham gia vào một cuộc tranh luận đích thực nào. Để khóa lấp sự thiếu hụt nhân tố kích thích mang tính tri thức, ban tổ chức thường bố trí cho những người tham dự đi tham quan vùng nông thôn xung quanh đó trong thời gian diễn ra hội nghị. Việc này giúp tôi có nhiều cơ hội để phỏng vấn những người phụ nữ các vùng khác nhau của Trung Quốc.

Trong một cuộc hội nghị như thế ở Thiên Tân, tôi có cơ hội đến thăm thành phố Đường Sơn ở kề cận. Trận động đất ở Đường Sơn năm 1976 là một ví dụ thảm khốc về việc thông tin liên lạc bị cắt đứt hoàn toàn ở Trung Quốc vào thời bấy giờ. Năm 1976, chính phủ Trung Quốc đang phải đối mặt với cái chết của ba nhân vật rường cột: Mao Trạch Đông, thủ tướng Chu Ân Lai và nguyên soái Chu Đức. Mỗi bận tâm về cuộc khủng hoảng này, cộng thêm sự yếu kém về kỹ thuật của Trung Quốc lúc đó, có nghĩa là họ hoàn toàn không hề nhận thức được rằng trận động đất đã xảy ra. Chỉ đến khi một người đàn ông từ Đường Sơn khăn gói đến tận Bắc Kinh thì tin tức mới lan ra khắp nơi. Nhưng ngay cả vậy, người ta vẫn cứ nghĩ ông này bị điên. Văn phòng Tân Hoa Xã ở vùng có thành phố Đường Sơn biết được thông tin về trận động đất không phải từ văn phòng trung ương mà từ báo chí nước ngoài, các báo này nhận được tin từ các trung tâm giám sát động đất tân tiến hơn của các nước khác.

Khi ở Đường Sơn tôi được nghe kể về một trại trẻ mồ côi khác thường được xây dựng và điều hành bởi những người mẹ mất con trong trận động đất. Tôi nghe kể rằng họ đã gom góp tiền cho trại trẻ bằng những khoản đền bù nhận được. Tôi gọi điện để sắp xếp một chuyến thăm. Trại trẻ được xây dựng với sự giúp đỡ của đơn vị quân đội đồn trú tại địa phương, nằm ở ngoại ô, bên cạnh viện điều dưỡng quân đội. Tôi nghe thấy tiếng trẻ con khi đi tới hàng rào gỗ và

những bụi cây thấp bao quanh trại. Đây là một trại trẻ không có nhân viên hành chính; một số người gọi đó là một gia đình không có đàn ông. Vài bà mẹ và mấy chục đứa trẻ sống ở đó.

Tôi thấy bọn trẻ đang tập thể dục ở sân, còn các bà mẹ đang làm màn thầu trong bếp. Những người phụ nữ chào đón tôi với những bàn tay dính đầy bột mì, bảo rằng họ thích chương trình của tôi lắm. Vẫn mặc nguyên tạp dề, họ đưa tôi đi tham quan một vòng quanh trại trẻ.

Mỗi bà mẹ sống cùng năm hay sáu đứa trẻ trong một căn phòng rộng, bài trí sơ sài, nhưng thoải mái ấm cúng. Nhà kiểu này khá phổ biến ở miền Bắc Trung Quốc: choán lấy một nửa căn phòng là chiếc *kháng*, một loại giường kiềng lò sưởi xây bằng gạch hay đất sét. Vào mùa đông người ta có thể đốt lửa dưới gầm *kháng* để làm cho nó ấm và vào ban đêm mọi người trong gia đình cùng ngủ trên đó. Chăn của từng người đóng vai trò ranh giới phân chia chỗ ngủ. Ban ngày, những tấm chăn được cuộn sang một bên lấy chỗ đặt một chiếc bàn nhỏ làm nơi sinh hoạt và ăn uống cho cả phòng. Nửa còn lại của căn phòng để tủ tường, một cái tràng kỷ và mấy cái ghế đầu cho khách ngồi.

Khác với những ngôi nhà bình thường, các căn phòng trong trại trẻ được trang trí màu sắc lộn xộn đủ loại, theo sở thích của lũ trẻ. Mỗi căn phòng đều có phong cách trang trí riêng, nhưng có ba vật luôn hiện diện ở tất cả các phòng. Thứ nhất là một khung treo ảnh của tất cả những đứa trẻ từng sống trong trại. Thứ hai là một bức phác họa đôi mắt trào lệ, với hai từ viết trên con ngươi: *Tương Lai*. Thứ ba là một cuốn sách trong đó ghi lại tiểu sử của từng đứa trẻ.

Những người phụ nữ ở đây rất tự hào về lũ trẻ, và họ làm tôi thích thú với chuyện kể về thành tích của chúng, nhưng chính những câu chuyện về những người phụ nữ đó mới là điều tôi muốn nghe nhất.

Trong lần đến thăm đầu tiên, tôi chỉ phỏng vấn được một bà mẹ, bà Trần. Bà từng sống nhờ trợ cấp quân đội, và có ba đứa con. Tôi trò chuyện với bà trong khi giúp bà hấp màn thầu cho lũ trẻ, tôi gọi bà là “dì” vì bà đáng tuổi mẹ tôi.

“Dì Trần, cháu có thể hỏi dì về chuyện đã xảy ra hôm động đất không? Cháu xin lỗi, cháu biết những ký ức đó hẳn là rất đau xót...”

"Không sao đâu - chưa một ngày nào qua đi mà tôi lại không nhớ cái ngày hôm ấy. Tôi không nghĩ có người sống sót nào quên nổi sự kiện ấy. Mọi chuyện đều quá đối không thực vậy... Sáng hôm đó, trời chưa sáng, một âm thanh kỳ lạ đánh thức tôi, tiếng ầm ầm và gầm rú, như tiếng đoàn tàu đang lao thẳng về phía nhà tôi vậy. Tôi ngỡ mình đang mơ - những giấc mơ thường lạ kỳ như vậy - nhưng tôi vừa sắp sửa hét lên thì một nửa phòng ngủ, cùng với chồng tôi đang ngủ trên giường đã bẹp rúm. Phòng ngủ của lũ trẻ ở phía bên kia nhà đột nhiên hiện ra trước mắt tôi, như là một sân khấu vậy. Con trai lớn của tôi mắt tròn tròn, miệng há hốc; con gái tôi khóc và gọi to, vươn hai tay về phía tôi; còn thằng út thì vẫn ngủ ngon lành.

Mọi thứ xảy ra quá nhanh... cảnh tượng trước mắt tôi đột nhiên sụp xuống như tấm rèm cửa rơi. Tôi hoảng loạn, nhưng tôi vẫn nghĩ mình đang gặp ác mộng. Tôi véo mình thật đau, nhưng vẫn không tỉnh khỏi cơn mộng. Trong cơn tuyệt vọng, tôi lấy kéo đâm vào chân mình. Cảm thấy cơn đau và nhìn máu chảy ra, tôi mới nhận thức được rằng không phải mình đang mơ. Chồng và các con tôi đều đã rơi xuống vực thẳm. Tôi hét lên như một người điên, nhưng không ai nghe tiếng tôi cả. Tiếng những bức tường sụp đổ và đồ đạc va đập vỡ tan vang dội khắp bầu không khí. Tôi đứng đó, lê cái chân chảy máu, đối diện với cái hố há hoác từng là một phần mái nhà của mình. Chồng và những đứa con xinh đẹp của tôi đã biến mất ngay trước mắt. Tôi muốn khóc, nhưng không còn nước mắt. Tôi không còn thiết sống chút nào nữa."

Nước mắt dâng ngập trong mắt bà.

“Cháu xin lỗi, dì Trần à...” tôi mất tự chủ lấp bắp.

Bà lắc đầu. “Đã gần hai mươi năm rồi, nhưng gần như ngày nào cũng vậy, mỗi sáng sớm, tôi lại nghe thấy tiếng ầm ầm và gầm rú như tàu lao tới đó cùng với tiếng khóc của các con tôi. Đôi lúc, tôi rất sợ những âm thanh đó, tôi đi ngủ rất sớm cùng với lũ trẻ và đặt đồng hồ báo thức dưới gối để đánh thức mình dậy trước ba giờ. Khi đồng hồ kêu, tôi dậy và ngồi cho đến khi trời sáng, thỉnh thoảng tôi ngủ lại sau bốn giờ. Nhưng sau vài ngày như vậy, tôi lại thêm được nghe thấy những âm thanh khủng khiếp đó, vì trong ấy có cả tiếng của các con tôi nữa.”

“Giờ có cả bầy trẻ con vây quanh thế này dì có thấy đỡ buồn hơn không?”

“Đỡ hơn nhiều chứ, nhất là vào ban đêm. Tôi nhìn chúng ngủ và cảm thấy được an ủi theo một cách mà tôi không thể giải thích. Tôi cầm tay chúng áp vào mặt mình khi ngồi cạnh chúng. Tôi thơm chúng và cảm ơn chúng vì đã giúp tôi tiếp tục sống.”

“Lũ trẻ cũng sẽ cảm ơn dì khi chúng lớn lên - đó là vòng quay của tình yêu”.

“Đúng vậy, từ già tới trẻ rồi vòng trở lại. Nào, màn thầu chín rồi đấy, tôi phải gọi lũ trẻ vào. Cô có muốn dùng một chút không?”

Tôi cáo lỗi rồi nói sẽ trở lại vào ngày hôm sau. Tim tôi ứ lên đến mức chẳng thể nói chuyện với bất kỳ ai khác nữa. Tôi ra về mà cảm thấy kiệt quệ cả về tính thần lẫn thể xác.

Đêm đó, trong mơ, tôi nghe thấy tiếng động ầm ầm và tiếng trẻ con khóc mà dì Trần miêu tả, rồi choàng tỉnh dậy mồ hôi lạnh vã ra như tắm. Ánh nắng đổ vào qua chiếc rèm lưới, và tiếng lũ trẻ đang trên đường tới trường ríu rít khắp nơi. Tôi thấy nhẹ cả người.

Buổi họp hôm đó kết thúc sớm. Tôi lịch sự từ chối lời mời đi ăn tối của vài người bạn ở Thiên Tân và vội vã bắt tàu đến Đường Sơn. Đến trại trẻ, tôi được dịp nói chuyện với bà Dương, người phụ trách bữa ăn cho lũ trẻ. Khi tôi tới bà đang trông lũ trẻ ăn tối.

“Nhìn tụi trẻ con ăn ngon lành chưa kìa,” bà nói.

“Chắc là tại dì nấu ăn ngon đấy.”

“Không hẳn thế. Trẻ con thích một số thứ nhất định, chẳng hạn như thức ăn mang những hình thù đặc biệt. Có thể chỉ là bánh mì hấp được nặn thành hình con thỏ hay con cún, nhưng làm thế chúng sẽ ăn nhiều hơn. Chúng cũng thích những thứ ngọt, thế nên chúng thích ăn những món chua ngọt hay thịt lợn quay Quảng Đông lắm. Chúng thích thức ăn dễ nhai, như thịt băm viên hay rau quả viên. Trẻ con luôn nghĩ rằng cái gì của tụi bạn cũng tốt hơn, nên tôi để chúng lựa chọn thức ăn và trao đổi tùy thích. Điều ấy làm tăng hứng thú của chúng với thức ăn. Con gái tôi cũng y như vậy đấy; nếu cô đưa nó một phần của cùng một món ăn để trong mấy cái đĩa khác nhau, nó sẽ rất thích thú.” Bà lắc đầu triu mến.

Tôi rụt rè gợi mở, “Cháu nghe nói con gái dì...”

“Tôi sẽ kể cho cô chuyện về con gái tôi, nếu cô muốn, nhưng tôi sẽ không kể ở đây. Tôi không muốn lũ trẻ nhìn thấy tôi khóc. Nhìn chúng ăn uống và cười đùa vui vẻ thế kia thật dễ chịu biết mấy, chúng thực sự khiến tôi...” Bà ngừng nói, giọng nghẹn ngào vì nước mắt.

Tôi nhẹ nhàng nhắc bà. “Dì Dương?”

“Không phải ở đây, vào phòng tôi đã.”

“Phòng dì?”

“Phải, ở đây tôi là người duy nhất có phòng riêng, vì tôi còn đảm trách một việc nữa là quản lý các ghi chép về sức khỏe và đồ dùng cá nhân của lũ trẻ. Chúng ta không thể để lũ trẻ tới gần những thứ đó được.”

Phòng bà Dương rất nhỏ; một bức tường hầu như được phủ kín bằng một bức ảnh phóng to đến mức trông như một bức họa bằng những điểm và màu sắc. Trên ảnh là một cô bé có đôi mắt rất sống động, đôi môi hé mở như sắp nói điều gì.

Nhìn chăm chăm vào tấm ảnh, bà Dương nói, “Con gái tôi đấy. Ảnh chụp khi nó tốt nghiệp tiểu học. Đó là bức ảnh duy nhất của nó mà tôi có.”

“Cô bé xinh quá đi mất.”

“Vâng. Từ hồi học mẫu giáo nó đã nghịch ngợm và nói chuyện liên mồm rồi.”

“Hẳn là cô bé rất thông minh.”

“Tôi nghĩ thế - nó chưa từng đứng đầu lớp, nhưng tôi chưa bao giờ phải lo lắng gì về nó cả.” Bà Dương vừa nói vừa vuốt ve tấm ảnh. “Nó bỏ tôi đi đã gần hai mươi năm nay rồi. Tôi biết là nó chẳng muốn đi đâu. Nó đã mười bốn tuổi. Nó đã biết thế nào là sống và chết: nó không muốn chết.”

“Cháu nghe nói cô bé đã sống sót qua trận động đất?”

“Phải, nhưng thà nó bị đè chết ngay lúc đó còn hơn. Nó cầm cự được mười bốn ngày - mười bốn ngày hai giờ, biết rằng cái chết đang tới. Mà nó chỉ mới mười bốn tuổi đầu...” Bà Dương bật khóc.

Không kim nổi dòng nước mắt tuôn rơi, tôi nói, “Dì Dương à, cháu xin lỗi,” và đặt tay lên vai bà.

Bà nức nở trong khoảng vài phút. “Tôi... tôi không sao. Hân Nhiên, cô không thể tưởng tượng nổi cảnh tượng lúc đó tồi tệ đến mức nào đâu. Tôi sẽ không bao giờ quên nổi vẻ mặt của nó lúc ấy.” Bà lại nhìn chăm chăm vào bức ảnh một lần nữa với ánh mắt đầy yêu thương. “Miệng nó hé ra, như trong ảnh này vậy...”

Những giọt nước mắt của bà khiến tôi đau xót, tôi đề nghị, “Dì Dương à, dì đã bận rộn cả ngày rồi, chắc dì đã mệt, để lần khác kể tiếp vậy nhé?”

Bà Dương trấn tĩnh lại. “Không, tôi nghe nói cô rất bận. Cô đã lặn lội xa xôi tới đây chỉ để nghe chuyện của chúng tôi; tôi không thể để cô về không được.”

“Không sao đâu, cháu có thời gian mà,” tôi vỗ về bà lần nữa.

Bà vẫn cương quyết. “Không, không được. Tôi sẽ kể cho cô ngay bây giờ.” Bà hít một hơi sâu. “Chồng tôi mất một năm trước đó, để lại tôi và con gái sống trong căn hộ trên tầng năm được đơn vị cấp cho. Nhà tôi chỉ có một phòng, phải dùng chung bếp và nhà tắm. Căn phòng đó cũng không lớn, nhưng hai mẹ con tôi cũng không thấy chật. Vì tôi rất ghét nóng quá hay lạnh quá, nên nửa phòng của tôi nằm cạnh tường trong, nửa phòng của con gái tôi nằm cạnh tường ngoài. Sáng hôm đó, tôi đột ngột thức giấc vì một cơn chấn động âm ỉ, cùng tiếng nổ vang dữ dội. Con gái tôi gọi to, và cố gắng ra khỏi giường đến chỗ tôi. Tôi cố đứng lên, nhưng không thể đứng thẳng được. Mọi thứ nghiêng ngả, bức tường nghiêng về phía tôi. Đột nhiên, bức tường phía con gái tôi biến mất, và chúng tôi đứng trơ ra ngay bên mép tầng năm. Trời hôm đó rất ẩm, nên chúng tôi chỉ mặc độc bộ quần áo lót. Con gái tôi thét lên và hai tay ôm lấy ngực, nhưng trước khi kịp phản ứng gì hơn, nó đã bị một bức tường đổ hất văng khỏi mép tầng năm.

Tôi hét lên gọi tên con khi bám tay vào mấy cái quần áo treo trên tường. Mãi tận sau khi cơn rung lắc kết thúc và tôi có thể đứng yên trên sàn nhà nghiêng tôi mới nhận ra đó là một trận động đất. Tôi điên cuồng tìm cách xuống dưới, và loạng choạng đi xuống, gào thét gọi tên con.

Tôi không nhận ra là mình chưa mặc quần áo. Tất cả những người sống sót khác cũng mặc rất ít. Một số thậm chí còn ở trần, nhưng không ai còn tâm trí đâu mà nghĩ về chuyện đó cả. Chúng

tôi hoảng hốt túa ra xung quanh trong ánh sáng mờ mờ, khóc gọi tên người thân.

Trong mớ tạp âm hỗn loạn đó, tôi hét khản cả tiếng hỏi tất cả những ai tôi gặp xem có thấy con gái tôi đâu không. Một số người hỏi lại tôi có nhìn thấy người thân của họ không. Mọi người tìm kiếm và gào thét như điên cuồng, không ai hiểu gì hết. Khi mọi người dần dần nhận thức đầy đủ về sự khủng khiếp của sự việc xảy ra, một sự im lặng nhúc nhối bao trùm lên tất cả. Có thể nghe thấy cả tiếng kim rơi. Tôi sợ di chuyển, chỉ sợ lại làm cho mặt đất rung chuyển lần nữa. Chúng tôi đứng đó quan sát cảnh tượng trước mắt; những tòa nhà đổ sập, ống nước gãy tan, những cái hố há hoác dưới đất, xác người ngổn ngang khắp nơi, trên mặt đất, treo lơ lửng trên những thanh xà nhà và bên ngoài các ngôi nhà. Một màn khói bụi dâng lên. Không thấy mặt trăng hay mặt trời, không ai biết lúc ấy là mấy giờ. Chúng tôi đã tự hỏi liệu mình có còn ở vùng đất của người sống hay không nữa".

Tôi nhắc bà Dương uống chút nước.

"Nước ư? À, đúng rồi... Tôi chẳng rõ là mất bao lâu, nhưng tôi bắt đầu thấy khát vì đã hét khản cả cổ. Ai đó nói ra ý nghĩ của tôi bằng một giọng yếu ớt, "Nước", nhắc mọi người quay trở lại với vấn đề cấp bách của sự sống còn. Một người đàn ông trung niên bước ra khỏi đám đông và nói, "Nếu muốn sống, chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau và tổ chức lại." Chúng tôi thì thảo đồng tình.

Trời bắt đầu rạng, và mọi thứ xung quanh trở nên rõ ràng hơn, và kinh khủng hơn. Đột nhiên có ai đó hét lên, "Nhìn đằng kia kìa, có ai đó còn sống!" Trong ánh sáng nhàn nhạt, chúng tôi nhìn thấy một cô bé lơ lửng trong không trung, bị kẹt giữa những bức tường bị đổ của hai tòa nhà. Mặc dù tóc cô bé trùm khuất cả mặt, lại thêm phần dưới cơ thể bị mắc kẹt và khuất tầm nhìn, nhưng tôi nhận ra màu sắc và kiểu áo nịt ngực, nhận ra cử động oằn oại của thân mình ấy, đó là con gái tôi. "Tiểu Bình!" tôi hét lên. Tôi gọi tên nó mãi, điên dại vì mừng vui lẫn đau khổ. Con bé vẫn tiếp tục quẩn quại một cách tuyệt vọng, và tôi nhận ra rằng nó không thể nhìn thấy hay nghe thấy tôi nói. Tôi đẩy mọi người ra để lách lên, huơ chân múa tay về phía con bé và nức nở đến khản giọng rằng đó là con gái tôi. Gạch vụn đổ nát ngăn tôi lại. Mọi người bắt đầu xúm vào giúp, cố gắng trèo lên bức tường đang kẹp cứng con gái tôi, nhưng nó phải cao tới ít ra là hai tầng, và họ không có dụng cụ gì cả. Tôi hét gọi tên Tiểu Bình không biết bao nhiêu lần. Nhưng nó vẫn không nghe thấy tôi. Có mấy bà, rồi mấy ông nữa cũng hỗ trợ tôi gọi nó. Lát sau hầu như tất cả mọi người đều gọi, "Tiểu Bình! Tiểu Bình!"

Cuối cùng thì Tiểu Bình cũng nghe thấy. Nó ngẩng đầu lên, và dùng bàn tay không bị mắc kẹt - tay trái - hất tóc ra khỏi mặt. Tôi biết nó đang tìm tôi. Trông nó rất hoang mang; nó không tìm thấy tôi trong đám đông trần truồng hay gần như trần truồng bên dưới. Một ông đứng cạnh tôi bắt đầu đẩy mọi người xung quanh dạt sang hai bên. Lúc đầu không ai trong chúng tôi hiểu ông ta làm gì, nhưng sau đó nhanh chóng nhận ra ông đang cố dẹp lấy một khoảng trống để Tiểu Bình nhìn thấy tôi. Việc này đem lại kết quả; Tiểu Bình hét lên, "Mẹ!" và vẫy bàn tay không bị kẹt về phía tôi. Tôi hét lên đáp lại, nhưng giọng tôi đã khàn đặc và yếu ớt. Thay vì gọi, tôi giơ tay lên vẫy về phía nó. Tôi không biết chúng tôi vẫy gọi nhau trong bao lâu nữa. Cuối cùng, ai đó bắt tôi ngồi xuống. Người ta vẫn giãn ra một khoảng trống rộng, để Tiểu Bình có thể nhìn thấy tôi. Con bé cũng đã mệt, đầu gục xuống và phải há miệng thở hổn hển. Mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn thắc mắc tại sao nó chẳng gọi tôi cứu nó một tiếng. Nó chẳng nói điều gì tựa như, "Mẹ ơi, cứu con", không một lời nào."

"Từ khi nào dì bắt đầu đếm mười bốn ngày và hai giờ như dì nói lúc nãy?"

"Có ai đó hét lên với Tiểu Bình, "Năm rưỡi sáng rồi, người ta sẽ đến cứu cháu sớm thôi!" Ông ta muốn trấn an Tiểu Bình, để giúp nó cầm cự. Nhưng từng giây, từng phút, rồi từng giờ trôi

qua, vẫn không có ai tới cứu con tôi cả.”

“Đó là bởi vì người ta còn tốn thời gian tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra,” tôi nói, và nhớ lại phải mất bao lâu mới có một bản tin xuất hiện.

Bà Dương gật đầu. “Năm 1976 ấy đất nước này là cái kiểu gì không biết? Một thành phố lớn nằm trong đổ nát và ba trăm nghìn người chết, thế mà chẳng ai biết gì. Trung Quốc mới lạc hậu làm sao! Tôi nghĩ nếu lúc đó chúng ta tiến bộ hơn, chắc nhiều người đã không phải chết. Tiểu Bình có lẽ đã sống sót.”

“Thế lúc nào đội cứu hộ mới đến?”

“Tôi không rõ. Tôi chỉ nhớ rằng quân đội đến trước. Binh lính đều chạy toát cả mồ hôi, nhưng không ai dừng lại để thở trước khi họ tách ra và bắt tay vào việc cứu hộ. Được trang bị dây thừng và móc leo, hai người lính đã leo lên bức tường mà Tiểu Bình bị kẹt. Có vẻ như chúng có thể sập bất kỳ lúc nào và nghiền nát cả mấy người. Tôi gần như nín thở khi nhìn họ lần từng bước tới chỗ con bé...” Bà chìm vào im lặng trong mấy phút.

“Khi Tiểu Bình thấy có người đang tới cứu, nó khóc òa lên. Người lính đầu tiên đến được chỗ con bé đã cởi chiếc áo quân phục ra choàng lên người nó. Nó bị kẹt một tay, nên anh ta phải quần nửa chiếc áo khoác quanh người nó trông như cái váy Tây Tạng. Người kia đưa một chai nước đến miệng nó. Rồi hai người lính bắt đầu gỡ đám gạch đá chèn vào Tiểu Bình, và nhanh chóng gỡ được cánh tay phải của nó ra, cánh tay đã tím bầm và chảy máu ròng ròng. Vì lý do nào đó, đột nhiên họ dừng việc đào bới lại. Tôi hét lên hỏi họ có chuyện gì xảy ra vậy, nhưng hẳn là họ không thể nghe thấy tiếng tôi. Một lát sau, họ tụt xuống và đi tới chỗ tôi. Vung vẩy bàn tay đầm đìa máu, họ bảo tôi rằng phần thân dưới của Tiểu Bình bị kẹt giữa hai tấm bê tông cốt sắt của bức tường, mà họ thì không thể đào bới ra bằng tay được. Tôi hỏi tại sao tay họ chảy máu như vậy. Họ đưa hai bàn tay ra sau lưng và giải thích rằng không được phép sử dụng dụng cụ để đào bới cứu người, vì sợ sẽ làm người gặp nạn bị thương. Sau khi mọi chuyện qua đi tôi mới biết rằng móng tay và đầu ngón tay một số người lính đã bị nát nhừ vì đào bới, nhưng họ đã tự lấy vải băng tay lại và tiếp tục làm việc. Vài người lính hét lên điên cuồng trong khi đào bới, vì họ nghe thấy những tiếng rên rỉ và tiếng kêu cứu từ sâu bên trong đồng đổ nát. Họ làm bằng tay thì được bao nhiêu chứ? Những thiết bị cứu hộ hạng nặng không thể vào trong thành phố vì đường sá đã hư hỏng nặng. Bao nhiêu người đã chết vì phải chờ cứu hộ?” Bà Dương thở dài và gạt nước mắt.

“Tiểu Bình hẳn là phải rất mạnh mẽ?”

“Đúng thế. Trước đó, nó thường rú lên chỉ vì một vết xước trên tay, và sợ đến trắng bệch khi thấy máu. Nhưng suốt mười bốn ngày cuối cùng ấy, nó mạnh mẽ lắm, thậm chí nó còn trấn an tôi, nó bảo, “Mẹ à, con tê liệt rồi, nên chẳng đau tẹo nào đâu!” Khi thân thể của nó cuối cùng cũng được giải thoát, tôi nhận ra hai chân nó đã bị nghiền nát. Người liệm thi thể nó trước lễ tang bảo rằng xương chậu của nó đã bị ép vỡ. Tôi hy vọng nó thực sự đã mất cảm giác ở phần dưới của cơ thể trong suốt mười bốn ngày đó, khi nó bị phôi giữa trời đất. Tôi đếm từng giây từng phút. Trong suốt thời gian ấy, người ta cố thử đủ mọi cách khác nhau để cứu con bé ra, họ làm việc suốt ngày đêm, nhưng đều vô hiệu.

Cuối cùng, những người lính đã giúp tôi trèo lên bức tường tới chỗ Tiểu Bình và dồn lại tạo thành một chỗ ngồi tạm để tôi có thể ngồi ôm con bé vào lòng một lúc lâu. Thân hình bé bỏng, yếu ớt của con bé lạnh buốt, dù lúc đó đang là mùa hè.

Những ngày đầu, Tiểu Bình vẫn còn có thể nói chuyện với tôi, và vung vẩy tay khi kể chuyện. Sau ngày thứ tư, nó càng lúc càng đuối sức, cho đến lúc nó chỉ còn đủ sức để ngẩng đầu lên. Dù

thức ăn và thuốc được đưa đến hàng ngày, và có người tới để chăm sóc nó, nhưng phần dưới cơ thể nó chắc vẫn không ngừng chảy máu, thịt bắt đầu bị hoại tử. Càng lúc càng nhiều người quan tâm đến số phận của con bé, nhưng chẳng ai làm được gì cả. Cả Đường Sơn đang chìm trong đổ nát: còn chẳng đủ nhân viên cứu hộ và thiết bị để xử lý các khu vực thiệt hại, mà đường vào thành phố thì không lưu thông được. Tội nghiệp con gái tôi..."

"Dì Dương," tôi thì thầm. Cả hai chúng tôi cùng khóc.

"Trong những ngày cuối cùng, tôi nghĩ Tiểu Bình hẳn cũng đã nhận ra rằng không còn hy vọng gì nữa, dù mọi người đưa ra đủ lý do để nâng đỡ tinh thần nó. Nó nằm bất lực trong vòng tay tôi, không thể nhúc nhích. Vào buổi sáng ngày thứ mười bốn, nó gắng gượng nhấc người dậy và bảo với tôi: "Mẹ, con cảm giác như thuốc mẹ cho con uống đang có tác dụng. Nhìn này, con có chút sức lực rồi!" Khi họ nhìn thấy nó ngồi thẳng dậy, những người xung quanh đã dõi theo nó suốt mười bốn ngày qua đều nhất loạt vỗ tay và cổ vũ. Tôi cũng cứ ngỡ là phép màu đã xảy ra. Khi Tiểu Bình thấy mọi người phấn khởi thế nào, nó dường như được tiếp thêm sức mạnh. Khuôn mặt nó, vốn trắng nhợt chết chóc, đã ửng hồng rạng rỡ và nó nói với những con người hảo tâm với mình bằng một giọng mạch lạc, vang vang, cảm ơn họ và trả lời các câu hỏi. Ai đó đề nghị nó hát, và đám đông vỗ tay hưởng ứng. Đầu tiên, Tiểu Bình xấu hổ, nhưng mọi người cổ vũ nó nhiệt tình: "Hát đi, Tiểu Bình ơi! Tiểu Bình ơi, hát đi!"

Cuối cùng, nó gật đầu yếu ớt, và bắt đầu hát: *Ngôi sao màu đỏ đang chiếu ánh sáng diệu kỳ, và ngôi sao màu đỏ đang chiếu trong tim tôi..*

"Hồi ấy ai cũng biết bài hát này, và nhiều người hát họa theo Tiểu Bình. Tiếng hát giữa cảnh hoang tàn đổ nát giống như đóa hoa hy vọng bùng nở. Lần đầu tiên sau bao ngày, người ta lại mỉm cười. Hát được vài đoạn, giọng Tiểu Bình lụi dần, và nó từ từ trĩu xuống vòng tay tôi."

Bà Dương im lặng hồi lâu. Cuối cùng, bà cũng tỉnh trí lại và tiếp tục kể, "Tiểu Bình không bao giờ tỉnh lại nữa. Tôi cứ ngỡ nó ngủ, nhưng khi tôi nhận ra mình lầm thì đã quá muộn. Nó không trăng trối một lời nào; trải nghiệm cuối cùng của nó trên cõi đời này là tiếng hát và nụ cười của mọi người xung quanh. Khi bác sĩ bảo tôi nó đã qua đời, tôi bình thản - mười bốn ngày và hai giờ đó đã vắt kiệt tôi. Mãi bốn ngày sau, khi cuối cùng người ta cũng đưa được thi thể đã bốc mùi của Tiểu Bình ra thì tôi mới bắt đầu khóc được. Thân thể của nó lúc ấy... máu thịt của chính tôi... Tôi đau, tôi đau lắm!"

Tôi nức nở theo bà, "Cháu rất tiếc, dì Dương, cháu rất tiếc."

"Tội nghiệp con bé, mười bốn năm sống trên đời, nó mới được xem có ba bộ phim, Chiến Tranh Trong Đường Hàm, Cuộc Chiến Vùng Mỏ Và Trận Chiến Nam Bắc, và Tám Vở Nhạc Kịch Hiện đại^[4]. Nó chưa từng thấy một bộ váy đẹp hay một đôi giày cao gót... Đó là một nỗi đau lớn trong lịch sử Trung Quốc. Cháu cũng sinh ra trong thời đại đó, và cũng hầu như không được nếm trải tuổi thanh xuân và cái đẹp."

Bà Dương thở dài. "Một số người bảo trận động đất là sự trừng phạt của thần thánh đối với cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Nhưng thần thánh trừng phạt ai cơ chứ? Tôi chưa bao giờ làm gì vô đạo đức hay bất kính với họ cả. Tại sao họ lại hủy hoại con gái tôi?"

"Đừng nói thế, dì Dương! Cái chết của Tiểu Bình không phải là quả báo. Đừng nghĩ vậy, dù dì có làm gì đi chăng nữa. Nếu như Tiểu Bình ở chốn xa nào đó biết dì đang đau khổ như vậy, hẳn cô ấy sẽ lo lắng lắm. Dì phải gắng sống tốt nhất và vui vẻ nhất, đó mới là phần thưởng tuyệt vời nhất cho sự hy sinh của Tiểu Bình, dì đồng ý với cháu chứ?"

"Vâng, đúng là thế... nhưng tôi... thôi, đừng nói về chuyện đó nữa. Cô đang bận mà, đi đi, đi làm việc của mình đi, đừng để ý đến những lời ngốc nghếch của tôi."

“Cảm ơn dì, dì Dương.” Tôi siết chặt tay bà. “Cháu nghĩ dì đã nhìn thấy nhiều niềm vui và tiếng cười ở lũ trẻ. Cháu chắc rằng khi lớn lên, chúng sẽ là sự tiếp nối của linh hồn Tiểu Bình, và những điều kỳ diệu cô ấy để lại cho cuộc đời này.” Tôi nhìn lên bức ảnh của Tiểu Bình và cảm thấy dường như cô đang khẩn nài tôi đừng bỏ lại mẹ cô bơ vơ. Như thể cô đang nói với tôi bằng giọng của Phan Phan con trai tôi.

Vài ngày sau, tôi trở lại Đường Sơn để phỏng vấn người đứng đầu trại trẻ mồ côi, trại trưởng Đinh.

Trại trưởng Đinh từng làm cán bộ hành chính trong quân đội hơn mười năm. Chồng bà rời quân ngũ vì lý do sức khỏe, và bà đã cùng gia đình rời vùng Tây Nam trở về Đường Sơn khoảng một năm trước trận động đất. Bà mất con gái trong thảm họa đó, còn con thứ hai bà bị cụt cả hai chân. Sau đó, chồng bà qua đời trong một cơn đau tim. Bà đã nuôi nấng người con thứ hai tận tụy với sự hỗ trợ của nhà nước. Anh tự học nghề kế toán, và tình nguyện làm việc kế toán sổ sách khi mấy bà mẹ bàn nhau xây dựng trại trẻ này. Không lâu sau chuyển viếng thăm của tôi, anh qua đời vì nhiễm trùng vết thương.

Để tránh khơi lại những ký ức đau thương cho trại trưởng Đinh, tôi thử phỏng vấn người con trai thay vì phỏng vấn bà. Thế nhưng anh bảo lúc đó anh còn quá nhỏ, nên không thể nhớ nổi trận động đất ấy. Anh kể với tôi rằng mẹ anh không bao giờ nói ra lý do thực sự gây ra cái chết của chị gái anh. Anh chỉ loáng thoáng nghe nói rằng chị ấy không chết trong trận động đất, mà tự sát sau đó. Anh rất muốn hỏi mẹ về chuyện này, nhưng mỗi lần dă động đến chủ đề đó là mẹ anh lại bảo anh im lặng.

Chẳng còn cách nào khác là phải hỏi trại trưởng Đinh xem bà có đồng ý cho tôi phỏng vấn không. Bà đồng ý thật, nhưng đề nghị tôi để đến Ngày Quốc Khánh hãy quay lại để phỏng vấn. Khi tôi hỏi tại sao, bà đáp, “Chuyện tôi kể cho cô cũng không mất nhiều thì giờ lắm, nhưng nó sẽ làm tôi mất cân bằng vài ngày sau đó. Tôi sẽ cần thời gian để hồi tâm trở lại.” Quốc Khánh năm đó đúng vào trước kỳ nghỉ cuối tuần, nên chúng tôi có ba ngày nghỉ liên tiếp. Đó là một kỳ nghỉ dài ở Trung Quốc, ở nước này những dịp nghỉ ngơi không đều đặn lắm.

Buổi tối trước kỳ nghỉ, khi tôi vừa tới Đường Sơn, trại trưởng Đinh gọi điện mời tôi đến gặp. Tôi tới ngay trại trẻ, và cố tìm cách đảm bảo với bà một lần nữa rằng mình có thể dùng cuộc phỏng vấn lại bất cứ lúc nào bà cảm thấy quá khó khăn.

Bà mỉm cười yếu ớt. “Hân Nhiên, cảm ơn cô vì đã suy nghĩ chu đáo, nhưng đừng quên tôi từng là một người lính tham gia cuộc chiến ở Triều Tiên.”

Tôi gật đầu. “Cháu nghe nói dì không mất người thân nào trong trận động đất đó?”

“Đúng thế, nhưng sống sót là thảm họa với tất cả chúng tôi.”

“Không biết cháu có đoán đúng không khi nghĩ rằng chồng dì đã qua đời vì quá đau đớn trước nỗi bất hạnh của con gái dì?”

“Đúng vậy, và tôi cũng suýt chết theo ông ấy. Chính vì nghĩ tới đứa con trai tàn tật tôi mới trụ lại. Tôi xem mình như là một phần thiết yếu đối với nó, chỉ nhờ thế tôi mới có thể sống tiếp được.”

Tôi ngập ngừng khơi gợi, “Con gái dì tự sát vì...”

“Tới ngày hôm nay, chỉ có ba người biết được lý do: chồng tôi, con gái tôi, và tôi.”

“Vậy sao?”

“Vâng. Hân cô đã nhiều lần nghe nói về mức độ hủy diệt của trận động đất rồi, tôi không cần phải nhắc lại nữa. Thực ra, không thể dùng lời để miêu tả được đầy đủ cảnh tượng đó. Cô chỉ

được biết cảm giác ngày tận thế ra sao khi chính cô trải qua. Trong tình cảnh ấy, cô sẽ nghĩ tới gia đình mình trước tiên.

Đột dư chấn vẫn chưa dứt khi vợ chồng tôi rời khỏi tòa nhà chúng tôi từng sống, lúc đó tòa nhà đã sắp sụp xuống. Chúng tôi nhận ra căn phòng nơi các con ngủ bị xé rời khỏi tòa nhà, nhưng chẳng thấy chúng đâu. Tim tôi thắt lại vì sợ. Vì gần đó có một sân bay quân sự, nên chúng tôi nhanh chóng được đơn vị đồn trú giải cứu. Họ nhanh chóng đào bới cứu con trai tôi ra, nhưng hai chân nó đã nát bấy, nên người ta phải cắt đến tận trên gối như cô thấy bây giờ đây. May mắn là nó được giải cứu kịp thời, nếu không vào một ngày nóng như hôm đó, vết thương sẽ chuyển thành hoại tử và gây nguy hiểm đến tính mạng. Sau đó hai ngày, vẫn không tìm thấy con gái tôi đâu, tôi gần như mất trí. Tôi thấy những người bị thương, người tàn phế và những người chết được đưa ra khỏi đồng đồ nát và chở đi hàng ngày; hầu như không một ai còn lành lặn nguyên vẹn.

Khi tôi đã gần như mất hết hy vọng, ai đó bảo tôi rằng rất nhiều người bị thương đã được đưa đến đường băng ở sân bay. Chỉ cần còn một tia hy vọng, tôi cũng phải đi tới đó để tìm xem. Nhưng khi tới được sân bay, tôi đã lạng người đi vì sốc: cả một đường băng dài nghìn nghịt những thân thể đang rên rỉ, được đặt thành bốn hay năm hàng. Lúc đó tôi mới dần hiểu ra là trận động đất không chỉ làm rung chuyển tòa nhà của chúng tôi mà còn hủy diệt cả một thành phố hàng trăm nghìn dân. Lòng tràn ngập nỗi kinh hoàng, tôi bắt đầu tìm kiếm để xác định xem con gái tôi đâu giữa những hàng người chết và bị thương; hẳn là họ đều còn sống khi được đưa tới đây, nhưng một số đã chết trước khi được sơ cứu. Rất khó phân biệt ai với ai, hầu như chẳng mấy người mặc quần áo; một số phụ nữ bị tóc che lấp mặt; một số người phủ đầy bùn. Nửa ngày trời, tôi mới chỉ đi được chưa đến một nửa đường băng. Chạng vạng tối, tôi trở về khu lều trại đơn vị đồn trú cung cấp cho chúng tôi, định sáng hôm sau sẽ tiếp tục tìm kiếm. Nhiều người đang ngủ trong lều tôi ở. Không còn phân biệt nam nữ nữa, cũng chẳng phân biệt giàu nghèo. Mọi người sụp xuống bất kỳ chỗ trống nào tìm được, họ đều đã kiệt sức vì chạy quanh một cách tuyệt vọng, tìm kiếm không ăn uống, và chỉ sống bằng hy vọng.

Tôi vừa thiếp đi thì giọng nói của hai người đàn ông gần đó vọng đến:

“Còn thức làm gì? Vẫn chưa ngủ à?”

“Đang nghĩ tới con bé đó...”

“Vẫn muốn nữa à?”

“Không phải chuyện đó. Tao chỉ lo không biết sau khi mình bỏ ở đây nó có chết không thôi”.

“Mẹ kiếp, tao không còn nghĩ đến chuyện đó!”

“Điều chúng ta làm đã xấu xa lắm rồi, nếu nó chết thì sao?”

“Mày có ý gì? Muốn quay lại kiểm tra à? Thế thì tốt nhất là nên đi nhanh thôi. Rồi lúc quay lại mới còn chỗ chứ, bằng không nếu phải ngủ ngoài trời, chúng ta sẽ ướt sũng nước mưa đấy.”

Tôi nhìn quanh xem ai đang nói, và cảm thấy choáng váng khi nhìn thấy một đoạn dây nhiều màu thò ra chỗ quần soóc của một gã đàn ông. Trông nó giống y như sợi dây buộc tóc của con gái tôi. Tôi không muốn tin là bọn chúng đang nói về con gái mình, nhưng nếu đúng là thế thì sao? Tôi lao đến chỗ hai gã đó và hỏi chúng lấy sợi dây đó ở đâu ra. Chúng không đưa ra câu trả lời chính xác, khiến tôi càng nghi ngờ. Tôi hét lên một cách dữ tợn, tra vấn cô bé mà chúng nói tới đang ở đâu; chúng sợ hãi lầm bầm gì đó về một cái nương cạnh đường băng ở đằng xa, rồi bỏ chạy. Tôi còn chẳng thể hỏi chúng thêm điều gì nữa, chứ đừng nói đến chuyện tóm cổ chúng; tất cả những gì tôi muốn là biết liệu cô bé đó có phải là con gái tôi không.

Tôi chạy theo hướng hai tên đó nhắc đến. Khi chạy tới bờ nương, tôi nghe thấy tiếng rên yếu

ớt, nhưng không thể nhận ra ai trong bóng tối. Vừa lúc đó, có hai người lính đang đi tuần tiến lại chỗ tôi; họ có đèn pin và đang gác cho những người bị thương nằm trên đường băng. Tôi nhờ họ chiếu đèn pin xuống xuống. Trong ánh sáng đèn pin yếu ớt, chúng tôi thấy một cô bé trần truồng. Trong khoảnh khắc ấy, lòng dạ tôi rối bời; tôi vừa mong lại vừa không mong đó là con gái tôi. Khi hai người lính giúp tôi đưa cô bé lên đường băng, tôi nhận ra đó chính là con gái tôi.

“Tiểu Anh, Tiểu Anh!” Tôi hét gọi tên con bé, nhưng nó chỉ nhìn tôi với ánh mắt hoang mang, không phản ứng lại dù chỉ một chút. “Tiểu Anh, mẹ đây mà!” Đột nhiên, tôi nhận thấy phần dưới cơ thể con bé dính và ướt, nhưng tôi không có thì giờ đâu mà nghĩ gì thêm khi vội vã mặc cho nó bộ quần áo mà hai người lính gác cho mượn. Kỳ lạ thay, Tiểu Anh lại tụt chiếc quần dài xuống.

Khi tôi hỏi nó sao lại làm vậy, nó chỉ nhắm mắt lại ậm ừ. Nó quá mệt và nhanh chóng ngủ thiếp đi. Tôi nằm cạnh, mê mụ người một lúc lâu rồi mới ngủ. Khi ngày rạng, tiếng động cơ máy bay làm tôi thức giấc. Khi nhìn sang Tiểu Anh đang nằm bên cạnh, tôi chết lặng cả người: nó đang cởi quần dài ra với nụ cười nhả nhở ngó ngẩn trên mặt, chân và háng nó đều bết máu. Ngay lúc ấy, tôi nhớ lại những lời hai gã kia đã nói. Có phải chúng đã lợi dụng thảm họa này để cưỡng hiếp Tiểu Anh? Tôi không dám tin vào điều đó. Và con gái tôi, một cô bé rạng rỡ, hoạt bát, đã trở nên mất trí.

Bác sĩ nói Tiểu Anh đã phải chịu đựng cú sốc quá lớn, và bảo vợ chồng tôi rằng chắc chắn Tiểu Anh đã bị hiếp dâm tập thể. Đó là tất cả những gì tôi nghe được trước khi xui đi. Khi tỉnh lại, chồng tôi đang cầm tay tôi, mặt ông ấy đầm nước mắt. Chúng tôi nhìn nhau không nói và khóc: con gái chúng tôi đã bị bạo hành đến mức mất trí, còn còn trai bị cưa cụt chân...”

Trại trưởng Đinh im lặng.

“Cháu muốn hỏi cô có đưa Tiểu Anh đi điều trị không?” tôi khẽ khàng hỏi.

“Có chứ, nhưng chúng tôi không hiểu được rằng nó sẽ vẫn cảm thấy nỗi kinh hoàng đó ngay cả khi đã khỏi bệnh. Hai năm rưỡi sau đó, khi trí nhớ của nó bắt đầu trở lại bình thường, trước cái ngày chúng tôi định đưa nó trở về nhà để bắt đầu một cuộc sống mới, Tiểu Anh đã treo cổ trong phòng bệnh.

Trong lá thư tuyệt mệnh, nó viết:

Bố mẹ thân yêu!

Con xin lỗi, con không thể tiếp tục sống được nữa. Lẽ ra bố mẹ không nên cứu con.

Chẳng có gì trong ký ức đang trở lại của con ngoại trừ mọi thứ sụp đổ, cùng sự tàn bạo và hung ác của những kẻ đó. Đó là tất cả những gì còn lại với con trên cõi đời này, và con không thể sống với những ký ức đó hàng ngày được. Nhớ lại chuyện ấy quá đau đớn, con đi đây.

Con gái của bố mẹ, Tiểu Anh.

“Lúc ấy Tiểu Anh bao nhiêu tuổi?” tôi hỏi.

“Nó mười sáu, em trai nó mười một.” Trại trưởng Đinh ngừng lời. “Chồng tôi dứt tóc vì quá đau khổ, bảo rằng chính mình đã làm con bé tổn thương, nhưng tất nhiên đó không phải lỗi của ông ấy. Đêm đó, mãi tới khuya ông ấy mới lên giường đi ngủ. Tôi kiệt sức, và đã ngủ trước rồi, nhưng khi tôi tỉnh dậy, thân thể ông ấy đã lạnh ngắt, và mặt ông ấy đóng băng trong nỗi buồn. Giấy chứng tử do bác sĩ cấp viết rằng ông ấy chết vì đau tim do quá suy kiệt.”

Tôi thấy khó thở. “Trại trưởng Đinh, thật khó tưởng tượng là di có thể chịu đựng nỗi chuyện đó.” Bà gật đầu về cam chịu.

“Và dì không muốn con trai biết chuyện?”

“Nó đã phải chịu đựng một cơ thể bị tàn phá rồi; làm sao nó có thể chịu thêm sự tàn phá về tinh thần và tình cảm nữa?”

“Nhưng dì đã dũng cảm sống tiếp.”

“Tôi đã vượt qua được, nhưng tôi không thực sự dũng cảm. Tôi là loại người mạnh mẽ trước mắt người khác, là loại đàn bà được gọi là người đàn bà thép, nhưng khi ở một mình tôi khóc suốt đêm: cho con gái tôi, chồng tôi, con trai tôi, và cho chính tôi. Đôi khi, tôi không thở nổi vì nhớ họ. Có người bảo rằng thời gian sẽ chữa lành mọi thứ, nhưng nó chưa chữa lành được cho tôi.”

Trên chuyến tàu trở về nhà, tôi khóc suốt. Tôi lại khóc nữa khi cầm bút lên viết về trải nghiệm mà những người mẹ đó phải trải qua. Tôi thấy thật khó tưởng tượng nỗi sự dũng cảm của họ. Họ vẫn tiếp tục sống. Thời gian đã đưa họ đến với hiện tại, nhưng trong từng phút, từng giây trôi qua, họ vẫn phải vật lộn với cảnh tượng mà những người đã khuất để lại trong họ; từng ngày từng đêm họ phải chịu đựng những ký ức mất con đau đớn. Đó không phải nỗi đau có thể bị xóa nhòa bằng ý chí của một cá nhân: những đồ gia dụng nhỏ bé nhất - cây kim sợi chỉ, cái đĩa cái bát - có thể mang họ trở về với gương mặt tươi cười và giọng nói của những linh hồn đã chết. Nhưng họ vẫn phải sống; họ phải đi ra khỏi ký ức của mình và trở về với thực tại. Chỉ đến lúc đó tôi mới hiểu tại sao lại có bức tranh vẽ một con mắt trong tất cả các phòng ở trại trẻ - con mắt to, trào nước mắt đỏ, con mắt có ghi hai chữ *Tương Lai* trên con người đó. Họ đã không cất giữ tình mẹ trong những ký ức về các con mình; họ không đắm chìm trong những giọt nước mắt đau khổ và chờ đợi lòng thương hại. Với sự vĩ đại của người mẹ, họ đã tạo dựng gia đình mới cho lũ trẻ đã mất cha mất mẹ. Đối với tôi, những người đàn bà đó đã chứng tỏ được sức mạnh không thể tưởng tượng nổi của người phụ nữ Trung Quốc. Là một người mẹ, tôi có thể hình dung nỗi mất mát của họ, nhưng tôi thực sự không biết liệu tôi có thể vị tha đến thế khi phải gánh chịu nỗi đau của họ hay không.

Khi phát đi chương trình dựa trên những cuộc phỏng vấn này, tôi nhận được hơn bảy trăm lá thư trong vòng năm ngày. Một số người đề nghị tôi chuyển đến những người mẹ ở trại trẻ mồ côi lòng tôn kính của họ, và cảm ơn các bà mẹ. Một số người gửi tiền nhờ tôi mua quà cho lũ trẻ. Họ cùng chia sẻ những cảm xúc mà chương trình đã khơi lên: một phụ nữ nói bà cảm thấy biết ơn các con mình; một cô bé nói lần đầu tiên cô muốn ôm mẹ mình; một cậu trai bỏ nhà ra đi từ vài tháng trước nói cậu đã quyết định trở về với bố mẹ và cầu xin họ tha thứ. Tất cả bàn trong văn phòng đều tràn ngập những lá thư như thế, và một thùng các tông to lù lù đặt cạnh cửa ra vào chứa đầy những món quà tặng cho lũ trẻ và các bà mẹ. Trong đó có những món đồ của ông Trần, Lý Đại, Mạnh Tinh, Tiểu Dao, ông Trương... và nhiều đồng nghiệp khác.

CHƯƠNG 6

ĐIỀU PHỤ NỮ TRUNG QUỐC TIN

Tôi vẫn chưa quên ba câu hỏi của cô sinh viên Kim Soái: *Phụ nữ có nhân sinh quan không? Đối với phụ nữ, hạnh phúc là gì? Và điều gì làm nên một người phụ nữ tốt?* Trong khi tiến hành nghiên cứu cho các chương trình, tôi luôn cố gắng trả lời ba câu hỏi đó.

Tôi nghĩ sẽ thú vị nếu hỏi ý kiến những đồng nghiệp lớn tuổi và có kinh nghiệm hơn tôi là Lý Đại và ông Trần về những triết lý dẫn dắt người phụ nữ trong cuộc sống. Hiển nhiên là giữa cái thời buổi mà niềm tin vào Đảng luôn luôn là trước hết, thì tôi phải cẩn trọng trong cách đặt câu hỏi này. “Đương nhiên, phụ nữ tin ở Đảng trên hết,” tôi mào đầu, “nhưng họ còn có niềm tin nào khác không?”

Ông Trần rất hăm hở với chủ đề này. “Phụ nữ Trung Quốc tin vào tôn giáo,” ông nói, “nhưng dường như họ có thể tin vào vài tôn giáo cùng một lúc. Những người tin vào các bài tập khí công tăng cường thể chất và tinh thần vẫn luôn thay đổi loại khí công họ luyện và vị sư phụ họ theo học; các vị thần thánh của họ cũng thay đổi liên tục. Cô không thể trách họ được: cuộc sống nghèo khó khiến họ khát khao một lối thoát. Như Mao Chủ Tịch đã nói: *Nghèo khó khiến người ta khao khát đổi đời*. Giờ chúng ta tin vào Mao Trạch Đông và Chủ Nghĩa Cộng Sản, nhưng trước đó chúng ta tin vào Trời, vào đấng Thiên Tử, vào Phật, vào Chúa Jesus và vào nhà tiên tri Mohammed. Mặc dù lịch sử của chúng ta rất dài, chúng ta vẫn không có một tín ngưỡng nguyên thủy nào cả. Các hoàng đế và những người thống trị được xem như thần thánh, nhưng họ thay đổi liên tục và người ta quen dần với việc thờ phụng các vị thần khác nhau. Có câu: *Trăm người trăm đức tin*. Thực ra, cô có thể nói rằng chẳng có đức tin thực sự nào. Phụ nữ còn thực tế hơn đàn ông nhiều, nên quan điểm của họ là có bệnh vái tứ phương. Họ không thể biết vị thần nào có quyền năng hoặc thần thánh nào thì hữu ích, nên họ sẽ tin vào từng vị trong số đó cho chắc”.

Tôi biết ông nói đúng, nhưng lại thắc mắc là làm thế nào người ta điều hòa được những học thuyết đối kháng nhau của những tôn giáo khác nhau. Ông Trần có vẻ đoán được ý tôi: “Tôi nghĩ rằng hầu như chẳng có người phụ nữ nào hiểu được tôn giáo là gì. Hầu hết bọn họ chỉ cố gắng để theo kịp người khác vì sợ thiệt thòi mà thôi.”

Lý Đại đồng tình với ông Trần. Anh ta chỉ ra rằng trong một nhà có thể có vài bàn thờ để thờ các thần thánh khác nhau, nhất là từ khi quyền tự do tín ngưỡng được tuyên bố vào năm 1983. Hầu hết những người hay cầu thần khẩn phật làm vậy chỉ để xin của cải hay những lợi lộc khác. Anh ta kể cho chúng tôi về hàng xóm của mình: bà nội theo đạo Phật còn ông nội theo đạo Lão, vì thế họ thường xuyên cãi nhau. Tránh xa những nén nhang, đứa cháu gái theo đạo Thiên Chúa đã dựng lên một cây thập giá; ông bà nội luôn trách mắng cô cháu vì điều đó, bảo nó đang rửa ông bà chết sớm. Mẹ con bé thì tin vào một kiểu khí công nào đó còn cha nó thì thờ Thần Tài. Họ cũng cãi vã suốt: bà vợ bảo sự ham muốn tiền bạc của ông chồng làm phương hại đến địa vị tâm linh của bà ta, còn ông chồng thì buộc tội vợ vì các thể lực ma quỷ của bà ta tấn công của cải của ông ta. số tiền ít ỏi của gia đình được phung phí cho các nghi lễ cúng bái hoặc tranh ảnh thần thánh, nhưng họ cũng chẳng trở nên giàu có hay hạnh phúc hơn.

Lý Đại cũng kể với chúng tôi về một nữ giám đốc mà anh ta quen biết, nghe đâu là rất sùng tín. Trong những bài phát biểu trước đám đông, bà ta xả ra hàng tràng rằng Đảng Cộng Sản là hy vọng duy nhất của Trung Quốc; nhưng vừa xuống khỏi bục, bà ta lại thuyết giáo về đạo Phật, bảo với mọi người rằng họ sẽ được tưởng thưởng ở kiếp sau tùy theo hành vi của họ ở kiếp

này. Khi gió đổi chiều, bà ta lại xổ ra hàng tràng về các loại khí công huyền diệu. Có người ở cùng cơ quan bà ta kể rằng người đàn bà này đeo huy hiệu Đảng lên áo khoác, may hình Phật vào áo vest và khâu bức chân dung Đại Sư Phụ Trương của phái Tạng Mật Công vào nịt ngực. Thấy cái nhìn ngơ vực của tôi, Lý Đại đảm bảo với tôi rằng người đàn bà này thường xuyên xuất hiện trên báo. Năm nào bà ta cũng là Công Dân Gương Mẫu và được bầu chọn là Đảng Viên Ưu Tú nhiều lần.

“Sự sùng đạo bí mật của bà ta cũng không thể tốt trong mắt của Đảng chứ,” tôi nói với vẻ khinh lờn.

Ông Trần gõ lên bàn và nghiêm nghị nói, “Hân Nhiên, dè chừng cái miệng. Ăn nói như thế là cô mất đầu như chơi đấy.”

“Chúng ta vẫn còn phải sợ hãi sao?”

“Đừng có ngây thơ thế! Trong những năm năm mươi, Đảng kêu gọi *để trăm hoa đua nở, để trăm hệ tư tưởng đấu tranh*. Rồi điều gì xảy ra? Những ai đáp lại lời kêu gọi đó đều bị bỏ tù hoặc bị đày đến các làng miền núi nghèo khổ. Một số mới chỉ bày tỏ suy nghĩ trong nhật ký mà đã phải bị dư luận lên án và bỏ tù.”

Ông Trần về cơ bản là người tốt. “Cô không nên nói quá nhiều về tín ngưỡng và tôn giáo,” ông ta cảnh báo. “Cô sẽ chỉ chuốc lấy rắc rối mà thôi.”

Trong vài năm sau đó, tôi phỏng vấn nhiều phụ nữ về tín ngưỡng của họ và khẳng định một thực tế rằng họ có thể cùng lúc tin vào các loại các tôn giáo khác nhau. Ở Trịnh Châu, tôi gặp một nữ cán bộ nghỉ hưu đã điều hòa được việc cống hiến cho Đảng với niềm tin mạnh mẽ vào Phương Hương Công - một loại khí công có ý tưởng là sư phụ phát ra một mùi hương thơm ngát và nhờ nó bạn sẽ hít vào người thiện tính của thầy để tạo nên sức mạnh cho cơ thể bạn. Trước đó, bà ta từng tin vào những bài tập giúp thân thể thon thả và những loại thảo dược. Khi tôi hỏi bà ta có tin Phật không, bà ta bảo tôi nói nhỏ thôi nhưng thừa nhận điều đó, đúng, bà ta có tin. Những người có tuổi trong gia đình bà luôn bảo rằng thà tin vào mọi điều còn hơn chẳng tin gì cả. Bà ta cũng bảo tôi, vào dịp cuối năm, rằng bà ta tin Chúa Jesus là Ông Già Noel và tới nhà mọi người để giúp đỡ. Khi tôi tỏ ra ngạc nhiên với chuyện Chúa Jesus chính là Ông Già Noel, bà ta bảo tôi rằng tôi còn quá trẻ để hiểu và yêu cầu tôi đừng kể với ai về cuộc nói chuyện của chúng tôi: *“Chúng tôi nói: Ở nhà, tin vào các thần thánh của mình và làm những gì mình muốn; ra ngoài, tin vào Đảng và cẩn trọng với mọi việc mình làm.* Nhưng tôi không thích ai biết điều mà tôi vừa nói. Tôi không muốn người ta làm khổ mình nữa vì giờ tôi già rồi.”

“Đừng lo, tôi sẽ không nói cho ai biết bà là nguồn tin của tôi đâu,” tôi đảm bảo với bà ta.

Trông bà ta có vẻ nghi ngờ. “Đấy là cô nói thế, nhưng thời buổi này có thể tin ai được đây?”

Vào thời điểm đó, việc luyện khí công đang giành được một vị thế đáng kể ở Trung Quốc. Người ta hoàn toàn tin vào các vị sư phụ luyện khí công còn tôi thì thận trọng trước sức mạnh của họ. Năm 1995, tôi gặp một giảng viên Đại Học Bắc Kinh vốn là môn đồ nhiệt thành của môn khí công mới tên là Pháp Luân Công - hay có lẽ tôi nên nói tới người sáng lập ra nó, Lý Hồng Chí. Lý Hồng Chí dạy rằng thế giới được chia thành ba tầng: Tầng của người gác cổng - chính là ông ta; tầng của những linh hồn có phẩm chất khác thường - Chúa Kitô, Phật, v.v...; và tầng thứ ba là nơi người bình thường sống. “Sư phụ Lý là vị thánh sẽ cứu con người ra khỏi đồng rác rưởi là quả địa cầu này lúc đó trước khi nó nổ tung,” bà ta bảo tôi vậy. “Ông ấy không dựa vào phép màu để cứu người, mà ông ấy đưa đến cho họ những bài luyện tập tinh thần để tăng các phẩm chất chân thật, tính thiện và lòng vị tha, và khiến họ xứng đáng được lên Thiên Đường.” Bà ta nói rằng bà ta cũng tin vào Chúa Kitô, và có vẻ bối rối khi tôi hỏi làm sao bà ta có

thể làm vậy nếu Lý Hồng Chí dạy rằng khi tập luyện Pháp Luân Công người ta không được có thần linh nào khác trong tâm mình?

Còn những người trẻ tuổi thì sao? Tôi từng gặp mấy cô gái trẻ trạc tuổi hai mươi trước nhà thờ Tin Lành trên đường Nam Thái Bình ở Nam Kinh. Một cô ăn vận sành điệu, mái tóc dài óng ả buông xõa. Cô kia ăn mặc không thời trang cho lắm, và buộc tóc đuôi gà. Tôi đoán cô gái thanh lịch kia tới nhà thờ vì nó đang là mốt, còn bạn cô ta tới vì tò mò, nhưng tôi đã nhầm.

Tôi hỏi họ có đến nhà thờ thường xuyên không. Nhìn bạn mình, cô gái ăn mặc sành điệu đáp, “Đây là lần đầu tiên tôi tới, cô ấy rủ tôi theo.” Cô gái có túm tóc đuôi gà nói xen vào, “Đây cũng mới là lần thứ hai tôi tới.”

“Lần đầu cô có tới đây một mình không? Hay là cũng có ai khác đưa cô tới?” tôi hỏi.

“Tôi đi cùng bà, bà tôi theo Đạo Thiên Chúa,” cô ta đáp.

“Thế chẳng phải mẹ cậu cũng theo Đạo sao?” Cô bạn hỏi.

“Ờ thì, mẹ mình bảo bà theo Đạo, nhưng bà ấy có tới nhà thờ bao giờ đâu.”

Tôi hỏi cả hai, “Hai cô có tin vào Thiên Chúa không?”

Cô ăn mặc sành điệu trả lời, “Tôi chẳng tin bao giờ, tôi chỉ nghe nói nó thực sự rất hay thôi.”

“Cô bảo *hay* nghĩa là sao?” Tôi dò hỏi.

“Có quá nhiều người trên thế giới tin vào Jesus và đạo Thiên Chúa, tôi nghĩ hẳn phải có gì trong đó.”

“Thế, cũng có nhiều người trên thế giới tin vào đạo Hồi và đạo Phật, vậy những đạo đó thì sao?” Tôi hỏi.

Cô ta nhún vai, “Tôi không biết.”

Cô túm tóc đuôi gà nói, “Dù sao, phụ nữ phải tin vào thứ gì đó khi bước sang tuổi bốn mươi.”

Tôi kinh ngạc trước lập luận đó. “Ồ? Sao lại vậy?”

“Nhìn những người cầu nguyện trong nhà thờ và trước những nén nhang cháy đỏ trong các đèn miếu mà xem. Họ đều tầm tuổi trung niên.”

“Thế cô nghĩ nguyên nhân của chuyện đó là gì?”

Cô ăn mặc sành điệu cắt ngang một cách khó hiểu, “Đàn ông làm lụng cực nhọc vì tiền, đàn bà thì làm bởi vì đó là số phận của họ.”

Bạn cô ta nói, “Bà tôi bảo bà đã không tin vào Chúa khi bà còn trẻ, nhưng sau khi bà bắt đầu tin, nhiều chuyện đã không còn làm bà lo lắng như trước nữa. Và mẹ tôi bảo rằng sau khi bà bắt đầu tin vào Chúa, bà đã không còn cãi cộ với cha tôi nữa. Thật đấy, họ thường cãi cộ rất kinh khủng, nhưng giờ nếu cha tôi nổi nóng là mẹ tôi lại tới bên thánh giá cầu nguyện, thế là cha tôi im”.

“Nhưng dù sao đàn bà cũng không thể làm được chuyện gì to tát, cầu thần khẩn phật luôn tốt hơn là chơi mạt chược,” cô gái sành điệu nói.

Tôi ngạc nhiên trước lời nhận xét cợt nhả đó của cô ta. “Chơi mạt chược và tôn giáo lại có thể được xếp chung với nhau sao?”

Cô gái tóc đuôi gà nói, “Vấn đề không phải là thế. Mẹ tôi bảo những người không tin vào bất cứ chuyện gì thì sống hôm nay chẳng biết tới ngày mai. Nếu họ có tiền họ có thể sống vui vẻ, nhưng họ lại không đủ tiền để đi du lịch, thậm chí đi ra ngoài uống nước. Thế nên họ ở nhà chơi mạt chược. Ít ra họ cũng có thể thắng một chút tiền.”

“Thế còn những người đàn bà mê tín thì sao?” Tôi hỏi.

“Những người tin vào một tôn giáo thì khác,” cô ăn mặc sành điệu nói và hất mái tóc ra sau.

Cô kia khẳng định lại điều đó. “Rất khác. Những người đàn bà có tín ngưỡng đọc kinh, tham gia các hoạt động tôn giáo và giúp đỡ những người khác.”

“Thế, khi sang tuổi bốn mươi, liệu các cô có tin vào tôn giáo nào không?” tôi hỏi cả hai.

Cô ăn mặc sành điệu nhún vai không bày tỏ ý kiến, nhưng cô bạn trả lời chắc như đinh đóng cột, “Nếu tôi giàu, tôi sẽ không tin. Nếu tôi vẫn nghèo thế này, tôi sẽ tin.”

“Vậy cô sẽ tin vào tôn giáo nào?” Tôi hỏi.

“Điều đó còn tùy thuộc tôn giáo nào là một lúc đó,” cô ta đáp.

Rồi hai cô gái bỏ đi, còn tôi đứng lại bên ngoài nhà thờ, miệng há hốc.

CHƯƠNG 7

NGƯỜI ĐÀN BÀ YÊU ĐÀN BÀ

Các đồng nghiệp của tôi thường nói: “Nhà báo càng ngày càng nhát gan.” Khi có thêm kinh nghiệm về nghề phát thanh và cố gắng mở rộng giới hạn cho những chương trình của mình, tôi bắt đầu hiểu họ nói thế nghĩa là sao. Bất kỳ lúc nào nhà báo cũng có khả năng phạm phải sai lầm đe dọa đến sự nghiệp, thậm chí cả tự do của họ. Họ sống trong vòng cương tỏa của một hệ quy tắc được rào chắn cẩn thận mà, nếu bị xâm phạm, sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Lần đầu tiên tôi dẫn một chương trình phát thanh, phụ trách của tôi trông lo lắng đến mức tôi cứ nghĩ ông ta sắp ngất đến nơi. Chỉ mãi sau này, khi đã trở thành trưởng bộ phận, tôi mới biết rằng, theo quy định về phát thanh của Trung Quốc, nếu một chương trình phát thanh bị cắt mất hơn ba mươi giây, người trực ca đó sẽ bị tai tiếng khắp cả nước - một quyết định kỷ luật có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự thăng tiến trong tương lai. Ngay cả những lỗi nhỏ nhất cũng có nghĩa là tiền thưởng tháng đó (còn nhiều hơn tiền lương) bị cắt giảm; những lỗi lớn thường dẫn tới giáng cấp, thậm chí là sa thải.

Các nhà báo ở đài phát thanh phải tham gia học tập chính trị hai hoặc ba lần một tuần. Nội dung buổi học thường là tư tưởng Đặng Tiểu Bình về chính sách Cải Cách Và Mở Cửa và học thuyết của Giang Trạch Dân về chính trị phục vụ cho kinh tế. Các nguyên tắc và tầm quan trọng chính trị của tin tức cứ được nhắc đi nhắc lại như gõ trống vào tai, và không có buổi học nào kết thúc nếu không có màn phê bình một số đồng nghiệp vì đủ mọi loại vi phạm: Không đọc tên các vị lãnh đạo theo đúng trật tự cấp bậc trong chương trình, không quán triệt về tính thiết yếu của các khẩu hiệu Đảng trong một bài bình luận, thiếu tôn kính với những người lớn tuổi, không bày tỏ được tình yêu với Đảng, hành xử “không đúng mực”; tất cả những lỗi này và những sai lầm tương tự đều bị khiển trách. Trong suốt những buổi học đó, tôi có cảm giác Trung Quốc vẫn đang trong vòng kìm kẹp của Cách Mạng Văn Hóa: chính trị vẫn điều khiển mọi lĩnh vực của đời sống hàng ngày, với những nhóm người bị chỉ trích và phán xét để những người khác cảm thấy họ đang giành được cái gì đó.

Tôi cảm thấy khó mà trữ nổi những thông tin chính trị đó trong đầu, nhưng chắc chắn rằng tôi thường tự nhắc nhở mình quy tắc quan trọng nhất: “Đảng lãnh đạo toàn diện”. Thời điểm để tôi kiểm tra xem liệu mình có hiểu nguyên tắc này không đã đến.

Sự thành công của chương trình đã khiến tôi được nhận khá nhiều lời khen ngợi. Người ta gọi tôi là người dẫn chương trình nữ đầu tiên “nhắc tẩm mạng che mặt” của phụ nữ Trung Quốc lên, nhà báo đầu tiên về các vấn đề của phụ nữ đi sâu vào thực tế cuộc đời họ. Đài phát thanh đề bạt tôi lên vị trí cao hơn và tôi nhận được khoản tài trợ đáng kể về tài chính. Cuối cùng tôi cũng đã xây dựng được một chương trình “đường dây nóng” và trực tiếp nhận những cuộc gọi của thính giả trên sóng phát thanh.

Tất cả các phòng thu phát thanh trực tiếp đều gồm hai gian, một gian chứa các bảng điều khiển, âm nhạc và các ghi chú để phát thanh của người dẫn chương trình, phòng còn lại là phòng điều khiển. Những cuộc gọi tới đường dây nóng của tôi sẽ phải đi qua nhân viên quản lý phát thanh, người xử lý hệ thống máy móc hoãn thời gian. Cô ta có mười giây để quyết định xem cuộc gọi có không phù hợp để phát thanh không và cắt cuộc gọi đó mà thính giả không hề hay biết.

Một tối nọ, lúc tôi chuẩn bị kết thúc chương trình của mình bằng một bản nhạc êm ái du dương - việc tôi thường làm vào mười phút cuối cùng của chương trình - thì nhận được cuộc

gọi cuối cùng:

“Chào Hân Nhiên, tôi gọi từ Mã Yên Sơn. Cảm ơn cô vì chương trình này. Nó gọi cho tôi nhiều điều để suy nghĩ, và giúp đỡ tôi cũng như nhiều người phụ nữ khác. Hôm nay tôi muốn hỏi cô rằng cô nghĩ sao về vấn đề đồng tính. Tại sao có quá nhiều người phân biệt đối xử với người đồng tính. Tại sao Trung Quốc coi đồng tính là phạm pháp? Tại sao người ta không hiểu rằng người đồng tính cũng có các quyền và lựa chọn trong cuộc đời giống như những người khác?...”

Trong khi người gọi đó tuôn ra cả tràng câu hỏi, tôi đổ mồ hôi lạnh toát. Theo quy định của ngành truyền thông, đồng tính là chủ đề bị cấm, tôi thắc mắc trong tuyệt vọng rằng tại sao cô kiểm soát viên lại không cắt cuộc gọi này ngay lập tức.

Tôi không có cách nào để thoát thác việc trả lời câu hỏi này: hàng nghìn người đang chờ tôi trả lời và tôi không thể để cho họ biết rằng đó là một vấn đề bị cấm. Tôi cũng không thể nói rằng thời gian đã hết: chương trình vẫn còn mười phút nữa. Tôi bật nhạc to lên trong khi tuyệt vọng nhớ lại tất cả mọi thứ tôi từng đọc về vấn đề đồng tính và cố nghĩ cách để giải quyết vấn đề này một cách tròn trịa nhất. Người phụ nữ đó đã hỏi một câu sắc lẹm, chắc hẳn đã bám ngay vào tâm trí của các thánh giả:

Đồng tính có một lịch sử riêng, từ thời La Mã cổ đại ở Phương Tây và thời Đường - Tống ở Trung Quốc, cho tới ngày nay. Có những luận cứ triết học rằng mọi thứ tồn tại đều có nguyên cớ, thế tại sao đồng tính lại bị xem là không thể chấp nhận được ở Trung Quốc?

Vào khoảnh khắc đó tôi nhìn qua tấm kính ngăn hai phòng thấy kiểm soát viên kia đang trả lời một cú điện thoại nội bộ. Cô ta tái nhợt và ngay tắp lự cắt cuộc gọi khi người thánh giả đang nói dở câu, bất chấp quy tắc nghiêm ngặt cấm không được làm vậy. Vài giây sau, giám đốc trực ca hôm đó xông vào phòng kiểm soát và nói với tôi qua thiết bị liên lạc nội bộ, “Cẩn thận đấy, Hân Nhiên!”

Tôi để bản nhạc tiếp tục phát chừng hơn một phút trước khi trở lại với micro. “Xin chào các bạn nghe đài, các bạn đang nghe chương trình *Khinh Phong Dạ Thoại*. Tên tôi là Hân Nhiên, và tôi đang cùng các bạn thảo luận trực tiếp về thế giới của những người phụ nữ. Từ mười giờ đến mười hai giờ hằng đêm, các bạn có thể hòa vào những câu chuyện cuộc đời của những người phụ nữ, lắng nghe tâm can họ và hiểu cuộc sống của họ.” Tôi cố gắng hết sức để lấp khoảng thời gian trống trong khi sắp xếp lại các ý nghĩ của mình.

“Vừa rồi, chúng tôi nhận được cuộc gọi từ một thánh giả am hiểu sâu sắc về xã hội và lịch sử, và thấu hiểu những gì mà một nhóm phụ nữ có cách sống khác với quy ước của xã hội phải trải qua. Theo những gì tôi được biết, đồng tính, như người gọi tới đã nói, không chỉ là sản phẩm của xã hội hiện đại: đã có nhiều ghi chép về vấn đề này trong lịch sử Phương Đông cũng như Phương Tây. Người ta nói rằng, trong những cuộc chinh phạt ở thời kỳ La Mã cổ đại, các tướng lĩnh thậm chí còn khuyến khích binh lính của họ tham gia vào chuyện sinh hoạt đồng giới. Tuy nhiên, có lẽ đó là do vấn đề ích lợi của quan hệ đồng tính thì đúng hơn là người ta đồng tình với nó. Những mối quan hệ đồng giới giúp các chiến binh đối mặt với chiến tranh và khao khát về với gia đình. Ở biến dạng nghiệt ngã của nó, sự gấn bó về tình cảm hình thành giữa các chiến binh sẽ đem lại cho họ thêm một động cơ nữa là trả thù cho người tình của mình đã bị thương hay tử trận.

Ở Trung Quốc, đồng tính không bị kiểm tỏa cho đến tận thời Đường - Tống; có những ghi chép về vấn đề này từ triều đại Bắc Ngụy. Tất cả những ghi chép này đều xuất phát từ trong cung đình. Nhưng đồng tính chưa bao giờ có ảnh hưởng lớn trong xã hội cả - có lẽ bởi vì con người có một nhu cầu tự nhiên về tình yêu giữa nam và nữ, và nhu cầu phải duy trì nòi giống. Như thánh hiền xưa đã nói: *Vạn vật cạnh tranh để giành lấy chỗ đứng cho mình, nhưng số mệnh*

mới quyết định tất cả. Chúng ta đều đồng ý rằng mọi người đều có quyền lựa chọn cách sống riêng, và có quyền lựa chọn những nhu cầu giới tính của mình. Thế nhưng, loài người luôn luôn ở trong một trạng thái chuyển tiếp. Mọi quốc gia, khu vực, và nhóm tộc người đều đang cố hết sức trên con đường đi tới tương lai của nhân loại, để kiếm tìm một hệ thống toàn thiện toàn mỹ nhất. Chưa ai trong chúng ta có thể đạt được kết luận cuối cùng về cái gì là đúng cái gì là sai trong cuộc hành trình này, và chừng nào chưa đạt tới sự toàn mỹ, chúng ta cần phải có sự định hướng dẫn dắt. Chúng ta cũng cần có sự vị tha và thấu hiểu.

Tôi không nghĩ rằng di truyền là nguyên nhân duy nhất của hiện tượng đồng tính, tôi cũng không tin chỉ có môi trường gia đình là chịu trách nhiệm cho chuyện đó. Sự tò mò càng khó có thể là nguyên nhân duy nhất làm nảy sinh đồng tính. Tôi tin rằng nguyên nhân của vấn đề này bao gồm nhiều khía cạnh và rất đa dạng. Tất cả chúng ta đều có những trải nghiệm khác nhau về cuộc sống, và chúng ta có những lựa chọn vừa giống nhau lại vừa khác nhau.

Thừa nhận sự khác biệt có nghĩa là chúng ta không nên mong đợi người khác đồng ý với ý kiến của mình về vấn đề đồng tính, vì sự trông đợi đó sẽ dẫn đến thành kiến hay một kiểu gì đó như thế. Đối với những bạn đồng giới từng phải hứng chịu thái độ định kiến đó, tôi muốn thay mặt cho những kẻ thờ ơ mà các bạn đã gặp phải để nói: *Xin lỗi các bạn.* Tất cả chúng ta đều cần có sự thấu hiểu trong cuộc đời này."

Tôi vận nhạc to lên, tắt micro đi và hít sâu một hơi. Đột nhiên, tôi nhận ra trong phòng điều khiển bên kia tấm kính ngăn toàn các lãnh đạo cao nhất của đài. Giám đốc đài phát thanh và giám đốc chương trình lao vào phòng thu, nắm lấy tay tôi mà lắc mạnh.

"Cảm ơn cô, cảm ơn cô, Hân Nhiên! Cô trả lời hay, hay lắm!" Lòng bàn tay giám đốc đài ướt đầm mồ hôi.

"Cô cứu chúng tôi một bàn thua trông thấy!" Giám đốc chương trình lắp bắp, tay ông run run.

"Chuyện thế đủ rồi! Đi ăn thôi! Phòng kế toán lo," ông Ngô, trưởng phòng hành chính nói. Mọi người vây lấy tôi.

Sau đó tôi mới biết chuyện gì đã xảy ra. Kiểm soát viên chương trình bảo tôi rằng lúc đó cô ta đang lo lắng về kỳ thi vào đại học của con trai nên không chú ý tới cuộc gọi cho tới khi giám đốc trực hôm đó giận dữ gọi điện tới. Ông Ngô đang nghe chương trình ở nhà như mọi hôm. Nhận thấy chương trình đang sa vào bãi mìn, ông lập tức gọi cho giám đốc chương trình, ông này bèn vội vã gọi cho giám đốc đài: biết rõ tình hình mà không báo cáo thì còn phạm sai lầm trầm trọng hơn. Tất cả họ đều hối hả đổ xô tới phòng thu, lắng nghe chương trình của tôi trên đường đi. Khi họ bước vào phòng điều khiển thì vụ khủng hoảng đã được giải quyết.

Lần đầu tiên tôi được nghe nói tới đồng tính là hồi học đại học. Vì tôi có làn da đẹp nên các bạn học nữ đặt biệt danh cho tôi là "Trứng gà" hay "Quả bóng tuyết", và thường vuốt ve má và cánh tay tôi đầy ngưỡng mộ. Thấy vậy, một thầy giáo trêu, "Coi chừng bị cưỡng bức đồng tính đó!"

Tôi hiểu từ "cưỡng bức" theo nghĩa là tấn công về mặt thể xác, nhưng tôi không biết thầy giáo đang nói về chuyện gì. Thầy giải thích, "Đồng tính tức là một người đàn bà yêu một người đàn bà khác, hoặc một người đàn ông yêu người đàn ông khác. Điều đó là vi phạm pháp luật."

"Sao cơ, thế mẹ yêu con gái, bố yêu con trai cũng là vi phạm pháp luật ư?" Tôi cãi.

Thầy giáo lắc đầu. "Đó là quan hệ huyết thống, không phải quan hệ giới tính. Trời ạ, nói với em thật chẳng ích gì. Cứ như là đàn gảy tai trâu ấy. Thôi quên đi, quên đi."

Sau đó tôi lại được nghe về vấn đề này trong buổi họp mặt mấy bà bạn đồng nghiệp cũ của mẹ tôi. Hình như là mẹ tôi từng làm việc với hai người phụ nữ ở chung một phòng đơn. Khi

điều kiện được cải thiện, đơn vị cấp cho mỗi người một phòng riêng thì họ đã từ chối. Họ cư xử như hai chị em nên hồi đó không ai để ý gì nhiều lắm. Những người cùng thời với họ thì mãi tán tỉnh yêu đương, cưới xin và bận bịu với con cái, rồi cháu chắt. Quay cuồng trong trạng thái kiệt quệ về cả tinh thần lẫn thể xác do nhu cầu của gia đình mình, nên tới tận lúc tuổi xế chiều họ mới nhớ ra hai người phụ nữ đó và ghen tị với hai người này về cuộc sống dễ chịu và thoải mái của họ. Giờ họ mới nghĩ tới những lời đồn thổi và xét đoán mà thời trẻ chẳng ai bận tâm, và nhóm đồng nghiệp cũ kết luận rằng hai người phụ nữ đó bị đồng tính.

Nghe những người phụ nữ lớn tuổi đó rút ra kết luận, tôi nghĩ hai người phụ nữ ấy mới vô ưu làm sao: có lẽ họ không phải nếm trải những cảm giác cay đắng đối với đàn ông, và tất nhiên là không mang những nỗi lo lắng bám riết về con cái. Có lẽ, rốt cuộc đồng tính không phải là chuyện xấu xa tệ hại, tôi nghĩ vậy, có lẽ đó chỉ là một con đường khác trong cuộc đời này. Tôi không hiểu tại sao chuyện đó lại trái pháp luật, nhưng có vẻ như không có ai để tôi hỏi về vấn đề này.

Một lần tôi lấy hết đủ can đảm hỏi một bác sĩ trưởng phòng phụ khoa. Bà ấy nhìn tôi đầy kinh ngạc. “Điều gì khiến cháu nghĩ đến chuyện hỏi về vấn đề đó?”

“Tại sao ạ, nó tồi tệ đến mức không thể hỏi được ư? Cháu chỉ muốn biết điều gì khiến những phụ nữ đó khác với những người bình thường khác.”

“Ngoài sự khác biệt trong tâm thái và hành vi giới tính ra, họ không khác gì những người phụ nữ bình thường cả,” bà bác sĩ phụ khoa nói, hơi đỏ mặt vì chủ đề này.

Tôi lại gắng hỏi bà. “Nếu như tâm thái và hành vi giới tính của một người phụ nữ khác với những phụ nữ bình thường, thì cô ta có thể được coi là một người phụ nữ không?” Bà bác sĩ phụ khoa không biết phải mô tả chi tiết ra sao mà cũng không được chuẩn bị để làm việc đó.

Lần thứ ba tôi va chạm vấn đề đồng tính là khi được cử đi lấy tin về một chiến dịch trật tự toàn thành phố. Khi người tổ chức hoạt động đó nhìn thấy tôi, ông ta kêu lên, “Làm sao mà đài phát thanh lại có thể cử phụ nữ đi chứ? Chắc là nhầm lẫn rồi! Thôi được, vì cô đã tới đây rồi nên cô ở lại cũng được. Nhưng tôi e rằng cô sẽ phải tường thuật gián tiếp chứ không phải có mặt tại hiện trường đâu.”

Các đồng nghiệp của ông ta cười ồ lên, nhưng tôi vẫn không hiểu gì. Khi hoạt động bắt đầu, lý do họ cười mới lộ ra: họ tiến hành những cuộc kiểm tra đột xuất các nhà vệ sinh công cộng của nam giới - bốc mùi hôi thối thấu trời - và bắt những người đàn ông có hành vi tình dục đồng tính.

Tôi thấy nghi ngờ về chiến dịch này: chẳng phải đã đủ đạo chích và các loại tội phạm khác để bắt rồi hay sao? Và chắc là không có nhiều đàn ông sinh hoạt tình dục trong nhà vệ sinh cùng một lúc đến mức ấy chứ? Không thể tin nổi, hơn một trăm người đàn ông đã bị bắt đêm đó. Khi chiến dịch sắp kết thúc, tôi sững sốt hỏi một nhân viên trật tự công cộng, “Có phải ở các nhà vệ sinh nữ cũng có những người chịu trách nhiệm duy trì trật tự không?”

“Sao chúng tôi lại phải đi kiểm tra phụ nữ? Cô đùa chắc?” anh ta đáp, lắc đầu ngạc nhiên vì sự ngây thơ của tôi.

Người gọi hỏi về đồng tính qua chương trình đường dây nóng của tôi là người đầu tiên giúp tôi thực sự hiểu về vấn đề này. Khoảng một tuần sau cuộc gọi đó, tôi trở về nhà trong trạng thái hưng phấn cao độ vì buổi phát thanh. Khoảng 2 giờ sáng, khi cuối cùng tôi cũng bắt đầu buồn ngủ, chuông điện thoại đột ngột reo vang.

“Hân Nhiên, cô nhớ tôi là ai không?” Một giọng nữ cất lên. “Hẳn là cô phải nhớ: tôi đã hỏi cô một câu hỏi khó trên đài hôm trước.”

Giận dữ và bức bối, tôi tự hỏi làm sao mà người phụ nữ này có số điện thoại nhà riêng của tôi. Rõ ràng lẽ ra nên dừng việc cho số điện thoại nhà riêng của tôi, bất kể đó là ai ở đài. Giờ thì đã quá muộn chẳng thể làm gì được nữa.

Tôi nổi đóa lặng lẽ khi người phụ nữ kia nói, “Ấy, tôi biết cô đang nghĩ gì. Đừng kết tội biên tập viên trực của cô về chuyện cho tôi số của cô đấy. Tôi nói tôi là họ hàng của cô từ Bắc Kinh tới và tôi đã bị mất cắp túi xách khi xuống tàu - có cuốn sổ điện thoại trong đó. Tôi cần gọi cho cô đến đón tôi. Không tồì, đúng không?”

“Không tồì, không tồì,” tôi lặp lại lạnh lùng. “Tôi giúp gì được cô nào? Tôi vẫn nhớ cô, cô ở Mã Yên Sơn, đúng không?”

“Vâng, tôi biết là cô sẽ không quên tôi. Cô có mệt không?”

Tôi kiệt sức. “Ừm, một chút. Cô muốn gì nào?”

Có vẻ cô ta đã hiểu ra ý bóng gió. “Thôi được rồi, cô đang mệt. Tôi sẽ không nói gì bây giờ cả. Tôi sẽ gọi lại cho cô sau chương trình của cô vào ngày mai.” Nói xong cô ta cúp máy.

Đến tận đêm hôm sau, tôi hầu như đã quên mất cuộc gọi đó, nhưng sau khi về nhà chưa đầy một tiếng, chuông điện thoại reo vang.

“Hân Nhiên, hôm nay tôi gọi sớm hơn rồi đúng không? Đừng lo. Tôi sẽ không nói gì nhiều đâu. Tôi chỉ muốn nói rằng tôi rất biết ơn cô vì đã nói lời xin lỗi với những người đồng tính vì sự thành kiến mà họ phải chịu đựng. Thế nhé, chỉ vậy thôi, chúc ngủ ngon!”

Cô ta lại cúp máy trước khi tôi kịp nói gì. Tôi tự an ủi mình: cô ta có ý tốt thôi và khá ý tứ.

Mỗi tối người phụ nữ đó gọi cho tôi vào cùng một giờ, suốt ba tuần liền. Cô ta nói với tôi những suy nghĩ của cô ta về buổi phát thanh tối hôm đó, giới thiệu những cuốn sách và bản nhạc mà có lẽ tôi sẽ thấy hữu ích, hoặc đơn giản chỉ là cho tôi một lời khuyên khôn ngoan về cuộc sống nói chung. Mỗi lần cô ta chỉ nói vài phút, và không bao giờ cho tôi có cơ hội để nói. Cô ta không cho tôi biết tên.

Một hôm khi tôi đang rời đài phát thanh lúc khoảng một giờ sáng, tôi thấy một người hàng xóm đang chờ mình ở cổng. Chuyện này rất lạ. Anh ta bảo con bé giúp việc của tôi nhờ anh ta tới vì nó sợ đến mất trí. Một người phụ nữ lạ cứ gọi đến nhà bảo nó: “Rời khỏi Hân Nhiên đi!”

Tôi có cảm giác phấp phỏng không yên.

Tối hôm ấy đúng vào giờ đó, như mọi ngày trong suốt ba tuần trước đó, điện thoại reo. Trước khi người gọi kịp nói gì, tôi chẹn luôn, “Có phải cô vừa gọi lúc này không?”

“Phải, tôi nói chuyện với con bé trông trẻ của cô và bảo nó phải rời khỏi cô,” cô ta nói, khá thản nhiên và bình tĩnh.

“Tại sao cô lại làm thế?” Tôi giận dữ hỏi.

“Tại sao không? Cô ta không nên sở hữu cô cho riêng mình - cô nên thuộc về nhiều người phụ nữ khác nữa.”

“Nghe này,” tôi đáp, “tôi rất vui được trao đổi những ý tưởng hay chuyện trò với cô về cuộc sống nói chung. Nhưng nếu cô quấy rầy cuộc sống của tôi thì tôi sẽ không còn gì liên quan tới cô nữa. Tôi không can thiệp vào cuộc sống của người khác, người khác cũng đừng can thiệp vào cuộc sống của tôi”.

Cô ta im lặng một lát, rồi nói với giọng nài xin, “Tôi sẽ làm như cô nói, nhưng cô không thể ruồng bỏ tình yêu của chúng ta.”

Cái ý tưởng rằng người phụ nữ đó yêu mình khiến tôi cảm thấy rất lo lắng. Tôi không trả lời

điện thoại suốt mấy ngày liền và tôi tự nhủ rằng, cũng giống như những người hâm mộ đến phát cuồng các ngôi sao nhạc pop, sự cuồng si của cô ta có lẽ đến rồi sẽ đi; không cần phải lo lắng.

Một buổi chiều, giám đốc đài triệu tôi lên phòng làm việc và nói, “Một nữ phát thanh viên của đài phát thanh Mã Yên Sơn tên là Đào Hồng đã tìm cách tự sát. Cha cô ta có gửi cho tôi thư tuyệt mệnh của cô ta. Trong thư nói cô ta yêu cô sâu sắc nhưng cô đã cự tuyệt cô ta.”

Tôi không nói được lời nào. Người phụ nữ tên Đào Hồng này chính là người bí ẩn gọi điện cho tôi. Tôi không hề nghĩ rằng cô ta cũng là một phát thanh viên và đương nhiên tôi không hề nghĩ rằng việc không nghe các cuộc gọi của cô ta sẽ dẫn tới chuyện này. Giám đốc đài mời tôi ngồi một chút. Có vẻ như, điều đầu tiên Đào Hồng thét lên khi hồi tỉnh là: “Tôi phải gặp Hân Nhiên!”

Vài ngày sau, khi tôi đang họp với phòng kế hoạch, một phát thanh viên bước vào báo tôi có khách. Khi anh ta đưa tôi tới phòng lễ tân, tôi thấy một cô gái trẻ mặc đồ đàn ông rất sành điệu. Tóc cô ta cắt ngắn ngắn, nên nhìn từ đằng sau khó mà bảo đấy là phụ nữ được. Trước khi người phát thanh viên đi tìm tôi lúc này kịp giới thiệu chúng tôi, cô ta bước tới và dùng cả hai tay chộp lấy cánh tay tôi, giọng đầy cảm xúc, “Đừng nói gì cả, hãy để tôi cảm nhận được toàn bộ. Tôi biết ngay cô chính là Hân Nhiên của tôi!”

“Hân Nhiên của cô?” người phát thanh viên kia hỏi.

“Đúng thế, Hân Nhiên của tôi! Tôi là Đào Hồng, Đào Hồng của cô đây!”

Người đồng nghiệp của tôi bèn dẫn ngay ra ngoài. Anh ta có biết chuyện về Đào Hồng, nên tôi đoán anh ta đi gọi trợ giúp.

Mắt của Đào Hồng dán chặt lấy tôi trong khi nói, “Trông cô còn đáng yêu hơn so với tưởng tượng của tôi, nữ tính quá, mềm mại quá. Cuối cùng tôi cũng gặp được cô rồi! Lại đây, lại đây nào, ngồi xuống đây! Để tôi ngắm cô kỹ hơn. Đã hơn nửa năm rồi... Tôi không tới một lần nào trong suốt thời gian đó... Tôi muốn biết và hiểu cô qua chương trình của cô, và qua hình ảnh của cô trong trái tim tôi... Cô nói đúng lắm, phụ nữ là lực lượng sáng tạo trong vũ trụ này. Họ đem đến cho cuộc sống cái đẹp, cảm xúc và sự nhạy cảm. Họ tinh khiết và trong sạch. Phụ nữ là những tạo vật tuyệt vời nhất...”

Người đồng nghiệp của tôi đã trở lại với ba hay bốn phát thanh viên khác, tất cả bọn họ đều ngồi xuống không xa chúng tôi, tán gẫu trong khi vẫn để mắt tới tôi.

“Xem tôi mang gì tới cho cô này. Những cuốn sách này toàn hình vẽ phụ nữ thôi. Hãy xem thân hình họ mới đẹp để làm sao. Nhìn bức tranh này đi, nét mặt ấy, nhìn xem cái miệng này mới quyến rũ làm sao. Tôi mang đến tặng riêng cho cô đấy; cô có thể giữ lấy và nhìn ngắm chúng vào lúc nào rảnh rỗi. Tôi còn mang cho cô cả cái này nữa... để cho cô khoái cảm tình dục. Cả cái này nữa. Khi tôi cọ xát nó vào thân thể cô, cô sẽ thấy như mình đang lên thiên đường!”

Các đồng nghiệp của tôi liếc trộm các thứ Đào Hồng đang đặt trước mặt tôi. Tôi ngượng chín người. Tôi vẫn luôn khẳng định rằng tình dục không tình yêu là đồi trụy; thậm chí tôi còn không biết rằng có những dụng cụ thay thế tạm thời để kích thích những khoái cảm nhục dục theo cái cách máy móc này.

Đào Hồng vẫn thao thao bất tuyệt: “Với sự trợ giúp của công cụ hiện đại, chúng ta có thể đạt được những thứ tổ tiên chúng ta muốn mà không thể có. Khác với họ, chúng ta có thể đẩy cảm xúc của mình đi xa tới mức nào chúng ta muốn...”

Tôi cố làm cô ta xao lãng bằng cách chỉ vào tập giấy cô ta đang ôm, trông giống như một thứ tài liệu quảng cáo gì đó. “Đào Hồng, cái gì đây? Cô chưa nhắc tới cái này?”

“À, tôi biết cô sẽ hỏi về chúng. Đây là những tôn chỉ của *Hiệp Hội Đồng Tính* Trung Quốc. Cô đã nghe nói về nó chưa? Một năm rưỡi trước chúng tôi đã dự định tổ chức một cuộc hội thảo. Khách sạn, chương trình và mọi thứ đã sẵn sàng nhưng chính phủ đã thẳng tay đàn áp. Song chuyện đó cũng chẳng sao. Chúng tôi đã đạt được hầu hết những thứ mà chúng tôi muốn: trong vài bữa tối trước hội thảo, chúng tôi đã thảo ra các nguyên tắc của hội, thông qua các nghị quyết và thảo luận về những nhu cầu thể xác, và làm thế nào để có thể thu được nhiều hơn từ sex...”

Tôi nhớ buổi hội thảo mà Đào Hồng nói tới. Tôi đã suýt tới Bắc Kinh để tường thuật về nó. Ngày trước hôm tôi lên đường đúng theo lịch, một người từ Sở Công An Nam Kinh gọi tới để báo với tôi rằng họ đã cử người đến để hỗ trợ công an Bắc Kinh dập tắt cuộc hội thảo đó. Họ đang tìm kiếm và đình chỉ hoạt động một khách sạn lớn, bắt một số nhân vật chủ chốt của *Hiệp Hội Đồng Tính*. Ngay lập tức tôi gọi cho một số nhà tâm lý học và bác sĩ mà tôi biết là được mời tới dự buổi hội thảo để cảnh báo cho họ dừng đi; tôi sợ rằng sẽ có đổ máu.

May mắn thay, như Đào Hồng kể, việc giải tán buổi hội thảo không dẫn tới bạo lực. Để ngăn chặn tình huống diễn biến theo chiều hướng xấu, phía công an đã cố ý để lộ thông tin về vụ vây bắt, vì vậy *Hiệp Hội Đồng Tính* đã hủy bỏ cuộc hội thảo. Cả hai bên đều hoàn thành được phần lớn mục tiêu mình đặt ra: chính phủ kiểm soát được tình hình, còn hiệp hội vẫn gặp mặt được trong khi lập kế hoạch cho cuộc hội thảo. Người Trung Quốc đang ngày càng trở nên tinh vi hơn trong cách vận động chính trị của họ.

Một cơn buồn nôn dâng lên trong tôi khi tôi đọc dòng tiêu đề đập ngay vào mắt trên một trong các tờ rơi mà Đào Hồng đang ôm chặt: *Kỹ thuật quan hệ tình dục bằng miệng. Phần bốn: Sử dụng hàm trên*. Tôi cảm thấy kiểu thảo luận trần trụi về sex như thế thật khó có thể chấp nhận. Đào Hồng nhận ra vẻ ghê sợ trên mặt tôi, liền nói bằng giọng kiên nhẫn, “Đừng thấy là mình bắt buộc phải nhìn nó ngay lúc này. Hãy thử sau, rồi cô sẽ khám phá ra sự khoái lạc của tình dục.”

Các đồng nghiệp của tôi lặng lẽ cười hình hích.

“Đi dạo chút đi,” tôi nói, liêu lĩnh thoát khỏi tiếng khúc khích của đồng nghiệp.

“Thật sao? Đương nhiên rồi, lẽ ra chúng ta nên đi dạo phố sớm hơn. Chúng ta sẽ thành một cặp được đấy.”

Chúng tôi ra khỏi đài phát thanh và Đào Hồng hỏi chúng tôi sẽ đi đâu. Tôi bảo cô ta đừng hỏi - cô sẽ biết khi tới nơi. Cô ta thậm chí còn trở nên sôi nổi hơn, nói rằng đây chính là kiểu phiêu lưu mà mình thích, đầy những bí ẩn; vì nó mà cô còn tôn sùng tôi hơn rất nhiều.

Tôi đưa cô ta tới Đền Kê Minh, một ngôi đền cổ ở Nam Kinh có tiếng chuông có thể nghe thấy từ rất xa. Mỗi khi gặp rắc rối hay buồn phiền, thỉnh thoảng tôi lại tới ngồi trong Chùa Dược Sư Phật [\[5\]](#) ở đền này. Lắng nghe tiếng chuông trong khi ngược nhìn bầu trời xanh mây trắng, nỗi phiền muộn của tôi như được nâng lên và tôi cảm thấy mình có được ý chí quyết tâm, sự tự tin và mãn nguyện mới. Tôi nghĩ tiếng chuông có lẽ cũng tác động được đến tinh thần của Đào Hồng. Ở cổng đền, Đào Hồng dừng lại lo lắng hỏi, “Nếu tôi đi qua đây, liệu nó có thanh tẩy tôi không? Liệu nó có tước đi phẩm chất nào đó không?”

“Bất kể nó tước đi cái gì thì chắc chắn cũng chỉ là vô nghĩa. Tình cảm và ý nghĩa không thể bị sự thanh tẩy cuốn đi được. Tôi nghĩ thế,” tôi nói.

Đúng lúc Đào Hồng bước qua cổng đền, tiếng chuông vang vọng. Cô ta trầm ngâm, “Trái tim tôi rung lên trong một khoảnh khắc. Tại sao?” Tôi không biết phải trả lời cô ta như thế nào.

Đứng trong Chùa Dược Sư Phật, hai chúng tôi không nói câu nào một lúc lâu. Khi tiếng

chuông lại vang lên, tôi hỏi Đào Hồng hai câu: “Cô bắt đầu yêu phụ nữ từ khi nào? Và người tình đầu tiên của cô là ai?”

Câu chuyện của Đào Hồng tuân chảy:

Cha Đào Hồng vô cùng hổ thẹn khi không có con trai. Sau khi sinh cô ra, mẹ cô bị ung thư tử cung và không thể sinh con được nữa; sau này bà đã mất vì căn bệnh đó. Cha cô phát điên lên vì dòng họ nhà ông không có ai “nối dõi” nhưng ông chẳng thể làm gì được. Vì thế ông xem Đào Hồng như một cậu con trai và nuôi dạy cô như một đứa con trai về mọi mặt, từ quần áo ăn mặc đến đầu tóc và các trò chơi. Đào Hồng không bao giờ đi nhà vệ sinh công cộng vì cô không biết phải đi vào toa lét dành cho nam hay nữ. Thời gian ấy, Đào Hồng rất tự hào vì cách hành xử nam tính của mình và chẳng hề yêu phụ nữ.

Tuy nhiên vào năm mười bốn tuổi, chuyện xảy ra trong một đêm hè đã thay đổi hoàn toàn con người cô và cách nhìn của cô với đàn ông và phụ nữ. Đó là mùa hè trước khi cô bước vào cấp III. Cô đã nghe kể rằng cấp ba là quãng thời gian kinh khủng nhất: đường đời của cô thế nào là do nó quyết định, thành tích ở đó sẽ dẫn đến thành công trong tương lai. Cô quyết định tận hưởng kỳ nghỉ hè trọn vẹn trước khi vui đầu học hành vất vả suốt ba năm tới, và cô đi chơi tối với bạn bè rất nhiều.

Cái đêm hôm đó, chừng mười một giờ khi cô bắt đầu về nhà. Cô không phải đi xa lắm và đó cũng không phải là con đường vắng vẻ. Khi chỉ còn cách nhà vài bước, một nhóm bốn gã đàn ông nháy ra khỏi bóng tối và tóm lấy cô. Chúng lôi cô đi, bịt mắt và nhét giẻ vào miệng, tới một nơi có vẻ như là nhà kho chứa dụng cụ ở một công trường xây dựng. Dải bịt mắt được cởi ra, nhưng miệng cô vẫn bị nhét giẻ. Trong phòng còn có thêm ba gã nữa, tức là tổng cộng có bảy gã. Chúng bảo Đào Hồng là chúng muốn xem cô thực ra là đàn ông hay đàn bà, và bắt đầu lột quần áo của cô ra. Chúng ngẩn ra một lúc khi thấy thân thể thiếu nữ của cô nhưng rồi mặt chúng đỏ phừng lên, và cả bảy gã nháy xổ vào cô. Đào Hồng ngất đi.

Khi tỉnh dậy, cô thấy mình đang nằm trần truồng và chảy máu trên bàn thợ. Đám đàn ông đang ngáy vang dưới sàn; mấy gã quần còn đang tụt xuống tận mắt cá chân. Đào Hồng ngồi thẩn thờ trong nỗi kinh hoàng mất một lúc trước khi cuối cùng cũng vụng về dịch xuống khỏi cái bàn. Lảo đảo quay cuồng, cô chậm chạp nhặt quần áo dưới sàn lên. Khi cô bước đi, cô giẫm lên bàn tay của một gã: gã này kêu oai oái khiến mấy gã kia tỉnh dậy. Chúng nhìn cô, dờ ra vì cảm giác tội lỗi khi Đào Hồng nhặt quần áo lên và mặc vào, từng chiếc một. Đào Hồng mất nửa tiếng khó khăn để mặc lại đồng quần áo, suốt lúc đó cô không nói một lời.

Kể từ đó, cô căm ghét tất cả đàn ông, thậm chí cả cha mình. Đối với cô, họ đều bẩn thỉu, dâm dăng, thú vật và tàn bạo. Lúc đó, cô mới thấy kinh hai lần. Cô tiếp tục ăn mặc như con trai, vì lý do gì thì cô không thể giải thích được, và không bao giờ kể với ai chuyện gì đã xảy ra. Vụ cưỡng hiếp tập thể khiến cho mọi chuyện khá rõ ràng với Đào Hồng rằng cô là phụ nữ. Cô bắt đầu thắc mắc phụ nữ thì như thế nào. Cô không tin rằng mình có vẻ đẹp của phái nữ, nhưng cô muốn nhìn nó.

Lần đầu tiên cô thử làm điều đó là với cô bạn xinh nhất lớp hồi lớp 10. Đào Hồng bảo cô bạn đó là cô rất sợ ở một mình khi bố đi công tác vắng nhà và hỏi bạn mình có thể đến ngủ cùng hay không. Trước khi họ lên giường đi ngủ, Đào Hồng bảo với bạn rằng cô ngủ trần. Cô bạn kia hơi ngượng ngùng khi làm theo cô, nhưng Đào Hồng bảo sẽ mát xa cho bạn, thế là cô bạn kia đồng ý cởi quần áo ra.

Đào Hồng kinh ngạc trước sự mềm mại và mịn màng của thân hình cô gái, đặc biệt là vùng ngực và hông. Sự đụng chạm nhỏ nhất cũng khiến máu dồn lên tận đầu Đào Hồng, khiến cô rùng mình toàn thân. Đúng lúc Đào Hồng đang xoa nắn bạn mình cho đến nỗi cô bé thở hổn

hễn thì cha cô vào phòng.

Với một sự bình tĩnh bất ngờ, Đào Hồng kéo chăn trùm kín tấm thân trần của cả hai và hỏi, “Sao bố lại về, bố bảo là đi công tác cơ mà?” Cha cô quay ra không nói một lời, ông quá sững sốt.

Sau này, khi tôi phỏng vấn cha Đào Hồng trên điện thoại, ông nói với tôi rằng kể từ hôm đó, ông biết Đào Hồng đã lớn, và hơn thế nữa, đã trở thành một phần của một nhóm người đặc biệt. Ông không dám hỏi thẳng con gái tại sao cô lại bị đồng tính, nhưng lại thường đặt câu hỏi đó với người mẹ quá cố của cô khi đi quét mộ bà vào tiết Thanh Minh hàng năm.

Kể từ đó, Đào Hồng thường đưa các cô gái về nhà “mát xa”. Cô nghĩ phụ nữ là những sinh vật tuyệt vời, nhưng không hề có tình yêu trong những cảm xúc cô dành cho họ. Lần đầu tiên cô thực sự yêu là trong khi chuẩn bị cho cuộc hội thảo đồng tính mà cô đã kể với tôi. Đào Hồng được sắp cho ở cùng phòng khách sạn với một phụ nữ hơn cô mười bốn tuổi. Người đàn bà đó thật duyên dáng, điềm đạm và thân thiện. Cô ta hỏi Đào Hồng tại sao cô lại tham gia hội thảo này, và biết rằng Đào Hồng thích phụ nữ. Cô ta bảo Đào Hồng rằng tình dục là trạng thái tinh thần cao quý nhất, và ở phụ nữ nó là thứ quý giá hơn tất cả. Khi hội thảo bị giải tán, cô ta đưa Đào Hồng tới một khách sạn khác để tham gia một khóa “huấn luyện về tình dục”. Đào Hồng được nếm trải sự kích thích tình dục và khoái cảm mà cô chưa bao giờ trải qua. Người đàn bà đó còn hướng dẫn Đào Hồng về sức khỏe tình dục và cách sử dụng các công cụ tình dục. Cô ta kể rất nhiều về lịch sử của đồng tính, cả ở Trung Quốc lẫn nước ngoài.

Đào Hồng nói rằng cô yêu người phụ nữ đó vì cô ta là người đầu tiên chia sẻ quan điểm và hiểu biết với cô, để bảo vệ cô và đem lại cho cô khoái cảm thể xác. Nhưng người phụ nữ đó nói với Đào Hồng rằng cô ta không và không thể yêu cô được; cô ta không thể quên, chứ chưa nói là tìm người thay thế, người tình cũ của mình, một nữ giảng viên đại học, đã qua đời nhiều năm trước vì tai nạn xe hơi. Đào Hồng vô cùng xúc động; cô nói từ khi cô còn bé cô đã biết rằng tình yêu trong sáng và thánh thiện hơn tình dục rất nhiều.

Sau khi Đào Hồng trả lời hai câu hỏi của tôi, chúng tôi rời Đền Kê Minh. Trong lúc chúng tôi bước đi, Đào Hồng nói với tôi rằng cô đã đi tìm một người đàn bà mà cô có thể chia sẻ mối quan hệ như với người yêu đầu tiên. Cô đọc nhiều, và đã đỗ trong kỳ thi tuyển phát thanh viên của đài phát thanh Mã Yên Sơn tám tháng trước. Cô dẫn một chương trình đường dây nóng về phim và truyền hình. Cô kể rằng một trong số các thính giả đã viết thư gợi ý cô nên nghe chương trình *Khinh Phong Dạ Thoại*. Cô vặn kênh đó lên nghe hàng ngày suốt sáu tháng liền, và đã kỳ vọng tôi sẽ trở thành người tình mới của mình.

Tôi nói với Đào Hồng câu châm ngôn tôi thường lặp đi lặp lại trên sóng phát thanh, *Nếu như bạn không thể làm ai đó hạnh phúc, đừng cho họ hy vọng*, và nói một cách chân thành, “Đào Hồng, cảm ơn cô. Tôi rất vui vì đã được gặp cô, nhưng tôi không thuộc về cô, và tôi cũng không thể trở thành người yêu của cô được. Tin tôi đi, ngoài kia đang có người chờ đợi cô đấy. Hãy tiếp tục đọc sách và mở rộng những chân trời của mình, và cô sẽ tìm thấy người đó. Đừng để người đó phải chờ đợi cô.”

Đào Hồng hỏi khế. “Liệu tôi có thể xem cô là người yêu cũ thứ hai của tôi không?” Cô chậm rãi hỏi.

“Không, cô không thể,” tôi đáp, “vì giữa chúng ta không có tình yêu. Tình yêu phải xuất phát từ hai phía; yêu và được yêu một cách đơn phương đều không đủ.”

“Vậy thì tôi nên nghĩ về cô như thế nào?” Đào Hồng bắt đầu tiến tới quan điểm của tôi.

“Nghĩ về tôi như một người chị gái,” tôi nói. “Mối quan hệ thân thích là mối quan hệ bền vững

nhất.”

Đào Hồng nói cô sẽ nghĩ về chuyện đó, và chúng tôi chia tay.

Vài ngày sau, khi tôi nhận được cuộc gọi từ một thính giả muốn giấu tên, tôi ngay lập tức nhận ra đó là Đào Hồng. “Chị Hân Nhiên,” cô nói. “Em mong rằng tất cả mọi người đều nhận được sự chân thành, tốt bụng và hiểu biết của chị. Chị có đồng ý nhận em làm em gái không?”

CHƯƠNG 8

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐƯỢC CÁCH MẠNG SẮP ĐẶT HÔN NHÂN

Có một câu ngạn ngữ Trung Quốc rằng: *Mũi tên bắn vào con chim nào lối đầu ra*. Tôi mới là phát thanh viên chưa được bao lâu thì số lượng thư tôi nhận được từ thính giả, sự thăng tiến và những phần thưởng đã khiến tôi bị các đồng nghiệp cạnh khốe. Người Trung Quốc thường nói: *Cây ngay không sợ chết đứng*, nên tôi cố gắng giữ vẻ vui vẻ trước bất kỳ gương mặt đổ kỵ nào. Cuối cùng, chính tiếng nói của những người phụ nữ Trung Quốc đã đưa các đồng nghiệp xích lại gần tôi hơn.

Đài phát thanh mua cho tôi bốn cái máy trả lời điện thoại trường thời gian, mỗi cái đều có băng dài bốn tiếng. Mỗi tối, sau tám giờ, những chiếc máy này sẽ dành cho những người phụ nữ muốn góp ý kiến trong chương trình, nhờ giúp đỡ hoặc kể chuyện của họ. Phần chào hỏi của tôi trên những chiếc máy mời gọi họ hãy trút bỏ những gánh nặng của mình để có thể đi tới tương lai với hành trang nhẹ hơn, và đảm bảo với họ rằng họ không cần phải trình bày danh tính hay nơi ở. Hằng sáng, khi đến văn phòng, tôi thấy càng lúc càng nhiều đồng nghiệp - biên tập viên, phóng viên, và phát thanh viên - chờ nghe những câu chuyện phát ra từ băng ghi âm, được kể bằng những giọng nói nhuốm màu ngượng ngùng, lo âu và sợ hãi.

Một hôm chúng tôi nghe thấy:

«Xin chào, có ai ở đó không? Hân Nhiên có ở đó không? Ô, tốt. Đây chỉ là một cái băng.»

Người phụ nữ đó ngừng lại vài giây.

«Hân Nhiên, chào cô. E rằng tôi không thực sự là một trong các thính giả thường xuyên của cô; tôi không ở trong tỉnh của cô, và tôi chỉ mới bắt đầu nghe chương trình này. Một hôm các đồng nghiệp của tôi thảo luận về cô và chương trình của cô, họ nói rằng cô đã lắp đặt những chiếc điện thoại đặc biệt để thính giả có thể để lại lời nhắn, và là nơi mọi người phụ nữ có thể kể chuyện của mình một cách ẩn danh. Họ nói cô sẽ phát sóng các câu chuyện đó vào ngày hôm sau để thính giả thảo luận rộng rãi trên đường dây nóng, hy vọng giúp các phụ nữ hiểu được nhau, giúp đàn ông hiểu được phụ nữ, và đưa các gia đình xích lại gần nhau hơn. Trong mấy ngày gần đây tôi đã nghe chương trình của cô hàng ngày. Sóng bắt được không tốt lắm, nhưng tôi thích chương trình của cô lắm. Tôi chưa từng nghĩ rằng phụ nữ lại có nhiều chuyện để kể như thế, giống nhau mà lại khác nhau. Tôi chắc rằng cô không được phép đưa lên sóng tất cả những câu chuyện đó. Cho dù vậy, tôi nghĩ nhiều phụ nữ sẽ vẫn biết ơn cô. Đường dây điện thoại của cô đem lại cơ hội để phụ nữ nói về những chuyện họ chưa từng dám hay không thể nói từ khi còn rất trẻ. Cô phải biết rằng được có một không gian để bộc bạch nỗi lòng của mình mà không sợ bị chỉ trích hay phản ứng tiêu cực là đã nhẹ lòng lắm rồi. Đó là một nhu cầu về tình cảm, không kém phần quan trọng so với những nhu cầu của thể xác.»

Ngừng một lúc lâu.

«Hân Nhiên à, hình như tôi thiếu dũng khí để kể câu chuyện của chính mình. Tôi muốn kể cho mọi người nghe mình đang sống trong một gia đình kiểu như thế nào lắm. Tôi cũng muốn nghe câu chuyện của chính mình, bởi vì tôi chưa từng dám ngoái nhìn quá khứ, sợ rằng những ký ức có thể phá hủy niềm tin của tôi vào cuộc đời. Tôi từng đọc trong sách rằng thời gian hàn gắn mọi thứ, nhưng hơn bốn mươi năm đã không mang đi được nỗi căm hờn hay mối ân hận của tôi; thời gian chỉ làm cho tôi tê liệt.»

Bà ta thở dài yếu ớt.

«Trong mắt những người khác, tôi có mọi thứ mà một người đàn bà mong muốn. Chồng tôi có địa vị quan trọng trong chính quyền tỉnh; con trai tôi, nay đã gần bốn mươi, là giám đốc chi nhánh của một ngân hàng quốc doanh ở thành phố; con gái tôi làm việc trong công ty bảo hiểm nhà nước và tôi làm việc ở tòa thị chính. Tôi sống lặng lẽ và thanh bình; tôi không phải lo lắng về tiền bạc hay về tương lai của các con như hầu hết mọi người, và tôi cũng không phải lo lắng về chuyện mất việc.

Ở nhà, chúng tôi có thừa mọi thứ chúng tôi cần. Con trai tôi có một căn hộ lớn của riêng nó, và con gái tôi, con bé nói rằng nó theo chủ nghĩa độc thân, sống với chúng tôi. Ba chúng tôi sống trong một căn hộ rộng gần hai trăm mét vuông, trang bị nội thất hàng hiệu và những thiết bị điện gia dụng tân tiến nhất - ngay cả chậu rửa mặt và bồn cầu cũng là hàng ngoại nhập. Hầu như ngày nào cũng có người tới lau dọn và mang hoa tươi đến. Tuy nhiên nhà tôi chỉ như một gian trưng bày các vật dụng gia đình: không có sự giao tiếp thực sự trong gia đình, không một nụ cười hay tiếng đùa vui. Khi chỉ có người nhà với nhau, tất cả những gì có thể nghe thấy chỉ là những âm thanh của động vật: ăn, uống và đi vệ sinh. Chỉ khi nào có khách mới có hơi thở của con người. Trong gia đình này, tôi không có quyền của một người vợ hay tư cách của một người mẹ. Chồng tôi nói tôi giống như miếng vải xám bạc màu, không dùng để may quần, trải giường, hay thậm chí làm giẻ rửa bát được. Tôi chỉ hữu ích để làm một cái giẻ lau chân. Với ông ta, chức năng duy nhất của tôi là làm một bằng chứng về *phẩm chất giản dị, cần cù và liêm khiết* để ông ta có thể tiến lên vị trí cao hơn. Đó là những lời chính ông ta nói với tôi, Hân Nhiên ạ - ông ta nói toẹt vào mặt tôi như thế.»

Người phụ nữ đó ngừng lại, nức nở.

«Ông ta nói bằng thái độ hết sức hờ hững! Không biết bao nhiêu lần tôi đã nghĩ đến chuyện bỏ ông ta. Tôi muốn tìm lại tình yêu đối với âm nhạc và giai điệu, để khóa lấp nỗi khao khát một gia đình đích thực, để trở lại là con người tự do trước đây - để tìm lại thế nào là một người đàn bà đích thực. Nhưng chồng tôi nói rằng nếu tôi bỏ ông ta, ông ta sẽ khiến tôi sống không bằng chết. Ông ta sẽ không cho phép tôi làm tổn hại đến sự nghiệp của ông ta hay biến ông ta trở thành mục tiêu của những lời đàm tiếu. Tôi biết ông ta đã nói là làm: bao năm qua, không một kẻ đối đầu chính trị nào thoát khỏi đòn thù của ông ta. Những người phụ nữ từ chối sự ve vãn của ông ta đều kẹt trong những công việc tẻ nhạt nhất, không thể rời đi hoặc chuyển việc trong một thời gian dài. Thậm chí chồng của một số người còn bị tán gia bại sản. Tôi không thể thoát được.

Chắc cô thắc mắc tại sao tôi tin mình không có tư cách của một người mẹ. Chẳng bao lâu sau khi được sinh ra, các con tôi đã bị tách khỏi mẹ và gửi đến trường mẫu giáo quân đội bởi vì Đảng nói rằng chúng có thể sẽ làm ảnh hưởng đến công việc của *chỉ huy* - tức là cha của chúng; hồi đó chuyện cũng diễn ra như vậy với con cái của hầu hết những người lính khác. Trong khi các gia đình khác có thể gặp con một tuần một lần, chúng tôi lại thường phải đi xa, nên chỉ được gặp con một hoặc hai lần mỗi năm. Những cuộc gặp gỡ họa hoằn của chúng tôi thường bị cắt ngang bởi khách khứa hay những cuộc điện thoại, nên lũ trẻ rất buồn. Đôi khi chúng còn về trường sớm hơn quy định. Bố và Mẹ chỉ là những cái tên đối với chúng. Chúng gần bó nhiều hơn với các cô giáo mầm non đã chăm sóc chúng từ hồi bé xíu.

Khi chúng lớn hơn một chút, địa vị của cha chúng đem lại cho chúng rất nhiều đặc quyền mà những đứa trẻ khác không có. Điều này có thể tác động tới tụi trẻ đang lớn theo chiều hướng xấu, đưa lại cho chúng cảm giác suốt đời rằng mình là nòi thượng đẳng và thói quen coi thường người khác. Chúng cũng xem tôi như là đối tượng để coi thường. Bởi vì chúng học cách đối xử với người khác và cách thực hiện mọi việc từ cha chúng, đồng thời xem cách hành xử của ông ta là phương tiện để đạt được tham vọng của mình. Bằng hiểu biết và kinh nghiệm của

mình, tôi đã cố gắng dạy chúng làm thế nào để thành người tốt, hy vọng tình mẫu tử và sự chăm sóc của người mẹ sẽ làm chúng thay đổi. Nhưng chúng đánh giá giá trị của con người dựa vào địa vị xã hội của họ, và sự thành công của cha chúng chứng tỏ rằng ông ta xứng đáng để học theo. Nếu chính chồng tôi không cho rằng tôi đáng được tôn trọng hay yêu thương, thì tôi còn trông mong gì ở các con nữa? Chúng không tin rằng tôi từng có giá trị gì đó.»

Bà ta thở dài bất lực.

«Bốn mươi năm trước, tôi là một cô gái ngây thơ, lãng mạn, vừa tốt nghiệp trường nữ sinh ở một thị trấn nhỏ. Tôi may mắn hơn các cô gái cùng tuổi khác rất nhiều; cha mẹ tôi đã đi học nước ngoài và có tư tưởng phóng khoáng. Tôi chưa từng lo lắng về hôn nhân như các bạn cùng lớp. Hầu hết bọn họ đều có những cuộc hôn nhân được sắp đặt từ khi còn nằm nôi; số còn lại được hứa hôn khi học cấp II. Nếu nhà trai quá khắc nghiệt hoặc truyền thống gia đình bắt phải thế thì cô gái phải rời trường cấp II đi lấy chồng. Chúng tôi nghĩ những cô gái không may mắn nhất là những cô phải trở thành vợ hai, hay thiếp. Hầu hết các cô gái phải bỏ học để lấy chồng đều rơi vào tình cảnh này, lấy những người đàn ông muốn *thử món gì mới*. Nhiều bộ phim hiện nay mô tả các cô vợ lẽ như con người trong con mắt người chồng; chúng mô tả họ lợi dụng địa vị của mình để cư xử kiêu căng trong gia đình, nhưng điều đó không hề đúng. Bất kỳ người đàn ông nào có thể lấy mấy người và chắc chắn đều là con của những gia đình lớn, có quyền thế, đồng thời cũng có nhiều quy tắc và truyền thống gia đình. Lấy một ví dụ, những gia đình như thế có hơn mười cách chào hỏi mọi người và tỏ lòng kính trọng với người khác. Thậm chí lệch một chút khỏi những quy tắc này cũng đủ khiến gia đình *mất thể diện*. Một lời xin lỗi là không đủ - các cô vợ lẽ sẽ bị trừng phạt vì bất kỳ một lỗi nhẹ nào nếu bị phát giác. Họ sẽ bị vợ cả tát tai, bị cấm ăn cơm vài ngày, bắt làm việc nặng hay bắt quỳ gối trên ván giặt. Cô hãy tưởng tượng xem những người bạn học của tôi ở ngôi trường hiện đại, theo phong cách Phương Tây chán ghét những thứ ấy tới mức nào! Họ chẳng thể làm gì được; từ khi còn bé xíu họ đã biết cha mẹ đã có quyết định cuối cùng trong việc chọn đối tượng kết hôn cho mình. Nhiều cô gái ghen tị với tôi vì tôi được ra khỏi nhà và đi học. Hồi đó, phụ nữ phải tuân thủ Tam Tông Tứ Đức: *Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử; và tứ đức: Công, dung, ngôn, hạnh*.

Hàng nghìn năm qua, phụ nữ được dạy phải cung kính với người lớn, tận tụy với chồng, chăm lo việc bếp núc may vá, tất cả, trừ việc bước chân ra khỏi nhà. Một người phụ nữ được đi học, đọc và viết, bàn luận việc quốc gia đại sự như đàn ông, và thậm chí khuyên bảo đàn ông, là dị giáo đối với hầu hết người Trung Quốc vào thời điểm đó. Các bạn cùng lớp và tôi rất trân trọng sự tự do và may mắn của mình, nhưng đồng thời cũng cảm thấy hết sức mù mờ vì bọn tôi không có hình mẫu nào để noi theo cả. Dù chúng tôi đều xuất thân từ gia đình tự do và hiểu được tầm quan trọng của học hành, song xã hội xung quanh chúng tôi và sự trì trệ của truyền thống khiến thật khó cho bất kỳ ai trong chúng tôi xác định được một đường hướng độc lập trong đời.

Tôi rất biết ơn cha mẹ mình, những người đã không bao giờ ép buộc tôi điều gì hoặc bắt tôi phải tuân theo những quy tắc truyền thống của người phụ nữ Trung Quốc. Tôi không chỉ được cho phép đi học - mặc dù chỉ là trường nữ sinh - mà còn được cho ăn cùng mâm với bạn bè của bố mẹ và thảo luận về chính trị và những vấn đề đang diễn ra. Tôi có thể tham gia mọi cuộc hội họp và chọn bất kỳ môn thể thao hay hoạt động nào tôi thích. Những *Người tốt bụng* rồi việc trong thị trấn nhắc nhở tôi vì cung cách hiện đại của tôi, nhưng suốt tuổi thơ và cả quãng thời gian đi học nữa tôi đã rất hạnh phúc. Quan trọng nhất là, tôi được tự do.» Bà thì thầm với chính mình: «Tự do...»

Tôi tiếp nhận mọi thứ xung quanh mình. Không có gì kiềm chế lựa chọn của tôi. Tôi khao khát một nhiệm vụ vĩ đại có tầm cỡ lớn; tôi muốn làm thế giới phải sửng sốt với một kỳ công

rực rỡ, và mơ được trở thành một mỹ nhân đi bên bậc anh hùng. Khi đọc một cuốn sách về cách mạng có tựa đề Ngôi Sao Đỏ, tôi tìm thấy một thế giới mà trước đây mình chỉ biết đến qua những cuốn sách lịch sử. Đó có phải là tương lai mà tôi khao khát không? Tôi phấn khích đến mức không kiềm chế được, và quyết định tham gia cách mạng. Thật đáng ngạc nhiên, cha mẹ tôi lại có lập trường khác hẳn so với lập trường tự do phóng khoáng vốn có của họ. Họ cấm tôi không được đi, bảo rằng quyết định của tôi không dựa trên sự khôn ngoan hay thực tế. Họ bảo rằng những quyết định nông nổi chắc chắn sẽ có kết quả cay đắng vì chúng chưa chín chắn. Tôi xem lời họ như sự chỉ trích cá nhân, và phản ứng lại rất dữ. Bị kích động bởi tính bướng bỉnh của tuổi trẻ, tôi quyết định chứng minh cho họ thấy tôi không phải là một đứa con gái tầm thường.

Suốt bốn mươi năm sau đó, lời của họ vẫn cứ văng vẳng bên tai tôi. Tôi hiểu rằng cha mẹ tôi lúc đó không chỉ nói về tôi; họ muốn ám chỉ đến tương lai của cả đất nước Trung Quốc.

Một đêm giữa mùa hạ, tôi gói ghém hai bộ quần áo cùng vài quyển sách, và rời bỏ gia đình hạnh phúc, bình yên của mình, như thể một nhân vật nữ chính trong tiểu thuyết. Tới hôm nay tôi vẫn còn nhớ những ý nghĩ của mình khi bước ra khỏi cổng: Cha, mẹ, con xin lỗi. Con đã được số phận định sẵn là sẽ lưu danh sử sách, và làm cho cha mẹ tự hào.

Sau này, cha mẹ tôi thực sự đã nhìn thấy tên tôi trong nhiều sách báo, nhưng chỉ với tư cách một người vợ, không hơn. Tôi không biết tại sao, nhưng mẹ luôn hỏi tôi: Con có hạnh phúc không? Cho tới khi bà qua đời tôi chưa bao giờ trả lời câu hỏi đó một cách thẳng thắn. Tôi không biết phải trả lời ra sao, nhưng tôi tin mẹ tôi biết câu trả lời.»

Bà lại im lặng trong vài giây, rồi tiếp tục với giọng bối rối, «Tôi có hạnh phúc không?» Bà thì thầm với chính mình, «Hạnh phúc là gì... giờ tôi có hạnh phúc không? Tôi rất hạnh phúc khi lần đầu tiên tới vùng được Đảng giải phóng. Mọi thứ quá mới mẻ và lạ lẫm: trên những cánh đồng không thể phân biệt đâu là nông dân đâu là binh lính; ở thao trường, dân quân đứng sát cạnh những người lính. Đàn ông và đàn bà mặc quần áo và làm việc giống nhau; các lãnh đạo không được tôn kính vì cấp bậc của họ. Mọi người đều nói về tương lai của Trung Quốc; ngày nào người ta cũng lên án và chỉ trích chế độ cũ. Các báo cáo về thương vong ở chiến trường xuất hiện khắp nơi. Trong không khí đó, các nữ sinh được đối xử như những nàng công chúa, được quý trọng vì tâm hồn trong sáng và vẻ đẹp. Những người đàn ông gào lên lao vào chiến đấu dữ dội trên chiến trường lại trở nên nhu mì như lũ cừu cạnh chúng tôi trong lớp học.

Tôi chỉ ở vùng giải phóng ba tháng. Sau đó tôi được phân công vào một đội công tác cải cách ruộng đất ở bờ Bắc sông Hoàng Hà. Đơn vị của tôi, một đoàn văn công trực thuộc sở chỉ huy, đưa những chính sách của Đảng Cộng Sản tới người dân thông qua lời ca, tiếng hát, điệu múa và mọi hoạt động văn hóa khác. Đó là một vùng đất nghèo khó; ngoài tiếng kèn vào dịp cưới xin hay tang lễ, họ chưa từng có bất kỳ sinh hoạt văn hóa nào khác, nên chúng tôi được đón chào rất nhiệt tình.

Tôi là một trong số ít các cô gái trong đoàn có thể hát, múa, diễn kịch và chơi đàn; riêng màn múa của tôi bao giờ cũng đẹp nhất. Mỗi lần gặp gỡ các sĩ quan cao cấp, họ luôn luôn tranh nhau để được nhảy múa với tôi. Tôi rất thoải mái và luôn cười, vì thế mọi người gọi tôi là *chim chiến chiến*. Lúc đó tôi là một ả chim non vui vẻ, không chút bận tâm tới cuộc đời.

Cô có biết câu nói: *Con gà trong chuồng thì được ăn thóc, nhưng nòi nước sôi thì đã ở gần, con sếu hoang dã chẳng có gì nhưng thế giới của nó mênh mông bát ngát*. Con chim chiến chiến trong lồng cũng có chung số phận với con gà mà thôi. Vào tối hôm sinh nhật lần thứ mười tám, tập thể tổ chức tiệc sinh nhật cho tôi. Hồi đó không có bánh sinh nhật hay sâm banh. Tất cả những gì chúng tôi có là vài cái bánh bích quy mà các bạn tôi để dành từ khẩu phần của mình,

với một ít nước đường. Hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, nhưng chúng tôi rất vui vẻ. Tôi đang hát múa thì lãnh đạo trung đoàn ra hiệu cho tôi dừng lại và đi theo ông ta. Hết sức miễn cưỡng, tôi đi theo ông ta vào văn phòng, ở đó ông ta hỏi tôi đầy vẻ nghiêm trọng, “Cô có sẵn sàng hoàn thành sứ mệnh mà tổ chức Đảng giao cho không?” - “Sẵn sàng!” Tôi đáp không ngần ngại. Tôi vẫn luôn mong muốn được vào Đảng, nhưng vì gốc gác gia đình tôi không có tính cách mạng, tôi biết mình phải cố gắng hơn rất nhiều so với người khác để được công nhận. “Cô có sẵn sàng hoàn thành vô điều kiện bất kỳ nhiệm vụ nào, bất kể đó là nhiệm vụ gì không?” Tôi bối rối. Vị lãnh đạo trung đoàn vốn luôn luôn thẳng thắn, tại sao hôm nay ông ta lại mập mờ và quanh co vậy? Nhưng tôi vẫn đáp nhanh gọn, “Vâng, tôi đảm bảo sẽ hoàn thành nhiệm vụ!”

Ông ta không tỏ vẻ gì là vui trước sự quả quyết của tôi, nhưng bảo tôi lên đường làm *nhiệm vụ khẩn cấp* ngay lập tức, đi xuyên đêm để tới khu văn phòng chính quyền địa phương. Tôi muốn được tạm biệt các bạn, nhưng ông ta bảo không cần. Vì đây là thời chiến, tôi nhận lệnh và ra đi cùng hai người lính được gửi đến để đón tôi. Họ giữ im lặng suốt hai tiếng đi, và tôi cũng không thể hỏi, đó là quy tắc.

Tại khu văn phòng chính quyền địa phương, tôi được giới thiệu với một sĩ quan cấp cao mặc quân phục. Ông ta nhìn tôi từ trên xuống dưới rồi nói, “Không tồi chút nào... Được, kể từ hôm nay cô là thư ký riêng của tôi. Cô phải học tập nhiều hơn nữa kể từ bây giờ, làm việc chăm chỉ để cải tạo bản thân và phấn đấu để vào Đảng càng sớm càng tốt”. Rồi ông ta sai một người đưa tôi về phòng đi nghỉ. Căn phòng rất tiện nghi; thậm chí còn có cả một tấm chăn mới trên kháng. Có vẻ như làm việc cho một lãnh đạo thì thực sự khác, nhưng tôi mệt đến mức thậm chí không thêm để tâm đến vấn đề đó thêm chút nào nữa trước khi ngủ thiếp đi.

Nửa đêm tôi tỉnh dậy vì có một người đàn ông mò vào giường. Kinh hãi, tôi định hét lên thì ông ta lấy tay bịt miệng tôi lại và nói bằng một giọng thì thào: “Suýt, đừng có quấy rầy sự nghỉ ngơi của các đồng chí khác. Đây là nhiệm vụ của cô.” - “Nhiệm vụ?” - “Phải, từ hôm nay đây là nhiệm vụ của cô.”

Cái giọng không chút cảm xúc ấy là của viên sĩ quan cấp cao tôi đã gặp lúc nãy. Tôi không có sức để tự vệ, và cũng không biết tự vệ bằng cách nào. Tôi chỉ có thể khóc. Ngày hôm sau, Đảng thông báo rằng họ sẽ tổ chức một tiệc cưới đơn sơ tối đó để chúc mừng hôn lễ của chúng tôi. Viên sĩ quan ấy từ nay sẽ trở thành chồng tôi.

Suốt một thời gian dài, tôi tự hỏi mình tại sao chuyện đó lại có thể xảy ra được. Sao tôi có thể *bị cách mạng định đoạt hôn nhân*? Suốt bốn mươi năm nay, tôi đã sống cam lạng trong tủi nhục. Sự nghiệp của chồng tôi là tất cả đối với ông ta; đàn bà chỉ có tác dụng thỏa mãn nhu cầu thân xác của ông ta mà thôi. Ông ta nói: “Nếu không sử dụng một người đàn bà thì việc gì phải bận tâm tới cô ta?”

Tuổi trẻ của tôi bị rút ngắn, hy vọng bị dày xéo, và mọi thứ đẹp đẽ ở tôi bị một người đàn ông vắt kiệt.»

Bà ta im lặng.

«Xin lỗi cô, Hân Nhiên, tôi chỉ nghĩ về mình, thao thao bất tuyệt này giờ. Chiếc máy của cô có thu được hết không? Tôi biết đàn bà hay nhiều lời, nhưng tôi có quá ít cơ hội hay cảm giác thêm được nói; tôi sống như một người máy vậy. Cuối cùng, tôi cũng có thể nói ra mà không sợ hãi. Tôi cảm thấy nhẹ lòng hơn. Cảm ơn cô. Cảm ơn đài phát thanh và các đồng nghiệp của cô nữa. Tạm biệt.»

Tôi và các đồng nghiệp của tôi đứng trân trân tại chỗ một lúc sau khi người đàn bà đó nói lời tạm biệt, xúc động, sức tĩnh, và sững sờ trước câu chuyện của bà. Khi tôi xin phép được đưa

câu chuyên đó lên sóng, lãnh đạo đài đã từ chối, bảo rằng nó sẽ phá hoại nhận thức của nhân dân về các lãnh đạo.

CHƯƠNG 9

MẸ TÔI

Ông Trần là một trong những người vây quanh cái máy ghi âm để nghe vợ của vị lãnh đạo tỉnh kể câu chuyện của bà. Sau đó, ông bảo tôi rằng ông không ngạc nhiên trước câu chuyện đó. Nhiều người đàn ông theo cách mạng đã bỏ lại vợ con để đi theo Đảng. Khi họ lên những vị trí cao hơn, Đảng sẽ lấy cho họ người vợ mới vì vợ cũ của họ đang bị kẹt trong vùng bị địch chiếm đóng.

Phần lớn những người vợ mới là các sinh viên nhiệt thành tin vào Đảng Cộng Sản và tôn sùng những người đàn ông mang súng là thành viên của Đảng. Nhiều người trong số họ xuất thân từ gia đình giàu có; tất cả đều là những thiếu nữ được ăn học tử tế. Lẽ ra họ không nên khác hơn so với những người vợ đầu, vốn hầu hết là nông dân. Sự thanh nhã của các cô gái kích thích tính hám của lạ của các sĩ quan, đồng thời nền tảng giáo dục của họ khiến họ trở thành những giáo viên và tham mưu tốt.

Vào năm 1950, sau khi Đảng Cộng Sản nắm quyền kiểm soát hầu hết lãnh thổ Trung Quốc, chính phủ mới phải đối mặt với vấn đề là phải xử lý ra sao đối với vợ đầu của các lãnh đạo. Vợ đầu của nhiều người đã trở thành quan chức cấp cao giờ tìm về Bắc Kinh dặt dứu theo lũ con, hy vọng tìm được chồng. Chính phủ đã đề cao giải phóng phụ nữ, quyền bình đẳng giới và chế độ hôn nhân một vợ một chồng, thế nên chuyện đó gây ra một tình trạng khó xử. Các quan chức đã lập gia đình mới với những người vợ mới: ai phải ra đi và ai sẽ ở lại? Không thể quyết định dựa trên luật nào cả.

Cho đến khi nào gia đình nào có lợi cho sự nghiệp và địa vị của họ trong xã hội, lựa chọn hết sức hiển nhiên. Tuy nhiên, những người đàn ông đó lại không thể nói một lời trước mặt các bà vợ đầu, những người đã phải gánh chịu bao năm tháng khó khăn vì họ. Những người đàn bà thất học đó, một chữ bẻ đôi không biết, chỉ hiểu mỗi một điều: họ thuộc về người đàn ông đã nhắc tấm mạng che mặt của họ lên và biến họ từ một thiếu nữ trở thành một người vợ.

Cuối cùng, chính phủ thảo một văn kiện thừa nhận địa vị chính trị của những người phụ nữ đó. Họ được cấp cho một số quyền lợi chính trị đặc biệt và nguồn kinh phí đảm bảo cho họ sinh sống suốt đời. Tuân thủ những mệnh lệnh mà họ hầu như chẳng hiểu, những người phụ nữ đó trả về làng cùng với lũ con, những đứa con lớn đầy phần nộ với cả cha lẫn mẹ.

Dân làng không dám chỉ trích hay chế nhạo những người phụ nữ bị bỏ rơi đó vì họ được chính quyền bảo vệ. Tuy nhiên, rất ít người trong số những người phụ nữ đơn giản, chất phác đó sử dụng địa vị đặc biệt hay đặc quyền của họ để tìm cách sống dễ dàng hơn. Họ chỉ nhận trợ cấp từ chính phủ - một khoản tiền nhỏ, hầu như chẳng tăng chút nào do lạm phát - và nuôi nấng lũ con một mình. Rất ít người trong số họ tái hôn.

Ông Trần bảo rằng một trong số những người phụ nữ đó đã nói với ông, “Ai lại đi xát muối vào vết thương của mình bằng việc sử dụng các đặc quyền chứ? Mọi người sẽ chỉ nói về chồng tôi, khiến tôi càng nhớ tới ông ta hơn thôi.”

Sau này tôi khám phá ra rằng, giống như người phụ nữ đã gọi điện tới chương trình của tôi, nhiều người vợ mới cũng không hạnh phúc trong hôn nhân: liệu khi biết điều đó những người vợ đầu có cảm thấy được an ủi không? Giống như người gọi nặc danh đó, nhiều người vợ mới bị ghép đôi với người chồng mà họ chẳng biết chút gì về anh ta cả. Trình độ học thức, văn hóa, vẻ thanh nhã và chủ nghĩa lãng mạn theo kiểu Phương Tây mà họ học cách cảm nhận trong các trường học tiến bộ lúc đầu còn hấp dẫn các ông chồng, nhưng cuối cùng lại không thể chấp

nhận được. Chồng họ trưởng thành trên cánh đồng và giữa sự tàn bạo của chiến tranh. Cha ông họ dạy rằng đàn bà cần phải được kiểm soát và khóa lại. Cái hố ngăn giữa những mong đợi của người chồng và của người vợ thu hẹp lại nhờ sự phục tùng của người vợ, nhưng rồi người chồng sẽ sớm thấy chán và bắt đầu xem vợ chỉ như công cụ của mình mà thôi.

Khi đi thăm bố mẹ vào một dịp cuối tuần, tôi nói với mẹ rằng tôi thấy thật khó phân biệt một cuộc hôn nhân trơ lì không tình cảm với cuộc sống trong tù. Mẹ tôi nhẹ nhàng đáp, “Có bao nhiêu phụ nữ trên đất nước Trung Quốc này lấy chồng vì tình yêu?” Khi tôi hỏi tại sao bà lại nói như vậy, bà tìm có rồi khỏi phòng. Tôi biết hầu như ngày nào mẹ cũng nghe chương trình của tôi trên sóng phát thanh, nhưng mẹ con tôi hiếm khi nói về cảm giác của mình. Suốt cuộc đời, tôi khao khát được bà ôm vào lòng: bà chưa bao giờ ôm hôn tôi khi tôi còn nhỏ; khi tôi trưởng thành, bất kỳ một biểu hiện tình cảm thăm thiết nào giữa chúng tôi cũng đều bị ngăn cản bởi sự dè dặt truyền thống của người Trung Quốc.

Trong khoảng từ năm 1945 đến năm 1985 (khi việc đi lại khắp đất nước lại được cho phép) nhiều gia đình Trung Quốc đã bị chia cắt. Chúng tôi cũng không ngoại lệ và tôi có rất ít thời gian sống bên bố mẹ. Tôi rất muốn hiểu mẹ mình nhiều hơn, người phụ nữ đã cho tôi cuộc sống, người đã đặt ra trong tôi biết bao câu hỏi về phụ nữ. Sự tự tin ngày càng lớn lên khi làm nhà báo đã giúp tôi bắt đầu chấp các mảnh chuyện đời bà lại với nhau.

Mẹ tôi xuất thân trong một gia đình tư sản lớn ở Nam Kinh, một thành phố tấp nập nhưng lại thanh bình và hòa hợp, khác hẳn với Bắc Kinh chính trị, Thượng Hải thương mại và Quảng Châu xô bồ. Tôn Dật Tiên, người sáng lập ra Trung Quốc hiện đại lựa chọn Nam Kinh là nơi an nghỉ cuối cùng và Quốc Dân Đảng cũng từng đặt thủ đô của họ ở nơi này.

Nằm trên bờ sông Dương Tử ở phía Đông Nam Trung Quốc, bên cạnh dãy Tử Kim Sơn hùng vĩ, Nam Kinh là một thành phố nhiều hồ và những vùng xanh tươi. Những đại lộ rợp bóng mát trồng cây hai bên chạy đi mọi hướng, những cung điện lịch sử, những bức tường thành cùng những công trình xây dựng hiện đại ven sông phô bày sự giàu có của di sản văn hóa Nam Kinh. Người Trung Quốc nói rằng non nước đất đai tạo nên con người mỗi xứ sở; từ những điều biết được về gia đình bên ngoại, tôi tin câu nói đó là đúng.

Gia đình bên ngoại nhà tôi từng sở hữu một tài sản khổng lồ ở Nam Kinh: mọi thứ nằm ở phía Nam đường ranh kéo dài từ cửa Tây thành Nam Kinh tới trung tâm thành phố cách phía Đông thành gần ba cây số đều thuộc sở hữu của họ. Ông ngoại tôi là chủ soái ngành công nghiệp gai dầu ở ba tỉnh: Giang Tô, Chiết Giang, và An Huy, đồng thời sở hữu một loạt nhà máy. Ở miền Nam phần thịnh của Trung Quốc, tàu thủy là phương tiện giao thông quan trọng nhất. Ông sản xuất mọi thứ từ vải dầu cho tàu chiến tới cáp neo cho các thuyền đánh cá loại nhỏ.

Dù không được ăn học nhiều, ông ngoại tôi vẫn là một doanh nhân và nhà quản lý rất giỏi. Tuy thế, ông nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa và giáo dục nên đã cho cả bảy người con của mình đi học ở những trường tốt nhất, và tự mình lập ra một trường học ở Nam Kinh. Dù đó là thời đại mà người ta vẫn còn tư tưởng *không có tài năng chính là cái đức của người phụ nữ vậy*, song các con gái của ông vẫn được học hành hoàn thiện.

Qua các cô dì chú bác, tôi được biết rằng nhà ông ngoại tôi đề ra những quy tắc nghiêm ngặt. Trong bữa ăn, nếu có ai ăn uống gây tiếng động, bỏ bàn tay trái khỏi bát cơm hay vi phạm một quy tắc nào khác, ông ngoại tôi sẽ đặt đĩa xuống và bỏ đi. Không ai được phép tiếp tục ăn sau đó; họ phải nhịn đói cho tới bữa sau.

Sau khi chính quyền mới được thành lập năm 1949, ông ngoại tôi phải giao tài sản cho nhà nước để bảo vệ gia đình. Có lẽ rằng, để nổi loạn với sự dạy dỗ hà khắc của ông, các con ông đều tích cực tham gia vào phong trào cách mạng của Đảng Cộng Sản, chống lại các nhà tư bản như

cha mình.

Ông ngoại tôi chia tài sản khổng lồ của mình hiến cho chính phủ làm ba đợt: năm 1950, 1959, và 1963 - nhưng sự hy sinh này không bảo vệ được ông. Vào giai đoạn đầu của Cách Mạng Văn Hóa, ông đã bị chọn ra để đưa đi đấu tố bởi vì ông đã từng được hai kẻ tử thù của Mao Trạch Đông ca ngợi. Người thứ nhất là Tưởng Giới Thạch, Tưởng đã hết lời khen ngợi ông ngoại tôi bởi ông đã làm việc để phát triển nền công nghiệp của đất nước trước sự xâm lăng của Nhật Bản. Người thứ hai từng là bạn nối khố của Mao, Lưu Thiếu Kỳ, tuyên dương ông tôi vì đã tặng cho đất nước một tài sản lớn. Tưởng đã bị đuổi khỏi Trung Quốc sang Đài Loan, còn Lưu đã bị bỏ tù sau khi bị thất sủng.

Ông ngoại tôi đã ngoài bảy mươi khi bị tổng giam. Ông sống sót qua thử thách đó với một ý chí khủng khiếp. Hồng Vệ Binh nhổ nước bọt và hỉ mũi vào xuất ăn tồi tàn và thứ trà nhạt nhẽo mà họ mang cho tù nhân. Một ông già ở cùng phòng giam với ông tôi đã chết vì đau khổ, giận dữ và tủi nhục vì cách đối xử này, nhưng ông tôi vẫn giữ nụ cười trên mặt. Ông hót chỗ nước nhầy và nước bọt đi rồi ăn hết tất cả những gì có thể ăn được. Đám Hồng Vệ Binh dần dần cảm thấy nể phục ông, thậm chí còn đưa đến cho ông xuất ăn tốt hơn những người khác một chút.

Khi ông tôi ra tù vào cuối thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, một người bạn ở chung phòng giam mời ông đi ăn đặc sản Nam Kinh - vịt xát muối, để chúc mừng. Khi món ăn ngon lành được dọn ra bàn, người bạn của ông đã đột quỵ và chết vì xuất huyết não do phấn khích quá độ.

Ông ngoại tôi không tỏ ra vui vì được tự do hay đau khổ trước cái chết của những người bạn và sự mất mát của gia đình cũng như của cải; cảm xúc của ông dường như vĩnh viễn câm lặng. Chỉ khi ông cho phép tôi đọc nhật ký của ông khi tôi về Trung Quốc chơi tháng Ba năm 2000, tôi mới nhận ra rằng ông chưa bao giờ thôi cảm nghĩ trước những thăng trầm của thời đại. Những trải nghiệm và hiểu biết của ông về cuộc đời đã khiến ông cảm thấy không thể bộc lộ bản thân mình thông qua phương tiện truyền đạt nông cạn là lời nói, nhưng, dù tình cảm trong những trang nhật ký đó không bao giờ công khai, những cảm xúc tận đáy lòng của ông vẫn nằm trong đó.

Mẹ tôi tham gia Đoàn Thanh Niên Cộng Sản năm mười bốn tuổi, sau đó nhập ngũ rồi vào Đảng năm mười sáu. Trước đó, bà đã có chút tiếng tăm ở Nam Kinh vì những thành tựu trong học tập và tài múa hát. Trong quân đội, bà vẫn tiếp tục tỏa sáng. Bà đứng đầu lớp về rèn luyện cũng như thi cử, và luôn đứng đầu bảng trong những cuộc thi của quân đội diễn ra trong cả nước. Thông minh và xinh đẹp, bà được nhiều nhân vật trong Đảng cũng như quân đội theo đuổi, họ luôn tranh nhau để được cầm tay bà khi nhảy. Nhiều năm sau, mẹ tôi bảo bà đã cảm thấy mình như cô bé Lọ Lem xỏ vừa như in chiếc giày thủy tinh của cách mạng, thứ thỏa mãn mọi giấc mơ của bà. Tắm trong màn sương mù của sự thành công, mẹ tôi không biết được rằng thành phần gia đình sẽ ám bà như thế nào.

Vào đầu những năm 1950, quân đội tiến hành cuộc thanh lọc nội bộ đầu tiên theo kiểu Stalin. Mẹ tôi bị giáng xuống giai cấp "Đen" là con cháu tư sản và bị đẩy ra khỏi hàng ngũ những người cách mạng cao nhất. Bà bị chuyển đến làm việc trong một nhà máy của quân đội, ở đó bà hợp tác với các chuyên gia Đông Đức sản xuất thành công một chiếc máy công cụ dùng để chế tạo trang thiết bị quân sự. Khi người ta tới chụp một chùm ảnh để đánh dấu thành tựu này, mẹ tôi được thông báo rằng bà không thể đứng hàng đầu do thành phần gia đình, nên bà bị đẩy xuống hàng sau.

Trong thời gian Trung - Xô chia rẽ, mẹ tôi trở thành đối tượng bị thẩm tra đặc biệt. Thành phần gia đình tư sản của bà là cái cớ để người ta kiểm tra sự trung thành của bà đối với Đảng. Cho tới chặng cuối của Cách Mạng Văn Hóa, bà đã lãnh đạo một nhóm kỹ sư nhỏ thiết kế một

công cụ làm tăng hiệu quả sản xuất lên gấp nhiều lần. Tuy nhiên, bà lại không được công nhận là người thực hiện công việc đó. Bà bị từ chối không được phong là Kỹ Sư Trưởng bởi vì người ta cho rằng một người có xuất thân như bà không thể thực sự trung thành với Đảng.

Hơn ba mươi năm, mẹ tôi đấu tranh để được đối xử và thừa nhận giống như các đồng nghiệp có năng lực tương đương với bà, nhưng hầu như lần nào bà cũng thất bại. Không gì có thể thay đổi thực tế rằng bà là con gái một nhà tư bản.

Một người bạn của gia đình có lần kể với tôi, bằng chứng rõ ràng nhất về tính cách mạnh mẽ của mẹ tôi là quyết định lấy cha tôi. Khi cha mẹ tôi lấy nhau, cha tôi là giảng viên được đánh giá cao trong một học viện quân đội; ông là thầy dạy mẹ tôi, được nhiều sinh viên nữ ngưỡng mộ. Dù mẹ tôi được nhiều giảng viên theo đuổi nhưng bà lại chọn cha tôi, một người không đẹp trai, nhưng tài giỏi nhất trong số họ. Các đồng nghiệp của mẹ tôi tin rằng bà không lấy ông vì tình yêu, mà để chứng minh giá trị của mình.

Trí tuệ của cha tôi có vẻ như thực sự là lý do bí mật để mẹ tôi lấy ông. Mỗi khi nói về ông, mẹ sẽ luôn nói ông thông minh khủng khiếp như thế nào; ông là chuyên gia cấp nhà nước về lĩnh vực cơ khí và máy tính, lại nói được mấy ngoại ngữ. Bà không bao giờ mô tả ông như một người chồng tốt hay một người cha tốt. Đối với anh trai tôi và tôi, thật khó lòng gắn kết cách nhìn của mẹ tôi về cha với người đàn ông ngờ ngợ ngần ngừ mà chúng tôi hi hữu lắm mới gặp khi còn nhỏ và gọi là *Chú*.

Có vô số chuyện minh họa cho sự đấng trí của cha tôi; nhiều chuyện tạo thành những giai thoại hài hước khi nhớ lại. Trong bữa ăn của các sĩ quan, có lần ông kẹp chiếc đĩa bẩn dưới cánh tay, rồi mang một quyển từ điển to dùng ra vùi nước rửa trước con mắt kinh ngạc của các đồng nghiệp. Một lần khác, đang đọc một cuốn sách, ông bước vào căn hộ của một gia đình khác qua cánh cửa để mở, nằm xuống sofa và ngủ khò khò. Gia đình kia lúng túng không dám đánh thức ông dậy.

Để chứng minh rằng ông cũng giỏi giang trong thực hành, và trong các kỹ năng đời thường như mẹ tôi, cha tôi đã cố nấu một bữa ăn. Ông mua một bộ cân, tổng cộng có hai mươi quả cân, nhờ đó ông có thể theo các công thức nấu ăn một cách chính xác. Trong khi ông cẩn thận cân muối thì dầu ăn trong chảo đã bốc cháy bùng bùng. Mẹ tôi kể rằng một hôm ông hót hải chạy qua đám đông trên Quảng Trường Thiên An Môn đến gặp bà bên Đài Tưởng Niệm Cách Mạng Nhân Dân. Ông hớn hờ bảo bà rằng đơn vị vừa phân cho ông hai chai dầu mè. Chỉ khi ông giơ hai tay lên để cho bà thấy dầu thì ông mới nhận ra rằng cái chai đã vỡ trong khi ông chạy tới đó và cái ông đang nắm khư khư trong tay chỉ là hai miếng chai.

Lòng thông cảm thương bị lẫn lộn với tình yêu, khiến người ta mắc kẹt trong những cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Nhiều cặp vợ chồng Trung Quốc kết hôn trong khoảng những năm 1950 - 1980 bị sa vào chiếc bẫy này. Bị đày đọa bởi những phong trào chính trị và sự khổ sở về vật chất, cảm thấy sức ép của truyền thống, nhiều đàn ông và phụ nữ lấy nhau vì sự đồng cảm và có lẽ cả vì ham muốn, chứ không phải vì tình yêu. Chỉ sau đám cưới họ mới khám phá ra rằng cái khiến họ thương nhau cuối cùng lại đẩy họ rời xa nhau, khiến gia đình họ sống lơ lửng về tình cảm.

Cha mẹ tôi có chung nguồn gốc tư sản “Đen” - ông bà nội tôi làm việc cho công ty GEC của Anh ở Thượng Hải suốt ba mươi lăm năm - vì thế sự thương cảm lẫn nhau hẳn phải đóng vai trò nào đó trong cuộc hôn nhân của họ. Tôi nghĩ, năm tháng qua đi, họ mới dần dần phụ thuộc vào nhau và cảm thấy quý mến nhau. Họ có yêu nhau không? Họ có hạnh phúc không? Tôi chưa bao giờ dám hỏi, ngại khuấy đảo ký ức về những năm tháng không hạnh phúc của họ, những ký ức về những cuộc chia ly bị ép buộc, cảnh tù đày và gia đình ly tán.

Tôi được gửi đến sống với bà nội khi mới một tháng tuổi. Tính tất cả tôi chỉ sống với mẹ chưa đầy ba năm. Tôi không thể nhớ nổi có ngày sinh nhật nào mà cả gia đình được quây quần bên nhau không.

Mỗi lần nghe thấy tiếng còi tàu tôi lại nghĩ tới mẹ. Âm thanh chói tai rít lên một hồi dài ập vào tai tôi nghe như tuyệt vọng rồi hy vọng, gọi tôi nhớ tới một ngày hồi tôi lên năm. Bà tôi đưa tôi tới nhà ga Bắc Kinh, và nắm tay tôi khi hai bà cháu đứng ở sân ga. Nhà ga không hề đông như bây giờ, nó cũng không có nhiều thứ làm sao lãng thị giác như biển hiệu và các loại quảng cáo. Không biết lý do tại sao bà và mình lại có mặt ở đó, tất cả những gì tôi còn nhớ là chúng tôi chờ đợi lặng lẽ trong khi tôi nghịch những ngón tay cứng ngắc của bà, cố gập chúng lại với nhau giống như múi của chiếc bánh bao.

Một hồi còi kéo dài thê lương dường như đẩy chiếc tàu rất dài tới sát bên bà cháu tôi. Khi con tàu lách cách dừng lại, nó kêu phì phì, dường như mệt mỏi vì phải chở quá nhiều người đi xa đến thế, nhanh đến thế.

Một người phụ nữ xinh đẹp bước về phía chúng tôi, chiếc vali trong tay bà lắc lư theo nhịp bước; mọi thứ trôi qua như trong một giấc mơ. Bà tôi cầm tay tôi và chỉ vào người đàn bà, bảo, “Mẹ con đây. Gọi *Mẹ* đi!”

“Cô,” tôi thốt lên, gọi người thiếu phụ xinh đẹp đó giống như gọi bất kỳ người phụ nữ nào khác.

“Đây là mẹ con, gọi *Mẹ* chứ, không phải *Cô*, bà tôi nói, ngượng ngùng.

Mắt tròn xoe và im lặng, tôi nhìn người phụ nữ đó chăm chăm. Đôi mắt bà ngấn lệ, nhưng bà cố gượng một nụ cười buồn bã, mệt mỏi. Bà tôi không ép tôi nữa; hai người đàn bà đứng trên sân.

Ký ức đặc biệt đó đã ám ảnh tôi suốt. Tôi cảm nhận tới tận cùng nỗi đau đó sau khi chính tôi trở thành mẹ, và trải nghiệm mỗi ràng buộc lại giống, không thể lờ đi được mà một bà mẹ cảm thấy với đứa con của mình. Mẹ tôi nói được gì đây khi đối diện với đứa con gái gọi mình là “*Cô*”?

Trong nhiều năm liền, mẹ tôi đã phải đè nén nữ tính của mình. Canh tranh với đàn ông và đấu tranh với vết nhơ của nguồn gốc gia đình để thành đạt trong sự nghiệp và trong Đảng, bà đã cảm thấy rằng con cái là gánh nặng, rằng gia đình đã phá hoại cuộc đời bà. Từng là hoa khôi trong quân đội, song bà không còn xem trọng quần áo và ngoại hình của mình nữa.

Tôi đã gọi cho mẹ từ Anh vào lúc tôi cảm thấy cuộc sống ở một nền văn hóa xa lạ quá khó khăn. “Đừng lo,” bà bảo. “Điều quan trọng nhất là con đang dành thời gian để khám phá xem làm đàn bà là thế nào.”

Tôi kinh ngạc. Lúc đó đã ở tuổi sáu mươi, mẹ tôi đang thừa nhận sự thật là bà đã đè nén một phần quan trọng của cuộc đời mình, và đang khuyên tôi đừng lặp lại sai lầm đó.

Lần thứ hai tôi trở về Trung Quốc sau khi sang Anh, tôi ngạc nhiên thấy mẹ đánh son khi tiếp anh bạn người Anh của tôi. Cha tôi hầu như không thể nén nổi sự thích thú trước vẻ thanh lịch ngày nào của bà nay đã xuất hiện trở lại; đã hơn bốn mươi năm qua bà không trang điểm.

CHƯƠNG 10

NGƯỜI ĐÀN BÀ CHỜ ĐỢI BỐN MƯƠI LĂM NĂM

Đặc điểm của người Trung Quốc hiện đại là hoặc có gia đình mà không có tình cảm hoặc có tình cảm mà không có gia đình. Điều kiện sống buộc giới trẻ biến việc làm và nơi ở thành điều kiện tiên quyết đối với hôn nhân. Cha mẹ họ, sống giữa thời buổi chính trị biến động, từng xem sự an toàn và đáng tin cậy làm chỗ dựa để xây dựng gia đình. Với cả hai thế hệ, việc thu xếp cho thực tế luôn luôn là cái đi trước còn tình cảm gia đình là cái phát triển về sau. Điều mà hầu hết mọi phụ nữ tìm kiếm và ao ước có được là một gia đình hình thành từ nền tảng tình cảm. Đó là lý do tại sao bạn có thể đọc thấy quá nhiều câu chuyện tình yêu bi thảm trong lịch sử Trung Quốc - những câu chuyện không đơm hoa kết trái.

Năm 1994, cha tôi đi dự lễ kỷ niệm tám mươi lăm năm ngày thành lập trường Đại Học Thanh Hoa - một trong những trường đại học tốt nhất Trung Quốc. Khi trở về, ông kể cho tôi nghe về cuộc tái ngộ của hai người bạn cùng lớp, Tĩnh Di và Cố Đại, một đôi yêu nhau hồi sinh viên. Sau khi tốt nghiệp đại học, họ bị phân đi những vùng khác nhau ở Trung Quốc để đáp ứng *yêu cầu của cách mạng*, và mất liên lạc hoàn toàn trong suốt cơn ác mộng Cách Mạng Văn Hóa kéo dài hàng thập kỷ. Người phụ nữ, Tĩnh Di, đã chờ đợi và đi tìm người yêu suốt bốn mươi lăm năm. Trong cuộc tái ngộ lớp đại học này, họ gặp lại nhau lần đầu tiên, nhưng Tĩnh Di đã không thể ngã vào lòng người yêu bà được nữa: vợ Cố Đại đang đứng cạnh ông. Tĩnh Di cố gắng mỉm cười, bắt tay và chào hỏi họ một cách nhã nhặn, nhưng rõ ràng là bà run lẩy bẩy, vì thế bà rời khỏi cuộc họp mặt sớm.

Những bạn học cũ khác chứng kiến cuộc gặp gỡ đau đớn đó thấy mắt mình đỏ lên và sống mũi cay cay vì thương cảm. Tĩnh Di và Cố Đại từng là một mối tình tuyệt đẹp trong lớp; mọi người đều biết họ yêu nhau sâu sắc suốt bốn năm đại học. Họ nhớ lại Cố Đại đã đi kiếm cho Tĩnh Di những quả táo gai tím đường giữa cơn bão tuyết ở Bắc Kinh, và cô đã thức suốt mười đêm để chăm sóc anh khi anh bị viêm phổi. Cha tôi buồn rầu khi kể lại chuyện đó, và thở dài trước định mệnh và sự trôi chảy của thời gian.

Tôi hỏi cha tôi cô Tĩnh Di đã lấy chồng chưa. Ông bảo tôi bà ấy vẫn chưa lấy chồng, mà chờ đợi người yêu suốt ngần ấy năm ròng. Vài người bạn cùng lớp bảo bà thật ngốc nghếch khi quá đắm đuối với mối tình quá khứ: làm sao một người lại có thể ấp ủ hy vọng như thế suốt ngần ấy năm biến động chính trị khốc liệt? Trước sự hoài nghi của họ, bà chỉ mỉm cười và tiếp tục im lặng. Tôi bảo cha tôi rằng bà giống như một bông sen, mọc lên từ bùn mà vẫn thanh khiết. Ngồi nghe bên cạnh, mẹ tôi nói chêm rằng sen thì tàn nhanh hơn bất kỳ một loài hoa nào khác một khi đã lìa cành. Tôi rất muốn biết cô Tĩnh Di đã “lìa cành” hay chưa.

Tôi tìm thấy tên cơ quan và địa chỉ của Tĩnh Di trong danh sách các bạn đại học của bố, nhưng không có điện thoại hay địa chỉ nhà riêng. Đơn vị của bà là một nhà máy quân sự dành cho các dự án thử nghiệm nằm sâu trong vùng núi, nơi điều kiện sống chỉ ở mức cơ bản và thu xếp phương tiện giao thông để tới đó cũng khá khó khăn. Tôi gọi điện đường dài tới nhà máy, nhưng được báo rằng bà vẫn còn ở Bắc Kinh chưa về. Người ta còn nhờ tôi hỏi lại để xác nhận xem bà đã rời Bắc Kinh chưa. Tôi đồng ý và cũng nhờ đồng nghiệp của bà cử người tới tìm bà. Vài tuần sau đó, tôi tìm hiểu thông qua các bạn bè đại học của Tĩnh Di xem bà có liên lạc với họ hoặc bạn bè người thân khác nào không, nhưng không thấy dấu vết nào của bà. Đơn vị của Tĩnh Di gọi báo cho tôi biết bà đã gọi điện từ Bắc Kinh để xin đi nghỉ, nhưng chưa gọi lại để xem đề nghị đã được chấp nhận chưa. Tôi thắc mắc liệu có phải bà đang ở với người yêu cũ Cố Đại không, nhưng khi tôi gọi cho ông ở một nhà máy quân sự quy mô lớn tại Giang Tô ở Đông Nam

Trung Quốc thì ông chỉ có thể hỏi tôi một cách bất lực, “Chuyện gì đã xảy ra vậy, bà ấy đang ở đâu?”

Suốt mấy tuần, Tĩnh Di trở thành chủ đề của những cuộc điện thoại giữa tôi và gia đình. Chúng tôi vô cùng lo lắng, nhưng chẳng làm được gì cả. Bà đã biến mất đâu đó trên đất nước Trung Quốc này.

Một buổi tối, tôi nhận được cuộc gọi từ một thính giả xưng là nhân viên một khách sạn ở cạnh Thái Hồ ở Vô Tích. Cô kể với tôi về một người khách nữ kỳ quặc đang ở trong khách sạn. Người này không bao giờ rời khỏi phòng và cũng không cho phép nhân viên dọn dẹp vào. Khách sạn biết bà vẫn còn sống chỉ vì bà vẫn trả lời điện thoại. Cô gái có vẻ lo lắng, và hy vọng tôi có thể giúp người khách kỳ lạ nọ.

Sau buổi phát thanh, tôi gọi cho khách sạn đó và đề nghị tổng đài nối máy cho tôi với người phụ nữ ẩn dật. Bà trả lời điện thoại ngay, nhưng rõ ràng không sẵn sàng nói chuyện. Bà hỏi tôi làm cách nào mà lại biết được về bà. Khi tôi trả lời rằng nhiều người trong khách sạn đang lo lắng cho bà, bà nhờ tôi chuyển lời cảm ơn tới họ. Tôi ngạc nhiên rằng bà ta lại nhờ một người ở xa đến thể cảm ơn những người ở ngay cạnh mình. Theo kinh nghiệm của tôi, kiểu lảng tránh giao tiếp cá nhân này báo hiệu sự mất niềm tin vào cuộc đời. Bà nói bà chưa nghe chương trình của tôi bao giờ và cũng không có ý định nghe. Cuộc nói chuyện đầu tiên của chúng tôi ngắn ngủi, nhưng tôi kiên trì gọi cho bà sau chương trình mỗi tối, coi những cuộc gọi như là chiếc dây cứu đuối. Sau vài cuộc nói chuyện, một tín hiệu chấp nhận lọt vào giọng nói của bà, và thỉnh thoảng bà lại hỏi tôi về chính tôi chứ không chỉ lạnh lùng trả lời những câu hỏi của tôi nữa.

Hai tuần sau, bà không trả lời điện thoại của tôi nữa. Hốt hoảng, tôi ngay lập tức gọi cho nhân viên khách sạn nhờ họ gõ cửa phòng bà, và thở phào nhẹ nhõm khi họ báo tôi rằng bà vẫn trả lời từ bên trong. Trong vài ngày tiếp theo bà không nhận cuộc gọi của tôi nữa, nhưng hàng ngày tôi vẫn biểu lộ sự quan tâm như cũ.

Một dịp tình cờ, không lâu sau đó tôi được cử đi công tác ở Vô Tích. Mặc dù chủ đề đưa tin của tôi là cuộc sống của công an giao thông ở Vô Tích, tôi vẫn có thể tận dụng cơ hội để tới thăm người phụ nữ xa lánh cuộc đời đó.

Tôi báo với giám đốc đài là sẽ lên đường đi Vô Tích ngay khi kết thúc chương trình buổi tối. Ông ta lấy làm khó hiểu: “Cô điên rồi sao? Nếu đi vội đi vàng lúc đêm khuya như thế cô sẽ không tới được Vô Tích trước lúc sáng bánh dầu, và sẽ không có ai ở đó đón cô cả.” Kinh nghiệm đã dạy tôi rằng không nên giải thích nhiều làm gì.

Người lái xe được phân công đưa tôi đi công tác Vô Tích ghét phải lái xe vào lúc giao thông ken đặc ban ngày, và tỏ ra khá hài lòng khi tôi đề nghị anh ta chở tôi tới khách sạn bên bờ Thái Hồ vào ban đêm. Chúng tôi tới đó lúc bốn giờ sáng, nhân viên lễ tân đều đang ngủ gà ngủ gật và lơ đãng hết cả. Người lái xe, vốn hay sốt ruột, lớn tiếng quát nạt họ. “Dậy đi nào! Đây là Hân Nhiên. Cô ấy đã ngồi xe tới thẳng đây ngay sau khi kết thúc chương trình lúc nửa đêm, và phải bắt đầu bản tin của mình vào lúc tám giờ sáng đó. Các anh chị có thể làm quà lên mấy cái thủ tục được không hả?”

“Gì cơ, Hân Nhiên? Hân Nhiên của chương trình *Kinh Phong Dạ Thoại* ư? Tôi vừa mới nghe chương trình của cô mấy giờ trước mà.”

“Đúng vậy, là cô ấy đấy. Cô ấy mệt rồi, giải quyết cho chúng tôi nhanh lên!”

“Cô là Hân Nhiên thật ư? Đúng rồi! Tôi đã thấy ảnh cô trên báo, được gặp cô ngoài đời vui quá. À, để tôi đi gọi các đồng nghiệp...” Cô nhân viên lễ tân nói trong khi hấp tấp đi ra.

“Đừng lo,” tôi vội ngăn cô ta lại. “Tôi còn ở đây vài ngày nữa. Đừng làm phiền các đồng nghiệp của cô đang nghỉ ngơi, tôi thực sự mệt lắm rồi.”

“Ồ, xin lỗi, xin lỗi. Tôi sẽ mở một phòng nhìn ra hồ cho cô ngay.” Cô lễ tân quay sang người lái xe. “Anh cũng sẽ được phục vụ y như vậy, đừng lo sẽ bị bỏ quên.”

“Cảm ơn cô vì đã không bực mình,” anh ta nói.

“Không sao mà, anh chỉ khẩu xà tâm phật thôi, đúng không? Mà với tôi thì mọi chuyện cứ vào tai này rồi lại ra tai kia ấy thôi.”

Khi cô lễ tân đưa tôi lên phòng, tôi hỏi cô có biết về người phụ nữ khác thường đang ở trong khách sạn không.

“Tôi nghe nói có một bà khách ở tòa nhà số bốn khá là kỳ quặc,” cô ta nói. “Bà ấy có lẽ đã ở đây được vài tuần rồi, nhưng tôi không chắc lắm. Ngày mai vào buổi họp giao ban, tôi sẽ hỏi trưởng nhóm hộ cô”.

“Cảm ơn cô, tôi đang trút lên cô một đồng rắc rối đấy.”

“Ồ, không, cô là người đã nhận lấy nhiều rắc rối vì bao nhiêu thính giả, nhưng có bao nhiêu người trong số chúng tôi có thể nói lời cảm ơn với riêng cô?”

Người Trung Quốc nói rằng bàn tay của người đàn ông và lời nói của người phụ nữ là hai thứ đáng sợ, nhưng có vẻ như tôi đang được ném trái khứa cạnh dịu dàng trong lời nói của người phụ nữ này.

Khi đã ở trong phòng tôi quyết định không ngủ ngay mà đi tắm qua rồi lên kế hoạch cho buổi phỏng vấn ngày mai. Tôi vừa cởi đồ thì chuông điện thoại reo.

“A lô, cô Hân Nhiên phải không? Tôi là người trực tổng đài của khách sạn. Cô lễ tân ở tòa nhà chính báo với tôi rằng cô vừa tới. Tôi xin lỗi đã quấy quả cô, nhưng tôi nghe nói cô đang hỏi về một vị khách đặc biệt. Bà ấy đã gọi cho tôi tối nay, không lâu lắm sau khi chương trình của cô phát sóng, và hỏi tôi có nghe không. Tôi bảo với bà ấy là tôi có, và hỏi xem bà ấy cần gì không, nhưng bà ấy cúp máy luôn. Từ phòng trực của tôi có thể nhìn thấy phòng của bà ấy; tuần này tôi trực ca đêm và tôi nhìn thấy bà ấy ngồi cạnh cửa sổ nhìn ra hồ suốt đêm. Có lẽ bà ấy đã ngủ cả ngày nhỉ?”

“Xin lỗi, tôi cắt ngang một chút được không? Tôi có thể hỏi là cô có nhìn thấy bà ấy lúc này không? Bà ấy vẫn đang nhìn ra hồ chứ?”

“Ờ... Tôi đang nhìn đây. Vâng, bà ấy vẫn ở đó... Tôi có thể thấy bà ấy rất rõ... hình như bà ấy chẳng bao giờ buông rèm xuống cả.”

“Cảm ơn cô rất nhiều. Tôi có thể hỏi số phòng của bà ấy là bao nhiêu không?”

“Bà ấy ở... ở phòng 4209, tầng hai tòa nhà số bốn.”

“Cảm ơn cô. Tôi có thể làm gì cho cô không nhỉ?”

“Không, không... À, cô cho tôi xin chữ ký được không?”

“Được chứ, có lẽ ngày mai tôi sẽ thu xếp thời gian để tới thăm cô, thế nhé?”

“Thật sao? Thế thì tuyệt quá! Chào cô.”

“Chào cô.” Vừa nói tôi vừa mặc quần áo trở lại, quyết định tới thăm người khách nữ đó ngay lập tức, vì thời gian rất quý giá.

Đứng trước cửa phòng bà ta, tôi bỗng thấy luống cuống, và do dự mất vài phút trước khi gõ cửa và gọi, “Xin chào, tôi là Hân Nhiên đây. Tôi tới đây từ đầu bên kia của cuộc điện thoại. Bà

làm ơn mở cửa cho tôi với.”

Không có tiếng đáp lại và cánh cửa vẫn đóng im ỉm. Tôi không gõ hay gọi lần nữa mà đứng chờ, đoán chắc rằng bà ta đã nghe thấy tiếng mình trong tĩnh lặng của buổi sớm. Tôi chắc rằng bà ta đang đứng ngay sát cánh cửa và chúng tôi có thể cảm thấy sự hiện diện của nhau. Chừng mười phút sau, giọng bà vọng qua cửa.

“Hân Nhiên, cô còn đó không?”

“Có, tôi đang chờ bà mở cửa,” tôi trả lời nhẹ nhàng nhưng chắc nịch.

Cánh cửa khẽ mở, và một người phụ nữ lo lắng, trông có vẻ kiệt quệ gật đầu ra hiệu bảo tôi vào. Căn phòng gọn gàng ngăn nắp và dấu hiệu duy nhất cho thấy có người ở là chiếc túi du lịch to để cạnh tường. Tôi nhẹ cả người khi thấy những gói mì ăn liền trong đó - ít ra thì bà ấy cũng không tuyệt thực.

Tôi ngồi xuống gần bà, nhưng vẫn im lặng, nghĩ rằng nói gì cũng sẽ bị cự lại. Tôi định chờ bà nói, nhưng cho tới khi bà sẵn sàng làm vậy tôi sẽ cố tạo ra một bầu không khí khơi gợi tâm sự. Chúng tôi ngồi đó lắng nghe tiếng nước vỗ nhẹ nhẹ vào bờ, và những ý nghĩ của tôi lang thang ra hồ và vùng xung quanh.

Thái Hồ là hồ nước ngọt lớn thứ ba ở Trung Quốc, nằm ở phía Đông tỉnh Giang Tô và phía Bắc tỉnh Chiết Giang. Đây là địa điểm đẹp có tiếng ở đồng bằng sông Dương Tử. Quanh hồ có những vườn hoa có nhiều ao và suối. Thái Hồ cũng nổi tiếng với loại trà Bích Loa Xuân được sản xuất tại đây. Truyền thuyết kể rằng có một người con gái xinh đẹp tên Bích Loa đã dùng máu của chính mình tưới lên cây non và pha trà cho người yêu đang lâm bệnh nặng bằng những chiếc lá mềm mại của nó. Cô làm vậy hết ngày này qua ngày khác cho tới khi chàng trai trẻ cuối cùng cũng bình phục, nhưng chính Bích Loa lại lâm bệnh và qua đời. Tôi ngẫm nghĩ về câu chuyện đó và những câu chuyện tình yêu bi kịch khác trong giai điệu êm ái của tiếng nước vỗ trong khi im lặng ngồi bên cạnh người phụ nữ. Dù chiếc đèn ngủ vẫn bật, ánh sáng của nó không còn rõ rệt nữa trong ánh bình minh. Ánh sáng buổi sớm dần dần truyền vào sự im lặng của chúng tôi một tính chất mới.

Chuông điện thoại phá vỡ sự đồng cảm của chúng tôi. Cuộc điện thoại là của tôi. Đã bảy giờ kém mười lăm và người lái xe phải đưa tôi tới Vô Tích cho cuộc hẹn với Phòng Tuyên Truyền Công An Giao Thông vào lúc 8 giờ 30.

Tôi bắt tay từ biệt người phụ nữ nhưng không nói gì nhiều, chỉ nói: “Hãy ăn thêm một chút coi như cho cả tôi nữa, và hãy nghỉ ngơi nhé.”

Trên đường tới Vô Tích tôi ngủ gật trên băng ghế sau. Người lái xe tốt bụng không đánh thức tôi khi tới nơi hẹn, mà đỗ lại và tự đi tìm những người ở Phòng Tuyên Truyền Công An Giao Thông Vô Tích. Chưa ai tới cả, vì vậy tôi được ngủ thêm một giờ nữa mà không bị quấy rầy. Khi tôi thức dậy, tôi thấy những người tôi phải gặp đang đứng bên ngoài xe nói chuyện trong khi chờ tôi. Một anh công an giao thông trêu tôi, “Hân Nhiên, nếu đi tới đâu mà cô cũng ngủ như thế thì sẽ béo lắm đấy.”

Ngày mở ra với nhịp điệu chóng mặt quen thuộc đối với một nhà báo: tôi thu thập tư liệu từ vài nơi khác nhau, và thảo luận về nội dung của phóng sự tôi đang thực hiện. May thay, thời gian đi xe cũng khá nhiều, thế nên tôi cũng tranh thủ được vài lần chớp mắt.

Khi trở về khách sạn vào buổi tối, tôi thấy trên giường có một danh sách các nhân viên khách sạn muốn xin chữ ký. Tôi bỏ nó sang một bên, đi tắm, và tới thăm người phụ nữ ở phòng 4209 lần nữa. Mặc dù bà ta không muốn nói gì, tôi nghĩ rằng ngồi bên cạnh bà cũng giúp được gì đó. Bà hẳn đã đứng bên cạnh cánh cửa chờ tôi, vì cửa được mở ra ngay khi tôi dừng lại trước nó.

Người phụ nữ gương mặt cười với tôi, nhưng vẫn im lặng. Một lần nữa, chúng tôi ngồi trước cửa sổ, nhìn ra hồ dưới ánh trăng. Mặt hồ tĩnh lặng, và chúng tôi bầu bạn với nhau trong bầu không khí thanh bình ấy.

Rạng sáng, tôi ra hiệu rằng mình phải đi làm, và bà bắt tay tôi yếu ớt, nhưng với cảm xúc mãnh liệt. Tôi về phòng, hối hả lật giở mấy cái ghi chú chuẩn bị trước mà tôi phải mang theo và viết lời cảm ơn người trực tổng đài điện thoại. Tôi đã quen mang theo danh thiếp theo để ký tặng các thánh giả nhiệt tình mà tôi tình cờ gặp. Tôi ký vào một vài tấm danh thiếp tặng cho các nhân viên khách sạn và đưa cho người phục vụ tầng tôi ở.

Chuyến đi ngắn ngủi của tôi diễn ra với một lịch trình đều đặn: ban ngày phỏng vấn ở Vô Tích, ban đêm thì ngồi im lặng bên cạnh người phụ nữ đó, nhìn ra Thái Hồ. Sự im lặng của chúng tôi có vẻ như càng lúc càng sâu hơn và khiến chúng tôi càng nhiều cảm xúc hơn vào ban ngày.

Vào buổi tối cuối cùng, tôi nói với người phụ nữ đó rằng hôm sau tôi sẽ đi, nhưng sẽ gọi điện cho bà. Bà không nói gì, mỉm cười mệt mỏi và bắt tay tôi yếu ớt. Bà đưa cho tôi một tấm ảnh đã bị xé mất một nửa, tấm ảnh chụp một người trông giống như bà khi còn là sinh viên vào những năm 1940. Cô gái trong ảnh trông rực rỡ đầy tuổi trẻ và hạnh phúc. Đằng sau tấm ảnh là một phần của một câu nét mực đã mờ: *Nước không thể...* Một câu khác bằng thứ mực đậm hơn có vẻ như đã thêm vào gần đây: *Đàn bà giống như nước, đàn ông giống như núi.* Tôi đoán rằng người trong nửa ảnh bị xé kia hẳn đã gây nên nỗi đau cho người phụ nữ này.

Tôi rời khỏi khách sạn bên bờ Thái Hồ, nhưng không có cảm giác là mình đã rời đi. Trở về Nam Kinh, tôi đi thẳng tới thăm bố mẹ để biếu họ vài món đặc sản của Vô Tích - tượng đất sét và món sườn ít đậm. Khi người lái xe mở cánh cửa ra cho tôi, anh ta nói, “Hân Nhiên, nếu cô đi chuyến nào như thế này nữa thì đừng tới tìm tôi nhé. Tôi ở trên xe buồn đến chết mất: cô chỉ muốn ngủ thôi. Nhờ có cô mà tôi chẳng có ma nào để nói chuyện nữa!”

Khi tôi đến thì trời đã về khuya và bố mẹ tôi đã đi ngủ. Tôi quyết định lên vào phòng dành cho khách và gặp họ vào sáng hôm sau. Mẹ tôi gọi vọng ra trong phòng ngủ, “Mọi chuyện ổn chứ con?” và tiếng ngáy như sấm của bố tôi mách cho tôi biết rằng với họ mọi chuyện đều ổn.

Ngày hôm sau, mới sớm tinh mơ cha tôi, vốn là người hay dậy sớm, đã đánh thức tôi bằng cơn hắt hơi không nín được. Sáng nào ông cũng vậy - có lần tôi đếm được đúng hai mươi tư cái hắt hơi suốt một tràng liền. Đang lơ mơ và mệt đến kiệt sức, tôi ngủ tiếp, nhưng được một chốc lại bị đánh thức bởi tiếng gõ cửa ầm ĩ, và cha tôi gọi, “Dậy đi, nhanh lên, có việc gấp!”

Chuyện gì vậy? Chuyện gì xảy ra vậy? Tôi bồn chồn vì căn nhà hưu trí của cha mẹ tôi vốn dĩ rất thanh tĩnh.

Cha tôi đứng ngoài phòng ngủ, cầm tấm ảnh bị xé trên tay. Tôi đã để tấm ảnh trên bàn phòng khách tối hôm trước. Ông xúc động hỏi tôi, “Con lấy tấm ảnh này ở đâu ra vậy? Đây chính là bà ấy!”

“Sao cơ? Nghĩa là sao ạ?”

“Đây là Tĩnh Di, bạn học của bố. Cái cô đã đợi người yêu suốt bốn mươi lăm năm ấy!” Cha tôi đầy vẻ coi thường sự chậm hiểu của tôi.

“Thật sao? Bố có chắc là đúng người không? Nhỡ đâu bố già rồi nên mắt kèm nhèm thì sao? Đã bốn mươi lăm năm rồi, và đây lại là một tấm ảnh cũ.” Tôi hầu như không dám tin ông.

“Bố không thể nhầm được. Bà ấy trước là hoa khôi của lớp mà, lũ con trai đứa nào cũng thích bà ấy và nhiều người theo đuổi bà ấy.”

“Cả bố nữa à?”

“Suyt! Nói nhỏ thôi. Mẹ mà nghe thấy thì lại nghĩ linh tinh đấy. Nói thực với con, bố cũng có thích Tĩnh Di, nhưng bố không thuộc nhóm của bà ấy,” cha tôi nói, trông mặt có vẻ thẹn.

“Không ở trong nhóm của bà ấy? Không thể thể được! Bố vẫn luôn khoe hồi trẻ bố có giá lắm cơ mà!” Tôi bốn cọt ông trong khi lại đóng gói đồ đạc.

“Sao con đi sớm thế?” Cha tôi nhìn tôi và hỏi.

“Con sẽ trở lại Vô Tích ngay. Con đã mất bao công sức tìm kiếm cô Tĩnh Di, và bây giờ con tình cờ gặp đúng cô ấy.”

Cha tôi rầu rĩ đáp, “Biết vậy bố đã không đánh thức con dậy rồi.”

Một trong các lãnh đạo đài phát thanh sống gần nhà cha mẹ tôi nên tôi vội chạy tới nhà ông ta xin phép nghỉ gấp. Tôi nói dối rằng một người bà con tới chơi, và tôi phải dẫn bà ấy đi thăm thú vài ngày. Tôi ghét phải nói dối vì tôi tin nó sẽ làm người ta tổn thọ, nhưng tôi còn sợ ông giám đốc nọ biết sự thật hơn. Được ông ta cho phép, tôi gọi điện cho phát thanh viên phụ trong chương trình của tôi để nhờ cô ấy đảm đương thay tôi trong một vài ngày tới.

Tôi nhớ chuyến tàu trưa đi Vô Tích và phải chờ đến tối, đầu quay cuồng với những câu hỏi về cô Tĩnh Di, cái kính và sốt ruột. Thời gian dường như kéo dài lê thê.

Vào khoảng thời gian phát sóng chương trình của tôi theo thường lệ, chừng mười giờ tối, tôi quay trở lại khách sạn bên bờ Thái Hồ. Cô lễ tân nhận ra tôi và hỏi, “Ôi, cô vẫn chưa đi sao?”

“Không, đúng vậy,” tôi nói, không muốn mất thời gian giải thích.

Đứng trước cửa phòng số 4209, những câu hỏi tràn ngập trong tâm trí tôi đột nhiên biến mất, và tôi lại thấy ngại ngùng. Tôi giơ tay ra rồi lại hạ xuống hai lần trước khi rút cuộc cũng gõ cửa.

“Cô Tĩnh Di, cháu là Hân Nhiên đây,” tôi gọi to. Tôi cảm thấy muốn khóc; tôi đã ngồi bên bà bao đêm mà không biết một điều gì. Tôi hình dung bà đã ngồi trong im lặng suốt bốn mươi lăm năm mà ngực thắt lại.

Trước khi tôi kịp trấn tĩnh lại thì cánh cửa đã mở ra. Bà đứng đó ngạc nhiên và hỏi, “Chẳng phải cô đã đi rồi sao? Sao cô biết tên tôi?”

Tôi kéo bà ra ngồi bên cửa sổ, nhưng lần này tôi không im lặng nữa. Tôi nhẹ nhàng kể với bà những gì tôi biết về bà từ cha tôi. Cô Tĩnh Di bật khóc khi nghe tôi kể, và cứ để mặc nước mắt tuôn rơi. Những câu hỏi dâng lên khiến tôi cảm thấy nghẹt thở, nhưng tôi chỉ hỏi được mỗi một câu: “Giờ cô có nghĩ tới ông Cố Đại nữa không?”

Tới đây, bà ngắt xỉu. Tôi sợ quá liền gọi tổng đài nhờ gọi xe cấp cứu. Người trực tổng đài ngần ngại. “Cô Hân Nhiên, giờ đang là nửa đêm...”

“Người ta không phân biệt ngày hay đêm khi đang sắp chết đâu. Cô có nữ nhìn thấy người phụ nữ này chết trước mắt cô không?” Tôi kích động hỏi.

“Được rồi, đừng lo. Tôi gọi ngay đây.”

Người trực tổng đài làm việc rất hiệu quả. Một loáng sau tôi đã nghe thấy ai đó trong tòa nhà gọi to, “Hân Nhiên đâu?”

Tôi đáp nhanh, “Tôi đây!”

Khi người lái xe cấp cứu nhìn thấy tôi, anh ta kinh ngạc. “Cô là Hân Nhiên à? Nhưng cô hoàn toàn bình thường mà!”

“Tôi không sao.” Tôi bối rối nhưng đoán rằng người trực tổng đài đã sử dụng tiếng tăm của tôi để gọi xe cấp cứu tới.

Tôi đi theo xe cùng Tĩnh Di tới một bệnh viện của quân đội. Các nhân viên y tế không cho phép tôi vào khi họ khám cho bà, vì thế tôi chỉ có thể nhìn bà qua ô cửa bé tin hin trên cánh cửa phòng cấp cứu. Bà nằm bất động giữa màu trắng xóa của căn phòng, và tôi càng lúc càng lo lắng khi nghĩ tới khả năng xấu nhất. Tôi không thể ngăn mình nức nở kêu lên, “Cô Tĩnh Di, tỉnh dậy đi nào!”

Một ông bác sĩ vỗ vào vai tôi. “Cô Hân Nhiên, đừng lo, bà ấy ổn rồi. Bà ấy chỉ yếu thôi. Hình như bà ấy bị suy sụp ghê gớm lắm, nhưng kiểm tra các chức năng sống cho thấy không có gì tệ quá đâu. Ở tuổi bà ấy mà còn được thế là tốt đấy. Bà ấy sẽ khỏe lại khi ăn uống đủ chất hơn”.

Sau khi nghe những lời chẩn đoán đó, tôi bắt đầu bình tĩnh hơn, dù vẫn cảm nhận được một cách sâu sắc nỗi đau khổ của Tĩnh Di. Tôi thì thầm một cách bất lực với ông bác sĩ, “Bà ấy hẳn đã phải chịu đựng nhiều lắm. Tôi không biết làm thế nào mà bà ấy vượt qua được hơn mười lăm nghìn đêm như thế...”

Ông bác sĩ cho phép tôi nghỉ lại phòng trực. Đầu quay cuồng với những ý nghĩ bất chợt, tôi chìm vào một giấc ngủ mệt mỏi. Tôi mơ thấy những người phụ nữ khóc và vật lộn, và thức giấc mà không tươi tỉnh hơn chút nào.

Ngày hôm sau tôi tới thăm bà Tĩnh Di bốn hay năm lần gì đó, nhưng bà vẫn ngủ. Bác sĩ nói bà ấy sẽ ngủ trong vài ngày nữa, vì bà ấy kiệt sức lắm rồi. Tôi đặt một chiếc giường tập thể trong nhà khách của bệnh viện. Tôi không mang đủ tiền để thuê phòng riêng - mặt khác tôi hầu như không sử dụng tới nó. Không muốn bà Tĩnh Di phải ở một mình, tôi thức bên bà suốt đêm, chỉ nghỉ ngơi một chút vào ban ngày. Vài ngày trôi qua bà vẫn bất tỉnh, chỉ một chút giật giật ở mí mắt là dấu hiệu cử động duy nhất.

Vào lúc nhá nhem tối ngày thứ năm, bà Tĩnh Di cuối cùng cũng tỉnh lại. Có vẻ như bà không nhận ra mình đang ở đâu, và cố vật lộn để nói. Tôi đặt một ngón tay lên môi bà và nhẹ nhàng kể cho bà nghe chuyện gì đã xảy ra. Trong khi lắng nghe, bà vươn tay ra nắm lấy tay tôi tỏ vẻ biết ơn, và cố nói được những lời đầu tiên: “Cha cô vẫn khỏe chứ?”

Con đập vỡ trần, và câu chuyện của bà Tĩnh Di tuôn chảy khi bà nằm trên chiếc gối bệnh viện màu trắng tối đó. Bà kể cho tôi nghe câu chuyện của mình bằng giọng đều đều.

Năm 1946, bà Tĩnh Di đỗ kỳ thi vào Đại Học Thanh Hoa. Ngày nhập trường, bà gặp ông Cố Đại lần đầu tiên. Trong số các sinh viên, Cố Đại không có gì nổi trội về hình thức cũng như không có thành tích xuất sắc nào cả. Khi Tĩnh Di gặp ông lần đầu, ông chỉ lặng lẽ giúp những người khác khuân hành lý, và trông giống người khuân vác ở trường đại học. Tĩnh Di và Cố Đại được xếp học cùng lớp, trong đó nhiều thanh niên bắt đầu theo đuổi Tĩnh Di vì bà xinh đẹp và dịu dàng. Không giống họ, Cố Đại thường ngồi một mình một góc trong lớp hay sâu trong vườn hoa của trường để đọc sách. Ngoài việc thấy ông là một con mọt sách ra, Tĩnh Di không chú ý đến ông lắm.

Tĩnh Di hồi ấy một cô gái vui vẻ, và thường đề xướng những hoạt động sôi nổi mà các bạn trong lớp cô rất thích. Một ngày mùa đông quang đãng sau đợt tuyết rơi dày đặc, các sinh viên phấn khích muốn đi ra ngoài để nặn một chú người tuyết. Tĩnh Di đề nghị làm hai người tuyết, dùng quả táo gai tẩm đường làm mũi cho chúng. Họ phân làm các nhóm nam và nhóm nữ, rồi lần lượt bịt mắt hôn hai người tuyết. Người nào may mắn sẽ hôn trúng và được ăn quả táo tẩm đường còn những người khác thì phải ngâm một mồm đầy tuyết.

Vào lúc đó, các phương tiện giao thông công cộng và xe đạp chưa phổ biến lắm. Cách duy

nhất để có táo tẩm đường cho trò chơi đó là đi bộ vài giờ trong tuyết tới tận khu trung tâm của Bắc Kinh - hồi đó được gọi là Bắc Bình. Các sinh viên nam thường ngày vốn tranh giành nhau để được Tĩnh Di chú ý không ai dám đảm nhận việc đó, một số còn lặng lẽ lẩn về phòng ký túc xá. Tĩnh Di thất vọng khi thấy họ chẳng có chút khiếu vui vẻ nào, nhưng cũng không nài ép thêm để đề nghị của mình được thực hiện.

Ngày hôm sau, tuyết rơi dày hơn, phủ trắng xóa mặt đất một lớp dày và hầu hết sinh viên đều dành thời gian để đọc sách trong phòng học. Tới khoảng giữa buổi học tối, dưới ánh sáng mờ mờ của những ngọn đèn bàn, một người con trai người phủ đầy tuyết bước vào. Anh đi tới bên Tĩnh Di, hơi loay hoay một chút, lôi hai thanh kẹo táo tẩm đường Bắc Bình từ trong túi ra. Chúng đã đông thành tảng. Trước khi mọi người kịp xem anh chàng bị đóng băng đó là ai, anh ta đã quay người ra khỏi phòng.

Tĩnh Di lúc đó đang sửng sốt đã nhận ra người đó chính là Cố Đại. Trong khi các bạn vui vẻ tán gẫu xem ngày mai sẽ chơi trò chơi của cô như thế nào, Tĩnh Di đứng ngơ người ra, tâm trạng rối bời, hết nhìn vào hai thanh kẹo lại nhìn ra tuyết rơi ngoài trời, hình dung cảnh Cố Đại đã phải đi bộ trong trời tuyết rơi như thế.

Ngày hôm sau, Cố Đại không tham gia vào trò chơi. Các bạn cùng phòng nói rằng anh ngủ lì bì, cứ như bị uống phải bùa mê thuốc lú vậy. Tĩnh Di lo rằng anh đã bị ốm vì kiệt sức. Nhưng vào buổi học tối hôm đó, cô thở phào khi thấy anh xuất hiện và ngồi trong góc của mình đọc sách như trước. Cuối buổi học, Tĩnh Di dừng lại trên đường đi ra ngoài để cảm ơn anh. Cố Đại mỉm cười bên lên và nói, “Có gì đâu. Tớ là con trai mà.”

Câu trả lời không chút màu mè của Cố Đại khiến Tĩnh Di cảm động. Đó là lần đầu tiên cô được cảm nhận sự rắn rỏi và mạnh mẽ của người đàn ông; cô bắt đầu thấy mình như một nhân vật nữ trong sách, và cứ thế thao thức suốt đêm.

Tĩnh Di bắt đầu quan sát Cố Đại kỹ hơn. Tính ít nói của anh khiến cô phải phỏng đoán đủ kiểu, và cô nghĩ về hành động của anh mãi không thôi. Ngoại trừ lần mang cho cô hai thanh kẹo táo tẩm đường, Cố Đại có vẻ chẳng để ý đến cô chút nào, khá là khác so với những chàng trai khác đang hăm hở theo đuổi cô. Cô bắt đầu mong đợi anh chú ý tới mình một chút, và tìm cơ hội bắt chuyện với anh. Anh trả lời một cách thụ động, không hề tỏ ra chú ý đặc biệt trong cả lời nói lẫn cách hành xử. Sự dè dặt của Cố Đại không những không dập tắt được hy vọng của Tĩnh Di mà còn thúc đẩy cô hơn nữa.

Việc Tĩnh Di thích Cố Đại khiến nhiều ứng cử viên theo đuổi cô bức tức. Họ chế giễu Cố Đại vì cách xử sự cứng như gỗ của anh, bảo anh là dưa mốc mà chòi mâm son, và kết tội anh đùa cợt với tình cảm của Tĩnh Di. Không một lời bình phẩm nào được nói ra trước mặt Tĩnh Di, nhưng một người bạn gái cùng lớp sau này kể lại với cô như vậy, bảo rằng “Cố Đại hẳn phải là gỗ đá”. Anh ta chỉ đáp rằng: “Chỉ người trong cuộc mới hiểu đâu là đúng đâu là sai”.

Tĩnh Di hâm mộ sự điềm tĩnh của Cố Đại trước những lời chế nhạo của bạn cùng lớp, nghĩ rằng điều đó thể hiện phẩm chất của một người đàn ông đích thực. Đồng thời, cô không khỏi bức mình khi Cố Đại cứ lẩn tránh với cô quá lâu như vậy.

Sát kỳ thi cuối kỳ, Cố Đại không đi học hai ngày liền; các bạn cùng phòng ký túc với anh bảo rằng anh đang ngủ. Tĩnh Di không tin anh chỉ đơn giản là đang ngủ, nhưng cô không được phép sang thăm anh vì có quy định ngăn cách giới tính nghiêm ngặt. Tuy vậy, vào ngày thứ ba, cô lén ra khỏi lớp học trong khi những người khác đang chăm chú ôn bài, và đi tới phòng ký túc của Cố Đại. Cô nhẹ nhàng đẩy cửa, thấy Cố Đại nằm ngủ. Mặt anh đỏ phừng phừng. Khi cô nhẹ nhàng nhắc bàn tay anh lên để cho vào trong chăn, cô thấy nó nóng giãy. Dù đó là thời kỳ mà sự đụng chạm thân thể giữa những người không phải là vợ chồng hãy còn bị cấm, cô vẫn không

ngần ngại sờ lên trán và mặt Cổ Đại. Chúng cũng nóng ran. Tĩnh Di gọi to tên anh, nhưng không thấy Cổ Đại đáp lời.

Tĩnh Di chạy về phòng học, gọi người giúp. Mọi người giật mình trước sự hoảng hốt của cô và nhanh chóng túa ra các ngả đi tìm một giảng viên hay bác sĩ. Về sau, vị bác sĩ đó nói rằng may mà Cổ Đại được phát hiện kịp thời: thêm nửa ngày không được chữa trị thuốc men thì có lẽ anh đã chết vì viêm phổi cấp. Lúc đó, khu trường xá của trường Thanh Hoa không có thiết bị y tế gì. Bác sĩ kê chừng khoảng mười đến hai mươi loại thảo dược, và nói rằng tốt nhất là nên có người nhà đến chăm sóc cho Cổ Đại, chườm khăn lạnh và chà đá lạnh lên tay chân anh.

Cổ Đại chưa bao giờ nhắc đến người thân hay bạn bè nào ở Bắc Bình. Gia đình anh ở tận miền Nam, nhưng lúc đó đường xe lửa lại bị chặn, nên không có cách nào để liên lạc với gia đình anh cả. Mà dù thế nào, họ cũng sẽ không thể đến kịp để chăm sóc anh qua giai đoạn nguy kịch. Khi sắp sửa ra về, vị bác sĩ nhận ra mình đang gặp phải một tình thế khó xử: ông không chắc là Cổ Đại sẽ sống được dưới sự chăm sóc của những thanh niên trẻ thiếu kinh nghiệm này. Trong khi các sinh viên sốt sắng thảo luận, Tĩnh Di đi tới chỗ vị bác sĩ nói khẽ, “Cháu sẽ chăm sóc anh ấy. Cổ Đại là chồng chưa cưới của cháu.”

Thầy trưởng khoa là người tốt bụng. Ông đã thu xếp cho các nam sinh cùng phòng với Cổ Đại sang phòng khác để Cổ Đại có thể nghỉ ngơi yên tĩnh và Tĩnh Di có thể ở bên cạnh anh. Cô bị nghiêm cấm không được ngủ lại trong phòng ký túc đó.

Suốt mười ngày, Tĩnh Di đặt khăn lạnh lên trán Cổ Đại, rửa ráy và bón cho anh ăn, rồi sắc thuốc cho anh uống. Đèn sáng suốt đêm trong phòng của Cổ Đại, mùi thuốc bắc lan tỏa trong không khí cùng giọng hát yếu ớt của Tĩnh Di. Cô hát những bài hát phương Nam, hết bài này tới bài khác, nghĩ rằng sẽ giúp Cổ Đại tỉnh lại được bằng những giai điệu của quê hương. Các bạn cùng lớp, đặc biệt là đám con trai, thở dài mỗi khi nghĩ đến cô nàng Tĩnh Di yếu ớt đang chăm sóc Cổ Đại không biết mệt mỏi.

Nhờ sự chăm sóc cực nhọc của Tĩnh Di, Cổ Đại đã khỏe lại. Bác sĩ bảo anh đã xuống địa ngục rồi lại vòng trở về.

Tình yêu của họ gắn bó như keo sơn - không ai có thể đổ ky sau những hy sinh của họ dành cho nhau. Tuy vậy, một số người vẫn nói riêng với nhau rằng Tĩnh Di yêu Cổ Đại giống như hoa nhài cắm bãi cứt trâu.

Suốt bốn năm tiếp theo ở trường đại học, Tĩnh Di và Cổ Đại giúp đỡ nhau trong học hành cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Mỗi ngày qua đi là một minh chứng về tình yêu của họ - tình yêu đầu của cả hai, thắm thiết không chút thay đổi. Trung thành với lý tưởng, họ cùng nhau gia nhập Tổ Chức Đảng Cộng Sản bí mật và mơ ước về một kỷ nguyên mới và một cuộc sống mới, tưởng tượng về những đứa con họ sẽ có với nhau, và nói về lễ kỷ niệm đám cưới vàng của họ.

Khi họ tốt nghiệp cũng là lúc nước Trung Hoa mới thành lập, và vị thế chính trị mới được tiết lộ của họ đã khiến họ rất được nể trọng trong xã hội. Họ được mời tới những cuộc phỏng vấn riêng của quân đội. Họ đều học chế tạo máy, và Tổ Quốc mới ở thuở khai sinh, cần tri thức của họ cho công tác quốc phòng. Đó là thời kỳ mọi thứ đều rất nghiêm túc: người ta đảm nhận mọi việc với ý thức đó là nhiệm vụ, và mọi chuyện xảy ra rất nhanh chóng. Kinh nghiệm của Tĩnh Di và Cổ Đại ở tổ chức Đảng bí mật đã dạy họ rằng họ có nhiệm vụ phải nhận mọi sứ mệnh và thực hiện nó tới cùng. Mọi chuyện, kể cả chia ly, đều phải chấp nhận vô điều kiện.

Tĩnh Di được cử đến một căn cứ quân sự ở Tây Bắc còn Cổ Đại tới một đơn vị ở Mãn Châu. Trước khi chia tay, họ dự định sẽ tái hợp ở vườn hoa Đại Học Thanh Hoa, nơi họ có thể kể cho

nhau nghe về thành tựu của mỗi người, rồi họ sẽ tới trung tâm Bắc Kinh để mua vài xâu táo tẩm đường. Sau đó, họ sẽ xin phép Đảng cho kết hôn, rồi về quê Cổ Đại bên bờ Thái Hồ ở miền Nam, định cư ở đó để dựng nên một gia đình. Lời hứa này Tĩnh Di đã khắc sâu vào trong tâm khảm.

Trái với mọi mong đợi, họ bị giữ lại đơn vị cả năm tiếp theo, cho tới khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Năm thứ ba sau khi chia tay, Tĩnh Di lại bị tạm chuyển đến một đơn vị nghiên cứu và phát triển quân sự đặc biệt ở bình nguyên miền Trung, không được phép gặp gỡ bạn bè hay gia đình. Tới năm thứ tư xa nhau, Cổ Đại bị chuyển đến một căn cứ không quân ở miền Đông. Những địa chỉ luôn thay đổi trong hộp đựng thư tình của Tĩnh Di cũng đủ chứng tỏ Tĩnh Di và Cổ Đại là những con người cần thiết đến thế nào cho *yêu cầu cấp bách* của đất nước Trung Hoa mới và nền công nghiệp quân sự của nó.

Sự miễn cưỡng của họ khi phải xa nhau thể hiện rõ trong những lá thư, càng ngày họ càng khó sắp xếp một cuộc gặp mặt. *Nghĩa vụ với Đảng* đã gây ra vô số lần trì hoãn những cuộc gặp mặt theo dự định, và thường khiến việc trao đổi thư từ của họ bị đứt quãng. Trong tình hình hỗn loạn của các phong trào chính trị vào cuối những năm 50, Tĩnh Di bị thẩm vấn vì thành phần gia đình, và bị đưa tới Thiểm Tây để *rèn luyện và cải tạo*. Vào lúc đó, thậm chí nhiệm vụ quan trọng là xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia cũng bị xem là thứ yếu so với cuộc đấu tranh giai cấp. Tĩnh Di mất hết tự do cá nhân và không thể nào liên lạc hay đi lại theo ý muốn của mình. Cô gần như để mất người thương, song những người nông dân có nhiệm vụ giám sát việc cải tạo đã từ chối giúp cô. Họ không thể làm trái mệnh lệnh của Mao Chủ Tịch mà cho phép Tĩnh Di đi: cô có thể trở thành điệp viên hoặc liên hệ với những phần tử phản cách mạng. Sau này, một cán bộ tử tế đã gợi ý cho cô cách trốn ra ngoài: Tĩnh Di có thể thay đổi vị thế của mình và có được tự do bằng cách lấy một anh nông dân. Vẫn còn quá yêu Cổ Đại, Tĩnh Di cảm thấy ý nghĩ đó thật khó chấp nhận nổi.

Tĩnh Di phải lao động chín năm trời trong ngôi làng ở tỉnh Thiểm Tây đó. Bờ sông vừa là đường giao thông vừa là nơi hội họp không chính thức của mọi người, nơi người ta trao đổi những chuyện thị phi và tin tức ngoài mặt trận. Tĩnh Di coi dòng nước là cách thức duy nhất để có thể liên lạc với Cổ Đại. Hầu như đêm nào cô cũng ngồi bên bờ sông lặng lẽ thể hiện nỗi khao khát hướng tới anh, mong dòng nước chảy xiết kia sẽ đưa những tình cảm của mình tới chỗ người yêu. Nhưng dòng sông chẳng mang lại cho Tĩnh Di tin tức gì về thế giới bên ngoài.

Năm tháng trôi qua, dân làng dần dần quên mất Tĩnh Di có gì đặc biệt; bà dần dần giống với một phụ nữ nông dân điển hình. Bà chỉ khác họ ở một điểm: bà là người phụ nữ duy nhất ở độ tuổi đó mà chưa lấy chồng.

Cuối thập kỷ sáu mươi, một quan chức địa phương xuống làng gặp Tĩnh Di để đưa cho bà lệnh của chính quyền yêu cầu bà chuẩn bị rời đi. Mệnh lệnh đó là phải *hiểu được cách mạng và tiếp tục sản xuất*. Chiến dịch chống Liên Xô đã bắt đầu.

Vừa trở về căn cứ quân sự cũ, Tĩnh Di phải bắt tay vào thực hiện hai việc. Thứ nhất, bà phải chứng minh được về cơ bản bà vẫn không thay đổi. Những năm lao động trên đồng ruộng đã khiến bà già nua và biến đổi nhan sắc của bà kinh khủng. Lúc đầu, các đồng nghiệp của bà không dám công nhận bà, họ không thể tin nổi bà vẫn còn giữ được năng lực như trước. Họ cho bà làm bài kiểm tra và thực hiện thí nghiệm, yêu cầu bà phải phân tích các vấn đề và mô tả các sự việc đã diễn ra trước đó. Sau một tuần, họ kết luận rằng tài năng của bà vẫn không hề suy yếu.

Việc thứ hai, nhưng quan trọng hơn đối với cá nhân Tĩnh Di là bà phải bắt liên lạc lại với Cổ Đại. Các đồng nghiệp cảm động trước sự hy sinh của bà đối với Cổ Đại, ai cũng đề nghị được

giúp đỡ bà. Sau ba tháng tìm kiếm, họ chỉ biết là Cố Đại đã bị bắt giam ngay khi Cách Mạng Văn Hóa nổ ra vì bị nghi là phần tử phản động và mật thám của Quốc Dân Đảng. Bà liên lạc với tất cả các nhà tù mà ông có thể bị giam cầm nhưng kết quả thật buồn lòng: Cố Đại hình như đã đi qua tất cả các nhà tù đó nhưng không ai biết sau đó ông đi đâu. Tỉnh Di thất vọng, nhưng không bỏ cuộc. Miễn là chưa có tin Cố Đại đã chết thì vẫn còn hy vọng, và thế là cuộc sống của bà còn ý nghĩa.

Trong những năm tiếp theo của Cách Mạng Văn Hóa, Tỉnh Di may mắn hơn hầu hết các đồng nghiệp và bạn học cũ. Bà được bảo vệ đặc biệt nhờ tài năng của mình; các lãnh đạo của căn cứ quân sự đã nhiều lần khôn ngoan giấu nhem bà khỏi con mắt của Hồng Vệ Binh. Bà hiểu mỗi họa lớn lao mà các lãnh đạo đó phải đối mặt khi bảo vệ bà, nên bà đã cống hiến một số thành tựu quan trọng để trả mối hàm ơn với họ.

Tỉnh Di không bao giờ ngừng tìm kiếm Cố Đại. Bà tới tất cả các ngôi làng và thị trấn mà ông có thể đã từng sống, thậm chí còn tới tận Thái Hồ, nơi họ từng mơ về. Với sự giúp đỡ của bạn bè, bà dành hai tuần đi khắp vùng ven hồ để tìm Cố Đại, nhưng không có dấu vết gì của ông cả.

Những năm 1980, sau Cải Cách Và Mở Cửa, cuối cùng người dân cũng thức dậy khỏi cơn ác mộng bất tận của những biến động chính trị xã hội, và sắp xếp lại tất cả những gì đã bị ném vào một mớ hỗn độn. Tỉnh Di là một trong vô số người đi tìm gia đình và bạn bè bị thất lạc qua thư từ, điện thoại và hỏi han mọi người. Sự thiết tha tìm kiếm của bà thường không được những người khác xem trọng: Cố Đại là người yêu của Tỉnh Di chứ đâu phải của họ. Cách Mạng Văn Hóa đã khiến nhiều người chai lì cảm xúc, họ đều nhận được bài học cay đắng là phải đặt các nhu cầu vật chất cơ bản và an toàn chính trị của bản thân lên trên sự cảm thông hay tình cảm.

Khi Tỉnh Di nhận được bản danh sách những người sẽ tham dự lễ kỷ niệm thành lập trường Đại Học Thanh Hoa vào năm 1994, bà háo hức tìm tên của Cố Đại, nhưng không thấy trong đó. Khi tới Bắc Kinh để tham gia sự kiện này, bà mang theo hàng chục lá thư nhờ giúp đỡ đã viết sẵn theo mẫu, để phát cho các bạn học cũ.

Vào ngày đầu tiên của lễ kỷ niệm, cựu sinh viên từ khắp mọi miền của Trung Quốc tụ họp trong khuôn viên trường Thanh Hoa. Những người trẻ hơn hân hoan chào đón nhau: thời gian chưa làm họ thay đổi nhiều lắm. Những người già hơn có vẻ ngần ngại; với hầu hết bọn họ, phải đến tận khi bước vào phòng dành riêng cho khóa học và lớp của mình, họ mới hơi nhận ra các bạn cùng lớp. Không ai nhận ra Tỉnh Di trong đám đông lộn xộn lúc đầu, và bà cũng không thể nhận ra ai. Một nhân viên của trường đưa bà vào phòng dành cho khóa và lớp của bà. Khi bà bước vào, ngay lập tức bà nhìn thấy một người đàn ông quay lưng lại phía bà, người đàn ông mà hình dáng không bao giờ có thể xa lạ đối với bà, bất kể những khó nhọc gian khổ của cuộc đời đã biến đổi nó ra sao - Cố Đại. Tỉnh Di mất hết tự chủ; bà run lên, mạch đập loạn nhịp và bà bắt đầu thấy lả đi. Anh nhân viên trẻ đỡ lấy tay bà và lo lắng hỏi xem bà làm sao; bà có tiền sử bệnh tim không? Bà không nói nổi nên lời, bà vẫy tay ra hiệu rằng mình khỏe, đồng thời chỉ vào Cố Đại.

Bà cố gượng bước về phía ông, nhưng tim bà nghẹn lại đến mức bà cảm thấy không thể bước nổi. Bà sắp sửa gọi ông thì bà nghe thấy ông nói, “Đây là vợ tôi Lâm Chân, con gái lớn của chúng tôi Niệm Hoa, con gái thứ hai Tỉnh Hoa và con gái thứ ba Di Hoa. Vâng, vâng, chúng tôi vừa mới tới...”

Tỉnh Di cứng đờ cả người.

Ngay lúc đó Cố Đại xoay qua và đờ người ra trước hình ảnh của Tỉnh Di. Ông ngó người há hốc miệng. Lo lắng, người vợ liền hỏi ông có chuyện gì vậy. Ông đáp bằng một giọng run run: “Đây... đây là Tỉnh Di.”

“Tĩnh Di? Không thể nào...” Vợ ông đã nghe nhắc tới tên bà.

Ba người lớn đều mất tự chủ, và im lặng mất một lúc đấu tranh với những cảm xúc của mình. Nước mắt lưng tròng, vợ của Cố Đại cuối cùng nói với Tĩnh Di rằng ông chỉ lấy vợ sau khi nghe tin bà đã qua đời. Rồi bà đứng dậy rời đi để Cố Đại và Tĩnh Di ở lại riêng với nhau, nhưng Tĩnh Di đã giữ người phụ nữ ấy lại.

“Đừng... đừng đi. Những gì chúng ta có đều là quá khứ rồi, khi chúng ta còn trẻ, nhưng chị đang có một gia đình toàn vẹn trong hiện tại. Đừng làm tổn thương gia đình mình; biết rằng Cố Đại hạnh phúc đã là một niềm an ủi lớn lao lắm rồi.”

Tĩnh Di không thực sự nghĩ như những gì bà nói, nhưng bà nói một cách chân thành. Khi cô con gái út biết Tĩnh Di là ai, cô bảo, “Những chữ đầu tiên của tên cháu và tên các chị cháu ghép lại thành *Niệm Tĩnh Di* - Nhớ Tĩnh Di. Bố mẹ cháu bảo là để nhớ đến cô. Cách Mạng Văn Hóa đã ném cuộc đời của quá nhiều người vào vòng loạn lạc. Xin cô hãy rộng lòng mà bỏ quá cho bố mẹ cháu.”

Tĩnh Di bỗng cảm thấy bình tĩnh hơn, bà thu sức để đứng thẳng người dậy và bắt tay vợ Cố Đại, nói, “Cảm ơn chị vì đã nhớ tới tôi, cảm ơn chị vì đã cho anh ấy một gia đình hạnh phúc. Từ hôm nay tôi sẽ hạnh phúc hơn vì tôi đã bớt đi được một nỗi lo. Nào, chúng ta vào phòng họp mặt với mọi người thôi.”

Mọi người đều theo lời Tĩnh Di bước thẳng tới thính phòng. Khi họ đã yên vị tại chỗ ngồi dành cho mình, Tĩnh Di trốn ra rồi quay trở lại khách sạn, đốt hết những lá thư nhờ giúp đỡ mà bà mang theo. Cùng với đồng giấy đó, những hy vọng ấp ủ từ lâu và sự bình tĩnh tạm thời của bà tan theo làn khói.

Vài ngày sau bà gắng gượng gọi điện cho đơn vị xin nghỉ thêm vài ngày nữa. Đồng nghiệp của bà nói rằng có một bức điện từ một người tên là Cố Kiếm gửi cho bà, yêu cầu bà liên lạc lại với ông ta càng sớm càng tốt. Tĩnh Di hiểu ra, vì lẽ gì bà cũng không rõ, rằng Cố Đại đã đổi tên thành Cố Kiếm - vì lẽ đó mà những cuộc tìm kiếm của bà không thành công.

Tĩnh Di lên một chuyến tàu về miền Nam đến Thái Hồ, lên kế hoạch tìm một căn nhà cho chính mình như căn nhà mà bà và Cố Đại đã từng mơ ước. Bà không đủ sức lực cũng như tiền bạc để thực hiện điều đó, do vậy bà chuyển tới khách sạn bên hồ này. Bà không muốn gặp gỡ ai, và sống bằng mì gói trứng nước sôi trong khi nghĩ ngợi suốt cả ngày lẫn đêm.

Tĩnh Di sắp kết thúc câu chuyện. Bà giơ một bàn tay ra yếu ớt vẽ một vòng tròn trong không khí.

"Bốn mươi lăm năm mong chờ ông ấy đã khiến nước mắt tôi chảy thành một hồ mong nhớ. Ngày ngày tôi chờ đợi bên cái hồ đó với lòng tin yêu. Tôi tin rằng người yêu tôi sẽ bước ra khỏi hồ và đón tôi vào vòng tay ông ấy - nhưng rồi cuộc khi ông ấy xuất hiện, một người đàn bà khác lại ở bên ông ấy. Những bước chân đã khuấy động mặt hồ phẳng lặng của tôi. Những gợn sóng phá hủy hình ảnh phản chiếu của mặt trời và mặt trăng - và hy vọng của tôi tan biến.

Để tiếp tục sống, tôi cần gạt Cố Đại và những cảm xúc của mình ra khỏi tâm trí. Tôi đã hy vọng Thái Hồ sẽ giúp đỡ tôi, nhưng bốn mươi lăm năm để gì dứt bỏ."

Tôi lắng nghe sự trống rỗng trong giọng nói của cô Tĩnh Di, đau đớn và vô vọng. Không một sự đồng cảm nào có thể lấp đầy.

Tôi phải trở về với Phan Phan và công việc của mình, nhưng vì không muốn để cô Tĩnh Di lại một mình nên tối hôm đó tôi gọi điện cho cha tôi để hỏi xem liệu bố mẹ tôi có thể tới Vô Tích làm bạn với bà một vài ngày không. Hôm sau họ tới. Lúc tiễn tôi ở bệnh viện, mẹ tôi nói, “Hồi trẻ hẳn Tĩnh Di phải đẹp lắm.”

Một tuần sau, cha mẹ tôi trở về Nam Kinh. Cha tôi bảo tôi rằng, được bà đồng ý, ông đã liên lạc với đơn vị của bà. Họ đang tìm bà, và ngay lập tức cử người tới Vô Tích để chăm sóc bà khi nhận được tin. Cha tôi nói ông đã giấu Tĩnh Di kể sơ câu chuyện của bà qua điện thoại. Người đàn ông giọng cọc cằn bên kia đầu dây đã bật khóc và nghẹn ngào nói, “Chúng tôi đều biết Tĩnh Di đã phải chịu đựng thế nào khi đi tìm người yêu, nhưng chẳng ai diễn tả nỗi bà ấy nặng tình nhường nào.”

Cha tôi đã tìm hiểu được vì sao Cố Đại lại đổi tên, và kể cho Tĩnh Di nghe những gì ông biết. Lãnh đạo Hồng Vệ Binh ở nhà tù thứ hai nơi Cố Đại bị chuyển tới trùng tên với ông, vì vậy Cố Đại bị buộc phải đổi sang tên khác. Hồng Vệ Binh tự ý đổi tên ông thành Cố Kiếm trên tất cả giấy tờ. Cố Kiếm đã đấu tranh với các nhà chức trách địa phương để giành lại tên cũ nhưng họ chỉ bảo, “Có quá nhiều việc làm sai trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa - ai mà cải chính được tất cả những chuyện đó cơ chứ?” Sau này, có người nói với Cố Đại rằng Tĩnh Di, người ông tìm kiếm nhiều năm, đã qua đời trong một tai nạn ô tô hơn hai mươi năm trước, thế là ông cũng quyết định để cái tên Cố Đại chết theo luôn.

Tĩnh Di nói rằng *Đàn bà như nước, đàn ông như núi*, đó có phải là một sự so sánh hợp lý không? Tôi đặt câu hỏi này cho các thánh giả, và nhận được gần hai trăm câu trả lời trong một tuần. Trong số đó, hơn mười câu trả lời là từ các đồng nghiệp của tôi. Lý Đại viết: “Đàn ông Trung Quốc cần phụ nữ để tạo nên bức tranh của chính họ - vì núi in hình trên sông. Nhưng sông chảy xuống từ núi. Vậy đâu mới là bức tranh đích thực?”

CHƯƠNG 11

CON GÁI VIÊN TƯỞNG QUỐC DÂN ĐẢNG

Những chủ đề được thảo luận trên chương trình của tôi thỉnh thoảng lại khơi mào cho một cuộc tranh luận rất lớn giữa các thánh giả, và thật ngạc nhiên, tôi thường thấy các đồng nghiệp của mình muốn tiếp tục tranh luận vào ngày hôm sau. Buổi sáng sau hôm tôi phát chương trình về chủ đề người khuyết tật, một chương trình đã khơi lên rất nhiều ý kiến khác nhau, tôi đi chung thang máy với ông Ngô, trưởng phòng hành chính. Thang máy kêu và rung lên khi tới tầng mười sáu, ông tranh thủ cơ hội nói chuyện với tôi về chương trình đêm trước. Ông là một thánh giả thường xuyên của chương trình *Khinh Phong Dạ Thoại*, và rất hào hứng chia sẻ quan điểm cùng ý kiến cá nhân với tôi. Tôi thấy xúc động trước mối quan tâm của ông. Chính trị đã làm quá nhiều người Trung Quốc chẳng còn tâm huyết với cuộc sống, đến mức khó lòng kiếm nổi những người đàn ông tuổi trung niên mà vẫn còn hào hứng với sự đời như ông Ngô.

“Tôi nghĩ những gì cô thảo luận trong chương trình tối qua rất thú vị,” Ông Ngô nói. “Những người gọi đến đều đồng ý rằng chúng ta nên có lòng thương và sự thấu hiểu với người khuyết tật. Lòng thương thì khá dễ, nhưng tôi nghĩ thấu hiểu thì không hề dễ chút nào. Bao nhiêu người có thể thoát ly cách nghĩ của một người lành lặn để hiểu người khuyết tật trong sự hạn chế của họ? Và những trải nghiệm của người khuyết tật bẩm sinh hẳn phải khác với của người bị khuyết tật ở chặng sau của cuộc đời. Tất nhiên... Ở kia, chuyện gì thế nhỉ? Có phải đèn đỏ bật sáng không?”

Thang máy bị kẹt và đèn báo động bật lên, nhưng không ai hoảng sợ - hổng hóc là chuyện thường ngày. May thay, thang máy dừng lại ở một tầng chứ không bị kẹt giữa hai tầng và thợ sửa chữa (một trong những người nổi tiếng nhất tòa nhà) đã nhanh chóng mở được cửa ra. Khi ra khỏi thang máy ông Ngô nói với tôi lời cuối, gần như đang ra lệnh vậy: “Hân Nhiên, sớm bố trí lúc nào đó nói chuyện với tôi. Đừng có chỉ nghĩ tới các thánh giả của cô thôi đấy. Nghe chưa?”

“Vâng, nghe rồi ạ,” tôi đáp to trong khi ông Ngô bước đi.

“Vậy cô đã nghe nói rồi hả, Hân Nhiên?” Một giám sát chương trình chặn tôi lại ngoài hành lang.

“Nghe gì cơ? Tôi đang nói với trưởng phòng Ngô mà,” tôi đáp.

“Tôi lại cứ ngỡ cô đã nghe nói về cuộc tranh cãi về chương trình của cô trong phòng biên tập hôm qua.”

Biết miệng lưỡi các đồng nghiệp của mình sắc bén thế nào, tôi thận trọng. “Họ tranh luận về vấn đề gì? Chủ đề gì? Về điều gì đó mà thánh giả gọi nói tới à? Hay về điều gì mà tôi nói?”

“Họ tranh cãi về chuyện khuyết tật bẩm sinh hay khuyết tật về sau đáng buồn hơn,” anh chàng giám sát viên đáp vẻ ung dung trong khi đi thẳng không nhìn lại.

Sáng đó, hình như phòng biên tập lại tiếp tục cuộc tranh luận tối hôm trước. Khi tôi bước vào phòng làm việc, bảy tám người đang tranh cãi hăng say; hai kỹ thuật viên cũng tham gia vào. Tất cả bọn họ đều có quan điểm quyết liệt với chủ đề này; một số người còn phấn khích đến độ mặt mũi đỏ bừng, những người khác khoa chân múa tay hoặc gõ bút chì liên hồi lên mặt bàn. Tôi thận trọng để tránh bị lôi kéo vào cuộc tranh cãi, vì đã phải nếm mùi khi đề cập đến vấn đề người khuyết tật với các thánh giả, những người đã giữ tôi ở lại phòng thu một lúc lâu sau khi phát sóng; tận ba giờ sáng tôi mới đến về nhà. Hết sức kín đáo, tôi quơ lấy cả nắm thư mình

cần lấy và nhanh chân đi ra.

Ngay khi tôi vừa tới cửa, ông Trần gọi to, “Hân Nhiên, đừng có đi! Cô khơi lên đồng lửa này thì phải dập nó đi chứ!”

Tôi mấp máy một lời cáo lỗi, “Tôi sẽ trở lại, sắp muốn tôi lên gặp sau mấy phút nữa”, và hối hả đi tìm nơi ẩn náu ở khu văn phòng lãnh đạo, đến nơi đã thấy ông ta đang chờ mình.

“Cô thiêng thật đấy!” Ông kêu lên.

Tôi bồn chồn, lo lắng nghĩ đến điều xấu nhất.

“Đây là bản sao danh sách những cuộc gọi đến. Tôi nghĩ có khả năng sẽ có một cuộc phỏng vấn thực sự thú vị ở đó. Cô xem qua đi rồi chiều nay chúng ta trao đổi với nhau,” ông ta đọc đoán nói.

Có một lời nhắn cho tôi ở trên bản danh sách cuộc gọi: con gái của một thiếu tướng Quốc Dân Đảng đang trong bệnh viện tâm thần và tôi phải liên lạc với bác sĩ Lý nào đó. Không có chi tiết nào báo hiệu đây là một chuyện tốt đẹp, nhưng tôi biết ông giám đốc rất sắc sảo; nếu ông ta nói có vấn đề thì có lẽ là đúng. Ông ta có biệt tài nhìn ra những vấn đề rộng hơn, đáng đưa lên mặt báo hơn đằng sau những vấn đề nhỏ. Tôi thường nghĩ chắc ông ta sẽ thành đạt lắm về mặt chuyên môn nếu được làm việc trong môi trường báo chí tự do hơn.

Tôi gọi cho bác sĩ Lý, một người ăn nói ngắn gọn. “Người phụ nữ này là con gái một vị tướng Quốc Dân Đảng. Cô ấy bị thiếu năng trí tuệ, nhưng không phải là bẩm sinh. Người ta bảo cô ấy từng giành mấy giải văn cấp tỉnh ở Giang Tô hồi còn nhỏ nhưng bây giờ...” Ông ta đột ngột ngừng lại. “Xin lỗi, tôi có thể nói chuyện riêng với cô được không?”

Tôi đồng ý ngay, và chúng tôi thỏa thuận là tôi sẽ tới thăm bệnh viện vào một buổi chiều hôm đó.

Sau vài lời chào hỏi, bác sĩ Lý đưa tôi đi thăm người phụ nữ. Một gương mặt trắng nhợt, đờ đẫn quay về phía tôi và bác sĩ Lý khi chúng tôi bước vào căn phòng trắng yên tĩnh.

“Thạch Lâm, đây là Hân Nhiên. Cô ấy tới thăm cô đấy,” bác sĩ Lý nói.

Thạch Lâm im lặng, và khuôn mặt cô vẫn vô cảm.

Bác sĩ Lý quay sang tôi, “Cô ấy hầu như không phản ứng gì cả, nhưng tôi nghĩ dù sao chúng ta vẫn nên đối xử tôn trọng với cô ấy. Không phải cô ấy bẩm sinh đã thiếu năng như vậy - cô ấy đã từng hiểu những cảm xúc và lời nói như người bình thường.” Ông nhìn đồng hồ. “Hôm qua, người nhà của Thạch Lâm đã nghe chương trình của cô và một thành viên gia đình họ đề nghị tôi sắp xếp một cuộc hẹn với cô. Tôi phải trực bây giờ, nhưng hãy chờ ở đây một chút nhé. Người nhà của Thạch Lâm sẽ tới ngay thôi.”

Tôi chưa bao giờ ở một mình với một người bị thiếu năng trí tuệ; tôi cố thử trò chuyện với Thạch Lâm, có vẻ như cô vẫn nghe tôi nói, nhưng chẳng phản ứng gì cả. Không rõ phải làm gì, tôi rút cuốn vở nháp ra và bắt đầu vẽ cô ta. Cô ta vẫn ngồi im không nhúc nhích, không chú ý xem tôi đang làm gì.

Thạch Lâm rất đẹp. Tôi đoán cô ta chừng bốn mươi, nhưng vùng da quanh mắt vẫn sáng và không có nếp nhăn. Các nét của cô đều đặn và cân đối, chiếc mũi thẳng khiến người ta chú ý tới đôi mắt dài, hẹp, hơi lượn lên một chút ở phía đuôi, như thể cô sắp cười vậy. Môi cô mỏng, như môi những người phụ nữ Trung Quốc được họa trong tranh cổ.

Trước khi tôi kết thúc bức vẽ nháp, người nhà của Thạch Lâm đến: Dì và em họ của cô - bà mẹ và cô con gái. Dì của Thạch Lâm, Vương Nguyệt, là một người đàn bà khéo ăn nói, cư xử hết sức đúng mực. Em họ của cô, Vương Ngọc, chừng ngoài ba mươi, đang làm kế toán cho một

nhà xuất bản tạp chí.

Vương Nguyệt nói rằng đêm hôm trước gia đình bà đã bật đài lên trước khi đi ngủ. Bà bảo tôi đêm nào họ cũng nghe chương trình của tôi vì nó giúp họ buồn ngủ. Tôi tự hỏi không biết có phải chương trình của mình buồn tẻ đến mức ấy không, và không biết liệu nên khó chịu hay buồn cười nữa.

Con gái của Vương Nguyệt rõ ràng là đã nhận thấy vẻ mặt khó hiểu của tôi; cô ta dùng khuỷu tay hích mẹ, nhưng Vương Nguyệt lờ đi. Bà bảo họ rất bức xúc khi nghe những thánh giả gọi đến tối hôm đó nói rằng sinh ra đã bị thiếu năng trí tuệ thì bất hạnh hơn rất nhiều so với bị mắc bệnh đó ở giai đoạn sau của cuộc đời. Gia đình Thạch Lâm hoàn toàn không đồng ý với quan điểm đó và cảm thấy rất oán hận những người gọi, mà gia đình bà cho là hoàn toàn sai lầm.

Vương Nguyệt nói rất gay gắt. Người ta có thể quên được nỗi đau khi bị mất những gì mình đã từng có không? Chắc chắn là đã từng có tri thức và hiểu biết, rồi đánh mất mà không thu hồi lại được thì phải bất hạnh hơn nhiều hơn so với việc chưa từng biết tới một điều gì chứ? Vương Nguyệt nói rằng cả nhà bà bức xúc với vấn đề này đến độ không ai ngủ được. Họ phải chứng minh trường hợp của mình bằng cách kể cho tôi nghe về cuộc đời của Thạch Lâm. Thạch Lâm vẫn ngây dại trong khi Vương Nguyệt kể lại câu chuyện về cô.

Thạch Lâm là con gái một viên tướng Quốc Dân Đảng, út ít trong nhà. Khác với hai cô chị và người anh, Thạch Lâm lớn lên trong vòng tay bảo bọc và được cưng chiều. Khi nội chiến bùng nổ ở Trung Quốc năm 1945, cha cô được thăng cấp tướng trong quân đội của Tưởng Giới Thạch. Khác với Đảng Cộng Sản, Quốc Dân Đảng không còn được nông dân ủng hộ. Đó là một thảm họa, vì nông dân chiếm chín mươi tám phần trăm dân số. Dù được phía Anh và Mỹ cung cấp vũ khí, song tình hình ngày vẫn ngày càng xấu đi nhanh chóng đối với Quốc Dân Đảng. Quân đội vài triệu người của Tưởng Giới Thạch vội vã rút chạy và bị quân Cộng Sản đẩy sang Đài Loan. Khi Quốc Dân Đảng chạy về phía Đông, nhiều lãnh đạo không thể thu xếp cho gia đình mình rút chạy kịp thời. Gia đình Thạch Lâm nằm trong số đó.

Mùa xuân năm 1949, Thạch Lâm lên bảy và đã sống với bà ở Bắc Bình được hai năm. Cô chuẩn bị trở về nhà cha mẹ mình ở Nam Kinh để đi học. Mẹ Thạch Lâm viết thư báo cha cô đang đi chiến dịch xa nhà nên bà phải ở lại Nam Kinh chăm sóc mấy anh em khác, không thể tới Bắc Bình đón Thạch Lâm. Bà cô thì ốm yếu và sức khỏe kém nên cũng không thể đưa cô đi được, mọi người nhất trí để dì Thạch Lâm, Vương Nguyệt, đưa cô về Nam Kinh.

Đó là thời điểm diễn ra cuộc giằng co quyết định giữa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản. Khi Vương Nguyệt và Thạch Lâm tới bờ sông Dương Tử thì phà, phương tiện giao thông duy nhất giữa bờ Bắc và bờ Nam, đã ngưng hoạt động một phần. Hàng đóng hàng hóa đồ đạc bày la liệt trên hai bờ sông.

Trong khi chờ đợi, họ nghe nói sắp có đánh nhau ở Nam Kinh; Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân sắp sang sông. Mặc dù vậy, chẳng còn cách nào khác là phải tới Nam Kinh. Khi vào thành phố, cùng với dòng người khủng khiếp, họ thấy lá cờ đỏ tung bay bên ngoài nhà Thạch Lâm; một toán binh lính Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân đã tới nhà họ. Vương Nguyệt không dừng lại trước nhà. Bà đẩy Thạch Lâm đi và thăm dò tin tức về gia đình Thạch Lâm trong các cửa hàng và quán trà gần đó. Một số người nhìn thấy chiếc xe ô tô của gia đình được đóng thùng đưa đi, và nghe nói gia đình họ đã thả hồi nhiều người làm. Những người khác thì nghe nói cả gia đình đã biến mất không để lại tăm tích gì vào ngày trước khi Cộng Sản vượt sông Dương Tử. Không ai có thể cung cấp cho họ thông tin chính xác, nhưng có vẻ như gia đình Thạch Lâm đã chạy sang Đài Loan mà không đón cô đi cùng.

Sau đó ít lâu, Vương Nguyệt nhận được tin mẹ mình đã chết khi Cộng Sản tới khám nhà bà ở Bắc Bình - được chính phủ mới đặt lại tên là Bắc Kinh - bởi mối quan hệ giữa bà với cha Thạch Lâm. Không còn đường trở về Bắc Bình nữa. Không biết phải làm gì khác, Vương Nguyệt đưa Thạch Lâm tới một nhà trọ ở Nam Kinh. Một hôm, người chủ nhà tốt bụng bảo bà, “Cô nói cô biết đọc biết viết đúng không? Chính phủ mới đang tuyển giáo viên cho các ngôi trường mới đấy - cô nên đăng ký đi.” Vương Nguyệt nửa tin nửa ngờ, nhưng dù sao bà vẫn đệ đơn xin việc, và được nhận làm giáo viên.

Dù Vương Nguyệt mới hai mươi - hơn Thạch Lâm mười ba tuổi - bà vẫn bảo Thạch Lâm gọi bà là “mẹ” nhằm che giấu thân phận của họ. Với tư cách là “mẹ và con”, họ được nhà trường của chính phủ mới phân cho một căn phòng, trường cũng giúp họ được nhận một số vật dụng gia đình. Thạch Lâm được nhận vào trường đó học.

Vương Nguyệt trang điểm và cắt tóc sao cho vẻ ngoài của mình trông đủ già để là mẹ của Thạch Lâm. Sáng nào bà cũng luôn nhắc nhở Thạch Lâm không được nhắc đến tên cha mẹ mình hay bất kỳ điều gì về nhà cũ của họ trong bất cứ tình huống nào. Dù luôn đinh ninh lời dặn dò của dì, cô vẫn không hiểu hết những ẩn ý về việc buột miệng để lộ điều gì. Trẻ con hay thích khoe khoang với bạn bè; một lần khi chơi trò tung hứng với những cái túi vỏ đồ nhỏ xíu, Thạch Lâm kể với các bạn cùng lớp rằng những chiếc túi vỏ đồ nhỏ xíu cha cô cho cô để chơi trò tung hứng có đánh cả những hạt đá quý nhỏ. Một đứa bạn của cô về kể ở nhà, và những người lớn rỉ tai nhau chuyện đó.

Vào thời đó, mọi người đều tìm những thuận lợi về chính trị để củng cố địa vị của mình trong trật tự của chế độ mới. Trước đó khá lâu, một đại diện của đơn vị quân đội đồn trú tại địa phương đã thông báo với Vương Nguyệt rằng cô phải tường trình đầy đủ về “chồng cũ” của mình, tức cha của Thạch Lâm.

Một đêm, hiệu trưởng trường Vương Nguyệt dạy tức tốc chạy vào phòng của hai dì cháu trong trạng thái lo lắng cao độ. “Cả hai mẹ con cô phải đi ngay, họ tới bắt hai mẹ con cô đấy. Chạy càng xa càng tốt. Đừng có trở lại Nam Kinh dù là để làm gì đi nữa. Họ nói Thạch Lâm là con gái của một tên tướng Quốc Dân Đảng, và cô phạm tội chứa chấp kẻ thù của cách mạng. Tôi không muốn nghe cô giải thích. Thời buổi này càng biết ít càng tốt. Đi ngay đi! Đừng có gói ghém gì cả. Có thể họ sẽ phong tỏa bờ sông bất cứ lúc nào đấy. Đi đi, nhanh lên! Nếu sau này cô cần gì, hãy tới tìm tôi. Tôi phải đi đây. Nếu Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân mà tóm được tôi, cả gia đình tôi sẽ bị liên lụy mất.”

Suýt khóc vì lo sợ, Vương Nguyệt tóm lấy tay Thạch Lâm đang lơ mơ, tức tốc đi khỏi Nam Kinh. Vương Nguyệt không biết phải đi về đâu, nhưng không có khả năng đề nghị bất kỳ ai giúp đỡ. Bà không dám tưởng tượng điều gì sẽ xảy đến với họ nếu bị bắt. Họ đi bộ gần ba tiếng đồng hồ; sắc trời đã rạng dần nhưng Nam Kinh dường như vẫn còn ở ngay sau lưng họ. Khi Thạch Lâm không thể đi thêm được chút nào nữa, Vương Nguyệt kéo cô ngồi xuống bên bụi cây ven đường. Mặt đất ướt đầm sương, họ đói và lạnh, nhưng Thạch Lâm kiệt sức đến độ ngủ gật ngay lập tức, dựa vào dì. Mệt mỏi và sợ hãi, Vương Nguyệt cuối cùng cũng khóc tới lúc ngủ thiếp đi.

Một lát sau, những giọng nói đánh thức Vương Nguyệt. Một cặp vợ chồng trung niên và một thanh niên đang đứng cạnh họ, vẻ lo lắng.

“Sao cô lại ngủ ở đây?” Người phụ nữ đứng tuổi hỏi. “Chỗ này lạnh và ẩm thấp. Đứng lên ngay đi và tìm một ngôi nhà hay chỗ nào khác mà ngủ, nếu không cô sẽ bị cảm đấy.”

“Cảm ơn bà, nhưng tôi, à chúng tôi, không thể đi xa hơn được nữa, đứa bé này quá mệt rồi,” Vương Nguyệt đáp.

“Các cô đi đâu?” Người phụ nữ hỏi, phác một cử chỉ ra hiệu cho anh thanh niên đỡ Thạch Lâm dậy.

“Tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ muốn đi xa khỏi Nam Kinh thôi.” Vương Nguyệt không biết phải nói gì.

“Chạy trốn khỏi một cuộc hôn nhân ép buộc hả? À, thật khó khăn khi còn có cả đứa bé đi cùng nữa”, người phụ nữ nói về tử tế. “Chờ chút nhé, tôi và chồng tôi sẽ cố làm việc gì đó. Đây là con trai chúng tôi, Quốc Vĩ, còn đây là chồng tôi.”

Người đàn ông đứng tuổi đứng kế bên trông có vẻ văn nhã tử tế. Ông nói nhanh nhưng ấm áp. “Không bàn cãi gì hết. Chúng tôi đều đang vội, vì vậy cứ đi cùng chúng tôi. Sẽ ổn hơn nếu đi thành nhóm. Hơn nữa, làm sao chúng tôi có thể bỏ mặc cô trong cảnh mẹ góa con côi thế này? Nào, để tôi mang giúp cô đồng đồ đạc. Quốc Vĩ có thể coi sóc con bé giùm cô. Đình, giúp cô ấy một tay đi.”

Trên đường đi, Vương Nguyệt biết được người đàn ông lớn tuổi đó tên Vương Đa và ông từng là hiệu trưởng của một trường học ở Nam Kinh. Vợ ông, Lưu Đình, được giáo dục trong một trường nữ học tiến bộ, nên bà đã giúp chồng trong việc giảng dạy và quản lý tài chính ở trường. Vương Đa người gốc Dương Châu, cha và ông của ông từng mở trường tư dạy đạo Khổng. Ngôi trường đã bị đóng cửa do những cuộc chiến tranh liên miên và tình hình hỗn loạn suốt mấy chục năm gần đây, và đã trở thành nơi trú ngụ của cả nhà. Khi Vương Đa lấy vợ, chức nghiệp của gia đình và ngôi nhà được truyền lại cho ông. Ông muốn thành lập một ngôi trường, nhưng thấy khó có thể thực hiện được kế hoạch đó ở một thành phố nhỏ như Dương Châu. Vì mong muốn đứa con trai duy nhất được ăn học tử tế, ông đã đưa cả gia đình lên Nam Kinh, sống ở đó mười năm.

Trong thời buổi bất ổn, Vương Đa phải đối mặt với nhiều khó khăn khi thành lập ngôi trường của mình ở Nam Kinh. Nhiều lần ông nghĩ tới việc chuyển về Dương Châu để yên ổn viết lách, nhưng Lưu Đình muốn Quốc Vĩ học nốt chương trình phổ thông ở Nam Kinh, cứ nhất định thuyết phục ông ở lại. Giờ khi Quốc Vĩ đã học xong phổ thông, họ lên đường về Dương Châu.

Vương Nguyệt không dám kể sự thật mà chỉ nói sơ sơ về một bí mật nào đó khó có thể nói ra. Vào thời điểm đó, những người có học đều biết tri thức là một thứ nguy hiểm. Sau khi nhà Thanh sụp đổ, suốt một thời kỳ dài Trung Quốc rơi vào tình trạng vô chính phủ và phong kiến thống trị. Sự hỗn loạn lên tới đỉnh điểm vào thời kỳ khoảng bốn mươi lăm năm trước khi Chính Phủ Cộng Sản mới lên nắm chính quyền: triều đại và chính phủ dường như thay đổi hàng ngày. Không ai biết luật lệ của nền cộng hòa mới sẽ như thế nào, vì thế châm ngôn phổ biến là: *Im lặng trước việc quốc gia, giữ mồm về chuyện nhà; bớt một điều còn hơn thêm một chuyện*. Gia đình họ Vương không ép Vương Nguyệt phải giải thích chi tiết.

Dương Châu là một thành phố ven sông đẹp như tranh gần Nam Kinh. Đặc sản địa phương bánh bao nhân rau, củ cải khô và đậu phụ gừng nổi tiếng khắp Trung Quốc. Con gái Dương Châu cũng nức tiếng vì làn da mịn màng và sắc đẹp. Phong cảnh thôn dã Dương Châu trên nền non nước hữu tình đã thu hút bao tao nhân mặc khách và quan chức tới đây. Nghệ nhân Kinh Kịch Mai Lan Phương và nhà thơ nổi tiếng của phái Tân Nguyệt Từ Chi Ma, đều là người Dương Châu, cũng như Giang Trạch Dân, đương kim Chủ tịch Nước.

Nhà của Vương Đa và Lưu Đình là một ngôi nhà kiểu truyền thống có sân nhỏ nằm ở khu ngoại ô bên Sáu Tây Hồ phía Tây Dương Châu. Bao thế kỷ nạo vét và trồng vườn trồng rừng đã làm hồ này trở thành một trong những hồ đẹp nhất Trung Quốc.

Trong khi họ đi vắng, ngôi nhà được một cặp vợ chồng già coi sóc nên vẫn sạch sẽ và gọn

gàng. Dù mọi thứ trong căn nhà đều đã cũ nhưng vẫn phảng phất một không khí thư giãn dễ chịu. Họ vừa tới Dương Châu thì Vương Nguyệt và Thạch Lâm đều bị sốt cao. Lưu Đình hết sức lo lắng vội đi mời thầy lang, ông ta chẩn đoán hai người bị sốc và cảm lạnh do kiệt sức rồi kê cho vài thang thuốc bắc, Lưu Đình đem sắc cho họ uống. Một hai tuần sau thì Vương Nguyệt và Thạch Lâm khỏi bệnh, nhưng Thạch Lâm không còn hoạt bát như trước nữa, cứ nép mình sau người lớn khi gia đình họ Vương đưa cô sang chơi với lũ trẻ hàng xóm. Vương Nguyệt cho rằng Thạch Lâm vẫn còn chịu dư chấn của cuộc trốn chạy khỏi Nam Kinh nhưng rồi sẽ qua đi.

Không lâu sau, Lưu Đình bảo Vương Nguyệt rằng, “Chồng tôi nói cô viết lách rất tốt. Nếu muốn cô có thể ở lại với chúng tôi và giúp chúng tôi việc sổ sách. Cô có thể gọi chúng tôi là bác và cô, gọi Quốc Vĩ là anh. Chúng tôi cũng sẽ giúp cô chăm sóc Thạch Lâm.”

Vương Nguyệt lấy làm cảm kích và đồng ý ngay.

Không khí chính trị ở Dương Châu những năm 1950 ít căng thẳng hơn ở những thành phố lớn rất nhiều. Người dân ở Dương Châu không quá hào hứng với chính trị, mà truyền thống văn hóa ở đó để mọi người sống và làm việc yên bình. Sự chân thành và tốt bụng của gia đình họ Vương đã giúp Vương Nguyệt vượt qua nỗi sợ hãi và sự bất an mấy tháng trước đó.

Quốc Vĩ đi dạy ở một trường tiểu học mới xây, ngày nào anh cũng đưa Thạch Lâm tới đó học. Quay lại với lũ trẻ cùng tuổi, Thạch Lâm dần dần cởi mở hơn và trở lại với con người cũ của mình. Quốc Vĩ thích công việc của anh, vì trường học có một không khí sinh động, sáng tạo và không có sự phân biệt giàu nghèo. Sự tận tụy của Quốc Vĩ khiến anh được nhà trường khen thưởng, xếp cho anh tham gia vào nhiều hoạt động ngoại khóa. Mỗi khi Quốc Vĩ nói một cách say sưa về công việc của mình lúc ở nhà, cha mẹ anh luôn khuyên anh nên thận trọng. Còn Vương Nguyệt là thính giả nhiệt tình và trung thành của anh, tỏ ra quan tâm và thấu hiểu bầu nhiệt huyết của anh. Hai người nảy sinh tình cảm, và họ đính hôn trong năm thứ ba kể từ khi Vương Nguyệt tới sống ở Dương Châu.

Vương Nguyệt kể cho gia đình họ Vương nghe sự thật về mình và Thạch Lâm trong ngày đính hôn. Lưu Đình vừa nghe vừa cầm tay Vương Nguyệt nhắc đi nhắc lại, “Con đã phải chịu khổ nhiều quá, con đã phải chịu khổ nhiều quá.”

Vương Đa nói, “Thạch Lâm là con gái của chị con, và nó cũng là cháu của nhà ta. Từ ngày mai, con sẽ trở thành con cái nhà họ Vương chúng ta, và Thạch Lâm cũng sẽ trở thành cháu gái nhà họ Vương.”

Thạch Lâm trước đó đã gọi Vương Đa và Lưu Đình là ông bà, gọi Vương Nguyệt là mẹ, nhưng thật không dễ dàng đối với cô khi gọi Quốc Vĩ là cha. Lúc đó cô đã chín tuổi, và rất khó để đổi cách xưng hô cho cô với Quốc Vĩ trước các bạn cùng lớp. Tuy nhiên, trong lễ cưới của Vương Nguyệt và Quốc Vĩ, cô vẫn gọi Quốc Vĩ là *Cha* mà không cần ai bảo. Quốc Vĩ mỉm cười và ngạc nhiên đến nỗi anh bế bổng cô lên ôm siết vào lòng, cho đến khi Lưu Đình kêu lên, “Thả nó xuống, con làm đau con bé bây giờ.”

Thạch Lâm sáng dạ và cần cù lại được sự chỉ bảo của mọi người trong nhà vốn đều là giáo viên. Cô bé học rất giỏi ở trường, vượt cấp một lớp từ lớp ba lên thẳng lớp năm. Khi bước vào lớp sáu, Thạch Lâm đại diện cho trường tham dự kỳ thi Học Sinh Giỏi Văn khu vực phía Bắc tỉnh Giang Tô và giành giải nhất. Cô bé tiếp tục giành huy chương đồng trong cuộc thi Học Sinh Giỏi Văn toàn tỉnh Giang Tô. Vương Nguyệt và Quốc Vĩ vô cùng vui sướng với kết quả đó, họ ôm lấy Thạch Lâm trong nỗi hân hoan mà quên cả tiếng khóc của đứa con đầu lòng. Cả gia đình đều rất tự hào, hàng xóm cũng chúc mừng họ về sự giỏi giang của Thạch Lâm.

Ngày hôm sau, khi Quốc Vĩ đang viết mấy câu đối trên giấy đỏ để treo trong ngày Quốc Tế

Thiếu Nhi mừng một tháng Sáu, một học sinh nữ hót hải chạy vào, thở hổn hển:

“Thầy Vương, mau lên! Tụi con trai đang réo tên Thạch Lâm và bạn ấy đang cãi cọ với tụi nó. Bạn ấy kiệt sức rồi, nhưng bọn con gái chúng em không dám giúp bạn ấy, tụi con trai bảo sẽ đánh bất cứ ai làm vậy!”

Khi Quốc Vĩ chạy tới sân thể thao nhỏ của trường, anh nghe thấy tụi con trai đang chửi mắng Thạch Lâm:

“Đồ giả dối!”

“Đồ con hoang!”

“Con hoang luôn khôn mà!”

“Hỏi mẹ mày xem cha mày là ai. Có phải cái thằng say rượu nào đó mà mẹ mày nhặt được ở cống rãnh không hả?”

Quốc Vĩ chạy tới, dùng nắm đấm gạt đám con trai đang vây quanh Thạch Lâm ra. Anh ôm lấy Thạch Lâm và gầm lên, “Ai nói Thạch Lâm không cha hả? Ai dám nói thêm một lời nào thì sẽ không còn mở miệng được ra sau khi tôi xử lý! Không tin thì cứ thử mà xem!”

Sợ quá, đám ngỗ ngược chạy thẳng. Thạch Lâm run rẩy trong vòng tay Quốc Vĩ, trắng bệch như tờ giấy, mồ hôi vã ra trên lông mày và bờ môi chảy máu ở chỗ cô đã cắn.

Về nhà, Thạch Lâm bị sốt cao, cứ lẩm bẩm: “Tôi không phải con hoang, tôi có bố có mẹ,” lặp đi lặp lại. Lưu Đình và Vương Nguyệt túc trực chăm sóc cô.

Bác sĩ nói với gia đình rằng Thạch Lâm bị sốc: Nhịp tim cô bé lúc chậm lúc nhanh. Ông ta bảo nếu nhiệt độ của cô không được hạ xuống càng nhanh càng tốt thì có thể cô bé sẽ bị rối loạn tâm thần. Ông thắc mắc không biết làm sao một đứa bé mới mười hai tuổi đầu mà đã bị sốc nặng đến thế.

Vương Đa nói giận dữ, “Cái đất nước này càng ngày càng trở nên tồi tệ. Làm sao những đứa trẻ lại có thể làm một chuyện như vậy. Việc chúng làm với Thạch Lâm đúng là giết người không có tội danh.”

Quốc Vĩ không ngừng xin lỗi cả nhà vì không trông chừng Thạch Lâm, nhưng ai cũng hiểu anh không có lỗi gì cả. Sau này, Quốc Vĩ mới rõ vì sao vụ việc trên sân trường hôm đó lại xảy ra. Một thằng bé lớn hơn muốn tán tỉnh Thạch Lâm, nhưng cô bé từ chối và dạy cho nó một bài về cách cư xử. Tức tối và xấu hổ, nó chỉ vào mặt Thạch Lâm mà quát, “Mày nghĩ mày là ai hả? Cha mày là ai? Chả có nét gì của Vương Quốc Vĩ trên khuôn mặt của mày. Về nhà mà hỏi mẹ mày xem bà ta đã ngủ với ai mà đẻ ra thứ con hoang như mày! Đừng có giả bộ đoan trang thùy mị nữa!” Nó còn bắt bọn con trai bé hơn đứng quanh đó hòa vào chửi rửa Thạch Lâm, dọa sẽ đánh bất kỳ ai không nghe theo lệnh nó. Quốc Vĩ giận tím người: không thềm để ý tới dù chỉ chút xíu tới địa vị người thầy hoặc có một ý nghĩ nào về hậu quả, anh rượt theo thằng nhóc hư đốn đó đến cùng và đánh nó một trận toi bời.

Thạch Lâm bình phục, nhưng cô nói rất ít, hiếm khi ra ngoài và thường ở nhà một mình. Kỳ thi vào cấp hai đang đến gần, vì vậy ai cũng nghĩ cô bé đang ôn thi và không muốn bị quấy rầy. Vương Nguyệt là người duy nhất vẫn thấy lo lắng. Bà cảm thấy có điều gì đó không ổn ở Thạch Lâm, nhưng lại không dám nói với ai về phỏng đoán của mình, đề phòng gia đình khỏi gặp phải rắc rối. Những phong trào chính trị Chống Hữu Khuynh đang lan rộng khắp Dương Châu, và nhiều người dốt nát, thất học nghĩ đây là thời điểm để thu hẹp khoảng cách về tài sản sở hữu bằng cách tấn công vào các nhà giàu và chia nhau chiến lợi phẩm, một thông lệ đã có từ thời nhà Minh. Họ bắt đầu lên danh sách những nhà có của, lập kế hoạch gây rối dưới chiêu bài cách

mạng. Gia đình họ Vương ở vào khoảng giữa, không giàu cũng chẳng nghèo, vì vậy họ không thể chắc chắn được khi nào có ai đó đổ đổ ký với họ mà xếp họ vào nhóm nhà giàu.

Thạch Lâm không tỏ ra xuất sắc trong kỳ thi vào cấp hai như mọi người mong đợi trước khi vụ việc không hay tại sân thể dục xảy ra, nhưng kết quả thi của cô vẫn đủ để cô được vào một trường tốt đầu. Ngôi trường cô lựa chọn không xa nhà, Vương Nguyệt cũng yên tâm vì điều đó.

Thạch Lâm vẫn tiếp tục im lặng và khép mình ở trường học, nhưng lại hay nói ở nhà. Cô bé bắt đầu hỏi Vương Đa về nguyên nhân đằng sau các phong trào chính trị đang diễn ra ở Trung Quốc và về tình trạng thù địch giữa Quốc Dân Đảng với Đảng Cộng Sản. Cô thường hỏi Vương Nguyệt về cha mẹ mình, nhưng Vương Nguyệt biết rất ít về chị gái mình vì khoảng cách tuổi tác giữa họ khá lớn. Vương Nguyệt còn quá nhỏ khi chị bà rời nhà đi học ở miền Nam, và mới ba hay bốn tuổi khi chị gái đi lấy chồng. Thạch Lâm nghĩ rằng Vương Nguyệt cố tình giữ kín vì bà không muốn cô cứ đắm chìm với quá khứ.

Vào thời kỳ đầu của Cách Mạng Văn Hóa, khi những mối quan hệ ngoài hôn nhân bị xem là tội *phản cách mạng*, Hồng Vệ Binh gọi Vương Nguyệt là tội phạm vì đã sinh Thạch Lâm trước hôn nhân. Đang mang thai đứa con thứ hai, Vương Nguyệt vẫn thường xuyên bị Hồng Vệ Binh đưa ra đấu tố. Bất chấp mọi chuyện ấy, bà vẫn không hé răng một lời. Vương Đa, Lưu Đình và Quốc Vĩ sau đó đều lần lượt bị bắt giam và thẩm tra, nhưng cả ba đều khẳng khái là họ không biết gì về quá khứ của Vương Nguyệt và Thạch Lâm. Một trong những tên Hồng Vệ Binh dùng bạo lực để thẩm vấn chính là kẻ đã cố tẩn tĩnh Thạch Lâm và bị Quốc Vĩ đánh. Hắn hạ nhục tất cả bọn họ một cách không thương tiếc, và đánh Quốc Vĩ đã man đến mức chân trái của anh bị què vĩnh viễn.

Hồng Vệ Binh bắt Thạch Lâm phải quan sát qua cửa sổ trong khi chúng thẩm vấn và tra tấn gia đình họ Vương. Chúng giật tóc và kẹp mí mắt cô để cô phải tỉnh suốt mấy ngày đêm, để nhìn thấy bàn chân Quốc Vĩ chảy máu, Vương Nguyệt ôm lấy bụng, Vương Đa và Lưu Đình rùng mình sợ hãi và đứa con trai nhỏ xíu của Vương Nguyệt trốn trong góc khóc òa. Mặt Thạch Lâm từ đầu đến cuối vẫn không có biểu hiện gì, nhưng cô toát mồ hôi và run rẩy. Chỉ khi Hồng Vệ Binh chuẩn bị đập vỡ bàn chân phải của Quốc Vĩ bằng gậy và dùi cui, Thạch Lâm mới đột ngột hét lên bằng một giọng chói tai, kỳ dị, “Đừng đánh chú ấy, đừng đánh chú ấy! Họ không phải cha mẹ tôi. Cha tôi tên là Trương Trọng Nhân, mẹ tôi tên là Vương Tính, họ đang ở Đài Loan!”

Mọi người choáng váng im lặng mất một lúc, rồi gia đình họ Vương nhất loạt lao về phía cửa sổ và hét lên, “Không đúng! Con bé bị điên rồi, nó không biết mình đang nói gì cả!”

Thạch Lâm nhìn họ khi họ hét lên phủ nhận, rồi cười phá lên. “Tôi biết tôi không phải là con hoang, tôi có cha có mẹ đảng hoàng,” cô nói. Rồi mép cô sùi bọt và khuyu xuống.

Hồng Vệ Binh chớp ngay lấy những cái tên Thạch Lâm vuột miệng nói ra; dựa vào lời xác nhận về cha mẹ mình của Thạch Lâm và những bằng chứng buộc tội khác mà Hồng Vệ Binh tuyên bố là đã được xác minh, gia đình họ Vương bị tổng giam. Thể trạng Vương Đa rất yếu và thường xuyên ốm - ông qua đời trong tù. Lưu Đình bị liệt nửa người do phải ngủ trên sàn nhà tù. Vương Nguyệt sinh đứa con thứ hai trong tù, một bé gái. Cô bé được đặt tên là Vương Ngọc vì chữ Ngọc trong tiếng Hán được cấu tạo bằng cách thêm một nét chấm vào chữ Vương, tượng trưng cho một thành viên thêm vào gia đình họ Vương. Tên gọi ở nhà của cô bé là Tiểu Ngọc vì cô rất nhỏ và yếu. Khi họ ra tù mười năm sau đó, Quốc Vĩ phải chống gậy mới đi được.

Cuối những năm 1980, Vương Nguyệt và Quốc Vĩ tình cờ gặp lại một trong những Hồng Vệ binh từng ngược đãi họ. Hắn ta thừa nhận rằng, ngoài tên của cha mẹ Thạch Lâm và một tấm ảnh tập thể các lãnh đạo của Quốc Dân Đảng ra, những bằng chứng của Hồng Vệ Binh nhằm chống lại Thạch Lâm và gia đình họ Vương đều là bịa đặt.

Thạch Lâm bị bệnh tâm thần, nhưng tình trạng không ổn định: có một số ngày cô tỉnh táo hơn. Hồng Vệ Bình đưa cô tới một ngôi làng vùng núi tỉnh Hồ Bắc để những người nông dân địa phương “cải tạo”. Cô không thể làm việc ngoài đồng vì tình trạng tâm thần không ổn định, vì vậy cô được giao cho một công việc khá nhẹ nhàng là đi chăn bò. Ít lâu sau, đám đàn ông trong làng bắt đầu kiếm cớ để leo lên những sườn núi đầy cỏ xa xôi nơi Thạch Lâm đưa bò lên gặm cỏ. Họ phát hiện ra rằng tất cả những gì khiến Thạch Lâm lên cơn là câu hỏi: “Cha mày là ai?”

Cô cười to và hét lên man dại, rồi sau đó ngất đi. Trong khi cô còn bất tỉnh, đám đàn ông cưỡng hiếp cô. Nếu cô chống cự, chúng sẽ hét to lặp đi lặp lại, “Cha mày là ai, mày có phải là con hoang không?” Cho đến khi Thạch Lâm mất trí đến mức phải tuân theo mệnh lệnh của họ.

Một bà cụ tốt bụng trong làng biết được chuyện khi bà nghe thấy một người đàn ông cãi nhau với vợ anh ta. Bà ra giữa làng nguyên rửa đám đàn ông, “Lũ thú vật vô lương tâm. Các người chẳng phải được đàn bà đẻ ra hay sao? Các người không có mẹ hả? Các người sẽ phải trả giá!” Bà cụ đưa Thạch Lâm về ở với mình, nhưng cô hoàn toàn không còn nhận thức được thế giới xung quanh nữa.

Vào đầu năm 1989, Vương Nguyệt và gia đình tìm được Thạch Lâm ở ngôi làng thuộc tỉnh Hồ Bắc đó và đưa cô về sống với họ. Thạch Lâm không nhận ra họ nữa và họ cũng hầu như không còn nhận ra cô sau gần ấy năm sống ở vùng nông thôn. Vương Nguyệt đưa Thạch Lâm đi khám sức khỏe toàn bộ tại bệnh viện. Khi đọc kết quả, bà ốm liệt luôn. Kết quả khám cho thấy thân thể Thạch Lâm đầy những vết sẹo do bị cắn, một phần núm vú bị nhai nát và môi âm hộ bị rách. Phần cổ tử cung cùng âm đạo đều bị tàn phá nghiêm trọng và bác sĩ gấp ra một cành cây từ tử cung của cô. Các bác sĩ không xác định được cành cây đó đã ở trong tử cung của cô bao lâu.

Khi Vương Nguyệt bình phục lại sau trận ốm, bà gọi điện cho các cán bộ Đảng ở ngôi làng thuộc tỉnh Hồ Bắc mà Thạch Lâm đã từng sống và bảo bà sẽ kiện họ ra tòa vì tội bạo hành Thạch Lâm. Các cán bộ ở đó nài nỉ bà: “Đây là một vùng còn nghèo. Nếu tất cả đàn ông ở làng này bị tổng giam thì lũ trẻ sẽ bị đói.” Vương Nguyệt quyết định không khởi kiện nữa. Khi bỏ máy xuống, bà nghĩ: “Trời sẽ trừng phạt chúng.”

Dù sợ rằng hồi phục lại trí nhớ cho Thạch Lâm sẽ khiến cô phải chịu nỗi đau khủng khiếp, Quốc Vĩ đã đề nghị thử tìm cách nào đó giúp Thạch Lâm lấy lại được chút nhận thức về thế giới xung quanh. Suốt bảy, tám năm, Vương Nguyệt và Quốc Vĩ đã đưa Thạch Lâm đi điều trị vài lần, nhưng không thu được kết quả gì. Ý nghĩ hỏi Thạch Lâm về cha cô để kích thích phản ứng có thoáng qua trong đầu họ, nhưng họ lại quá sợ hãi trước những hậu quả của nó.

Vương Nguyệt tìm cách liên lạc được với anh chị của Thạch Lâm ở Đài Loan, và họ đã về thăm cô em gái thất lạc lâu nay. Họ không thể liên kết hình ảnh người đàn bà không hề có phản ứng gì và có đôi mắt đờ đẫn trước mặt mình với cô bé thông minh, sôi nổi mà cha mẹ họ đã miêu tả, nhưng trông Thạch Lâm giống mẹ họ đến mức không ai có thể nghi ngờ gì về thân phận của cô.

Vương Nguyệt không nói với họ lý do thực sự gây ra tình trạng của Thạch Lâm. Không phải bà sợ bị trách là đã không trông nom Thạch Lâm, mà vì bà biết những người không sống qua thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa sẽ không thể hình dung hay thấu hiểu được những chuyện đã xảy ra. Vương Nguyệt không hề có mong muốn gieo thù oán, và né tránh nhắc lại chi tiết chuyện xảy ra với Thạch Lâm. Bà bảo họ rằng Thạch Lâm mất trí sau một tai nạn ô tô. Khi anh chị của Thạch Lâm hỏi cô có đau đớn lắm không, bà đảm bảo với họ rằng không hề, và cô bị mất trí sau tai nạn ít lâu.

Vương Nguyệt không ngừng tự hỏi mình Thạch Lâm đã nhận thức được đến mức nào về nỗi

đau đớn mà cô phải chịu trước khi cô mất trí. Tôi miễn cưỡng nói với bà rằng, giống như những người bị mất ý thức khác khi đã lớn, Thạch Lâm hẳn là đã buộc phải như vậy do phải chịu nỗi đau đớn tột cùng. Nỗi đau đớn của Thạch Lâm đã tích tụ từng lớp từng lớp từ cái đêm chạy khỏi Nam Kinh qua suốt tuổi thơ dữ dội của cô, và cô không biết phải trút nó đi đâu vì không muốn làm gia đình họ Vương phải khổ tâm. Những năm bị hành hạ ở Hồ Bắc đã nghiền nát hẳn ý thức của cô.

Khi tôi trở về đài phát thanh để thực hiện buổi chương trình ban đêm sau cả buổi chiều ở bệnh viện, văn phòng trống tênh. Tôi thấy một cốc nước quả trên bàn với một lời nhắn từ Mạnh Tinh, người đã chuẩn bị cốc nước quả cho tôi, lo rằng tôi hẳn đã kiệt sức. Mạnh Tinh nổi tiếng là một người phụ nữ căn cơ không bao giờ cho ai một cái gì, vì vậy tôi rất cảm động. Giám đốc đài cũng để lại cho tôi một lời nhắn bảo tôi nộp cho ông bản tường trình cuộc phỏng vấn về con gái của viên tướng Quốc Dân Đảng vào ngày hôm sau.

Sáng hôm sau, tôi kể cho giám đốc nghe câu chuyện của Thạch Lâm, nhưng nói luôn rằng tôi không thể đưa câu chuyện này lên sóng phát thanh được. Ông ngạc nhiên, “Có vấn đề gì sao? Cô vốn luôn sẵn sàng để phát thanh mọi chuyện mà?”

“Không có vấn đề gì cả,” tôi đáp, “nhưng tôi không thể khiến mình kể lại câu chuyện này hoặc dàn dựng chương trình về nó. Việc này thực quá khó.”

“Đây là lần đầu tiên tôi nghe cô nói có chuyện gì quá khó, vậy thì chắc chắn nó là một câu chuyện quá khủng khiếp. Tôi mong rằng cô sẽ quên được nó.”

Tôi không bao giờ có dịp để nói chuyện về việc hiểu người khuyết tật với ông Ngô được nữa. Ông mất vì bệnh gan phát trong một dạ tiệc cuối tuần đó. Trong lễ tang, tôi thầm nói với ông những suy nghĩ của tôi, chắc rằng ông có thể nghe được những lời tôi nói. Sau khi mọi người rời khỏi cõi đời này, họ vẫn sống trong ký ức của những người còn sống. Thỉnh thoảng bạn có thể cảm thấy sự hiện diện của họ, nhìn thấy khuôn mặt hay nghe giọng nói của họ.

CHƯƠNG 12

TUỔI THƠ TÔI KHÔNG THỂ QUÊN

Tôi đã bắt đầu tìm kiếm những câu chuyện của những người phụ nữ Trung Quốc với bầu nhiệt huyết căng tràn của tuổi trẻ nhưng lại hiểu biết rất ít. Giờ khi tôi đã biết nhiều hơn, tôi đã có một sự thấu hiểu chín chắn hơn - nhưng tôi lại cảm thấy đau đớn hơn. Thỉnh thoảng tôi lại chợt thấy mình tê liệt do tất cả những nỗi khổ mà tôi đã chứng kiến, như thể một cục chai đã hình thành trong tôi. Rồi tôi nghe thấy một câu chuyện khác và cảm xúc của tôi lại một lần nữa bị khuấy trộn lên.

Dù đời sống nội tâm của tôi không được bình lặng nhưng xét về sự nghiệp tôi lại ngày càng thành công. Tôi được đề bạt làm Giám Đốc Kế Hoạch Và Phát Triển Chương Trình, điều đó có nghĩa là tôi chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược trong tương lai cho cả đài phát thanh. Cùng với tiếng tăm và ảnh hưởng ngày một lớn, tôi có thể gặp gỡ những người phụ nữ mà bình thường tôi không thể tiếp cận: Vợ các lãnh đạo Đảng, những người phụ nữ trong quân đội, trong các cơ quan tôn giáo hay trong tù. Một cuộc gặp gỡ như thế đã xảy ra bởi một lần tình cờ gặp mặt ở lễ trao giải thưởng của Sở Công An. Tôi vừa hoàn thành một số công việc tổ chức các hoạt động giáo dục cộng đồng cho Sở Công An và kết quả là tôi được tặng danh hiệu “Bông Hoa Của Lực Lượng Cảnh Sát”. Giải thưởng không có gì ghê gớm lắm, nhưng tôi là người phụ nữ duy nhất trong tỉnh được vinh danh như vậy, và điều đó tỏ ra cực kỳ hữu ích cho nỗ lực của tôi nhằm tiếp cận với phụ nữ nhiều hơn nữa.

Người Trung Quốc tận dụng bất kỳ cơ hội gì để tổ chức tiệc tùng: chúng tôi sống theo nguyên tắc *dĩ thực vi thiên*, và tiêu tốn không biết bao nhiêu tiền của. Dù chỉ có bốn người được nhận giải, nhưng có tới bốn trăm khách tại bữa tiệc. Rất ít phụ nữ trong ngành cảnh sát được vinh danh hay nhận giải thưởng, đừng nói gì đến những người bên ngoài Sở Công An, vì thế tôi trở thành chủ đề cho rất nhiều cuộc thảo luận tối đó. Tôi ghét cảnh chen chúc và những câu hỏi bất tận, nên đã lén vào hành lang phục vụ để trốn. Khi những người bồi bàn đang bận tíu tít trong hành lang nhìn thấy tôi, họ kêu lên, “Tránh ra nào, đi đi, đừng cản đường!”

Tôi né người nép vào tường. Sự bất tiện ở nơi này có vẻ còn dễ chịu hơn sự chăm chút kỹ lưỡng của những vị khách ngoài kia. Vài phút sau, cảnh sát trưởng Mai đi vào cảm ơn những người phục vụ và ngạc nhiên khi thấy tôi. Ông hỏi tôi nghĩ mình đang làm gì vậy.

Tôi đã biết cảnh sát trưởng Mai được một thời gian và tin tưởng ông nên tôi nói thật. Ông cười khùng khục và bảo, “Cô không cần phải trốn trong cái nơi kinh khủng, chật hẹp này. Nào, tôi sẽ đưa cô tới một chỗ tử tế hơn.” Ông dẫn tôi đi.

Đại sảnh tổ chức bữa tiệc, rất nổi tiếng ở thành phố này, có những phòng khách và phòng họp riêng sát vách mà tôi không biết. Cảnh sát trưởng Mai đưa tôi vào một trong những căn phòng đó, bảo tôi rằng nơi này có cách bố trí giống với Đại Lễ Đường Nhân Dân ở Bắc Kinh, được thiết kế để tiện cho các lãnh đạo nòng cốt của trung ương khi họ tới thanh tra thành phố. Tôi cảm thấy hơi bị ngợp khi được đưa vào nơi bất khả xâm phạm ở bên trong này, đồng thời cũng sợ những người khác đặt điều ác ý cho chúng tôi vì ở riêng cùng nhau.

Nhận ra sự ngần ngại của tôi, ông Mai bảo, “Cô không cần lo lắng về tin đồn. Có lính gác bên ngoài rồi. À, tôi mệt quá...” Ông ta ngáp và đổ xuống ghế sofa.

Viên cảnh sát gác bên ngoài gõ cửa hỏi khẽ, “Sở Trưởng, ông có cần gì không ạ?”

“Thế này đủ rồi,” ông Mai đáp bằng giọng gọn ghẽ, lạnh lùng. Đó là cách mọi quan chức cấp trên nói với cấp dưới của mình ở Trung Quốc; nó khiến tôi nghĩ điều này đã làm nảy sinh quan

niệm cao thấp giữa những người Trung Quốc như thế nào.

Cảnh sát trưởng Mai dùng hai tay bóp đầu khi nằm dài trên ghế sofa. “Hân Nhiên, tôi vừa đi công tác ở Hồ Nam về, ở đó tôi có gặp vài tù nhân. Tôi nghe nói có một người nữ tù quan tâm tới cô. Cô ta đã bị bắt rồi được thả ra vài lần vì tội mãi dâm và ăn ở bất hợp pháp với đàn ông. Hình như hoàn cảnh gia đình cô ta khá thảm. Nếu cô muốn phỏng vấn cô ta, tôi có thể sắp xếp mọi việc và cho xe đưa cô đi.”

Tôi gật đầu và cảm ơn ông. Ông lắc đầu vẻ mệt mỏi, nói: “Phụ nữ Trung Quốc thực sự đã phải chịu khổ sở. Tôi đã nghe chương trình của cô vài lần. Nó thật buồn, rất xúc động. Có bao nhiêu phần hạnh phúc trong cuộc đời của một người phụ nữ đã sống qua thập kỷ gần đây? Vợ tôi bảo phụ nữ dành nụ cười cho người khác song lại giữ nỗi đau cho riêng mình. Bà ấy thích chương trình của cô lắm, nhưng tôi không muốn bà ấy nghe nhiều quá; bà ấy tình cảm lắm, một câu chuyện có thể dày vò bà ấy suốt mấy ngày liền.” Ông ngừng lại. “Tôi không muốn bà ấy ra đi trước tôi, tôi không thể chịu được điều đó.”

Cảnh sát trưởng Mai là một người đàn ông to lớn, răn rỏi gốc Sơn Đông. Tôi biết ông đã nhiều năm nay, nhưng chẳng khi nào nghĩ rằng ông lại nhạy cảm đến thế. Đàn ông Trung Quốc lớn lên với niềm tin rằng họ nên yêu cầu sự tôn trọng, và nhiều người không muốn để người khác thấy sự mềm yếu của mình. Lần đầu tiên trong thời gian quen biết nhau, buổi trò chuyện của chúng tôi hôm tối đó không bàn về công việc mà về đàn ông, phụ nữ và các mối quan hệ giữa họ.

Hai tuần sau, một chiếc xe jeep của Sở Công An đưa tôi tới một nhà tù nữ ở vùng núi tỉnh Hồ Nam. Quần thể kiến trúc này trông không khác gì các nhà tù khác: hàng rào điện, lính gác và đèn pha rọi liên tục lên các bức tường xám xịt tạo ra một không khí sợ hãi và căng thẳng. Cổng cổng chính - vốn chỉ có xe ô tô của những người có quyền lực mới được đi qua - đóng im ỉm; chúng tôi vào qua lối cửa phụ.

Nhìn lên tòa nhà đồ sộ, qua kích cỡ và hình thù của các khung cửa sổ, tôi có thể đoán được thứ gì phía sau. Đằng sau các khung cửa sổ rộng, cao, bị vỡ, những cái bóng xám đi tới đi lui trong tiếng máy móc nghe như sấm rền. Tù nhân thường làm việc trong thời gian thụ án: sửa ô tô, xe tải hay các thiết bị máy móc, hoặc may quần áo và dệt vải. Một số bị phân những việc nặng như khai thác đá hay làm trong hầm mỏ. Qua những khung cửa sổ cỡ vừa, người ta có thể nhìn thấy những bộ đồng phục, trang thiết bị và những mảng màu sắc; đây là các văn phòng và phòng học tập chính trị. Những chiếc cửa sổ bé nhất trên cùng của tòa nhà thuộc về khu phòng ngủ tập thể của phạm nhân và căng tin.

Tòa nhà chính tạo thành hình móng ngựa quanh tòa nhà nhỏ hơn được sử dụng làm khu nhà nghỉ của cán bộ trại giam và các phòng điều hành. Có hai điều ở nhà giam nữ tỉnh Hồ Nam này khiến tôi có cảm giác khác so với các nhà tù khác là: thứ nhất, tường nhà giam bám đầy rêu và địa y xanh thẫm bởi khí hậu ở phía Tây tỉnh Hồ Nam rất ẩm ướt; thứ hai, cảm giác kỳ lạ khi thấy các công an nữ quát tháo nữ tù nhân. Cuộc sống, tình yêu, sự đau khổ và niềm vui của những người phụ nữ trong bộ cảnh phục không thể khác biệt quá mức so với những người phụ nữ trong bộ áo tù nhân đến thế.

Lá thư giới thiệu của cảnh sát trưởng Mai có tác dụng như một chỉ dụ quyền uy; sau khi đọc xong, người quản lý trại giam bố trí ngay cho tôi một phòng phỏng vấn riêng tư để tôi gặp riêng Hoa Nhi, người tù mà ông Mai đã giới thiệu.

Hoa Nhi là một người đàn bà mảnh dẻ tầm tuổi tôi. Cô ta cứ ngo ngoáy liên tục dưới bộ quần áo tù như thể đang đấu tranh với thân phận không chút quyền lực của mình. Dù tóc của cô đã bị cắt bởi bàn tay không chuyên nào đó và trông lờm chờm chẳng ra lẽ lối gì cả, song nó lại khiến tôi nhớ tới những kiểu tóc kỳ lạ mà các hiệu cắt tóc đang tạo ra. Cô ta xinh đẹp, nhưng vẻ

mặt kín bung, khó đăm đăm của cô thì giống như vết rạn trên một mảnh sứ tạo tác tinh vi.

Tôi không hỏi chi tiết về tội trạng của cô ta, hay tại sao cô ta vi phạm luật cấm sống như vợ chồng ngoài giá thú hết lần này đến lần khác, mà chỉ hỏi xem cô ta có thể nói về gia đình mình không.

“Cô là ai?” cô ta vặn lại. “Cô có gì đặc biệt mà tôi phải kể?”

“Vì cô cũng giống như tôi, chúng ta đều là phụ nữ, và chúng ta cùng trải qua những thời kỳ như nhau,” tôi đáp chậm rãi và rành rọt, nhìn thẳng vào mắt cô ta.

Nghe vậy Hoa Nhi im lặng giây lát.

Rồi cô ta hỏi bằng một giọng giễu cợt, “Nếu vậy, cô có nghĩ rằng cô sẽ chịu đựng nổi nếu tôi kể cho cô nghe chuyện của tôi không?”

Đến lượt tôi không nói được gì. Câu hỏi của cô ta thật tháu cáy: thực ra liệu tôi chịu đựng được không? Lẽ nào tôi không còn phải gắng sức quên đi những ký ức đau buồn của chính mình?

Hoa Nhi nhận thấy cô ta đã đánh trúng đích. Cô ta tự mãn bảo người giám tù mở cửa để mình trở lại phòng giam. Người giám tù ném cho tôi một cái nhìn dò hỏi và tôi gật đầu không suy nghĩ. Khi loạng choạng trở về khu văn phòng cán bộ nơi tôi ngủ tối hôm đó, tôi đắm mình vào những ký ức. Dù cố gắng đến mấy tôi cũng chưa bao giờ ra khỏi cơn ác mộng thời thơ ấu.

Tôi sinh năm 1958, ở Bắc Kinh, khi Trung Quốc trong thời kỳ nghèo nhất, khẩu phần ăn một ngày chỉ có một ít đậu nành. Trong khi những đứa trẻ khác trạc tuổi tôi phải chịu lạnh chịu đói thì tôi được ăn sôcôla ngoại trong nhà bà ngoại tôi ở Bắc Kinh, trên sân có trồng hoa và ríu rít tiếng chim. Nhưng Trung Quốc chuẩn bị san bằng sự khác biệt giàu nghèo theo đường lối chính trị độc nhất vô nhị của nó. Những đứa trẻ từng phải vật lộn với nghèo đói và túng thiếu được dịp hắt hủi và làm nhục tôi; sự giàu có về vật chất tôi từng được hưởng nhanh chóng trở nên bất đối trọng với những dằn vặt về mặt tinh thần. Kể từ đó tôi hiểu ra rằng cuộc sống có nhiều điều còn quan trọng hơn cả sôcôla.

Khi tôi còn nhỏ, ngày nào bà cũng chải đầu và tết tóc cho tôi sao cho bím tóc phải thẳng thớm và đều đặn, rồi bà thắt dải lụa thành hình nơ bướm ở đuôi mỗi bím tóc. Tôi thích những bím tóc của mình lắm và cứ ngúng nguẩy cái đầu đầy hãnh diện để khoe trong khi đi bộ hay chơi đùa. Khi đi ngủ, tôi không để bà cởi dải lụa ra mà cẩn thận đặt hai bím tóc sang hai bên gối. Thỉnh thoảng, nếu thức dậy vào buổi sáng mà thấy hai chiếc nơ đã bị tháo ra là tôi sẽ sậm si hỏi ai đã làm hỏng nơ của tôi.

Cha mẹ tôi ở một doanh trại quân đội gần Vạn Lý Trường Thành. Khi lên bảy, tôi tới sống với họ lần đầu tiên kể từ khi chào đời. Tôi đến được gần hai tuần thì nhà tôi bị Hồng Vệ Binh lục soát. Họ nghi ngờ cha tôi là một *kỹ sư phản động đầu sỏ* vì ông là thành viên của Hiệp Hội Kỹ Sư Cơ Khí Bậc Cao Trung Quốc và là một chuyên gia về cơ điện. Ông cũng bị xem là *con chó theo chân Đế Quốc Anh* vì cha ông từng làm việc cho công ty GEC của Anh ba mươi lăm năm. Thêm vào đó, vì nhà tôi chứa chấp nhiều đồ tạo tác văn hóa, cha tôi bị buộc tội là: *Đại diện của chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xét lại*.

Tôi nhớ Hồng Vệ Binh lục soát khắp nhà và có một đám lửa lớn trong sân nơi họ ném sách của cha tôi, những đồ gia bảo của ông bà tôi và đồ chơi của tôi vào. Cha tôi bị bắt đi. Vừa sợ vừa buồn, tôi ngơ ngẩn nhìn ngọn lửa, nghe tiếng kêu cứu từ trong đó phát ra. Lửa ngốn sạch mọi thứ: ngôi nhà tôi mới chỉ tới để xem là nhà của mình, tuổi thơ hạnh phúc của tôi cho đến lúc ấy, những hy vọng của tôi cùng niềm tự hào của gia đình tôi về truyền thống học hành và sự giàu có. Nó khắc sâu trong tôi những nỗi tiếc hận sẽ còn mãi cho tới khi tôi nhắm mắt.

Trong ánh lửa, một cô gái đeo băng tay đỏ đi về phía tôi tay cầm theo một chiếc kéo to. Cô ta tóm lấy hai bím tóc tôi và nói, “Đây là kiểu tóc tiểu tư sản.” Tôi chưa kịp nhận ra cô ta đang nói gì thì cô ta đã cắt phăng bím tóc của tôi, rồi ném vào đồng lửa. Tôi đứng đó mắt mở to, im thít nhìn hai bím tóc và những chiếc nơ xinh xắn cháy thành tro. Khi đám Hồng Vệ Binh rời khỏi nhà tôi, cô gái đã cắt bím tóc của tôi nói, “Từ giờ trở đi cấm mày không được buộc tóc bằng dây lụa nữa. Đây là kiểu tóc của chủ nghĩa đế quốc!”

Sau khi cha tôi bị bắt giam, mẹ tôi hầu như không có thời gian chăm sóc chúng tôi. Bà luôn về nhà muộn, và khi ở nhà lúc nào bà cũng ngồi viết; viết gì, tôi cũng không rõ. Tôi và em trai chỉ có thể mua đồ ăn ở căng tin đơn vị bố tôi, và họ chỉ có củ cải đỏ hoặc cải bắp luộc. Dầu ăn là thứ hàng quý hiếm hồi đó.

Một lần, mẹ tôi mang về nhà một cặp lồng thịt, và ninh suốt đêm cho chúng tôi. Sáng hôm sau, khi chuẩn bị đi làm bà bảo tôi, “Khi về nhà con cời than lên cho nó cháy lại và hâm thịt trong cặp lồng cho nóng để ăn trưa nhé. Đừng để phần mẹ. Hai đứa đều cần có chất dinh dưỡng.”

Khi tôi ở trường về trưa hôm đó, tôi tới đón em trai ở nhà một người hàng xóm. Khi tôi bảo nó sắp được ăn một thứ rất ngon, nó rất thích thú và ngồi ngoan ngoãn bên bàn nhìn tôi loay hoay hâm nóng thức ăn. Bếp lò nhà tôi là một loại bếp lò bằng gạch xây cao của người miền Bắc và tôi thì thấp tíu so với nó. Để có thể dùng que cời chọc than tôi phải đứng lên ghế đẩu. Đó là lần đầu tiên tôi làm việc ấy một mình. Tôi không nhận thấy chiếc que cời nóng đỏ lên do lửa bên trong lò và khi tôi thấy khó kéo nó ra bằng tay phải, tôi bèn nắm chặt lấy nó bằng tay trái. Lốp da trên lòng bàn tay tôi phồng giộp trọt ra và tôi hét lên đau đớn.

Người hàng xóm chạy sang khi nghe thấy tiếng tôi hét. Bà gọi bác sĩ, nhưng dù sống gần đó ông ta bảo không dám sang bởi người ta yêu cầu ông phải có một giấy phép đặc biệt để thực hiện chuyển thăm khám khẩn cấp thành viên của một gia đình thuộc diện bị điều tra.

Một người hàng xóm khác cuống quýt chạy sang là một ông giáo sư già. Chẳng biết ông ta kiếm được ở đâu bí quyết xát xì dầu vào vết bỏng mà đổ cả một chai xì dầu vào bàn tay tôi; xót đến độ tôi ngã lăn xuống sàn nhà quần quai vì đau đớn và ngất đi. Khi tôi tỉnh dậy, tôi đang nằm trên giường và mẹ tôi đang ngồi cạnh tôi, mẹ ấp bàn tay trái bằng bó của tôi trong hai bàn tay mẹ và than trách bản thân vì đã bảo tôi dùng bếp lò một mình.

Cho tới hôm nay tôi vẫn thấy khó mà hiểu nổi làm thế nào ông bác sĩ đó lại có thể để vị thế chính trị của gia đình tôi ngăn ông ta đến cấp cứu.

Là “con gái gia đình tư bản”, mẹ tôi cũng nhanh chóng bị bắt để điều tra và cấm về nhà. Hai chị em tôi bị đưa đến sống trong khu nhà dành cho những đứa trẻ có bố mẹ bị đi tù.

Ở trường, tôi bị cấm không cho tham gia các hoạt động văn nghệ cùng với các bạn gái khác vì tôi không được phép *làm ô uế* chiến trường của cách mạng. Dù bị cận thị tôi cũng không được phép ngồi lên bàn đầu vì vị trí tốt nhất phải dành cho con cái của nông dân, công nhân hay binh lính; chúng được đánh giá là có *rể thẳng* và *chồi đỏ*. Tôi cũng bị cấm đứng ở hàng đầu trong suốt các giờ thể dục dù tôi nhỏ nhất lớp, vì vị trí gần giáo viên nhất là dành cho *thế hệ kế tiếp của cách mạng*.

Cùng với mười hai đứa trẻ từ hai đến mười bốn tuổi *hư hỏng* khác, hai chị em tôi phải tham gia một lớp học chính trị sau giờ học và không được tham gia các hoạt động ngoài giờ cùng với những đứa trẻ đồng trang lứa khác. Chúng tôi không được phép xem phim, thậm chí là những bộ phim có tính cách mạng sôi sục nhất, vì chúng tôi phải *nhận thức triệt để* bản chất phản động của gia đình mình. Trong căng tin, chúng tôi được nhận khẩu phần ăn sau cùng vì ông nội

chúng tôi từng giúp bọn đế quốc Anh Mỹ cướp miếng ăn khỏi miệng của người Trung Quốc và tước quần áo khỏi lưng người Trung Quốc.

Ngày ngày chúng tôi bị điều khiển bởi những mệnh lệnh hai Hồng Vệ Binh quát vào tai:

“Ra khỏi giường!”

“Đến lớp!”

“Ra căng tin!”

“Học Những Lời Dạy Của Mao Chủ Tịch!”

“Đi ngủ!”

Không có gia đình bảo vệ, chúng tôi tuân theo một lịch trình máy móc hết ngày này qua ngày khác, không một nụ cười, không một trò chơi hay tiếng cười đùa của tuổi thơ. Chúng tôi tự làm việc nhà, lũ trẻ lớn hơn dạy những đứa bé hơn giặt giũ, rửa mặt mũi chân tay; chúng tôi được tắm một tuần một lần. Đêm đến chúng tôi - cả trai lẫn gái - chen chúc ngủ chung với nhau trên đệm rơm.

Niềm an ủi nhỏ nhoi của chúng tôi nằm trên đường tới căng tin. Không ai nói chuyện hay cười ở đó, nhưng thỉnh thoảng cũng có một vài người tốt bụng lén gửi cho chúng tôi những gói thức ăn.

Một hôm, tôi dắt em trai tôi, lúc ấy mới chưa đầy ba tuổi, tới đứng cuối hàng người trước căng tin, vốn dĩ luôn luôn dài. Đó hẳn là một ngày quốc lễ vì lần đầu tiên thịt gà rán được đưa ra bán, và mùi thơm hấp dẫn tỏa khắp. Nước miếng tôi túa ra; từ lâu lắm rồi chúng tôi chưa được ăn gì ngoài thức ăn thừa, nhưng chúng tôi biết món gà quay sẽ không dành cho chúng tôi.

Em trai tôi đột nhiên òa khóc, kêu toáng lên là nó muốn ăn gà quay. Sợ tiếng khóc của thằng bé sẽ làm Hồng Vệ Binh tức giận mà đuổi chúng tôi ra ngoài, không cho đồ ăn nữa, tôi cố hết sức dỗ nó nín khóc. Nhưng nó vẫn cứ khóc, càng lúc càng khổ sở; tôi bối rối đến độ cũng suýt khóc.

Đúng lúc đó, một người phụ nữ trông có vẻ giống một bà mẹ đi qua. Bà xé một miếng thịt gà quay từ phần của mình đưa cho em trai tôi và bước đi không nói một lời. Em trai tôi nín khóc và đang định ăn thì một Hồng Vệ Binh chạy tới, giằng lấy cái đùi gà khỏi miệng thằng bé ném xuống đất rồi giẫm nát dưới bùn.

“Lũ chó con của bọn chó theo chân đế quốc, chúng mày mà cũng đáng ăn thịt gà hả?” Tên Hồng Vệ Binh quát.

Em trai tôi sợ đến mức không dám nhúc nhích; nó chẳng được ăn gì cả ngày hôm đó - và suốt một thời gian dài về sau nó không khóc hay mè nheo đòi thịt gà quay hoặc bất cứ thứ gì xa xỉ nữa. Nhiều năm sau, tôi hỏi em trai tôi có còn nhớ vụ đó không. Tôi rất mừng mà nói rằng nó không hề nhớ gì cả, còn chính tôi lại không thể quên.

Hai chị em tôi sống trong ngôi nhà đó gần năm năm. So với những đứa trẻ khác chúng tôi may mắn hơn, một số đứa phải sống ở đó tới mười năm.

Trong ngôi nhà đó, lũ trẻ tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau. Ở trong đó tất cả chúng tôi đều bình đẳng. Nhưng không có chỗ nào cho chúng tôi ở thế giới bên ngoài. Mỗi khi nhóm chúng tôi đi qua, người ta lùi lại như thể chúng tôi là bệnh dịch vậy. Những người lớn chín chắn thì bày tỏ sự cảm thông bằng cách im lặng còn lũ trẻ con thì nhục mạ và phỉ báng chúng tôi. Quần áo chúng tôi chỉ chít những vết nước bọt hay đờm dãi, nhưng chúng tôi chẳng biết làm thế nào để tự vệ cả, nói gì đến chuyện đánh trả. Thay vì thế, cảm giác tự ghê tởm mình ăn sâu vào tâm hồn chúng tôi.

Người đầu tiên nhổ vào tôi là đứa bạn thân nhất. Nó nói, “Mẹ tao bảo ông mày giúp lũ người Anh kinh tởm đó ăn thịt và uống máu người Trung Quốc. Ông ta là kẻ cực cực kỳ tồi tệ trong số những kẻ tồi tệ. Mày là cháu ông ta, vậy tức là mày cũng không thể là người tốt.” Nó nhổ vào tôi, rồi bỏ đi và không bao giờ nói chuyện với tôi nữa.

Một hôm tôi đang rúc sau lớp học khóc sau khi bị một đứa *Đỏ* đánh. Tôi nghĩ chỉ có mình tôi nên giật mình khi một thầy giáo đến đứng ngay sau lưng và vỗ nhẹ vào vai tôi. Qua hàng nước mắt, tôi hầu như không đọc được biểu hiện nét mặt của thầy trong ánh sáng nhấp nhোang của những ngọn đèn, nhưng tôi có thể thấy thầy ra hiệu bảo tôi đi theo. Tôi tin thầy vì tôi biết thầy vẫn giúp những người khốn khổ bên ngoài trường học.

Thầy đi cùng tôi tới một cái nhà tạm ở nằm bên rìa sân chơi, đây là chỗ nhà trường chứa những đồ tạp nhạp. Thầy mở cửa rất nhanh và dẫn tôi vào trong. Cửa sổ được bịt bằng báo nên bên trong rất tối. Căn phòng chật cao ngất những thứ đầu thừa đuôi theo và bốc mùi mốc meo mục nát. Tôi đứng ì ra vì không thích, nhưng thầy thì len lỏi qua đống đồ tạp nhạp một cách uyển chuyển do đã luyện lâu rồi. Tôi phải chật vật mới theo được thầy.

Ở căn phòng bên trong, tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy một thư viện ngăn nắp, sắp xếp đầu ra đây. Vài trăm cuốn sách được sắp xếp trên những tấm ván hỏng. Lần đầu tiên tôi hiểu được ý nghĩa của dòng thơ nổi tiếng này: *Trong bóng tối dày đặc nhất của những cây liễu, tôi chợt thấy những bông hoa rực rỡ nhất của một ngôi làng.*

Thầy giáo bảo tôi rằng thư viện này là một bí mật mà thầy dự định dùng làm một món quà dành tặng thế hệ tương lai. Thầy bảo dù những người cách mạng có là ai, họ cũng không thể sống thiếu sách. Không có sách chúng ta không hiểu được thế giới này; không có sách, chúng ta không thể phát triển; không có sách, tự nhiên không thể phục vụ con người. Càng nói thầy càng phấn khích, nhưng tôi lại càng e sợ. Tôi biết những cuốn sách này chính là những thứ mà Cách Mạng Văn Hóa đang đấu tranh để thủ tiêu. Thầy đưa cho tôi một chiếc chìa khóa của căn nhà tạm và bảo tôi có thể trốn vào đó mà đọc sách bất kỳ lúc nào.

Căn nhà tạm nằm ngay sau nhà vệ sinh duy nhất của cả trường, vì vậy tôi dễ dàng tới đó mà không bị phát hiện khi những đứa trẻ khác đang mải mê với những hoạt động mà tôi bị khai trừ. Những buổi đầu vào đó tôi thấy mùi và bóng tối của căn phòng thật ngọt ngào, nên tôi chọc một cái lỗ bằng hạt đậu trên lớp giấy báo dán cửa sổ. Tôi nhòm lũ trẻ con đang chơi bên ngoài, mơ ước một ngày nào đó sẽ được chơi cùng chúng.

Khi những tiếng ồn ào ngoài sân chơi khiến tôi buồn đến mức chả muốn nhìn ra ngoài cửa sổ nữa tôi mới bắt đầu đọc sách. Không có nhiều sách dành cho người đọc trình độ sơ cấp ở thư viện này, vậy nên tôi phải đánh vật với nhiều từ ngữ khó hiểu. Lúc đầu thầy giáo còn trả lời những câu hỏi và giải thích mọi điều khi thầy tới xem tôi thế nào; sau này thầy đưa cho tôi một cuốn từ điển, tôi rất chịu khó tra từ trong đó, dù chỉ hiểu được khoảng một nửa những gì tôi đọc được.

Những cuốn sách về lịch sử Trung Quốc và nước ngoài hấp dẫn tôi ghê lắm. Chúng dạy tôi về những con đường đời khác nhau: không chỉ những câu chuyện xúc động ai cũng biết, mà còn về những con người bình thường dệt nên lịch sử của chính họ bằng cuộc sống thường nhật. Từ những cuốn sách đó, tôi cũng biết được rằng nhiều câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ chưa có lời giải đáp.

Tôi học được rất nhiều điều từ cuốn bách khoa thư, và kiến thức ấy đã giúp tôi bớt rắc rối và phí tổn trong cuộc sống sau này, vì giờ đôi tay tôi có thể làm được các công việc tay chân và sửa chữa mọi thứ từ xe đạp tới các đồ điện nhỏ. Tôi thường mơ trở thành nhà ngoại giao, luật sư, nhà báo hay nhà văn. Khi có cơ hội lựa chọn nghề nghiệp tôi đã bỏ công việc hành chính trong quân đội mà tôi đã làm suốt mười hai năm để trở thành nhà báo. Những tri thức thụ

động mà tôi tích lũy được từ hồi nhỏ lại giúp tôi lần nữa.

Ước mơ được chơi cùng lũ trẻ trong sân trường của tôi không bao giờ trở thành sự thật, nhưng tôi tìm được niềm an ủi trong việc đọc về các trận chiến và những cuộc đổ máu trong thư viện bí mật đó. Những tư liệu về chiến tranh khiến tôi cảm thấy mình may mắn khi được sống trong hòa bình, và giúp tôi quên đi những lời chế nhạo chờ tôi bên ngoài căn phòng đó.

Người đầu tiên dạy tôi cách nhận ra hạnh phúc và cái đẹp trong cuộc sống bằng cách quan sát mọi người và mọi vật quanh mình là Ân Đạt. Ân Đạt mồ côi. Có vẻ anh cũng không biết mình đã mất cha mẹ như thế nào; tất cả những gì anh biết là anh đã lớn lên nhờ sự chăm sóc của những người láng giềng cùng làng trong khi sống trong một túp lều dài mét rưỡi, rộng mét hai, có độc một chiếc giường choán hết diện tích. Anh đã ăn cơm và mặc quần áo của trăm nhà, và gọi cả làng là cha mẹ.

Tôi nhớ Ân Đạt chỉ có một bộ quần áo. Mùa đông anh chỉ mặc độc chiếc áo khoác chần bông dày bịch bên ngoài bộ quần áo mùa hè. Mọi người xung quanh anh đều nghèo, vì vậy một chiếc áo khoác chần bông cho mùa đông là cũng an ủi lắm rồi.

Dù Ân Đạt chắc phải lớn hơn tôi tầm năm hay sáu tuổi nhưng chúng tôi vẫn học cùng lớp ở trường quân sự. Trong suốt thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, hầu như mọi cơ quan giáo dục đều ngừng hoạt động; chỉ có các trường phổ thông và đại học của quân đội được phép tiếp tục đào tạo lớp trẻ vì lý do bảo vệ tổ quốc. Để thể hiện sự ủng hộ đối với nông dân và công nhân trong thành phố nơi doanh trại quân đội của chúng tôi đóng quân, trường tôi sắp xếp để trẻ em ở địa phương được đi học cùng với lũ trẻ trong quân đội. Nhiều đứa trẻ đã mười bốn mười lăm khi mới bắt đầu học tiểu học.

Nếu Ân Đạt ở gần khi tôi bị lũ trẻ xuất thân từ những gia đình Đỏ đánh, nhổ bọt hay réo tên chửi, anh sẽ luôn đứng về phía tôi. Thỉnh thoảng, khi thấy tôi khóc ở trong một góc nào đó, anh sẽ bảo đám Hồng Vệ Binh là anh đưa tôi tìm hiểu người nông dân và dẫn tôi đi một vòng quanh thị trấn. Anh sẽ chỉ cho tôi những căn nhà của những người rất nghèo và bảo tôi điều gì làm những con người đó hạnh phúc, mặc dù còn xa họ mới kiếm được một trăm tệ một năm. Giờ giải lao, Ân Đạt đưa tôi lên ngọn đồi đằng sau trường để ngắm cây cối và cây trồng đang ra hoa ở đó. Có nhiều cây cùng loại trên thế giới này, anh bảo vậy, nhưng không có hai lá giống y hệt nhau. Anh bảo tôi rằng sự sống rất quý giá và nước tạo ra sự sống bằng cách cho đi chính mình.

Anh hỏi tôi thích thị trấn có doanh trại quân đội này ở điểm nào. Tôi bảo tôi không biết, chẳng có gì để thích cả; nó chỉ là một nơi nhỏ bé, tồi tàn, vô vị, tràn ngập thứ khói chết ngạt của những bếp củi và những con người đi lại trong áo khoác rách và những chiếc somi tả tơi. Ân Đạt dạy tôi nhìn và nghĩ về mỗi ngôi nhà trong thị trấn một cách cẩn thận, ngay cả những căn nhà được ghép bằng phế liệu. Ai sống trong những căn nhà đó? Họ làm gì trong đó? Họ làm gì bên ngoài? Tại sao cánh cửa đó lại khép hờ? Liệu có phải gia đình đó đang chờ ai hoặc do họ đã quên đóng cửa? Việc họ quên khuấy đi như vậy sẽ mang đến hệ quả gì?

Tôi nghe theo lời khuyên của Ân Đạt tìm kiếm sự thú vị xung quanh mình và không còn buồn khổ vì bị nhổ bọt hay chế nhạo mỗi ngày. Tôi được bao bọc bởi những suy nghĩ của chính mình, tưởng tượng cuộc sống của những người trong những căn nhà đó. Sự đối lập giữa tưởng tượng và thực tại bắt đầu trở thành nguồn an ủi và cũng là nguyên nhân gây ra nỗi đau khổ cho tôi.

Vào cuối những năm 1960, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô hoàn toàn tan vỡ, và một cuộc xung đột vũ trang về vấn đề biên giới phía Bắc Trung Quốc đã diễn ra tại đảo Trân Bảo. Mọi thị trấn và thành phố phải đào hầm trú ẩn tránh máy bay. Ở một số thành phố lớn, các hầm trú ẩn có thể đủ chỗ cho toàn bộ dân cư. Những thiết bị đơn giản và lương thực dự trữ

có thể đảm bảo cho họ sống trong hầm vài ngày. Mọi người già trẻ lớn bé đều bị bắt đi đào hầm; ngay cả trẻ con mới bảy tám tuổi cũng không được miễn. Lũ học sinh trường tôi phải đào hầm ở sườn đồi sau trường. Chúng tôi bị chia thành hai nhóm, một làm việc bên trong hầm và một làm bên ngoài. Dù được chỉ định làm việc ở nhóm bên trong, nhưng tôi cũng được sắp xếp làm ở miệng hầm vì tôi là con gái và khá yếu ớt.

Một hôm, khoảng nửa giờ sau khi chúng tôi bắt đầu đào, có một tiếng động rền vang: Sập hầm. Bốn cậu bé bị chôn vùi trong đó, trong đó có Ân Đạt, người đi vào sâu bên trong nhất. Khi được bới lên bốn ngày sau vụ tai nạn, thi thể họ chỉ còn nhận ra được qua quần áo.

Lũ trẻ con và những người dính líu tới các gia đình *Đen* không được phép nhìn bốn chàng trai đó lần cuối, những con người sau khi chết được xem là anh hùng. Từ xa, hình ảnh cuối cùng của Ân Đạt mà tôi thoáng thấy là cánh tay không còn sự sống của anh lủng lẳng bên cái cáng.

Ân Đạt từng dạy tôi bài hát trong phim Khách Đến Băng Sơn^[6]. Nó có giai điệu đẹp và lời hát tưởng nhớ tới một người bạn đã mất. Nhiều năm sau, khi Trung Quốc bắt đầu mở cửa và cải cách, bộ phim này được chiếu lại. Những ký ức về Ân Đạt ào ạt hiện về.

Quê hương tươi đẹp của tôi nằm dưới chân dãy Thiên Sơn

Khi ra đi tôi giống như trái dưa bị ngắt khỏi dây.

Người con gái tôi thương sống dưới những cây bạch dương.

Khi tôi đi, nàng giống như chiếc sáo, treo lạnh lẽo trên tường.

Dây đã đứt, nhưng trái dưa vẫn ngọt.

Người chơi sáo trở về, sáo lại ngân vang.

Khi tôi xa bạn tôi,

Anh giống như ngọn núi tuyết một lần lở, vĩnh viễn mất đi.

Ôi, người bạn thân thương của tôi,

Tôi sẽ chẳng bao giờ còn được nghĩ lại thân hình cường tráng hay gương mặt hiền từ của bạn nữa.

Ôi, người bạn thân thương của tôi,

Bạn sẽ không bao giờ còn nghe tôi chơi sáo, không bao giờ còn nghe tôi hát nữa đâu.

Tôi không biết có phải Ân Đạt dự cảm về định mệnh của mình trong bài hát sầu muộn đó khi anh hát cho tôi nghe không, nhưng anh đã để lại một giai điệu cho chính mình mà qua đó tôi có thể nhớ về anh.

CHƯƠNG 13

NGƯỜI PHỤ NỮ KHÔNG ĐƯỢC CHA NHẬN RA

Suốt đêm đầu tiên ở Trại giam nữ Tây Hồ Nam, tôi không dám chợp mắt vì sợ những giấc mơ hãi hùng cứ trở đi trở lại. Nhưng ngay cả khi mở mắt, tôi cũng không thể gạt những hình ảnh hồi nhỏ ra khỏi đầu. Trời rạng, tôi tự nhủ phải để quá khứ lại sau lưng và tìm cách làm cho Hoa Nhi tin tưởng mình để chia sẻ câu chuyện của cô với những người phụ nữ khác. Tôi hỏi người quản tù liệu tôi có thể nói chuyện với Hoa Nhi lần nữa trong phòng thẩm vấn không.

Khi cô vào, sự hờn dỗi và thách thức của ngày hôm trước đã tan biến và gương mặt cô hẳn sâu nổi đau khổ. Từ cái nhìn đầy ngạc nhiên của cô, tôi đoán trông tôi cũng khác sau một đêm bị ký ức giày vò.

Hoa Nhi bắt đầu cuộc phỏng vấn bằng cách kể cho tôi chuyện mẹ cô đã chọn tên cho cô, chị cô và các em trai của cô như thế nào. Mẹ cô bảo rằng mọi vật trong thế giới tự nhiên đều phải đấu tranh để dành được chỗ đứng của mình, nhưng cây, núi và đá là những thứ mạnh nhất, vì thế bà đã gọi cô con gái đầu là Thụ (cây), con trai đầu là Sơn (núi) và con trai thứ là Thạch (đá). Một cây ra hoa sẽ đậu quả, còn hoa trên núi hay trên đá thì sẽ làm đẹp cho núi, cho đá, vì vậy Hoa Nhi được gọi là Hoa (hoa).

“Mọi người bảo tôi là xinh nhất nhà... có lẽ vì tôi tên là Hoa.”

Tôi xúc động trước tính thơ của những cái tên đó và thầm nghĩ mẹ Hoa Nhi hẳn phải là một người rất hiểu biết. Tôi rót cho Hoa Nhi một cốc nước nóng từ chiếc phích trên bàn. Cô áp lấy nó bằng cả hai tay, nhìn chăm chăm vào làn khói bốc lên từ đó, và lẩm bầm khe khẽ, “Cha mẹ tôi là người Nhật.”

Tôi sửng sốt trước thông tin đó. Không hề có một ghi chép nào về điều này trong hồ sơ phạm tội của Hoa Nhi.

«Họ đều dạy ở trường đại học và chúng tôi được đối xử đặc biệt. Những gia đình khác phải sống chung trong một căn phòng, nhưng nhà tôi thì có tới hai phòng. Cha mẹ tôi ngủ trong phòng nhỏ còn chúng tôi ngủ ở phòng lớn. Chị Thụ tôi thường đưa anh Sơn và tôi tới nhà các bạn chơi. Cha mẹ họ rất tử tế với chúng tôi, họ hay cho chúng tôi đồ ăn vặt để nhấm nháp và bảo chúng tôi nói cho họ nghe tiếng Nhật. Tôi còn rất bé nhưng tiếng Nhật của tôi rất tốt và tôi thích dạy cho những người lớn đó chút vốn từ. Những đứa trẻ khác chén sạch đồ ăn trong khi tôi nói cho họ nghe, nhưng chị tôi luôn để dành cho tôi một ít. Chị che chở cho tôi.»

Mặt Hoa Nhi sáng lên.

«Cha tôi rất tự hào về chị Thụ vì chị ấy học hành giỏi giang. Cha tôi bảo chị ấy có thể giúp ông trở nên sáng suốt hơn. Mẹ tôi cũng khen tôi là con gái ngoan vì tôi luôn để ý chăm sóc tôi và anh Sơn để mẹ có thời gian chuẩn bị bài vở và chăm sóc em Thạch lúc đó mới ba tuổi. Chúng tôi vui nhất là khi được chơi với cha. Ông mặc quần áo giả trang thành người khác khiến chúng tôi cười bò ra. Thỉnh thoảng ông giả làm Ông Già Vác Núi trong truyện cổ tích Nhật Bản, và ông cõng cả bốn anh em tôi trên lưng. Chúng tôi đề lên ông cho đến khi ông thở hổn hển, nhưng ông vẫn tiếp tục cõng chúng tôi, kêu lên: “Tôi... đang vác... núi!”

Thỉnh thoảng ông choàng khăn của mẹ tôi quanh đầu giả làm Bà Ngoại Sói trong câu chuyện cổ tích của Trung Quốc. Mỗi khi ông chơi trốn tìm với chúng tôi, tôi lại rúc vào trong chăn và hét lên một cách hồn nhiên, “Hoa Nhi không có trong chăn đâu!”

Ông trốn rất kỹ. Có lần ông còn trốn trong một cái vựa thóc to. Khi ông chui ra, người ông đầy

bột ngô, kiều mạch và gạo.»

Hoa Nhi cười khi nhớ lại hồi ức đó và tôi cũng cười theo.

Cô nhấp ngụm nước, nhắm nháp.

«Chúng tôi rất hạnh phúc. Nhưng sau đó, năm 1966, cơn ác mộng bắt đầu. Những ngọn lửa nhảy múa đánh dấu sự chấm dứt tuổi thơ hạnh phúc của tôi xuất hiện trước mắt.»

Giọng Hoa Nhi xua đi hình ảnh đó.

«Một chiều hè, cha mẹ tôi đã đi làm và tôi đang làm bài về nhà dưới sự giám sát của chị Thu còn em trai út ngồi chơi đồ chơi. Đột nhiên, chúng tôi nghe thấy tiếng hô khẩu hiệu nhịp nhàng vang dội bên ngoài. Hồi đó người lớn vẫn luôn luôn hô khẩu hiệu hay quát tháo, vì vậy chúng tôi cũng không để ý gì lắm. Âm thanh đó ngày một gần, cho đến khi nó ở ngay ngoài cửa nhà tôi. Một nhóm thanh niên đứng ngoài đó hô lên, “Đả đảo lũ chó theo chân đế quốc Nhật! Tiêu diệt lũ gián điệp ngoại quốc!”

Chị tôi đã xử sự như một người lớn. Chị mở cửa và hỏi đám học sinh, cũng tầm tuổi chị, “Các người làm gì thế hả? Cha mẹ chúng tôi không có nhà.”

Một cô gái đứng đằng trước đám đông nói, “Nghe đây, lũ mất nết, cha mẹ chúng mày là gián điệp của đế quốc Nhật. Chúng đã bị giai cấp vô sản khổng chế. Chúng mày phải cắt đứt mọi quan hệ với chúng và khai báo những hoạt động gián điệp của chúng!”

Cha mẹ tôi, gián điệp! Trong những bộ phim tôi đã xem, gián điệp luôn luôn là những kẻ xấu xa. Nhận thấy tôi sợ hãi thế nào, chị gái tôi vội đóng cửa lại và đặt tay lên vai tôi. “Đừng sợ. Chờ bố mẹ về rồi mình sẽ kể với bố mẹ”, chị bảo vậy.

Anh trai tôi đã mấy lần bảo muốn tham gia Hồng Vệ Binh. Lúc đó anh ấy nói khê. “Nếu họ là gián điệp, anh sẽ tới Bắc Kinh để tham gia cách mạng chống lại họ”.

Chị gái tôi lườm anh và bảo, “Đừng có nói vớ vẩn!”

Khi đám học sinh ngừng hò hét trước cửa nhà tôi thì trời cũng đã tối. Sau này, ai đó bảo tôi là đám người đó định khám nhà nhưng không dám vì thấy chị gái tôi đứng ngay ngưỡng cửa bảo vệ ba đứa tôi. Hình như lãnh đạo Hồng Vệ Binh đã mắng chúng một trận to vì thế.»

“Chúng tôi không gặp lại cha một thời gian dài.” Mặt Hoa Nhi lạnh băng.

«Suốt thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, bất kỳ người nào xuất thân từ gia đình giàu có; được học cao, là một chuyên gia hay học giả, có những mối quan hệ với nước ngoài hay từng làm việc trong chính quyền trước năm 1949 đều bị xếp vào thành phần phản cách mạng. Có nhiều tội phạm chính trị loại này đến mức nhà tù quá tải. Không có chỗ giam giữ, những trí thức này bị đày đến vùng sâu vùng xa để làm việc trên đồng ruộng. Tối đến họ lại phải *thú nhận tội lỗi của mình* với các Hồng Vệ Binh, hoặc học theo người nông dân, những người chưa từng nhìn thấy chiếc xe ô tô hay nghe nói tới điện. Cha mẹ tôi đã phải trải qua rất nhiều giai đoạn lao động và cải tạo như vậy.»

Người nông dân dạy các trí thức những bài hát họ hát khi trồng cấy và cách mổ lợn. Lớn lên trong môi trường sách vở, học hành, các trí thức rùng mình trước cảnh tượng máu chảy và thường khiến người nông dân kinh ngạc trước sự thiếu kỹ năng và kiến thức thực tế của họ. Một nữ giáo sư đại học tôi từng phỏng vấn kể với tôi rằng người nông dân giám sát bà nhìn các cây giống lúa mì mà bà đã lóng ngóng làm bật rễ lên mà hỏi đầy thương hại, “Cô thậm chí còn chẳng phân biệt được chồi cỏ với chồi lúa phải không? Vậy thì những đứa trẻ cô dạy học được gì ở cô? Làm sao cô yêu cầu chúng kính trọng cô được?” Bà giáo sư bảo rằng những người nông dân ở vùng núi mà bà bị đày tới vô cùng tốt với bà, bà đã học được rất nhiều điều từ cuộc sống

khắc khổ của họ. Bà cảm thấy rằng tính cách của con người về cơ bản là đơn giản và không lắt léo, chỉ khi được dạy về xã hội con người ta mới làm xáo trộn nó lên. Bà nói cũng có phần đúng, nhưng bà là người may mắn khi trải qua Cách Mạng Văn Hóa.

Hoa Nhi tiếp tục câu chuyện.

«Một hôm, mẹ tôi về nhà muộn hơn bình thường. Chỉ chị gái tôi còn thức. Đang gà gât, tôi tỉnh dậy khi nghe mẹ nói với chị, “Cha bị bắt giam rồi. Mẹ không biết họ nhốt cha ở đâu. Từ giờ trở đi, ngày nào mẹ cũng phải đi học lớp đặc biệt và có thể về rất muộn. Mẹ sẽ đưa em Thạch đi cùng, còn con sẽ phải trông nom Sơn và Hoa. Thụ, giờ con lớn rồi. Con phải tin vào cha mẹ dù cho bất cứ điều gì xảy ra. Cha mẹ đã đến Trung Quốc vì muốn có thêm nhiều người hiểu về văn hóa Nhật Bản và giúp họ học tiếng Nhật, chứ không phải để làm điều xấu... Giúp mẹ trông nom các em nhé. Hái rau dại trên đường đi học về mà nấu thêm với thức ăn. Để các em ăn uống nhiều hơn nhé; các con đều đang lớn, các con cần phải ăn uống đầy đủ. Nhớ dậy nắp lò trước khi đi ngủ để không bị hít phải khí than độc. Đóng cửa sổ và cửa chính lại cho chắc trước khi ra khỏi nhà, và cẩn thận tránh mở cửa cho bất cứ ai con nhé. Nếu Hồng Vệ binh tới khám nhà, hãy đưa các em ra ngoài để các em khỏi sợ. Từ giờ trở đi, nhớ đi ngủ cùng lúc với các em. Đừng thức chờ mẹ. Nếu con cần bất cứ thứ gì, viết cho mẹ mẫu giấy và mẹ sẽ để lại cho con mẫu giấy vào sáng hôm sau trước khi đi. Đừng bỏ học tiếng Nhật và văn hóa Nhật. Tri thức sẽ hữu ích vào một ngày nào đó. Bí mật mà học, nhưng đừng sợ. Mọi chuyện rồi sẽ ổn cả thôi.”

Mặt chị tôi vẫn điềm tĩnh, nhưng hai dòng nước mắt lặng lẽ lăn xuống má. Tôi trốn trong chăn và âm thầm khóc. Tôi không muốn mẹ nhìn thấy tôi.»

Nhớ lại em trai tôi khóc đòi mẹ như thế nào, tôi không cầm nổi nước mắt khi tưởng tượng ra cảnh Hoa Nhi mô tả. Hoa Nhi buồn, nhưng mắt ráo hoảnh.

«Một thời gian dài sau đó, chúng tôi hầu như không gặp mẹ. Em trai tôi và tôi biết rằng giờ mẹ ngủ tại phòng chúng tôi, nhưng những dấu hiệu duy nhất về sự tồn tại của mẹ chỉ là các chỉ dẫn và thông tin mà mẹ để lại qua chị Thụ.

Sau này, tôi phát hiện ra rằng tôi có thể gặp mẹ nếu thức dậy đi tiểu ban đêm. Tôi bắt đầu uống nước nhiều hết mức có thể trước khi đi ngủ. Hình như mẹ chẳng ngủ bao giờ: lần nào tôi dậy mẹ cũng vươn tay ra vuốt ve tôi. Bàn tay mẹ ngày càng thô ráp. Tôi muốn cọ mặt mình vào đó, nhưng tôi sợ chị tôi sẽ nói tôi quấy không để mẹ nghỉ.

Tôi ngày càng bơ phờ và mệt mỏi vào ban ngày vì ban đêm tôi thức dậy để nhìn mẹ vài lần. Có lần tôi còn ngủ gật trong khi học *những chỉ thị cao nhất* của Đảng ở trường. May thay, cô giáo tôi rất tốt. Sau giờ học, cô đưa tôi tới một chỗ khuất gần sân thể thao và bảo, “Ngủ gật trong khi học *những chỉ thị cao nhất* của Mao Chủ Tịch thì bị Hồng Vệ Binh coi là rất phản cách mạng đó. Em phải cẩn trọng hơn đấy”.

Tôi không thực sự hiểu điều cô muốn nói, nhưng tôi sợ vì chồng của cô giáo là lãnh đạo Hồng Vệ Binh ở địa phương. Tôi vội vã giải thích tại sao tôi không ngủ được. Cô giáo im lặng hồi lâu nên tôi càng lo hơn. Cuối cùng, cô vỗ nhẹ vào đầu tôi trù mến, bảo, “Đừng lo, có thể mẹ em sẽ được về nhà sớm hơn”.

Không lâu sau, mẹ tôi bắt đầu về nhà sớm hơn thật. Bà về nhà ngay trước lúc chúng tôi bắt đầu chuẩn bị đi ngủ. Chúng tôi có thể thấy rằng bà đã thay đổi nhiều: bà nói rất ít, và đi lại rất khẽ khàng; hình như bà sợ làm xáo trộn niềm tin của chúng tôi ở bà và cha chúng tôi. Anh trai tôi, vốn có cá tính mạnh, lúc đó không còn dám tranh luận với mẹ về chuyện đi Bắc Kinh để trở thành Hồng Vệ Binh của Mao Chủ Tịch nữa. Dần dần, cuộc sống cũng bình thường trở lại. Một hôm tôi nghe thấy mẹ nói trong tiếng thở dài, “Nếu cha con cũng có thể trở về...”

Không ai trong chúng tôi thấy hạnh phúc khi nghĩ tới chuyện gặp lại cha. Chúng tôi yêu ông, nhưng nếu ông là một gián điệp thì chúng tôi sẽ vẫn phải từ bỏ ông. Một thời gian sau, vào mùa thu năm 1969, chị tôi bị yêu cầu phải tham gia một nhóm học buổi tối để làm cho chị có lập trường vững chắc sau khi cha tôi được thả, và tạo một đường ranh dứt khoát giữa cha tôi với chúng tôi.

Buổi tối đi học nhóm đầu tiên, chị gái tôi về rất muộn. Mẹ tôi chờ đợi sốt ruột bên cửa sổ, đứng ngồi không yên. Tôi cũng không ngủ được, vì tôi háo hức được biết nhóm học tập đó thế nào. Hồng Vệ Binh chỉ cho những ai có tư tưởng cách mạng vào nhóm đó thôi. Tôi biết sau khi một số người tham gia vào đó, họ không còn bị thẩm vấn nữa, nhà họ cũng không còn bị khám xét nữa và những người trong gia đình họ bị bắt giam cũng được thả ra. Liệu cha tôi có được sớm trở về không nhỉ?

Mẹ tôi đưa tôi vào giường, tôi dụi mắt liên tục và đặt gối bút lên trên gối để mình khỏi ngủ mất. Cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng bước chân và giọng nói nhỏ của một người đàn ông bên ngoài cửa sổ, nhưng không nghe rõ anh ta nói gì. Khi chị tôi bước vào phòng, mẹ tôi chạy choàng đến và hỏi, "Thế nào rồi?" Giọng bà đầy lo sợ.

Chị Thụ lặng lẽ nằm xuống, để nguyên quần áo. Khi mẹ cố giúp chị cởi đồ, chị gạt mẹ ra, quay đi và quấn chặt mình trong chăn.

Tôi rất thất vọng. Chúng tôi đã thức chờ đợi quá lâu mà chẳng được gì.

Đêm đó, tôi nghe thấy mẹ khóc rất lâu. Tôi ngủ thiếp đi trong khi tự hỏi liệu có phải bà đau lòng vì sự im lặng của chị tôi không, hay phải chăng bà sợ rằng chúng tôi không yêu bà. Đêm đó, tôi mơ thấy mình cũng tham gia vào nhóm học tập đó, nhưng vừa đi qua cửa tôi đã thức giấc.

Chị Thụ đi đến nhóm học tập khá lâu, và chị không bao giờ kể với tôi bất kỳ điều gì về nó. Suốt mấy tháng, tối nào chị cũng về rất khuya, một lúc lâu sau khi tôi đã ngủ. Một tối, không lâu sau khi ra khỏi nhà để đến lớp học nhóm, chị quay về. Người đàn ông đưa chị về bảo chúng tôi, "Thụ vẫn bị ốm, hôm nay cô ấy đã ngất. Thầy dạy chính trị bảo tôi đưa cô ấy về".

Mẹ tôi mặt trắng bệch, đứng trân trân khi chị tôi quỳ sụp xuống trước mặt bà và nói, "Mẹ, con không còn cách nào khác. Con muốn cha được thả sớm hơn".

Mẹ tôi run lên và như muốn sụm xuống. Anh trai tôi vội nhào tới đỡ mẹ và dìu bà ngồi xuống giường. Rồi anh đẩy tôi và em trai sang phòng khác. Tôi không muốn đi, nhưng không dám ở lại.

Ngày hôm sau, khi tôi đang ra khỏi trường, một người đàn ông từ tổ chức Hồng Vệ Binh đã đứng chờ tôi. Anh ta bảo tôi rằng thầy dạy chính trị yêu cầu tôi tham gia vào nhóm học tập. Tôi hầu như không dám tin anh ta. Tôi chỉ mới mười một tuổi. Làm sao tôi có thể tham gia? Có lẽ, tôi nghĩ, cô giáo đã bảo với họ rằng tôi rất biết nghe lời. Tôi vui đến nỗi muốn về nhà báo với mẹ nhưng người đàn ông đó bảo rằng mẹ tôi đã được báo tin.

Lớp học ở một căn phòng bé tẹo bày trí như một ngôi nhà, có giường ngủ, bàn ăn và mấy cái ghế giống như ghế ở trường nhưng to hơn. Cũng có một tủ sách lớn đầy những tác phẩm cách mạng. Lời dạy của Mao Chủ Tịch và những khẩu hiệu cách mạng màu đỏ dán khắp bốn bức tường phòng. Tôi chỉ mới lên lớp bốn nên không thể hiểu hết những thứ đó.

Người Hồng Vệ Binh dẫn tôi đến đây đưa cho tôi một Cuốn Sách Đỏ in những lời dạy của Mao Chủ Tịch - tôi luôn ghen tị với chị Thụ vì chị có cuốn này - và hỏi, "Mi có biết cha mẹ mi là gián điệp không?"

Tôi gật đầu, tròn xoe mắt. Tôi sợ rất cuộc họ sẽ không cho phép tôi tham gia vào nhóm học

này nữa.

“Mi có biết rằng mọi người trong nhóm học tập đều là Hồng Vệ Binh không?”

Tôi lại gật. Tôi muốn trở thành Hồng Vệ Binh lắm, để người ta không chửi rửa tôi nữa và để tôi có thể ngồi lên thùng xe tải đi khắp phố hô vang khẩu hiệu; tất cả những uy quyền đó!

“Vậy thì mi không được để bọn gián điệp biết về những công việc của Hồng Vệ Binh, hiểu chưa?” Anh ta nói.

Nghĩ tới những câu chuyện về tổ chức Đảng bí mật và các gián điệp trên phim ảnh, tôi lắp bắp, “Tôi... tôi sẽ không kể với gia đình”.

“Giờ mi đứng lên, và hãy thề với Mao Chủ Tịch là mi sẽ giữ bí mật của Hồng Vệ Binh”.

"Xin thề!!

“Tốt. Nào, trước tiên cô hãy đọc những lời dạy của Mao Chủ Tịch một mình. Sau khi ăn chúng tôi sẽ dạy cô cách học những lời đó”.

Tôi ngạc nhiên khi nghe nói rằng tôi sẽ được cung cấp đồ ăn. Tôi nghĩ hèn gì chị tôi lại chẳng bao giờ kể với tôi về nhóm học tập này. Chị ấy đã thề giữ bí mật, nhưng hẳn chị sợ rằng tôi và em trai sẽ rất ghen tị khi nghe nói tới đến đồ ăn. Trong khi những ý nghĩ đó lướt qua đầu tôi, tôi bắt đầu đọc những trang sách của Cuốn Sách Đỏ, chẳng hiểu nổi một từ.

Sau khi tôi ăn xong, hai Hồng Vệ Binh nữa tới. Cả hai đều còn rất trẻ, chỉ lớn hơn chị tôi một chút. Họ hỏi tôi, “Mi đã thề với Mao Chủ Tịch chưa?” Tôi gật đầu, tự hỏi vì sao họ lại hỏi vậy...

“Được rồi”, họ nói, “hôm nay chúng ta sẽ học tới rất khuya, vì vậy trước tiên mi nên đi nghỉ một chút”.

Họ quàng tay ôm tôi và đưa tôi đến chỗ chiếc giường, cười với tôi và giúp tôi giở chăn và cởi đồ, tới tận mảnh đồ lót cuối cùng. Họ tắt đèn đánh phụp một cái.

Chưa một ai từng nói với tôi về điều xảy ra giữa đàn ông và đàn bà, kể cả mẹ tôi. Tất cả những gì tôi biết về sự khác biệt giữa đàn ông và đàn bà là quần của đàn ông cài đằng trước còn quần phụ nữ cài bên hông. Vì vậy khi ba người đàn ông bắt đầu sờ soạng người tôi trong bóng tối, tôi không hề biết thế nghĩa là sao, hay điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Tôi cảm thấy rất mệt. Vì lý do nào đó, tôi không thể giữ cho mắt mình mở ra. Trong lúc mơ màng, tôi nghe thấy mấy người đó nói, “Đây là bài học đầu tiên của cô. Chúng tôi phải biết liệu có những ảnh hưởng phản cách mạng trong người cô không”.

Một bàn tay véo núm vú chưa phát triển của tôi và một giọng cất lên, “Nó còn nhỏ, nhưng hẳn phải có một cái núm ở đây”.

Một bàn tay khác kéo chân tôi dẹt ra, và một giọng khác xen vào, “Những điều phản cách mạng luôn luôn ẩn náu ở những chỗ bí mật nhất trên cơ thể, để xem nào”.

Một làn sóng sợ hãi không giống bất kỳ một điều gì tôi cảm thấy trước đó tràn qua. Tôi bắt đầu run lên vì sợ, nhưng một ý nghĩ lóe lên trong óc tôi: chỉ những người tốt mới được vào nhóm học tập, họ sẽ không làm điều gì xấu xa.

Rồi một người đàn ông nói, “Quân à, cái này dành cho anh. Anh em chúng tôi giữ lời đấy nhé”.

Tôi không hiểu họ đang nói về chuyện gì. Lúc đó, tôi đã hoàn toàn không còn điều khiển nổi thân thể mình. Sau này, khi tôi lớn hơn, tôi mới vỡ lẽ là chắc họ đã bỏ thuốc ngủ vào thức ăn. Vật gì đó dày và to đâm vào cơ thể trẻ con của tôi như thể nó đang xọc xuyên vào trong tôi. Không biết bao nhiêu bàn tay xoa nắn ngực tôi và hông tôi, một cái lưỡi hôi hám thọc vào miệng tôi. Những tiếng hỗn hển gấp gáp ở khắp xung quanh và cơ thể tôi rất bỏng vì đau đớn

như thể đang bị roi quất vậy. Tôi không biết *bài học* khủng khiếp ấy diễn ra bao lâu. Tôi hoàn toàn tê liệt.»

Khuôn mặt Hoa Nhi trắng bệch như xác chết. Tôi phải cắn môi để răng không va vào nhau lập cập. Khi tôi đưa một bàn tay về phía cô, cô lờ đi.

«Cuối cùng, tất cả những tiếng động và hoạt động đó cũng chấm dứt. Tôi khóc mãi.

Trong bóng tối, vài giọng nói cất lên với tôi, “Hoa Nhi, sau này mi sẽ thích chuyện đó”. “Hoa Nhi, mi là cô bé ngoan, mi không có gì xấu xa cả. Cha mi sẽ sớm được thả thôi”.

Tôi thụ động như một con búp bê bằng giẻ khi họ cúi xuống nâng tôi dậy để mặc quần áo vào. Một người nói rất khẽ, “Hoa Nhi, xin lỗi”. Tôi luôn luôn muốn biết ai là người đã nói câu đó.

Mấy Hồng Vệ Binh thay phiên nhau cõng tôi trên lưng trong cơn gió thu lạnh cắt. Họ đặt tôi xuống ở một chỗ cách xa nhà, bảo tôi, “Đừng quên là mi đã thề trước Mao Chủ Tịch đấy”.

Tôi cố lê bước, nhưng không thể nhúc nhích. Tôi có cảm giác phần thân dưới như bị xé toạc ra thành nhiều mảnh. Một người bèn bế tôi lên đưa tới tận cửa nhà, rồi anh ta cùng đồng bọn nhanh chóng lĩnh mất vào bóng tối. Mẹ tôi ra mở cửa khi bà nghe thấy giọng của họ, và đỡ lấy tôi.

“Có chuyện gì vậy, Hoa Nhi? Sao con về muộn thế?” Bà hỏi.

Đầu óc tôi trống trơn: tôi chẳng nghĩ gì về lời hứa với Mao Chủ Tịch nữa. Tôi chỉ có thể òa lên khóc. Mẹ tôi đưa tôi vào giường khi tôi đang nức nở. Nhìn tôi trong ánh sáng đèn, mẹ hiểu tất cả.

“Trời ơi!” Bà há hốc miệng.

Chị Thụ lắc tôi và hỏi, “Có phải em đã đi tới nhóm học tập không?” nhưng tôi chỉ khóc và khóc mãi. Vâng, đúng là tôi đã tới *nhóm học tập*, một nhóm học tập của đàn bà, một...»

Cuối cùng, Hoa Nhi cũng bật khóc. Vai cô rung lên cùng những tiếng nức nở yếu ớt, kiệt sức. Tôi vòng tay ôm lấy cô, và cảm thấy cả người cô đang rung lên.

“Hoa Nhi, đừng nói thêm gì nữa, cô sẽ không thể chịu nổi đâu,” tôi nói. Mặt tôi đầm nước mắt, và tiếng khóc của những đứa bé gái ở nhóm học tập tại trường của em trai tôi vọng đến tai tôi.

Trời đã trưa, một người lính gác đem đến cho chúng tôi chút đồ ăn. Hai suất ăn khác hẳn nhau. Tôi đổi suất của tôi cho Hoa Nhi, nhưng cô hầu như không liếc tới. Vẫn nức nở, cô kể tiếp:

«Lúc ấy tôi còn bé lắm. Dù đau đớn như vậy, tôi vẫn có thể ngủ được trong khi mẹ và chị Thụ khóc nức nở.

Tôi thức dậy vì giật mình. Anh Sơn đang đứng ngoài cửa, hét lên, “Có ai giúp với! Mẹ tôi đã treo cổ rồi!”

Chị Thụ tôi đang gào khóc, “Mẹ ơi, sao mẹ bỏ chúng con?”

Em Thạch đang bám vào thứ gì đó mà khóc. Tôi bước ra khỏi giường để nhìn xem nó đang bám vào cái gì. Đó là mẹ tôi, treo cổ trên chiếc rầm đỡ của cửa ra vào.»

Hoa Nhi thở dốc. Tôi đưa cô trong vòng tay mình, gọi đi gọi lại tên cô.

Vài phút sau, tôi thấy một mẫu giấy nhỏ được nhét vào ô cửa quan sát. Có một lời nhắn trên đó: *Xin hãy giữ khoảng cách phù hợp với tù nhân*.

Tôi thầm hứa và gõ vào cửa gọi quản giáo mở cánh cửa ra. Để Hoa Nhi ở lại phòng thẩm vấn, tôi tới văn phòng của trưởng trại giam - cầm lá thư của cảnh sát trưởng Mai trong tay - xin cho

Hoa Nhi được ở trong phòng tôi hai đêm. Lường lự một hồi lâu, ông ta đồng ý với điều kiện là tôi phải viết cho ông giấy cam đoan miễn trách nhiệm nếu có điều gì bất ngờ xảy đến trong khi Hoa Nhi ở với tôi.

Trở lại phòng thẩm vấn, tôi thấy Hoa Nhi đã khóc suốt bên khay đồ ăn trước mặt cô. Tôi đưa cô về phòng tôi, nhưng cô hầu như không nói một lời suốt hai mươi tư tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ có thể cô đang vật lộn để tìm cách thoát ra khỏi hố thăm của nỗi đau, chứ không dám tưởng tượng là cô vẫn còn có nhiều trải nghiệm bi thảm khác mà giờ cô đang phải vật lộn với chúng.

Khi Hoa Nhi lấy lại sức để tiếp tục nói, cô kể rằng cha cô đã được thả bốn ngày sau khi mẹ cô tự vẫn, nhưng ông không hề nhận ra các con mình. Nhiều năm sau, ai đó kể với cô rằng cha cô mất trí kể từ lúc nghe tin người vợ yêu quý của mình đã tự kết liễu cuộc đời. Ông ngồi bất động tại chỗ sau hai đêm chạy loanh quanh và hỏi đi hỏi lại: “Do Mỹ đâu rồi?”

Cả Hoa Nhi lẫn chị cô đều không bao giờ dám tìm hiểu xem liệu cha mình có biết gì về *nhóm học tập*, hay liệu có phải chính điều đó đã góp phần làm ông suy sụp. Sau khi ông được phóng thích, ông sống với họ như thể một người xa lạ. Suốt hơn hai mươi năm, điều duy nhất các con dạy được cho ông là *Cha* là cách họ gọi ông. Ở bất cứ đâu, hễ ai nói ra từ đó ông cũng sẽ đáp lại.

Chị Hoa Nhi không lấy chồng. Sở dĩ cô được đưa về nhà sớm hơn tối hôm đó là do cô đã có thai, và đám đàn ông trong nhóm học tập đó đã ra sắc lệnh là cô không thể tiếp tục *học tập*. Lúc đó cô mới mười lăm tuổi và mẹ cô đã không dám đưa cô tới bệnh viện vì Hồng Vệ Binh sẽ chỉ trích cô là “đồ tư bản” và “con điểm”, rồi đưa cô đi bêu khắp các phố. Thay vì vậy, mẹ cô định tìm thứ thuốc lá nào đó để kích thích đẩy cái thai ra ngoài. Bà chưa kịp làm điều đó thì vụ Hoa Nhi bị cưỡng hiếp ngày hôm sau đã đẩy bà đến bờ vực.

Thụ không biết làm thế nào hay nhờ cậy ai. Ngờ ngợch, cô tự thắt cái bụng lùm lùm và bộ ngực đang căng lên của mình bằng những dải vải, nhưng không ăn thua gì. Cô không biết phải tìm thứ thuốc lá mẹ cô nói tới ở đâu, nhưng một hôm cô nhớ ra là mẹ đã từng nói thuốc nào cũng có ba phần độc. Cô bèn nuốt hết mọi loại thuốc trong nhà cùng một lúc và gục xuống ở trường, xuất huyết trầm trọng. Dù các bác sĩ ở bệnh viện đã cứu được tính mạng của cô nhưng thai nhi thì đã chết và người ta buộc phải cắt bỏ tử cung của cô. Từ đó trở đi, Thụ bị gọi là “đồ đàn bà hư hỏng” và “con điểm”. Thời gian trôi qua rồi cũng đến lúc các bạn đồng trang lứa với cô đều đã làm mẹ cả, Thụ đổi tính đổi nết, trở nên lạnh lùng, lảm lì, khác hẳn với cô gái tốt bụng, vui vẻ trước kia.

Trước hôm rời khỏi Trại giam Nữ Tây Hồ Nam, tôi phỏng vấn Hoa Nhi lần cuối.

«Hai năm sau trải nghiệm ở nhóm học tập của Hoa Nhi, cô tìm thấy một cuốn sách trong phòng lưu trữ của nhà trường có tựa đề *Bạn Là Ai?* nói về sinh lý của người phụ nữ và những quan niệm của người Trung Quốc về trinh tiết. Chỉ sau khi đọc được điều đó cô mới hiểu hết những hàm ý về chuyện đã xảy ra với cô.

Hoa Nhi bước vào tuổi dậy thì với cảm giác dao động về thân phận và giá trị của mình. Cô không được trải nghiệm những mơ ước của một cô gái trẻ mới bắt đầu hiểu tình yêu là gì; cô không hy vọng về một đêm tân hôn. Những âm thanh và bàn tay sờ soạng trong bóng tối của căn phòng nhóm học tập đó cứ ám ảnh cô mãi. Bất chấp điều đó, cuối cùng cô vẫn kết hôn với một người đàn ông tử tế mà cô yêu. Thời điểm họ lấy nhau, sự trinh bạch trong đêm tân hôn là tiêu chuẩn vàng để đánh giá người phụ nữ mà nếu thiếu thì thường dẫn tới những bước ngoặt cay đắng. Không giống những người đàn ông Trung Quốc khác, chồng của Hoa Nhi không hề nghi ngờ gì về sự trong trắng của vợ. Anh ta tin cô khi cô bảo anh rằng màng trinh của cô bị rách khi cô chơi thể thao.

Trước những năm 1990 hoặc khoảng đó, các thể hệ trong một gia đình sống chung một phòng là chuyện bình thường, chỗ ngủ được ngăn cách bằng rèm mỏng hoặc giường tầng. Chuyện quan hệ vợ chồng diễn ra trong bóng tối, lặng lẽ và thận trọng; không khí căng thẳng, kìm nén gây ức chế trong mối quan hệ của các cặp vợ chồng và thường dẫn đến bất hòa.

Hoa Nhi và chồng cô sống trong cùng một phòng với gia đình anh, vì vậy họ phải quan hệ khi tắt đèn để bóng của họ không in qua bức rèm ngăn chỗ ngủ của họ. Cô rất sợ mỗi khi chồng cô chạm vào cô trong bóng tối, bàn tay của anh dường như là của những con quỷ hồi đó; vô tình, cô hét lên vì sợ. Khi chồng cô cố trấn an cô và hỏi có chuyện gì thì cô không thể nói với anh sự thật. Anh yêu cô rất nhiều, nhưng thật khó khăn cho anh khi phải đối phó với sự lo lắng của cô khi họ quan hệ, nên thay vì vậy anh tự kìm nén ham muốn của mình.

Về sau Hoa Nhi phát hiện ra rằng chồng mình bất lực. Cô tự trách mình vì tình trạng của anh và hết sức đau khổ vì cô yêu anh. Cô cố hết sức để giúp anh trở lại bình thường nhưng lại không thể kìm nén nỗi sợ hãi cứ kẹp chặt cô trong bóng tối. Cuối cùng, cô cảm thấy mình nên để anh đi, để anh có cơ hội có quan hệ tình dục bình thường với một người phụ nữ khác, vì thế cô đòi ly hôn. Khi chồng cô không chịu và hỏi cô lý do vì sao, cô đưa ra những cái cớ rất nông cạn. Cô bảo anh không lãng mạn, dù sinh nhật và ngày kỷ niệm nào anh cũng nhớ, còn đặt hoa tươi lên bàn của cô mỗi tuần. Mọi người xung quanh đều thấy anh đã tìm cách làm cô vui lòng ra sao, nhưng cô bảo anh rằng anh là kẻ hẹp hòi không thể làm cô hạnh phúc. Cô cũng nói rằng anh không kiếm được nhiều tiền, dù các bạn của cô đều phải ghen tị với những đồ trang sức anh tặng cô.

Không kiếm được lý do gì khả dĩ để có thể ly hôn, Hoa Nhi cuối cùng đành phải viện đến cái cớ rằng anh không thỏa mãn được nhu cầu sinh lý của cô, nhưng trong lòng lại hiểu rõ rằng anh là người duy nhất có thể làm được điều đó. Đối mặt với chuyện ấy, chồng Hoa Nhi không nói được gì nữa. Tan nát cõi lòng, anh bỏ tới Châu Hải xa xôi, lúc đó vẫn còn chưa phát triển.»

Giọng Hoa Nhi vẫn vang lên bên tai trong lúc tôi nhìn cảnh vật thay đổi bên ngoài chiếc xe jeep đang đưa tôi về nhà sau vài ngày ở Trại giam Nữ Tây Hồ Nam.

«“Người chồng tôi yêu ra đi,” cô nói. “Tôi cảm thấy trái tim mình như bị đứt ra khỏi lồng ngực... Tôi nghĩ: mười một tuổi tôi có thể thỏa mãn được đàn ông, hai mươi tôi có thể khiến họ phát điên, ba mươi tôi có thể khiến họ hồn xiêu phách lạc, và bốn mươi...? Đôi khi tôi muốn dùng thân xác mình để ban một cơ hội cho những người đàn ông còn có thể nói lời xin lỗi; giúp họ hiểu được quan hệ tình dục với một người đàn bà là như thế nào; đôi khi tôi lại muốn tìm ra những tên Hồng Vệ Binh đã hành hạ tôi đó và nhìn nhà chúng bị phá và gia đình chúng tan nát. Tôi muốn trả thù tất cả đàn ông và bắt họ phải chịu đau khổ.”

Danh dự của người đàn bà với tôi không có ý nghĩa gì nhiều. Tôi đã sống với vài người đàn ông, và để họ tiêu khiển với tôi. Vì chuyện đó, tôi bị đưa vào hai trại cải tạo lao động và bị kết án tù hai lần. Giáo viên chính trị trong trại gọi tôi là tội phạm không thể cải huấn được, nhưng tôi chẳng bận tâm. Khi người ta nguyên rủa tôi là không biết xấu hổ, tôi cũng không giận dữ. Mọi người Trung Quốc đều chú ý đến *thể diện*, nhưng tôi không hiểu cái thể diện của họ thì liên quan thế nào đến những bộ phận còn lại của cơ thể họ.

Chị Thụ là người hiểu tôi nhất. Chị ấy biết tôi sẽ làm bất cứ điều gì để những ký ức tình dục khủng khiếp yên ngủ, và tôi muốn một quan hệ tình dục trưởng thành để hàn gắn những cơ quan sinh lý bị tổn thương của mình. Đôi khi tôi chỉ như chị Thụ nói; rồi đôi khi tôi lại không phải như vậy.

Cha tôi chẳng biết tôi là ai, tôi cũng thế.»

Hôm thứ hai sau khi về đài phát thanh, tôi gọi hai cuộc điện thoại. Một cuộc cho bác sĩ phụ khoa. Tôi kể cho bà nghe về hành vi tình dục của Hoa Nhi và hỏi liệu có phương pháp điều trị nào cho những chấn thương về mặt tinh thần và thể xác mà cô đã trải qua không. Có vẻ vị bác sĩ đó chưa từng nghĩ tới câu hỏi như vậy bao giờ. Vào lúc đó ở Trung Quốc, không có khái niệm về bệnh tâm lý, chỉ có bệnh về thể xác.

Cuộc gọi thứ hai là cho cảnh sát trưởng Mai. Tôi nói với ông Hoa Nhi là người Nhật và hỏi liệu cô có thể được chuyển tới một trong các nhà tù dành cho người ngoại quốc nơi điều kiện tốt hơn không. Ông ngừng một lúc, rồi đáp, “Hân Nhiên, cho đến khi nào chuyện Hoa Nhi là người Nhật được quan tâm thì im lặng là vàng. Hiện giờ tội của cô ta là tội về quan hệ tình dục bừa bãi và sống như vợ chồng ngoài trái phép; không nên để cô ta phải ở lâu hơn quá thời hạn tù. Nếu người ta biết cô ấy là người Nhật cô ta sẽ bị buộc tội có động cơ chính trị cho những hành động của mình và như thế còn tệ hơn.”

Những ai từng sống qua thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa đều nhớ những người phụ nữ phạm vào *tội* có quần áo ngoại quốc hay thói quen của người nước ngoài đều bị đấu tố công khai. Tóc của họ bị xén thành đủ kiểu kỳ quặc làm trò cười cho Hồng Vệ Binh. Mặt họ bị bôi nhem nhuộm bằng son; giày cao gót bị buộc vào nhau thắt quanh người họ; những mẩu vớ đủ kiểu của *hàng ngoại* bị treo lủng lẳng vào quần áo của họ xiên xẹo trông kỳ dị. Hết lần này tới lần khác, những người phụ nữ đó phải thuật lại từng chi tiết việc họ đã có những sản phẩm ngoại quốc đó như thế nào. Tôi mới chỉ bảy tuổi khi lần đầu tiên chứng kiến những gì những phụ nữ đó phải trải qua: diễu hành qua các đường phố để bị chế nhạo; tôi nhớ lúc đó mình đã nghĩ nếu có kiếp sau thì mình không muốn sinh ra làm đàn bà nữa.

Nhiều người trong số họ trước đó đã cùng chồng trở về quê cha đất tổ để cống hiến cuộc đời mình cho cách mạng và sự nghiệp xây dựng đất nước Trung Hoa mới. Trở lại Trung Quốc, họ phải xoay sở để làm việc nhà bằng các thiết bị gia dụng sơ sài nhất, nhưng điều đó chẳng là gì so với việc phải triệt bỏ những thói quen và quan điểm thoải mái mà họ đã quen từ tấm bé ở nước ngoài. Mọi lời lẽ và hành động đều bị phán xét từ góc độ chính trị; họ phải chịu chung cảnh ngộ bị ngược đãi của chồng họ vì bị quy là *gián điệp* và thậm thấu *cách mạng* rồi lại *cách mạng* vì sở hữu những vật dụng của phụ nữ có xuất xứ từ nước ngoài.

Tôi đã từng phỏng vấn nhiều phụ nữ phải trải qua những chuyện như vậy. Năm 1989, một người phụ nữ nông dân ở vùng núi kể với tôi rằng bà từng được vào học trong học viện âm nhạc. Mặt bà chẳng chịt đường ngang đường dọc và bàn tay thô ráp chai sần; tôi không nhìn thấy một bằng chứng nào về khả năng âm nhạc ở bà. Chỉ khi bà nói với giọng âm vang đặc biệt chỉ có ở những ai từng được học các bài luyện thanh, tôi mới bắt đầu nghĩ có thể bà đã nói thật.

Bà đưa cho tôi xem những tấm ảnh chứng minh những nghi ngờ của tôi hoàn toàn vô căn cứ. Bà và gia đình đã từng có thời gian ở Mỹ; khi họ trở về Trung Quốc, bà mới chưa tròn mười tuổi. Bà đã có thể phát triển năng khiếu âm nhạc của mình ở một trường nhạc tại Bắc Kinh, ngay trước khi Cách Mạng Văn Hóa diễn ra. Mỗi liên hệ của cha mẹ bà với nước Mỹ đã khiến họ phải trả giá bằng tính mạng và phá hoại cuộc đời của con gái họ.

Mười chín tuổi, bà bị đưa tới vùng núi nghèo xơ xác và bị các cán bộ ở thôn gả cho một người nông dân. Kể từ đó bà sống ở nơi ấy, trong một vùng nghèo đến mức người trong thôn không thể mua nổi dầu ăn để nấu nướng.

Trước khi tôi đi bà hỏi tôi, “Lính Mỹ vẫn còn ở Việt Nam phải không?”

Cha tôi quen một người phụ nữ trở lại Trung Quốc sau nhiều năm ở Ấn Độ, khi bà đã năm mươi tuổi. Bà là giáo viên, vô cùng tốt bụng với các học sinh, bà thường dùng tiền tiết kiệm của mình để giúp học sinh gặp khó khăn về tài chính. Khi bắt đầu Cách Mạng Văn Hóa, không ai

nghe bà sẽ bị ảnh hưởng, nhưng bà đã *bị đấu tranh* và *cải tạo* hai năm vì cách ăn mặc của bà.

Người giáo viên đó ủng hộ quan điểm cho rằng phụ nữ phải mặc màu rực rỡ, và trang phục kiểu Mao Chủ Tịch chỉ thích hợp với đàn ông mà thôi, vì vậy bà thường mặc sari bên trong chiếc áo khoác theo qui định. Hồng Vệ Binh xem đó là sự bất trung với Tổ Quốc và chỉ trích bà là *tôn thờ và có niềm tin mù quáng vào đồ ngoại quốc*. Trong số những Hồng Vệ Binh đấu tranh với bà có những học sinh mà bà đã cho tiền trước đó. Họ xin lỗi vì hành vi của mình, nhưng nói, “Nếu chúng em không đấu tranh với cô, chúng em sẽ gặp rắc rối, và gia đình chúng em cũng sẽ bị liên lụy.”

Cô giáo đó không bao giờ mặc lại bộ sari yêu thích nữa, nhưng trước khi qua đời bà vẫn luôn bấm nhắc đi nhắc lại: “Sari thật đẹp”.

Một giáo viên khác kể cho tôi nghe về những điều bà đã phải trải qua trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa. Một họ hàng xa của bà ở Indonesia gửi cho bà một thỏi son và một đôi giày cao gót nhãn hiệu của Anh qua một người trong đoàn đại biểu của chính phủ. Biết rằng những món quà từ nước ngoài có thể khiến họ bị nghi ngờ là gián điệp, bà vội vã ném chúng đi mà không kịp bọc lại. Bà không biết có một cô bé tầm mười một, mười hai tuổi đang chơi bên cạnh thùng rác, cô bé này đã báo lại *tội* của bà cho cán bộ chính quyền. Nhiều tháng trời, cô giáo đó bị đóng khắp thị trấn trên thùng xe tải để đám đông *đấu tố*.

Khoảng giữa những năm 1966 và 1976, những năm đen tối của Cách Mạng Văn Hóa, có rất ít đặc điểm cả về kiểu cắt may lẫn màu sắc để phân biệt quần áo nam giới với nữ giới. Những đồ dùng dành riêng cho phụ nữ rất hiếm. Đồ trang điểm, quần áo đẹp và trang sức chỉ tồn tại trong những tác phẩm văn chương bị cấm. Nhưng bất kể những người Trung Quốc lúc đó có cách mạng thế nào đi chăng nữa thì không phải ai cũng cưỡng lại được bản tính. Một người có thể *cách mạng* ở mọi phương diện khác, nhưng bất cứ ai không kháng cự nổi trước ham muốn tình dục *tư bản chủ nghĩa* đều bị lôi lên sân khấu để bị *đấu tố* hoặc ra tòa; một số người tự kết liễu cuộc đời vì tuyệt vọng. Những người khác tự dựng mình lên thành mẫu mực về đạo đức nhưng lợi dụng những người đàn ông hay phụ nữ thuộc diện phải *cải tạo*, biến sự khuất phục tình dục của họ thành *bài kiểm tra về lòng trung thành*. Phần lớn những người sống qua thời kỳ đó phải chịu một đời sống tình dục cần cỗi, hầu hết là phụ nữ. Trong giai đoạn sung sức nhất, chồng họ bị bắt giam hoặc gửi tới các trường huấn luyện cán bộ tới gần hai chục năm trời còn vợ thì phải chịu cảnh sống như góa bụa.

Ngày nay những tác hại của Cách Mạng Văn Hóa đối với xã hội Trung Quốc đang được đưa lên xét lại, trong đó sự tàn hại tới những bản năng giới tự nhiên cũng là một nhân tố được tính đến. Người Trung Quốc có câu: *Mọi gia đình đều có một cuốn sách mà tốt nhất là không nên đọc to lên*. Nhiều gia đình Trung Quốc không muốn đối mặt với những chuyện đã xảy đến với họ suốt thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa. Những chương sách đó thấm đẫm nước mắt và không thể mở ra được. Những thế hệ sau này hay người bên ngoài sẽ chỉ thấy phần đầu đề phai mờ. Khi người ta chứng kiến niềm vui của các gia đình hay bạn bè tái hợp sau nhiều năm ly tán, ít ai dám hỏi mình rằng những người ấy đã phải đương đầu với những ham muốn và nỗi đau của họ ra sao suốt ngần ấy năm.

Đó thường là những đứa trẻ, đặc biệt là con gái, những người phải chịu hậu quả của ham muốn tình dục bị cấm cản. Một cô gái lớn lên trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa bị vây quanh bởi sự ngu dốt, điên cuồng và truy lạc. Trường học và gia đình không thể và cũng bị cấm trang bị cho chúng thậm chí những hiểu biết cơ bản nhất về giới tính. Chính nhiều bà mẹ và giáo viên cũng mù tịt về những vấn đề này. Khi cơ thể dậy thì, các cô bé trở thành con mồi của những vụ quấy rối tình dục hoặc cưỡng hiếp, những cô gái như Hồng Tuyết, trải nghiệm duy

nhất về khoái cảm thân xác là từ một con ruồi; Hoa Nhi, bị cách mạng *cưỡng bức*; người phụ nữ trên máy trả lời điện thoại bị Đảng sắp xếp hôn nhân; hay Thạch Lâm, người không bao giờ biết được rằng mình đã lớn. Thủ phạm gây ra những chuyện đó là các giáo viên, bạn bè, thậm chí cha hay anh họ, những kẻ đã mất kiểm soát đối với phần *con* trong mình và hành xử theo một cách đồi bại và ích kỷ nhất mà một người đàn ông có thể làm. Hy vọng của những cô gái đó bị phá hủy, và khả năng được trải nghiệm những khoái cảm ái ân bị hủy diệt vĩnh viễn. Nếu chúng ta có thể lắng nghe những cơn ác mộng của họ, chúng ta có thể dành mười hay hai mươi năm lắng nghe những câu chuyện như vậy.

Giờ đã quá muộn để mang lại tuổi trẻ và hạnh phúc cho Hoa Nhi và những người phụ nữ đã phải trải qua Cách Mạng Văn Hóa khác. Họ kéo những bóng đen khủng khiếp của ký ức theo sau mình.

Tôi nhớ, một hôm trong văn phòng, Mạnh Tinh đã đọc to thư của một thánh giả yêu cầu một bài hát đặc biệt và nói, “Tôi không hiểu nổi. Tại sao những người phụ nữ lớn tuổi này lại thích những bài hát cũ rích đó đến vậy? Tại sao họ không nhìn quanh mình xem thế giới ngày nay ra sao? Họ chuyển động quá chậm chạp so với thời đại.”

Lý Đại gõ bàn cái cộp một nhát rõ mạnh bằng bút chì và quở trách, “Quá chậm chạp ư? Cô nên nhớ rằng những người phụ nữ đó chưa từng có thời gian để tận hưởng tuổi trẻ của họ đâu!”

CHƯƠNG 14

NGƯỜI ĐÀN BÀ THỜI THƯỢNG

Mùa thu năm 1995, tôi đệ đơn xin từ chức Giám Đốc Phát Triển và Xây Dựng Kế Hoạch Chương Trình với lý do là tôi phải làm quá nhiều công việc cùng lúc và rằng khối lượng công việc của chương trình truyền thanh của tôi, - báo cáo, biên tập, trả lời thư thính giả, vân vân - ngày càng tăng. Thực ra, điều tôi muốn là không gian cho riêng mình. Tôi đã mệt mỏi với việc phải đọc cả núi tài liệu đầy những điều cấm đoán và tham gia vào những cuộc họp liên miên. Tôi cần phải dành thời gian để tìm hiểu về người phụ nữ Trung Quốc nhiều hơn nữa.

Các lãnh đạo không hề vui vẻ với quyết định của tôi, nhưng khi ấy thì họ đã hiểu tôi khá rõ: nếu ép tôi giữ chức vị đó, có thể tôi sẽ bỏ hẳn đài mà đi. Miễn là tôi còn ở lại, họ sẽ còn sử dụng được danh tiếng và quan hệ rộng khắp của tôi.

Khi mọi người biết quyết định của tôi, trong đài tôi trở thành đề tài của những cuộc tranh luận và phỏng đoán liên miên. Không ai hiểu tại sao tôi lại bỏ vị trí bảo đảm có thể tiếp tục thành đạt trong sự nghiệp công chức như vậy. Một số người bảo tôi sắp gia nhập làn sóng doanh nhân mới, một số dự đoán tôi sắp được nhận một chân giảng viên lương cao bổng hậu tại trường đại học, những người khác lại nghĩ tôi sẽ sang Mỹ. Hầu hết đều nói một cách đơn giản, “Dù Hân Nhiên có làm gì thì việc đó cũng là một việc thời thượng.” Mặc dù việc được coi là người khởi xướng phong trào và là một phụ nữ thời thượng xem chừng là một chuyện tốt, song tôi biết đã có bao người đã phải khốn khổ do *mốt* rồi.

Mốt ở Trung Quốc luôn luôn mang tính chính trị. Vào những năm 1950, người ta khởi xướng *mốt* học theo lối sống Cộng Sản của Liên Xô. Họ hô vang những khẩu hiệu chính trị như: *Bắt kịp Mỹ và vượt Anh trong hai mươi năm!* và tuân theo từng chỉ thị mới nhất của Mao Chủ Tịch tới từng chữ. Trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa có *mốt* đi về nông thôn để *giáo dục lại*. Nhân văn và trí tuệ bị đày đến những nơi mà ở đó con người không biết có nơi nào trên thế giới phụ nữ có thể nói “không” và đàn ông có thể đọc báo.

Thập niên tám mươi, khi chính sách Cải Cách và Mở Cửa được ban hành, người ta lại bắt đầu có *mốt* làm kinh doanh. Trong một thời gian ngắn, chỗ nào cũng thấy người ta đề danh thiếp là “Giám đốc Kinh doanh”; còn có câu nói rằng: *Trong một tỉ người có chín mươi triệu người làm kinh doanh và mười triệu người nữa đang chờ tạo dựng cơ nghiệp*.

Người Trung Quốc chưa bao giờ theo trào lưu do lựa chọn, họ luôn luôn bị chính trị cuốn vào các trào lưu. Trong những cuộc phỏng vấn với những người phụ nữ Trung Quốc nói riêng, tôi khám phá ra rằng nhiều người phụ nữ được gọi là “thời thượng” hoặc “tạo trào lưu” đã từng bị buộc phải trở thành như vậy, rồi bị làm cho khốn khổ bởi chính thứ *mốt* mà họ là hiện thân. Đàn ông Trung Quốc nói rằng thời nay phụ nữ mạnh mẽ là *mốt* - nhưng phụ nữ thì tin rằng *đằng sau mỗi người phụ nữ thành đạt luôn có một người đàn ông khiến mình đau khổ*.

Tôi từng phỏng vấn một nữ doanh nhân nổi tiếng, một người đàn bà sống cuộc đời mình trước mắt thiên hạ. Bà luôn được xem là người khởi xướng trào lưu và tôi đã đọc nhiều bài viết về bà trên báo. Tôi rất tò mò muốn biết bà cảm thấy thế nào khi là người thu hút chú ý đến thế, và làm thế nào bà trở nên nổi tiếng như thế.

Chu Đình đặt một phòng riêng hạng sang tại một khách sạn bốn sao cho cuộc phỏng vấn - bà bảo tôi rằng để đảm bảo chúng tôi được riêng tư. Khi xuất hiện, ấn tượng bà tạo ra cho tôi là niềm vui thích khi làm một phụ nữ thời thượng. Bà mặc một bộ quần áo đắt tiền, thanh lịch bằng len casomia và lụa, trang sức lấp lánh leng keng khắp người mỗi khi bà cử động. Bàn tay

bà nặng trĩu những nhẫn. Tôi nghe nói bà đã từng đặt những bữa tối xa xỉ tại tất cả các khách sạn lớn và thay ô tô như thay áo. Bà là tổng giám đốc phụ trách kinh doanh các loại thực phẩm chức năng cho một số công ty lớn trong vùng. Tuy nhiên, sau cuộc phỏng vấn, tôi nhận thấy có một người phụ nữ rất khác bên dưới vẻ ngoài thời thượng ấy.

Bắt đầu cuộc phỏng vấn, Chu Đình nhắc đi nhắc lại với tôi vài lần rằng đã lâu lắm rồi bà không nói về những cảm xúc thật của mình. Tôi nói rằng tôi luôn hỏi phụ nữ về những câu chuyện thực của họ vì chân thực vốn dĩ là nguồn sống của đàn bà. Bà nhìn tôi dò xét rồi đáp rằng sự thật chẳng bao giờ là *một* cả.

Trong thời Cách Mạng Văn Hóa, mẹ Chu Đình, một giáo viên, bị Hồng Vệ Binh bắt tham gia các buổi học chính trị. Cha bà được phép ở nhà: ông bị u tuyến thượng thận và ốm đến mức hầu như không thể cầm nổi đĩa. Một Hồng Vệ Binh sau này kể lại rằng họ thấy ông không đáng phải bận tâm. Mẹ của bà cuối cùng bị tù vài năm.

Từ năm lớp một, Chu Đình đã bị bắt nạt vì nguồn gốc gia đình. Có lúc các bạn cùng lớp đánh bà thâm tím cả người, đôi khi chúng còn cắt vào cánh tay bà rất tàn nhẫn, để lại những vết thương chảy máu. Nhưng nỗi đau đớn vì những cuộc tấn công đó còn xa mới sánh nổi nỗi kinh hoàng khi bị đám công nhân, các đội tuyên truyền và nhóm chính trị đóng tại trường học nữa. Hỏi về mẹ, họ thường dứt tóc hoặc đập vào đầu bà khi bà im lặng. Bà sợ bị thẩm tra đến mức cứ nhìn thấy một cái bóng nào đó in lên cửa sổ lớp học là bà lại run lên.

Cuối Cách Mạng Văn Hóa, người ta tuyên bố mẹ Chu Đình vô tội và bị buộc tội sai là thành phần phản cách mạng. Cả hai mẹ con đã phải chịu nỗi khổ không đáng suốt mười năm. Cha Chu Đình cũng không thoát: vào giai đoạn sau của Cách Mạng Văn Hóa, Hồng Vệ Binh bao vây giường bệnh của ông và đặt ra hàng loạt câu chất vấn cho tới khi ông chết.

“Ngay cả bây giờ, tôi vẫn thường giật mình tỉnh giấc bởi những cơn ác mộng vì bị đánh đập hồi nhỏ,” Chu Đình nói.

“Ở trường, chuyện như của bà có hiếm không?” Tôi hỏi.

Nặng đầu vào phòng và Chu Đình kéo rèm che cho chúng tôi khỏi bị chói.

“Ở trường, tôi tách khỏi mọi người; ít ra là tôi vẫn nhớ các bạn cùng lớp luôn nói một cách hào hứng về chuyện đến trường đại học xem mẹ tôi bị đấu tố, hoặc nghe trộm xem tôi bị đội chính trị thẩm vấn.”

“Và kể từ đó, trong cuộc sống bà tách khỏi mọi người vì nhiều lý do khác nhau.”

“Đúng thế,” Chu Đình đáp. “Trước tiên là mẹ tôi, rồi những người đàn ông xung quanh tôi khẳng định rằng mọi người luôn để ý đến tôi.”

“Về công việc hay cuộc sống riêng tư của bà?”

“Về cuộc sống riêng của tôi, phần lớn là vậy,” Bà đáp.

“Nhiều người nói rằng phụ nữ truyền thống thì không thể có những cảm xúc hiện đại, và những người phụ nữ hiện đại thì không thể tiết hạnh hay chung thủy. Bà có nói được mình đã chọn con đường nào trong hai con đường đó không?”

Chu Đình xoay xoay những chiếc nhẫn. Tôi nhận thấy bà không đeo nhẫn cưới.

“Về bản chất, tôi rất truyền thống, nhưng, như cô biết đấy, tôi bị buộc phải từ bỏ cuộc hôn nhân của mình,” bà nói.

Tôi từng được mời đến một cuộc nói chuyện trong đó Chu Đình đưa ra những đề xuất cho một chính sách về ly hôn, nhưng tôi chẳng biết gì về trải nghiệm cá nhân của bà ngoài những thông tin đọc được trên báo.

“Cuộc hôn nhân đầu tiên của tôi - thực ra là chỉ có một cuộc hôn nhân đó thôi - cũng giống như nhiều người khác ở đất nước Trung Quốc này. Bạn bè giới thiệu tôi với người đàn ông sau này đã trở thành chồng tôi. Hồi đó tôi ở Mã Yên Sơn còn anh ở Nam Kinh, vì vậy chúng tôi chỉ được gặp nhau mỗi tuần một lần. Đó là khoảng thời gian yên bình: mẹ tôi đã được thả; tôi có việc làm và một mối tình. Khi mọi người khuyên tôi dành thời gian để sống và học tập kinh nghiệm trước khi quyết định một điều gì, tôi cự lại, nghĩ rằng sự khuyên răn của họ quá giống với những lời của các viên chức đội chính trị từng thẩm vấn tôi suốt thời Cách Mạng Văn Hóa. Bạn trai tôi và tôi đang chuẩn bị kết hôn thì anh bị tai nạn lao động cụt hết năm ngón bàn tay phải. Bạn bè và gia đình bảo tôi nên suy nghĩ kỹ về chuyện kết hôn với anh; anh bị tàn tật và chúng tôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Để biện hộ, tôi kể lại những câu chuyện tình nổi tiếng từ thời cổ đại đến hiện đại, cả của Trung Quốc lẫn nước ngoài, và bảo mọi người rằng, *Tình yêu là vô điều kiện, là hy sinh. Nếu yêu ai đó làm sao người ta có thể bỏ rơi người yêu khi anh ấy gặp khó khăn?* Tôi bỏ việc và đến Nam Kinh kết hôn với người đàn ông ấy.”

Tôi rất cảm thông với quyết định của Chu Đình. “Mọi người xung quanh xem hành động của bà là khờ dại, nhưng hẳn là bà đã rất tự hào về mình, và cũng rất hạnh phúc nữa là đằng khác,” tôi nói.

Chu Đình gật đầu. “Đúng, cô nói hoàn toàn đúng, khi ấy tôi thực sự rất hạnh phúc. Tôi không sợ lấy một người đàn ông tàn tật chút nào. Tôi thấy mình giống như người nhân vật nữ chính trong tiểu thuyết lãng mạn vậy.” Bà kéo rèm lên một chút, một tia nắng yếu ớt chiếu xiên vào gáy bà, lóe sáng trên chiếc vòng cổ làm hắt lên tường một đốm sáng.

«Khi bắt đầu sống chung, tôi mới thấy mọi chuyện thay đổi hẳn. Lãnh đạo của đơn vị nơi chồng tôi làm việc ở mỏ sắt Mai Sơn, Nam Kinh, đã từng hứa sẽ phân cho tôi một công việc tốt tại bệnh viện ở đó để giúp đỡ chúng tôi sau khi cưới, nhưng khi tôi đến họ chỉ phân cho tôi làm y tá trong trường tiểu học. Và họ viện lý do là tôi không có hộ khẩu địa phương để ngăn không cho tôi đủ tiêu chuẩn xét thăng cấp hay tăng lương năm đó. Tôi không hề ngờ rằng những lãnh đạo có phẩm cách và đáng kính đó lại nuốt lời như vậy.

Nhưng công việc mới của tôi không phải là vấn đề lớn nhất. Tôi sớm nhận ra rằng chồng tôi là một kẻ trắng hoa không cải tạo được. Anh ta ngủ với bất kỳ người đàn bà nào sẵn sàng ngủ với anh ta, từ những bà già hơn anh ta cả chục tuổi tới những đứa con gái trẻ. Ngay cả những kẻ lang thang tóc tai rối bù mặt mũi bẩn thỉu anh ta cũng không từ. Tôi phát điên lên. Khi tôi mang thai, anh ta đi ra ngoài suốt đêm không về và đưa ra đủ mọi lý do, nhưng anh ta lại luôn để lời đùôi ra.

Cuối cùng, tôi cảnh cáo anh ta và anh ta đồng ý dừng việc đó lại. Không lâu sau, anh ta bảo tôi rằng thỉnh thoảng anh ta phải làm việc muộn. Khi một đồng nghiệp của anh ta tới tìm, tôi bảo anh ta đang làm ngoài giờ. Đồng nghiệp của anh ta bảo: “Anh ta không làm ngoài giờ đâu!”

Tôi hiểu ngay là chồng mình lại ngựa quen đường cũ. Tôi giận điên lên, vội nhờ hàng xóm trông hộ con và chạy sang nhà người đàn bà mà tôi biết là chồng tôi từng cặp kè trước khi anh ta đồng ý dừng việc trắng hoa lại. Nhà cô ta chỉ cách nhà tôi mấy con phố. Khi tới nơi, tôi thấy xe đạp của chồng dựng ở cổng. Tôi run lên vì giận khi gõ cửa. Tôi chờ một lúc lâu và gõ cửa lần nữa, cho tới khi một người đàn bà quần áo xốc xếch ra mở cửa ngách, hét tướng: “Ai đấy hả, làm gì mà làm ồn cả lên giữa nửa đêm thế hả?” Giây lát sau cô ta nhận ra tôi và lắp bắp, “Là cô à? Cô làm gì ở đây? Anh ta... anh ta không ở chỗ tôi”.

“Tôi không tới đây tìm anh ta, tôi tới gặp cô!” Tôi nói.

“Tôi ư? Cô muốn gì ở tôi? Tôi chẳng làm gì đụng chạm đến cô cả”.

“Tôi có thể vào trong nói chuyện được không?”

“Không, không tiện!”

“Được thôi, chúng ta có thể nói ngay tại cửa. Tôi chỉ muốn nói với cô rằng xin đừng qua lại với chồng tôi nữa. Anh ta đã có gia đình”.

Ả đàn bà đó kêu toáng lên, “Chính là chồng cô ngày nào cũng chạy tới chỗ tôi đấy chứ, tôi có bao giờ tới nhà cô đâu!”

“Có phải cô đang cố nói với tôi rằng cô sẽ không từ chối anh ta đúng không hả? Anh ta...” Tôi đột nhiên ấp úng, mồ hôi lạnh toát ra. Tôi không quen đối đầu.

“Rõ nực cười”, người đàn bà đó mỉa mai. “Cô không giữ nổi một người đàn ông và buộc tội tôi vì không chịu đóng cửa sao?”

“Cô? Cô...” Tôi giận đến mức không nói nên lời.

“Tôi? Tôi thì sao nào? Nếu cô không được làm cái ấy thì cũng đừng có mà chạy rông rồi tru lên như con mèo động đực thế. Là cô thì cô cũng chẳng từ chối cái máu đó đâu!” Cô ta ăn nói như một ả điếm chuyên nghiệp vậy, nhưng đó lại là một người đàn bà có học, một bác sĩ.

Đột nhiên, chồng tôi xuất hiện, tay vẫn đang cài nốt cúc áo. “Các người cãi cộ cái gì hả, hai con chó cái này? Để tôi cho cô biết thế nào là một thằng đàn ông!” Trước khi tôi kịp phản ứng, anh ta rút ngay một thanh tre và lao vào đánh tôi.

Ả nhân tình của anh ta gào lên, “Anh phải dạy cho con mụ đó một bài học từ trước rồi!”

Tôi thấy đau nhói ở vai trái khi anh ta đập trúng tôi. Bàn tay phải bị què cản trở anh ta nên tôi tránh được những cú đánh tiếp theo.

Nhiều người ở khu dân cư đó nghe thấy tiếng ồn ào thì chạy ra khỏi nhà. Họ đứng trơ mắt ra nhìn trong khi tôi bị chồng đuổi đánh còn ả nhân tình thì gào lên chửi rủa. Cuối cùng công an cũng tới, lúc ấy thì tôi đã bầm dập, nhưng tôi nghe thấy một bà già nói, “Mấy con chó vàng đó (chỉ công an) thật nhiều sự, cứ thích chõ mũi vào chuyện nhà người khác”.

Ở bệnh viện, bác sĩ gắp ra khỏi người tôi hai mươi hai mảnh giăm tre. Người y tá phần nộ trước chuyện xảy ra với tôi tới mức cô đã viết một lá thư thuật lại chuyện đó gửi tới tờ báo của thành phố. Hai ngày sau một tấm ảnh chụp tôi khắp người băng bó xuất hiện trên báo kèm theo bài báo về vấn đề phụ nữ cần phải được tôn trọng. Nhiều người, tất nhiên hầu hết là phụ nữ, tới thăm tôi ở bệnh viện, mang theo đường sữa hoa quả. Phải đến vài tuần sau đó tôi mới đọc được bài báo ấy. Tôi bị mô tả nhầm thành một người vợ bị bạo hành trong suốt một thời gian dài. Tôi không biết liệu có phải trường hợp của mình bị phóng đại lên vì có ai đó cảm thấy thương tôi, hay vì có ai đó muốn phản công lại nhân danh tất cả những người phụ nữ bị bạo hành bằng cách đưa chồng tôi ra tòa không.»

“Bà có thử đính chính lại sự sai lạc đó không?”

“Không, tôi quá hoang mang bối rối, không biết phải làm gì. Đó là lần đầu tiên tôi lên báo. Hơn nữa, trong thâm tâm tôi thấy biết ơn bài báo đó. Nếu người ta chỉ đơn giản xem sự việc là chồng tôi đang *tê gia* thì làm sao mọi chuyện tốt lên cho phụ nữ được?”

Nhiều người Trung Quốc vẫn coi chuyện đàn ông đánh đập vợ hay con cái của anh ta là *tê gia*. Đặc biệt, những người phụ nữ nông dân lớn tuổi chấp nhận thực tế là như vậy, sống theo châm ngôn: *Người vợ khốn khổ ngậm đắng nuốt cay cho tới ngày được làm mẹ chồng* của người Trung Quốc, họ tin rằng mọi người đàn bà đều phải chịu chung số phận. Vì vậy, những người nhìn Chu Đình bị đánh mới không hề nhúc nhích để giúp bà.

Chu Đình thở dài. “Đôi khi tôi nghĩ rằng số tôi cũng chưa đến nỗi khốn khổ lắm. Sinh ra là đàn

bà ở thời trước hẳn còn khốn khổ hơn nữa. Chưa bàn tới chuyện được học hành - nếu sinh vào thời đó, chắc tôi chỉ được ăn cơm thừa canh cặn của chồng.”

“Bà thật giỏi tự an ủi,” tôi nói, thầm nghĩ rằng nhiều người phụ nữ Trung Quốc cũng hay tự an ủi mình với những ý nghĩ kiểu đó.

“Chồng tôi bảo học lắm làm tôi hư người.”

“Không phải anh ta tự nghĩ ra đâu. Chính Khổng Tử đã nói rằng phụ nữ ít tài là đức mà.” Tôi ngừng lại, rồi hỏi, “Có phải sau đó bà lại xuất hiện trên mặt báo trong vụ mưu sát bất thành?”

“Đúng, tôi cho là thế. Báo chí hồi đó biến tôi trở thành kẻ gây chuyện và đã dạy cho tôi bài học về quyền lực của truyền thông. Tới ngày nay, không ai tin tôi khi tôi nói với họ chuyện gì đã thực sự xảy ra. Họ đều nghĩ rằng bất kỳ chuyện gì được in trên báo đều là Thánh Kinh.”

“Vậy bà nghĩ rằng bài báo đó là không chính xác,” tôi khích nhẹ.

Chu Đình trở nên kích động. “Tôi tin vào quả báo, nếu tôi nói dối thì sét đánh tôi đi!”

“Xin đừng cảm thấy là bà phải thề thốt như vậy,” tôi nhẹ nhàng nói. “Tôi sẽ chẳng tới đây nếu tôi không muốn nghe câu chuyện từ phía bà.”

Được xoa dịu, Chu Đình tiếp tục.

«Tôi gửi đơn xin ly hôn, nhưng chồng tôi quỳ lạy xin tôi cho anh ta một cơ hội cuối cùng, bảo rằng một người tàn tật như anh ta không thể sống được nếu thiếu tôi. Tôi bị giằng xé: sau khi đã đánh đập tôi tàn tệ, tôi không tin là anh ta có thể thay đổi, nhưng tôi sợ rằng anh ta sẽ không thể sống thiếu tôi. Chuyện ong bướm thì ngon lành lắm, nhưng liệu những người tình có đồng cam cộng khổ với anh ta mãi không?

Nhưng một hôm tôi đi làm về sớm thì bắt gặp chồng mình và một người đàn bà, cả hai đều gần như trần truồng. Máu nóng bốc lên đầu, tôi hét lên với người đàn bà đó, “Tự gọi mình là đàn bà được à, đánh dĩ ngay trong nhà tôi? Cút ngay!”

Tôi hét lên và chửi rủa thậm tệ. Người đàn bà đó lập cập chạy vào phòng ngủ của tôi và thu nhặt quần áo trên giường. Tôi vớ lấy một con dao phay trong bếp và nói với chồng tôi, “Nói tôi nghe xem, anh là loại đàn ông gì?”

Chồng tôi đá vào háng tôi thay câu trả lời. Hăng tiết lên, tôi ném con dao phay về phía anh ta, nhưng anh ta cúi xuống né được và đứng đó tròn mắt nhìn tôi, choáng váng vì tôi lại dám tấn công anh ta. Tôi run lên vì giận; tôi hầu như không nói nên lời. “Anh... cả hai các người... đang làm gì hả? Nếu các người không thú nhận hết... một trong ba sẽ chết ngay tại đây!” Tôi nói.

Tôi giật lấy chiếc thắt lưng da treo trên cửa ra vào. Vừa nói, tôi vừa quất tới tấp như điên như dại, nhưng cả hai đều nhảy tránh. Khi tôi quay sang quật chồng tôi, người đàn bà kia lĩnh ra ngoài. Tôi đuổi riết theo cô ta tới tận đồn công an, quật cô ta bằng thắt lưng trong khi cô ta hét lên rằng sẽ không bao giờ ngủ với chồng tôi nữa. Ngay khi vừa chạy qua cổng đồn, cô ta đã tót vào phòng trực kêu toáng lên: “Cứu với, tôi bị tấn công!”

Tôi không biết là người đàn bà đó có quan hệ với một tay công an trong đồn, hay là một trong các tình nhân của cô ta làm việc tại đó. Khi một người công an chạy tới và vịn tay tôi ra sau lưng, tôi hét lên: “Anh nhầm rồi!”

“Im mồm!” Anh ta cộc cằn nói.

“Anh nhầm to rồi. Người đàn bà đó thông dâm với chồng tôi ngay tại nhà tôi, anh nghe rõ chưa?” Tôi vùng vẫy trong cái khóa tay của anh ta.

“Gì cơ?” Anh ta kêu lên. Những tay công an khác đã có mặt tại đó đều sững người. Cô biết đấy,

chuyện quan hệ ngoài vợ ngoài chồng hồi đó là một tội nặng. Chuyện đó có thể bị kết án tù hơn ba năm.

Tay công an bỏ tôi ra. “Cô có bằng chứng gì không?” Anh ta hỏi.

“Nếu tôi cung cấp bằng chứng, các anh sẽ làm gì với cô ta?” Tôi hỏi, chắc chắn là tôi có thể tìm ra bằng chứng.

Anh ta không trả lời trực tiếp vào câu hỏi của tôi. “Nếu cô không đưa ra được chứng cứ nào thì chúng tôi sẽ bắt giam cô vì tội vu khống và hành hung người khác”, anh ta nói. Hồi đó chưa có những trình tự pháp lý cho ra hồn. Giờ nghĩ lại, tôi tự hỏi liệu những người công an đó có hiểu luật chút nào không.

“Cho tôi ba tiếng”, tôi nói vậy, “nếu tôi không thể tìm ra chứng cứ anh cứ việc tới mà bắt tôi”.

Một người công an lớn tuổi, có lẽ là trưởng đồn đáp, “Được, chúng tôi sẽ cử người đi cùng cô thu thập chứng cứ”.

Chồng tôi đang ngồi trên ghế sofa hút thuốc lá khi tôi đi về cùng một người nhân viên công an. Anh ta kinh ngạc, nhưng tôi không thèm để ý đến anh ta mà đi thẳng vào phòng ngủ, rồi vào toa lét, nhưng không tìm được thứ gì khả nghi. Cuối cùng, tôi mở thùng rác trong bếp ra và nhìn thấy một chiếc quần lót phụ nữ, đũng quần dính ướt tinh dịch.

Người cảnh sát nhìn tôi và gật đầu. Chồng tôi đang quan sát vẻ lo lắng khi tôi lục soát nhà, tái nhợt đi và lắp bắp, “Cô... cô làm gì vậy hả?”

“Tôi sẽ tổng các người vào tù”, tôi quả quyết nói.

“Nhưng thế thì cô sẽ hủy hoại cuộc đời tôi mất!” Anh ta kêu lên.

“Anh chính là người đã làm quá nhiều điều để cuộc đời tôi bị hủy hoại!” Tôi nói, rồi cầm theo bằng chứng đi cùng người công an kia.

Tại đồn công an tôi bị một sĩ quan kéo ra một chỗ bảo muốn bàn bạc với tôi một chút. Tôi sửng sốt. “Bàn bạc? Anh muốn bàn bạc gì với tôi?” Tôi hỏi.

“Ờ, người phụ nữ mà cô đang buộc tội thông dâm là em dâu của trưởng đồn. Nếu chuyện này lộ ra thì sẽ rất bất lợi cho ông ấy. Chồng của người đàn bà đó cũng đã xin chúng tôi dàn xếp với cô. Anh ta nói rằng vợ anh ta mắc chứng cuồng dâm, và con gái của anh ta chỉ mới mười bốn tuổi; nếu chúng tôi bỏ tù cô ta, gia đình cô ta sẽ lâm vào tình thế khó khăn.

“Thế còn gia đình tôi, tôi sẽ phải làm sao?” Tôi nói, bắt đầu nổi giận.

“Có phải là cô đang làm thủ tục ly hôn không? Ly hôn rất khó; cô sẽ mất ít nhất ba năm. Chúng tôi có thể nhờ ai đó biện hộ cho cô trước tòa, và thậm chí còn cung cấp lời chứng nếu cô muốn, để đẩy nhanh tiến trình”.

Tôi hiểu anh ta muốn gì. “Anh sẽ cung cấp lời chứng kiểu gì cho tôi?” Tôi hỏi.

Tay sĩ quan tỏ ra muốn giúp đỡ. Anh ta bảo, “Chúng tôi có thể làm chứng là chồng cô ngoại tình”.

“Anh sẽ đưa ra bằng chứng gì?” Tôi nghĩ tới mớ đồ tôi đang cầm trên tay.

“Ờ, đằng nào cũng có nhiều tin đồn về chồng cô. Chúng tôi chỉ cần xác nhận những gì người ta đồn là đúng”.

“Anh không cần phải bịa ra một câu chuyện nào đó đâu”, tôi nói. “Đây là chứng cứ của buổi tối ngày hôm nay”. Ngớ ngẩn thế nào tôi lại đưa cho anh ta chiếc quần lót mà không hỏi giấy biên nhận hay yêu cầu ký biên bản ghi nhận thỏa thuận giữa chúng tôi. Tôi chỉ muốn kết thúc mọi việc nhanh chóng.

Tại phiên tòa xử lý hôn hai tuần sau, tôi tuyên bố rằng đồn công an sẽ xác nhận cho tôi. Chánh án tuyên bố: “Trả lời yêu cầu của chúng tôi, đồn công an mà cô nói đến không có bất kỳ ghi chép nào về bất kỳ vụ việc gì liên quan đến cô”.

“Làm sao mà Công An Nhân Dân lại có thể lừa dân như thế được?” Chu Đình thốt lên.»

Tôi không ngạc nhiên về tình trạng thiếu đạo đức nghề nghiệp trong lực lượng công an, nhưng vẫn hỏi, “Bà có báo cáo sự việc này với chính quyền không?”

“Báo cáo ư? Cho ai? Trước khi tôi kịp quay về đồn công an để xin họ làm xác nhận cho mình thì một tờ báo địa phương đã cho đăng một bài tiêu đề là *Người Vợ Trả Thù*. Tôi bị mô tả là một người vợ hung dữ đang bị chồng đòi ly dị. Bài báo được đăng lại trên các tờ báo khác và mỗi lần xuất hiện nó lại được xào xáo: cuối cùng thì tôi trở thành người đàn bà điên lảm nhảm trong vũng máu!”

Tôi cảm thấy xấu hổ vì các đồng nghiệp của mình đã bóp méo câu chuyện của Chu Đình theo cách đó. “Bà phản ứng thế nào?”

“Chỉ là thêm một chuyện phải đương đầu. Gia đình tôi đã tan nát và lúc ấy tôi về sống với mẹ.”

“Thế còn căn hộ cũ của bà?” Vừa hỏi dứt tôi đã biết câu trả lời: ở những đơn vị nhà nước, hầu như mọi thứ được cấp cho mỗi gia đình đều do người chồng đứng tên.

“Đơn vị nói căn hộ là do chồng tôi đứng tên, vì vậy nó thuộc về anh ta.”

“Vậy đơn vị nghĩ bà sẽ sống ở đâu?” Những người đàn bà ly hôn bị xem như đồ thải, tôi thâm nghĩ.

“Họ bảo tôi sẽ phải tìm một chỗ nào đó ở tạm chờ đến đợt phân nhà tiếp theo.”

Tôi biết rằng trong cách nói của công chức, *đợt tiếp theo* có thể phải mất nhiều năm mới thành hiện thực. “Và bà phải mất bao lâu để được cấp cho một căn hộ?” Tôi hỏi.

Chu Đình cười khẩy: “Đến chín năm sau cũng vẫn chưa có gì.”

“Họ hoàn toàn không làm gì cho bà hết?”

“Gần như không. Tôi tới gặp chủ tịch công đoàn, một phụ nữ chừng năm mươi, để nhờ giúp. Bà ta nói bằng giọng tử tế: *Với phụ nữ điều đó rất dễ. Chỉ cần tìm một người đàn ông có một căn hộ là cô sẽ có mọi thứ cô cần*”.

Tôi phải cố gắng lắm để hiểu thế giới quan của người cán bộ Đảng có thể nói ra điều như vậy. “Bà chủ tịch công đoàn nói như vậy ư?”

“Bà ta nói vậy, nguyên văn.”

Tôi nghĩ tôi đã bắt đầu hiểu Chu Đình hơn một chút. “Và thế là bà không bao giờ tính đến chuyện hành động chống lại những gì giới truyền thông đã làm với mình?” Tôi hỏi, không mong là bà đã làm như vậy.

“Không, à, rốt cuộc tôi cũng đã làm một chuyện. Tôi gọi cho tòa soạn, nhưng họ lờ đi, vì thế tôi trực tiếp trình bày với tổng biên tập. Nửa đùa nửa dọa, ông ta bảo tôi rằng: “Chu Đình, mọi chuyện giờ đã kết thúc; nếu cô không ngừng lại, cũng chẳng ai buồn nghĩ lại chuyện ấy nữa đâu. Cô có muốn lại bị đưa lên báo nữa không? Cô có muốn thách đố báo chí lần này không?” Ghét phải chuốc thêm sự bực mình, tôi đồng ý bỏ qua chuyện đó.”

“Bên trong bà có một trái tim mềm yếu,” tôi nói.

“Đúng thế, vài người bạn bảo tôi *khẩu xà tâm phật*. Thế phỏng có ích gì? Có bao nhiêu người nhìn xuyên qua lời nói mà thấu tới trái tim cô chứ?”

Bà ngừng lại, rồi tiếp tục.

«Tôi không chắc lắm về chuyện tại sao tôi lại xuất hiện trên báo lần thứ ba; tôi nghĩ là do tình yêu. Ở trường tôi có một giáo viên trẻ tên là Ngụy Hải. Anh ta không phải là dân gốc địa phương, vì vậy anh ta sống trong nhà tập thể của trường. Lúc đó tôi vẫn đang làm thủ tục ly hôn. Tôi ghét phải nhìn thấy chồng, và cũng sợ anh ta đánh nữa, vì vậy tôi thường ở lại văn phòng sau giờ làm và đọc mấy tờ tạp chí. Ngụy Hải thường ngồi trong phòng giáo viên đọc báo. Một hôm anh ta đột nhiên nắm lấy tay tôi và bảo, “Chu Đình, không việc gì phải khổ sở như vậy. Hãy để tôi làm cho chị hạnh phúc!” Nước mắt lấp lánh trong mắt Ngụy Hải; tôi không bao giờ quên được hình ảnh đó.

Tôi vẫn chưa ly hôn được, bên cạnh đó còn những mối e ngại khác về chuyện bắt đầu mối quan hệ với Ngụy Hải. Anh ta ít hơn tôi chín tuổi; phụ nữ già đi nhanh lắm... chúng tôi sẽ bị đồn thổi nhiều lắm; tôi sợ. Cô cũng biết câu: *Phải dè chừng lời nói của đàn ông* - đúng, những lời đó có thể giết người ta được, Chu Đình day nghiêng.

Rốt cuộc việc ly hôn của tôi cũng đã xong xuôi, khi ấy tôi đã bị đặt biệt hiệu là *người đàn bà hư hỏng*. May thay, đó cũng là lúc bắt đầu cải cách kinh tế. Mọi người mải chạy theo tiền bạc nên không có nhiều thì giờ sẫm soi chuyện đời tư của người khác. Tôi bắt đầu sống với Ngụy Hải. Anh ta tốt với tôi lắm lắm, theo mọi cách có thể. Tôi thật hạnh phúc khi ở bên anh, thậm chí với tôi anh còn quan trọng hơn cả con trai tôi.

Quả là một bước lớn, tôi nghĩ vậy, khi nghĩ tới quan điểm truyền thống đặt con trai lên trên tất cả của người Trung Quốc.

Sau một năm chung sống, đại diện công đoàn và một cán bộ quản lý ở đơn vị của tôi tới đề nghị chúng tôi làm giấy đăng ký kết hôn càng sớm càng tốt. Dù lúc đó Trung Quốc đã bắt đầu mở cửa, việc chung sống không giá thú vẫn bị nhiều người, đặc biệt là phụ nữ, xem như *đi ngược lại thuần phong mỹ tục*. Nhưng niềm hạnh phúc và sức mạnh mà cuộc sống bên nhau đã ban cho đẩy tôi vượt hẳn lên trên nỗi sợ định kiến của người khác. Với chúng tôi, đám cưới chỉ là vấn đề thời gian. Sau khi các cán bộ đến, chúng tôi quyết định tuần sau sẽ xin đơn vị giấy chứng nhận để có thể đăng ký kết hôn. Sống với nhau hơn một năm, nên chúng tôi không tổ chức tiệc mừng hay tỏ ra đặc biệt phấn khích.

Tối thứ Hai tuần sau đó, tôi hỏi Ngụy Hải xem anh đã xin giấy chứng nhận chưa. Anh ta bảo chưa. Tôi cũng chưa xin được vì bận việc, vì vậy chúng tôi đồng ý với nhau là nhất định sẽ lấy giấy chứng nhận trước thứ Tư. Sáng thứ Tư, tôi gọi điện cho Ngụy Hải để báo là tôi đã lấy được giấy chứng nhận của mình, và hỏi anh đã lấy được chưa. Không có gì trục trặc, anh bảo vậy. Khoảng ba giờ chiều anh ta gọi lại cho tôi và bảo tôi rằng mẹ tôi muốn tôi tới Mã Yên Sơn gặp bà. Anh ta chẳng nói là để làm gì. Tôi lập tức nghĩ rằng có chuyện gì đó xảy ra với bà, nên xin phép nghỉ sớm, và hối hả chạy tới bến xe vào lúc bốn rưỡi. Khi tôi đến nhà mẹ một tiếng sau đó, ghen cả thở vì lo lắng, bà hỏi ngạc nhiên tôi, “Có chuyện gì? Ngụy Hải gọi báo nó sẽ tới Mã Yên Sơn và bảo mẹ ở nhà. Có chuyện gì xảy ra với hai đứa vậy?”

“Con không rõ”, tôi bối rối đáp. Không nghĩ gì thêm, tôi ra khỏi nhà mẹ và chạy tuốt tới bến xe buýt để đón Ngụy Hải ở xe Nam Kinh xuống. Hơn một năm chung sống với nhau không làm phai mờ cảm giác ban đầu của tình yêu. Hồi đó tôi gần như không chịu nổi khi phải xa anh ta; để anh ta đi làm cũng đủ làm tôi thấy đau đớn, và tôi chờ anh ta về nhà hàng ngày. Tôi đắm đuối trong cơn mê muội.

Khoảng tám rưỡi tối, vẫn chưa thấy Ngụy Hải xuất hiện ở bến xe. Tôi phát điên lên. Tôi hỏi tất cả các lái xe đến bến rằng có tai nạn hay trục trặc gì trên đường không và có phải tất cả các xe đều chạy theo đúng lịch trình không. Họ trả lời chắc như đinh: không có gì bất thường xảy ra

cả. Hơn chín giờ, tôi quyết định không thể chờ thêm được nữa và lên xe buýt quay trở về Nam Kinh xem Ngụy Hải có bị ốm ở nhà không. Tôi không dám nghĩ có chuyện gì khác có thể xảy ra với anh. Nghĩ rằng Ngụy Hải có lẽ đang ở trên xe buýt tới Mã Yên Sơn trong khi tôi lại đi theo hướng ngược lại trên cùng một con đường, tôi bật chiếc đèn pin đem theo và soi ra ngoài cửa sổ xe buýt, căng mắt ra nhìn đám xe cộ đang chạy qua. Tôi hầu như chẳng nhìn thấy gì cả, nhưng cố gắng làm việc đó cũng xoa dịu tôi. Sau một hồi, xe buýt của tôi bị công an giao thông chặn lại. Người công an chặn xe lại bảo rằng có vẻ như ai đó trên xe đang đánh tín hiệu bằng ánh sáng đèn pin, vì vậy họ muốn tắt cả mọi hành khách xuống xe để kiểm tra. Tôi vội vàng chạy lên đầu xe và giải thích rằng tôi đã bật đèn pin vì tôi sợ chồng mình đã bắt nhầm xe buýt. Tay công an tức giận cho xe chạy và tắt cả các hành khách đều cần nhả tôi vì làm xe bị chặn. Tôi không hề phiền lòng - tôi xin lỗi và tiếp tục nhìn ra ngoài cửa sổ xe.

Chúng tôi sống không xa bến xe buýt lắm; khi về tới căn hộ, thấy ánh đèn hắt ra từ các cửa sổ, tim tôi nhảy lên. Nhưng cả hai cánh cửa đều khóa, điều này thật lạ: cửa trong thường không khóa nếu có người ở nhà. Một con sóng khủng khiếp tràn qua tới khi tôi nhìn thấy căn hộ trống trơn. Bản năng thúc giục tôi mở tủ quần áo trong phòng ngủ. Tôi lạnh toát cả người: quần áo của Ngụy Hải đã biến mất cả. Anh ta đã đi rồi.»

“Ngụy Hải đi? Bỏ nhà ra đi?”

Môi dưới của Chu Đình run lên. “Đúng, anh ta đã đi. Anh ta mang theo tất cả đồ đạc của mình. Anh ta đi ngay sau khi chúng tôi quyết định kết hôn.”

Tôi thấy thương bà sâu sắc. “Anh ta có để lại lời nhắn, thư từ hay lời giải thích nào không, bất cứ thứ nào?”

“Không một lời,” bà nói, ngược mặt lên để nước mắt khỏi chảy xuống má.

“Ôi, bà Chu Đình,” tôi thốt lên, không biết phải nói gì.

Nước mắt chảy xuống mặt bà.

«Tôi sụm xuống. Tôi không biết mình nằm run lấy bầy trên sàn bao lâu nữa. Khi nghe tiếng bước chân bên ngoài, một tia hy vọng cuối cùng khiến tôi đứng dậy được. Anh họ của Ngụy Hải đứng ngoài cửa. Anh ta nói Ngụy Hải nhờ anh ta mang trả chìa khóa cho tôi. Sau cánh cửa vẫn đóng, tôi bảo anh ta rằng muộn rồi và giờ không phải lúc, tôi sẽ nói chuyện với anh ta vào hôm sau. Anh ta không còn cách nào khác đành phải đi.

Tôi khóa tất cả cửa sổ cửa ra vào lại, vặn van bình ga, ngồi xuống và bắt đầu ghi âm bằng. Tôi muốn xin lỗi mẹ tôi vì không trả được ơn nuôi dưỡng; tôi muốn xin lỗi con trai tôi vì không hoàn thành trách nhiệm của người mẹ; tôi không còn lòng nào mà cũng chẳng đủ sức để sống tiếp nữa. Tôi không định để lại lời nào cho Ngụy Hải, nghĩ rằng linh hồn tôi sẽ bày tỏ tình yêu và nỗi đau với anh ta ở dưới suối vàng. Đầu tôi và người tôi như muốn nổ tung, và tôi gần như không nhắc nổi người lên khi nghe thấy giọng nói bên ngoài cửa sổ:

“Đình, mở cửa, mẹ cô đang đợi cô bên ngoài đây!”

“Đừng làm gì ngu ngốc, cô là người lớn rồi. Một người đàn ông thì có ý nghĩa gì? Trên đời thiếu gì đàn ông tốt!”

“Đừng có bật diêm lên dù có định làm gì!”

“Mau lên... cái cửa sổ này đủ lớn... đập vỡ nó ra... mau lên...”

Tôi không biết chuyện gì xảy ra sau đó. Điều tiếp theo tôi nhận thức được là mẹ tôi đang nắm tay mình và khóc. Khi thấy tôi mở mắt, bà nức nở đến nỗi không nói nổi lời nào. Sau này, bà kể lại rằng tôi đã bất tỉnh hơn hai ngày.»

“Chỉ có tôi mới hiểu là mình vẫn chưa thực sự tỉnh lại: trái tim tôi vẫn còn bất tỉnh. Tôi đã ở trong bệnh viện mười tám ngày. Khi ra viện, tôi chỉ còn ba mươi tám cân.”

“Phải mất bao lâu bà mới vượt qua nỗi đau đó?” Tôi ngay lập tức nhận ra rằng câu hỏi của mình thật ngớ ngẩn: Chu Đình không thể quên đi nỗi đau ấy.

Bà lau nước mắt: “Suốt hai năm liền tôi hầu như không ngủ được. Tôi mắc một căn bệnh kỳ lạ: hễ nhìn thấy một người đàn ông, bất kỳ người đàn ông nào, cũng khiến tôi phát ốm. Nếu trên xe buýt có một người đàn ông và phải tôi là về nhà tôi sẽ ngay lập tức chà xát bông khấp người. Chuyện này kéo dài gần ba năm. Tôi không thể chịu nổi việc ở lại đơn vị cũ từ sau khi Ngụy Hải bỏ đi, vì vậy tôi xin nghỉ việc. Hồi đó bỏ việc rất khó, nhưng tôi chẳng có yêu cầu gì mà cũng chẳng có gì phải sợ. Tôi nhận lời mời làm việc của một công ty tiêu thụ sản phẩm. Với vốn tri thức và một chút khiếu kinh doanh, tôi nhanh chóng trở thành một nhà đại lý thành công và nổi tiếng trong ngành công nghiệp thực phẩm. Tôi được vài công ty lớn săn đón và có thể tích lũy kinh nghiệm ở những lĩnh vực khác nhau. Kể từ đó tiền không còn là vấn đề đối với tôi. Tôi thậm chí còn bắt đầu trở nên hoang phí. Nhưng tôi vẫn không quên được Ngụy Hải”.

Bà chăm chăm nhìn lên trần hồi lâu, như thể để tìm kiếm một thứ gì đó. Cuối cùng, bà quay lại nhìn tôi. “Vì tôi thành công trong kinh doanh, báo chí lại bắt đầu chú ý đến tôi. Họ gọi tôi là *Nữ hoàng bán hàng*. Những hoạt động kinh doanh của tôi được đăng tải trên báo và các nhà báo tìm mọi cách để phỏng vấn tôi. Nhưng lúc đó tôi đã biết cách bảo vệ mình và né được họ khi cần thiết. Vì vậy chuyện đời tư của tôi chưa bị đăng lên báo lần nào. Tôi quen giám đốc của một công ty thương mại lớn ở Thượng Hải, người này theo đuổi tôi vì hai lý do. Thứ nhất, công ty của ông ta cần tôi giúp mở rộng thị trường. Thứ hai, ông ta chưa từng kết hôn vì ông ta bị bất lực. Nghe nói tôi rất ghét bị đàn ông chạm vào người nên ông ta nghĩ rằng chúng tôi có thể sẽ là một cặp ăn ý. Ông ta bám khá dai và đề nghị tặng tôi một phần bảy số cổ phần của ông ta làm sính lễ. Tôi thích thú trước thỏa thuận này: tôi không còn phải làm việc dưới trướng ai nữa và có một người bạn trai mà không phải chịu đựng việc bị sờ mó. Một tờ báo thương mại ở Thượng Hải đã giành độc quyền đăng tải một bài lấy tiêu đề là: *Nữ hoàng Kinh doanh lấy nhà tài phiệt Thượng Hải. Chờ đợi một cú hích với Thị Trường*. Tin tức nhanh chóng được đăng lại trên nhiều báo khác.

“Đám cưới sẽ tổ chức sớm chứ?” Tôi hỏi, thâm tâm thành thật mong rằng Chu Đình sẽ tìm được bến đỗ cho mình.

“Không, nó đã bị hủy,” bà ôn tồn nói, tay chạm vào ngón đeo nhẫn.

“Tại sao? Có phải giới truyền thông lại cản đường bà?” Tôi sợ rằng, cánh báo chí có lẽ lại gây khó khăn cho Chu Đình thêm lần nữa.

“Không, lần này thì không. Đó là vì Ngụy Hải xuất hiện trở lại.”

“Ngụy Hải trở lại tìm bà ư?” Tôi thấy thật chướng tai gai mắt.

“Không, anh ta xuất hiện ở một trong các buổi đào tạo cán bộ kinh doanh địa phương của tôi. Trái tim tôi đã khô héo lâu quá rồi; ngay khi mắt tôi bắt gặp anh ta, mọi cảm xúc lại tràn về,” Bà lắc lắc đầu nói.

Tôi không thể ngăn được sự ngờ vực trong giọng nói của mình và hỏi, “Bà vẫn còn yêu anh ta à?”

Chu Đình phớt lờ âm sắc đó. “Đúng. Khi nhìn thấy anh ta, ngay tức thì tôi đã biết rằng tôi vẫn yêu anh ta sâu nặng như trước”.

“Thế còn anh ta? Anh ta có còn yêu bà không? Dẫu...?”

“Tôi không biết, tôi không muốn hỏi. Tôi sợ mở lại những vết thương cũ. Ngụy Hải giờ trông yếu đuối lắm. Anh ta đã không còn tinh thần như khi cầm tay tôi đề nghị đến sống với anh ta nhiều năm trước, nhưng vẫn còn một cái gì đó quả quyết mà tôi khao khát trong đôi mắt anh ta,” bà nói với vẻ mãn nguyện.

Không giấu nổi sự không đồng tình của mình, tôi thốt lên, “Bà quay lại với anh ta ư?” Tôi đã gặp quá nhiều người đàn bà luôn luôn tha thứ cho người đàn ông gây ra nỗi đau cho cuộc đời họ.

“Đúng vậy. Tôi trả lại cổ phần cho tay thương gia người Thượng Hải kia, hủy bỏ đính ước rồi thuê một ngôi nhà khác ở với Ngụy Hải. Chúng tôi vẫn ở cùng nhau.”

Tôi chú ý đến sự vắng tắt trong lời kể của Chu Đình. Lấy làm lo lắng, tôi hỏi dồn, “Bà có hạnh phúc không?”

“Tôi cũng không biết nữa. Không ai trong chúng tôi khơi lại vấn đề tại sao anh ta lại bỏ tôi đi. Có những chuyện giữa chúng tôi mà tôi nghĩ chúng tôi sẽ không bao giờ có thể chạm tới.”

“Bà có nghĩ rằng nếu bà vẫn nghèo anh ta sẽ quay lại với bà không?” Tôi dò hỏi.

Câu trả lời của bà ta khá dứt khoát. “Không, anh ta sẽ không quay lại.”

Tôi lúng túng. “Vậy nếu một ngày nào đó anh ta xây dựng được cơ nghiệp riêng hoặc độc lập được về tài chính, bà có nghĩ là anh ta sẽ rời bỏ bà không?”

“Có, nếu anh ta có cơ nghiệp riêng, hoặc nếu anh ta gặp một người đàn bà khác thành đạt hơn, chắc chắn anh ta sẽ đi.”

Tôi càng thêm lúng túng hơn. “Thế còn bà thì sao?”

“Ý cô muốn hỏi là tại sao tôi lại vẫn sống với anh ta chứ gì?” Bà ta tỏ ra bướng bỉnh, đôi mắt ngấn nước.

Tôi gật đầu.

“Bởi lời những lời tỏ tình đầu tiên và hạnh phúc tôi đã có khi ở bên anh ta; đó là những ký ức vui vẻ nhất của tôi.”

Với tôi, Chu Đình giống như bất cứ người đàn bà mê muội nào khác sống với người đàn ông không xứng đáng với mình. Tôi gián tiếp bày tỏ thái độ không đồng tình của mình, hỏi bà, “Có phải bây giờ bà đang nuôi dưỡng những cảm xúc của mình với Ngụy Hải bằng ký ức không?”

“Đúng, cô có thể nói như vậy. Phụ nữ thực sự rất dễ mù lòng.”

“Ngụy Hải có biết bà chỉ nghĩ như vậy không?”

“Anh ta đã ngoài bốn mươi rồi. Thời gian hẳn đã phải dạy anh ta.” Câu trả lời mệt mỏi của Chu Đình khiến câu hỏi của tôi nghe có vẻ ngờ nghệch. “Về tình cảm, đàn ông không bao giờ giống phụ nữ; họ sẽ không bao giờ có thể hiểu chúng ta. Đàn ông giống như núi; họ chỉ biết mặt đất dưới chân và cây trên sườn núi. Nhưng đàn bà thì giống như nước”.

Tôi nhớ đã nghe câu này từ Tĩnh Di, người phụ nữ chờ đợi người yêu suốt bốn mươi lăm năm. “Tại sao đàn bà lại giống như nước?” Tôi hỏi.

“Người ta bảo phụ nữ giống như nước. Tôi nghĩ là vì nước là khởi nguồn của sự sống và nó biến đổi hình dạng theo môi trường xung quanh. Giống như phụ nữ, nước cũng hiện mình hoàn toàn mỗi khi nó nuôi dưỡng cho sự sống,” Chu Đình nói bằng một giọng đầy suy ngẫm. “Nếu Ngụy Hải có cơ hội, anh ta sẽ không ở lại một ngôi nhà mà anh ta không có nhiều quyền lực lắm chỉ vì tôi.”

“Đúng, nếu một người đàn ông không có nghề nghiệp hoặc sống dựa vào một người đàn bà

thì sự đảo ngược vai trò đó sẽ là cách dẫn đến thảm họa.”

Chu Đình im lặng trong giây lát. “Cô có nhìn thấy dòng tiêu đề *Nữ doanh nhân cứng rắn từ chối cuộc hôn nhân chiến lược để thấp lại ngọn lửa cũ*, hoặc tương tự thế không? Có trời mới biết người ta nghĩ về tôi thế nào sau khi mẩu tin đó bị xào xáo lại vài lần. Giới truyền thông đã biến tôi thành một người đàn bà ghê gớm: mưu sát bất thành, ngoại tình, tôi bị biến thành người đã gây ra mọi thứ đó. Điều đó đã tách tôi ra khỏi những người phụ nữ khác, bạn bè và người thân cũng giữ khoảng cách với tôi. Nhưng tai tiếng đã đưa lại cho tôi những món lợi bất ngờ.” Chu Đình cười cay đắng.

“Có phải bà đang nói rằng công việc của bà được lợi từ đó?”

“Đúng thế, tin đồn về tôi khiến người ta để ý đến những lời rao hàng của tôi vì tò mò.” Bà xòe hai bàn tay trưng ra những chiếc nhẫn tô điểm cho chúng.

“Như vậy đời sống riêng tư đã góp phần tạo nên những thành tựu trong sự nghiệp của bà,” tôi trầm ngâm, không vui trước ý nghĩ rằng đó là cách phụ nữ thành đạt.

“Có thể nói như vậy. Nhưng người ta không biết cái giá mà tôi đã phải trả.”

Tôi gật đầu. “Một số người nói rằng phụ nữ luôn luôn phải hy sinh tình cảm để thành đạt.”

“Ở Trung Quốc, gần như trường hợp nào cũng thế,” Chu Đình nói, thận trọng lựa từng từ.

“Nếu một người phụ nữ hỏi bà về bí quyết thành công, bà sẽ trả lời thế nào?” Tôi hỏi.

“Trước tiên, dẹp những tình cảm nữ mềm yếu sang một bên, rồi để cho giới truyền thông há hốc miệng ra vì kinh ngạc khi thấy mình khác biệt thế nào. Thứ hai, hãy cửa vào tim mình để tạo ra một câu chuyện hấp dẫn. Rồi dùng chính những vết sẹo làm cơ hội kinh doanh; trưng nó ra cho thiên hạ xem; kể cho họ nghe về nỗi đau của mình. Khi người ta thốt lên trước những vết thương cô đã phải chịu đựng, thì hãy bày những món hàng của cô lên quầy của họ và thu tiền về.”

“Ôi, bà Chu Đình! Sự thực không như thế chứ, phải không?”

“Đúng, nó là thế đấy. Theo như những gì tôi hiểu, nó là vậy,” Bà ta nghiêm túc nói.

“Vậy làm sao bà sống nổi?” Tôi hỏi, một lần nữa phải kinh ngạc trước sự can đảm của người phụ nữ.

“Cô có chai trên bàn tay không? Hoặc sẹo trên người? Sờ vào đó xem, cô có cảm thấy gì không?” Chu Đình nhẹ nhàng nói, nhưng những lời nói của bà khiến tôi hết hy vọng.

Bà đứng dậy. “Tôi e là đã sáu giờ tối và tôi phải tới mấy cửa hàng lớn kiểm tra mức tồn kho của họ. Cảm ơn cô vì buổi gặp gỡ hôm nay.”

“Cảm ơn bà. Tôi hy vọng rằng những vết chai trong tim bà sẽ được tình yêu làm mềm đi,” Tôi nói.

Chu Đình đã hoàn toàn lấy lại được sự điềm tĩnh. Bà trả lời bằng một giọng cứng rắn, “Cảm ơn cô, nhưng thà cứ chai sạn còn hơn là lại đau đớn.”

Khi tôi rời khỏi khách sạn, mặt trời đang lặn. Tôi nghĩ buổi sáng sớm trời mới trong lành làm sao và nó hẳn phải mệt mỏi đến thế nào sau một ngày làm việc. Mặt trời cho đi; phụ nữ yêu - sự nếm trải của cả hai đều như nhau. Nhiều người tin rằng những người phụ nữ Trung Quốc thành đạt chỉ quan tâm tới tiền bạc. Ít người biết được họ đã phải chịu đau đớn thế nào để có được địa vị ngày hôm nay.

CHƯƠNG 15

NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ Ở ĐỒI HẾT

Năm 1995, một cuộc khảo sát ở Trung Quốc cho thấy rằng ở những vùng thịnh vượng hơn có bốn nghề có tuổi thọ ngắn nhất, là công nhân nhà máy hóa chất, lái xe tải đường dài, công an và nhà báo. Công nhân nhà máy và tài xế xe tải phải chịu khổ do thiếu những quy tắc an toàn thích hợp. Thân phận của người công an Trung Quốc là một trong những thân phận nghiệt ngã nhất: với một hệ thống pháp luật nhiều lỗ hổng và trong một xã hội mà quyền lực chính trị đứng trên tất cả, tội phạm nào có những mối quan hệ có ảnh hưởng thường ngang nhiên thoát tội, và một số kẻ sau đó còn trả thù nhân viên công an có liên quan. Công an phải chịu giằng xé giữa một bên là điều họ biết là đúng còn bên kia là các mệnh lệnh; sự thất vọng, hoang mang và ân hận khiến họ chết sớm. Nhưng tại sao các nhà báo, những người ở khía cạnh nào đó có cuộc sống được ưu ái, lại phải chịu chung số phận đó?

Nhà báo ở Trung Quốc đã chứng kiến bao sự kiện choáng váng và đau buồn. Họ thường bị bắt phải nói và viết những điều mà họ không đồng tình.

Khi phỏng vấn những người phụ nữ sống với hôn nhân chính trị không tình cảm, khi nhìn thấy những người phụ nữ vật lộn trong đói nghèo và khổ khó thậm chí không có nổi một bát canh hay quả trứng để bồi dưỡng sau khi sinh nở, hoặc khi lắng nghe những người phụ nữ trên máy trả lời điện thoại - những người không dám nói với ai rằng mình đã bị chồng đánh đập thế nào, tôi thường không thể giúp họ vì những quy tắc của đài phát thanh. Tôi chỉ có thể kín đáo khóc cho họ khi ở một mình.

Khi Trung Quốc bắt đầu mở cửa, nó giống như một đứa trẻ đang đói là ngấu nghiến mọi thứ trong tầm với bất kể dở hay. Sau đó, trong khi mọi người nhìn thấy một Trung Quốc phấn khởi, hạnh phúc trong bộ quần áo mới, không còn khóc vì đói nữa thì các nhà báo lại thấy một thân thể bị hành hạ bởi bệnh khó tiêu. Sự xung đột giữa điều họ biết với điều họ được phép nói tạo ra một môi trường trong đó sức khỏe tinh thần và thể xác của họ đều phải chịu khổ.

Đó là một xung đột khiến tôi phải từ bỏ nghề báo của mình.

Mùa thu năm 1996, trên đường trở về từ Hội Nghị Đảng, ông Trần bảo tôi rằng có một số nhóm xóa đói giảm nghèo đã được cử đến vùng Tây Bắc và Tây Nam và những vùng nghèo nàn lạc hậu khác. Do thiếu cán bộ nhà nước đủ khả năng đảm nhận những chuyến công tác điều tra này, chính phủ thường dùng các nhà báo có năng lực đi thu thập thông tin. Ông Trần bảo ông đã có kế hoạch tham gia vào một nhóm tới vùng căn cứ quân sự cũ ở Diên An để xem cuộc sống của những người dân bình thường ở đó giờ ra sao. Theo ông, đó là một góc bị Cách Mạng lãng quên.

Tôi thấy đó là một cơ hội tuyệt vời để mở rộng hiểu biết về cuộc sống của phụ nữ Trung Quốc, bèn lập tức xin tham gia một nhóm. Tôi được phân vào nhóm đi "Tây Bắc", nhưng thực ra là chúng tôi đi tới vùng phía Tây của Tây An ở miền Trung. Hầu hết người Trung Quốc khi nói về "Tây Bắc" thực ra là đang đề cập tới miền Trung của Trung Quốc, vì các sa mạc phía Tây chẳng hề xuất hiện bản đồ trong tâm trí của họ bao giờ.

Trong lúc gói ghém đồ đạc cho chuyến đi, tôi quyết định bỏ lại nhiều đồ dùng hữu ích vẫn luôn mang theo trong những chuyến đi viết bài. Có hai lý do. Thứ nhất, sẽ có một chuyến leo núi dài vất vả mà chúng tôi sẽ phải tự xách đồ đạc của mình. Tôi không muốn các đồng nghiệp nam phải xách thêm bất kỳ món đồ nào của tôi trong khi họ cũng mệt. Lý do thứ hai quan trọng hơn: cao nguyên Hoàng Thổ mà chúng tôi sắp tới nghe nói là một vùng rất nghèo và tôi

nghĩ tôi sẽ cảm thấy ngượng ngịu với tất cả những thứ tiện dụng của mình trước những người dân ở đó. Họ chưa từng nhìn thấy bất kỳ thứ gì đến từ thế giới bên ngoài, và có lẽ cũng chưa từng biết đến sự xa hoa hay được ăn ngon mặc ấm.

Chúng tôi tới Tây An trước, rồi chia thành ba nhóm nhỏ. Trong nhóm tôi, ngoài tôi ra còn có bốn người khác nữa - hai nhà báo nam, một bác sĩ và một người hướng dẫn của chính quyền địa phương. Chúng tôi rất sốt sắng lên đường; dù không nghĩ rằng hành trình của mình là vất vả nhất nhưng vùng mà chúng tôi thấy có lẽ là vùng xác xơ nhất. Có vô số cấp độ giàu có và nghèo khổ, được phản ánh theo nhiều cách khác nhau. Trong suốt chuyến đi, cảnh vật trước mắt chúng tôi cứ càng lúc càng đơn giản: những tòa nhà cao tầng, ồn ào tiếng người và những sắc màu rực rỡ của đô thị dần dần bị thay thế bởi những ngôi nhà gạch thấp bé hoặc những túp lều trát bùn, những đám bụi mù mịt và những người nông dân mặc quần áo xám xịt như nhau. Càng đi con người và dấu vết của hoạt động nhân sinh càng thưa thớt. Cao nguyên Hoàng Thổ chưa được khai phá này bị chà xát dày vò bởi những cơn lốc bụi mà chúng tôi phải khó khăn lắm mới có thể nheo mắt nhìn qua được. Phương châm của phái đoàn chúng tôi là: *Giúp những người nghèo nhất ở những nơi nghèo nhất*. Sự tốt bậc được ngụ ý trong từ so sánh *nhất* khó mà xác định được. Mỗi lần dừng phải một tình huống tốt cùng, người ta lại không chắc liệu nó có phải là tốt cùng nhất không. Tuy nhiên, tới ngày hôm nay, tôi chưa từng thấy nơi nào nghèo như nơi tôi đã thấy trong chuyến đi đó.

Sau hai ngày rưỡi xóc nảy trên xe jeep, người hướng dẫn cuối cùng cũng tuyên bố đã tới nơi, chúng tôi đều nghĩ chắc anh ta nhầm. Thậm chí còn không thấy một bóng người, nói gì tới cả một làng trong khung cảnh đó. Chiếc xe jeep chạy ngoằn ngoèo lên những quả đồi trọc lóc rồi dừng lại cạnh một quả đồi khá lớn. Xem xét gần hơn, chúng tôi mới nhận ra những cái nhà hang đeo vào sườn đồi. Người hướng dẫn giới thiệu đó là nơi chúng tôi muốn tới - Đồi Hét, một ngôi làng bé tẹo chẳng có tên trên bất kỳ bản đồ nào - và bảo anh ta cũng mới lần đầu đến đây. Tôi thắc mắc về điều này và gẫm nghĩ về cái tên kỳ lạ của ngôi làng.

Mấy người dân làng tò mò bị tiếng rú của chiếc xe jeep kéo ra khỏi nhà. Vây quanh chiếc xe, họ bắt đầu bình luận đủ kiểu và gọi chiếc xe là *con ngựa uống dầu*; họ thắc mắc không biết cái *đuôi* đen đã biến đi đâu khi nó đã dừng lại, và lũ trẻ con đứng quanh họ lú lo bàn tán xem làm cách nào để tìm ra cái đuôi. Tôi muốn giải thích với chúng rằng cái đuôi là do cái ống xả tạo thành, nhưng các cán bộ thôn đã tới đón và mời chúng tôi tới một căn nhà hang đào được chọn làm trụ sở của cả làng.

Mở màn cuộc gặp đầu tiên, hai bên chào hỏi như bình thường. Chúng tôi phải hết sức chú ý lắng nghe để hiểu nhau vì sự khác biệt phương ngữ, vì vậy tôi không thể quan sát xung quanh một cách kỹ càng. Chúng tôi được chiêu đãi tiệc tầy trần: vài mẫu bánh mì trắng dẹt, một bát cháo bột mì trắng rất loãng và một đĩa trứng nhỏ chiên với ớt khô. Sau này tôi mới biết rằng chính quyền địa phương đã bảo người hướng dẫn mang trứng theo nấu riêng cho chúng tôi.

Sau khi ăn, chúng tôi được dẫn tới nơi nghỉ dưới ánh sáng của ba ngọn nến. Hai nhà báo nam được dành cho một ngôi nhà hang, bác sĩ ngủ cùng với một ông già, còn tôi ở chung trong căn nhà hang với một cô gái trẻ. Tôi không nhìn rõ cái nhà hang đó lắm trong ánh nến, nhưng chiếc chăn bông có mùi nắng dễ chịu. Tôi lịch sự từ chối sự giúp đỡ của những người dân đã đưa tôi tới đó và tự mở túi đồ của mình. Tôi vừa định hỏi cô bé về xem mình có thể tắm rửa ở đâu thì nhận thấy là cô bé đã trèo lên *kháng*. Tôi nhớ ra rằng người hướng dẫn đã nói trên đường tới đây, nước ở vùng này quý đến mức ngay cả hoàng đế cũng không thể rửa mặt hay đánh răng hàng ngày.

Tôi cởi quần áo và trèo lên chỗ trống trên *kháng* có vẻ như để dành cho tôi. Tôi muốn dành ít

phút trò chuyện, nhưng cô bé đã ngáy khe khẽ rồi. Đường như cô bé không có chút cảm giác khác lạ nào khi có khách, vừa đặt mình xuống là ngủ ngay. Tôi mệt rã rời, lại đã uống vài viên thuốc chống say xe, nên cũng nhanh chóng thiếp đi mê man. Khả năng ngủ ở nơi xa lạ của tôi khiến các đồng nghiệp ghen tị ghê gớm, họ bảo tôi có cơ thể của nhà báo bẩm sinh cũng vì thế. Vừa kịp thích nghi với một chỗ mới họ đã phải chuyển tới một nơi khác, rồi lại bị mất ngủ ở đó. Với họ, mỗi chuyến đi viết bài xa là một cực hình.

Ánh sáng lọt vào nhà hang làm tôi thức giấc. Tôi dậy mặc đồ và đi ra ngoài thì thấy cô bé đã dậy nấu bữa sáng.

Trời đất vẫn còn tờ mờ. Mặt trời chưa lên, nhưng ánh sáng của nó đã đổ tràn ra từ nơi xa tít bên kia bức tranh sơn dầu mênh mông này, chạm tới những hòn đá trên mấy ngọn đồi và mạ vàng lên thứ đất vốn đã có màu vàng sậm. Tôi chưa bao giờ ngắm nhìn một bình minh đẹp đến thế. Tôi trầm ngâm nghĩ tới khả năng phát triển du lịch để giúp vùng đất này thoát khỏi đói nghèo. Cảnh mặt trời mọc huy hoàng trên cao nguyên hoang thổ này là đối thủ cho thứ mà người ta phải trèo lên đỉnh Thái Sơn hay ra tận biển để ngắm nhìn. Sau này khi tôi đề cập đến vấn đề đó với những người phải tới Đồi Hét thay thế chúng tôi, một cậu thiếu niên gạt bỏ ý kiến của tôi như thể nó cực kỳ xuẩn ngốc: Đồi Hét thậm chí còn không đủ nước cho những nhu cầu thiết yếu nhất của người dân trong làng thì làm sao nó có thể cung cấp cho hàng đoàn khách du lịch?

Khói ngạt bốc lên từ bếp lửa của cô bé kéo tôi thoát ra khỏi dòng suy tư. Phân bò khô cô bé dùng để đốt bếp tỏa ra một mùi hăng sè. Lửa cháy giữa mấy hòn đá lớn chụm vào với nhau, cô bé đặt bên trên một cái nồi và một miếng đá phẳng dẹt. Cô làm món cháo bột mì loãng trong nồi và nướng bánh mì dẹt thô sần trên miếng đá. Tên cô bé là Nữ Nhi (gái). Cô bé bảo tôi rằng phân gia súc là chất đốt duy nhất dùng để sưởi suốt mùa đông. Thỉnh thoảng, khi có đám ma hay đám cưới, khi gia đình hoặc bạn bè tới thăm, họ sẽ dùng phân gia súc để nấu nướng nhằm thể hiện một cách trịnh trọng tình bằng hữu. Chất đốt để nấu nướng hàng ngày của họ là rế cỏ tranh (thứ cỏ tìm thấy ở những miền địa hình cực kỳ khô cằn có bộ rễ lớn và vài chiếc lá chống tàn), họ dùng để đun nóng một tẹo nước nóng cho món cháo. Miếng bánh mì dẹt, *mô*, mỗi năm chỉ nướng có một lần trên những miếng đá nóng giãy trên đỉnh đồi vào mùa hè. Sau đó nó được cất trữ dưới lòng đất, khô và cứng đến mức có thể giữ ở đó gần một năm. Tôi được mời món *mô* là đã vinh hạnh lắm. Chỉ có cánh đàn ông làm việc đồng áng là có quyền được ăn món đó. Phụ nữ và trẻ em sống nhờ món cháo bột mì loãng - những năm tháng phải vật lộn đã khiến họ quen với cái đói. Nữ Nhi nói rằng vinh dự lớn nhất và cũng là sự đối đãi tử tế nhất trong cuộc đời một người đàn bà là được ăn một bát trứng hòa với nước khi sinh con trai. Vào giai đoạn sau của chuyến đi này tôi nhớ lại chuyện đó khi nghe thấy những người đàn bà trong làng lờ lờ qua tiếng lại với nhau: “Còn mi đã được ăn bao nhiêu bát trứng nước rồi hả?”

Sau bữa sáng đặc biệt với cháo loãng và *mô* trong ngày đầu tiên, nhóm chúng tôi đi làm việc. Tôi giải thích với những người đứng đầu thôn rằng tôi muốn viết phóng sự về những người phụ nữ ở Đồi Hét. Những người này, thậm chí không viết nổi tên mình nhưng lại xem mình như những người có văn hóa, lắc đầu, sừng sốt. “Đàn bà thì có gì để mà viết?”

Tôi vẫn kiên trì đeo đuổi, vì vậy cuối cùng họ cũng phải xiêu lòng. Với họ, tôi cũng chỉ là một người đàn bà chẳng hiểu biết gì, chỉ đơn thuần đi theo đám đàn ông, cố gắng gây ấn tượng bằng sự mới lạ. Thái độ của họ không khiến tôi bực mình. Kinh nghiệm nhiều năm làm báo đã dạy tôi rằng tiếp cận với nguồn thông tin quan trọng hơn chuyện người khác đánh giá mình thế nào.

Lần đầu nghe thấy cái tên “Đồi Hét” tôi đã cảm thấy một niềm phấn khích không tên và linh

cảm rằng chuyến đi của tôi là tiền định. Cái tên gọi nghĩ tới một nơi ồn ào, rộn ràng bùng nổ sự sống, hoàn toàn trái ngược với thực tế. Ngọn đồi Hoàng Thổ đứng giữa khung cảnh chỉ có đất, cát và đá trơ trụi, không có một dấu hiệu nào của cuộc sống có nước chảy hay cây trồng. Con bọ cánh cứng nhỏ xíu hiếm hoi vụt qua hối hả như đang chạy trốn khỏi vùng đất cằn cỗi.

Đồi Hét nằm ở lưng chừng vùng đất sa mạc đang xâm lấn cao nguyên Hoàng Thổ này. Quanh năm, gió thổi không ngừng, như nó vẫn thổi cả nghìn năm nay. Trong bão cát thường khó mà nhận ra nổi cái gì cách mình vài bước, và những người làm lụng trên đồi phải hét lên mới nói chuyện được với nhau. Vì lý do đó, người dân ở Đồi Hét nổi tiếng có giọng to và vang dội; không ai có thể khẳng định rằng có phải đó là lý do Đồi Hét mang cái tên như vậy hay không, nhưng với tôi nó cũng khá giống một lý do. Đồi Hét là một nơi hoàn toàn tách biệt với thế giới hiện đại: có chừng mười đến hai mươi gia đình với bốn dòng họ sống trong một khu định cư dạng hang nhỏ, thấp. Phụ nữ chỉ được đánh giá bởi tính hữu dụng: như những cái máy để, họ là thứ đồ quý giá nhất để trao đổi trong cuộc sống của dân làng. Những người đàn ông chẳng ngần ngại đổi hai hay ba đứa con gái lấy một người vợ ở làng khác. Gả một người phụ nữ trong nhà cho người làng khác để đổi lấy một người vợ về cho một người đàn ông trong nhà mình là tục lệ phổ biến nhất, vì thế hầu hết những người phụ nữ ở Đồi Hét là người ngoài làng. Sau khi trở thành mẹ, tới lượt họ bị bắt phải từ bỏ những đứa con gái của mình. Phụ nữ ở Đồi Hét không có quyền sở hữu hay thừa kế tài sản.

Tục lệ bất bình thường là một người phụ nữ làm vợ chung của vài người chồng cũng xuất hiện ở Đồi Hét. Phần lớn các trường hợp này là do các anh em trai ở những gia đình cùng đình không có em gái để trao đổi lấy một người vợ sinh con nối dõi. Ban ngày họ được ăn cơm người phụ nữ đó nấu và hưởng lợi từ những công việc nhà người phụ nữ đó làm, ban đêm họ thay nhau hưởng thụ thân xác người phụ nữ đó. Nếu người phụ nữ đó sinh con, chính cô ta có lẽ cũng không biết ai là cha đứa bé. Với đứa bé, các anh em trai sẽ lần lượt là Bố Cả, Bố Hai, Bố Ba, Bố Tư, cứ thế. Dân làng không coi tục lệ này là phạm pháp vì đó là một tập tục được thiết lập từ thời ông cha họ, phép vua thua lệ làng. Họ cũng không giấu cợt những đứa bé có nhiều cha bởi chúng sẽ được vài người đàn ông che chở và cho thừa kế tài sản. Không ai trong số họ thấy động lòng trước những người vợ chung đó; với họ sự tồn tại của phụ nữ chỉ được đánh giá bởi sự hữu dụng mà thôi.

Bất kể xuất thân từ làng nào, những người phụ nữ đó cũng hòa nhập rất nhanh vào tập tục đã được truyền lại từ đời này qua đời khác ở Đồi Hét. Họ phải trải qua cuộc sống cực kỳ gian khổ. Trong ngôi nhà hang một gian của họ, chiếc *kháng* đã chiếm mất một nửa, đồ dùng gia đình chỉ gồm vài miếng đá, chiếc chiếu cỏ và những cái bát đất sét chưa nung; một chiếc vò đất nung được xem là vật dụng xa xỉ của *nhà giàu*. Đồ chơi của trẻ con hay bất kỳ đồ dùng gia đình nào khác dành riêng cho phụ nữ là thứ không tưởng trong xã hội của họ. Vì những người vợ được mua bằng cách trao đổi những người phụ nữ cùng huyết thống, nên họ còn phải chịu đựng sự oán giận của các thành viên gia đình vì nhớ con gái hay chị em gái và phải làm việc cả ngày lẫn đêm để có thức ăn, nước uống cũng như thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu hàng ngày khác cho cả gia đình chồng.

Chính họ là những người đón chào bình minh ở Đồi Hét: họ phải cho gia súc gia cầm ăn, quét sân và lau chùi, sửa chữa những dụng cụ cùn mẻ, han gỉ cho các ông chồng. Sau khi tiễn các ông chồng đi ra đồng, họ phải đi lấy nước từ một con suối không chắc có nước hay không ở tít bên sườn một ngọn núi cách đó hai giờ đi bộ, gánh trên vai hai cái thùng nặng trĩu. Vào mùa cỏ tranh, những người phụ nữ đó còn phải leo lên đồi nhổ rễ cỏ dùng để đun nấu. Vào buổi chiều, họ còn phải mang cơm cho cánh đàn ông; khi về họ lại xe sợi, dệt vải, và khâu quần áo, giày, mũ cho cả nhà. Suốt cả ngày đi đâu họ cũng phải công hoặc bế những đứa trẻ theo.

Ở Đồi Hét, từ *dùng* là để chỉ việc đàn ông muốn ngủ với một người đàn bà. Khi trời nhá nhem cánh đàn ông về nhà và muốn *dùng* các bà vợ. Họ thường sốt ruột quát tháo các bà vợ: “Làm gì mà chậm như rùa thế? Đang leo lên *kháng* hay làm gì thế hả?” Sau khi bị *dùng*, phụ nữ lại đi dọn dẹp và chăm sóc lũ trẻ còn đàn ông thì nằm đó ngáy khò khò. Chỉ khi đêm xuống phụ nữ mới được nghỉ ngơi. Vì lúc đó chẳng còn ánh sáng mà làm nữa. Khi tôi cố thử nếm trải một chút cuộc sống của những người phụ nữ này bằng cách tham gia vào việc nhà hàng ngày của họ một lúc, tôi thấy niềm tin vào giá trị của cuộc sống bị rung động nghiêm trọng.

Ngày duy nhất mà người đàn bà ở Đồi Hét có thể ngẩng cao đầu là ngày sinh con trai. Ướt sũng mồ hôi sau cơn đau sinh nở, cô ta được nghe những lời khiến cô ta hãnh diện và thỏa nguyện: “Đẻ được thằng cu rồi!” Đó là lời công nhận cao nhất về thành công mà cô ta nhận được từ chồng, và phần thưởng vật chất là một bát trứng trộn với đường và nước nóng. Người ta không định kiến với người phụ nữ sinh con gái, nhưng cô ta sẽ không được hưởng sự đối đãi đó. Đồi Hét có một cấu trúc xã hội độc nhất vô nhị, nhưng nó không khác những vùng miền khác của Trung Quốc, cả quan điểm trọng nam khinh nữ.

Trong những ngày đầu tiên ở Đồi Hét, tôi tự hỏi tại sao hầu hết lũ trẻ chơi bên cạnh hoặc giúp đỡ những người phụ nữ khi họ bận bịu xung quanh các ngôi nhà hang đều là con trai và nghĩ rằng đây có thể là một ngôi làng nữa có tục lệ giết trẻ sơ sinh là con gái. Sau này tôi mới biết đó là vì thiếu quần áo. Khi một gia đình có thêm quần áo mới, khoảng ba đến năm năm một lần, họ mặc cho con trai trước, thường để cho mấy chị em gái chia nhau một bộ quần áo mặc ngoài, cả mấy chị em mặc chung một bộ. Các chị em gái sẽ ngồi trên chiếc *kháng* được bọc bằng một tấm trải lớn và thay phiên nhau mặc bộ quần áo đó để đi ra ngoài giúp mẹ.

Một nhà nọ có tám đứa con gái mà chỉ có mỗi một cái quần dài, vá chẳng vá đụp đến mức không còn nhận ra vải ban đầu của nó nữa. Bà mẹ đang mang thai đứa thứ chín, nhưng tôi có thể thấy là chiếc *kháng* của nhà họ không hề to hơn của những nhà có ba hay bốn đứa chút nào. Tám đứa con gái ngồi sát vào nhau trên chiếc *kháng* mà khâu giày, tạo thành một nhóm lao động nghiêm ngặt, giống như một dòng người trong một xưởng làm việc nhỏ. Chúng vừa làm vừa trò chuyện và cười đùa. Mỗi khi tôi nói chuyện với chúng, chúng lại nói về những điều chúng nhìn thấy và nghe thấy trong những ngày *mặc quần áo*. Mỗi đứa con gái đếm từng ngày một chờ tới lượt mình được *mặc quần áo*. Chúng kháo nhau rất vui vẻ về chuyện gia đình nào đang có đám hiếu, đám hỉ hoặc mới sinh con trai hay con gái, người đàn ông nào đánh vợ, hay ai đã nói xấu ai. Chúng nói nhiều nhất về những người đàn ông trong làng; ngay cả dấu vết một đứa bé trai đi tè trên đất cũng là chuyện bàn luận và cười đùa của chúng. Tuy nhiên, suốt hai tuần ở với chúng, tôi hầu như không nghe thấy chúng nhắc đến chuyện đàn bà con gái bao giờ. Khi tôi kín đáo lái câu chuyện quanh những chủ đề như đầu tóc, quần áo, vóc dáng, trang điểm hay những vấn đề khác mà phụ nữ ở thế giới bên ngoài quan tâm, đám con gái thường sẽ không hiểu tôi đang nói về cái gì. Cách mà phụ nữ ở Đồi Hét đang sống là cách sống duy nhất họ có thể tưởng tượng ra được. Tôi không dám nói với họ về thế giới bên ngoài kia, hoặc cách sống của những người phụ nữ ở đó, vì tôi biết rằng sống mà biết rõ về những điều họ biết là mình không bao giờ có thể có được thì sẽ đau đớn hơn rất nhiều so với cứ sống như họ vẫn sống lúc này.

Tôi nhận thấy một hiện tượng kỳ lạ ở những người phụ nữ Đồi Hét: khi họ bước vào tuổi dậy thì hoặc tầm đó, dáng đi của họ đột nhiên trở nên rất lạ. Họ bắt đầu đi hai chân chạng ra, lắc lư thành hình vòng cung theo mỗi bước đi. Song không hề có dấu hiệu nào của xu hướng này ở những đứa bé gái. Vài ngày đầu tôi cứ thắc mắc trước điều khó hiểu này, nhưng không muốn dò hỏi quá sâu. Tôi hy vọng sẽ tìm được câu trả lời theo cách riêng của mình.

Tôi có thói quen phác họa phong cảnh tôi cho là đặc trưng cho mỗi nơi mà tôi tới viết phóng

sự. Không có màu sắc nào cần thiết để mô tả Đồi Hét, một vài đường nét là đủ để nói lên những đặc điểm bản chất nhất của nó rồi. Trong khi đang phác họa, tôi nhận thấy có mấy đồng đá mà tôi không nhớ nổi đã nhìn thấy bao giờ chưa. Hầu hết chúng đều ở những nơi hẻo lánh. Xem xét gần hơn, tôi thấy những chiếc lá màu đỏ ngả đen dưới chân những đồng đá đó. Chỉ có cỏ tranh mới mọc được ở Đồi Hét; vậy thì những chiếc lá này từ đâu ra?

Tôi xem xét những chiếc lá đó rất cẩn thận: chúng hầu hết đều dài chừng mười phân, rộng chừng năm phân. Rõ ràng là chúng đã bị cắt thành kích cỡ đó và hình như đã bị đập dập rồi vò bằng tay. Vài chiếc lá dày hơn những chiếc khác một chút và sờ vào thì thấy hơi ẩm ẩm, có mùi tanh như cá. Những chiếc khác thì khô quắt do bị đá đè lên và mặt trời thiêu đốt; những chiếc này không giòn mà rất dai, chúng cũng bốc một mùi mằn mặn nồng nồng. Tôi chưa từng thấy cái lá nào như thế bao giờ. Tôi thắc mắc chúng được dùng vào mục đích gì và quyết định hỏi người trong làng.

Cánh đàn ông nói, “Những thứ đồ đàn bà!” Và không chịu nói thêm gì nữa. Lũ trẻ thì lắc đầu bối rối, bảo: “Cháu chẳng biết đó là thứ gì, cha mẹ bảo không được đụng vào”. Những người phụ nữ chỉ cúi đầu im lặng.

Khi Nữ Nhi nhận thấy tôi cứ thắc mắc trước câu hỏi về những chiếc lá, cô bé bảo: “Tốt nhất là cô nên đến hỏi bà cháu, bà sẽ nói cho cô biết.”

Bà Nữ Nhi không già lắm, nhưng do lấy chồng và sinh nở sớm nên bà được xếp vào bậc cao niên trong làng. Bà cô bé chậm rãi giải thích cho tôi rằng những chiếc lá đó được phụ nữ dùng trong chu kỳ hàng tháng của mình. Khi một cô gái ở Đồi Hét bắt đầu thấy kinh, hoặc một người phụ nữ nào mới lấy chồng về ở Đồi Hét, cô ta sẽ được mẹ mình hoặc một người phụ nữ khác lớn tuổi hơn tặng mười chiếc lá đó. Những chiếc lá đó được bứt từ những cái cây ở rất xa. Những người phụ nữ lớn tuổi hơn sẽ dạy các cô con gái cách sử dụng những chiếc lá đó. Đầu tiên, mỗi chiếc lá phải được cắt theo đúng kích cỡ, để có thể lót bên trong quần dài. Rồi người ta dùng dùi châm những lỗ nhỏ vào chiếc lá để làm cho chúng thấm hút tốt hơn. Những chiếc lá này khá dẻo và thớ lá rất dày nên chúng sẽ dày và phồng lên khi thấm máu. Ở một vùng mà nước quý hiếm đến thế, người ta không còn cách nào khác là phải vắt và phơi khô những chiếc lá sau mỗi lần sử dụng. Mỗi người phụ nữ sẽ dùng mười chiếc lá đó hàng tháng, kể cả sau khi sinh con. Những chiếc lá đó sẽ là những thứ duy nhất được chôn theo cô ta.

Tôi đổi mấy chiếc băng vệ sinh tôi mang theo lấy một chiếc lá từ bà Nữ Nhi. Mắt tôi rơm rớm khi chạm tay vào nó: làm sao chiếc lá thô ráp, sờ vào còn thấy cứng thế này lại có thể đưa vào nơi nhạy cảm nhất của phụ nữ như thế? Chỉ từ đó tôi mới hiểu ra tại sao phụ nữ ở Đồi Hét lại đi chạng hai chân ra như vậy: đùi họ bị những chiếc lá này liên tục cọ vào trầy trụa và thành sẹo.

Còn một lý do khác nữa tạo nên dáng đi kỳ lạ đó ở những người phụ nữ Đồi Hét, lý do này còn khiến tôi thấy sốc hơn.

Trong chữ Trung Quốc, từ “tử cung” được ghép bởi hai chữ “tử” (con) và “cung” (cung điện). Hầu hết mọi phụ nữ đều biết rằng tử cung là một trong những cơ quan chủ chốt của mình. Nhưng phụ nữ ở Đồi Hét thì thậm chí còn không biết tử cung là gì.

Ông bác sĩ đi cùng chúng tôi kể với tôi là có một người dân trong làng đã nhờ ông tới khám cho vợ anh ta vì cô ta đã có mang nhiều lần nhưng chưa bao giờ giữ được đứa bé cho đến hết thai kỳ. Được sự cho phép đặc biệt của anh chàng người làng đó, bác sĩ đã khám cho người phụ nữ và chết lặng cả người khi phát hiện cô ta bị sa tử cung. Sự chà xát và viêm nhiễm nhiều năm đã khiến cho phần tử cung bị lòi ra ngoài biến thành lớp sừng, thô ráp như là lớp chai vậy. Người bác sĩ hoàn toàn không tưởng tượng nổi nguyên nhân do đâu. Sững sờ trước phản ứng

của vị bác sĩ, người phụ nữ nọ phản đối, bảo ông rằng tất cả phụ nữ ở Đồi Hét đều như vậy. Ông bác sĩ nhờ tôi giúp ông ta xác định xem điều này có đúng không; vài ngày sau tôi xác nhận với ông điều người phụ nữ đó nói là thật sau khi đã bí mật quan sát những người phụ nữ trong làng khi họ đi vệ sinh. Tử cung bị sa là một lý do khiến phụ nữ ở đây đi chạng chân.

Ở Đồi Hét, chiều hướng của tự nhiên là không cưỡng lại được, và gia đình cũng hình thành một quan niệm tương tự như vậy. Phụ nữ bị đối xử như những cái máy đẻ, và cứ đẻ tăng tăng mỗi năm một đứa hoặc hai năm ba đứa. Không có gì bảo đảm là tất cả những đứa trẻ này đều sống sót. Theo những gì tôi biết, sự hạn chế duy nhất đối với những gia đình không ngừng tăng lên này là do trẻ con chết non, hoặc sảy thai vì kiệt quệ.

Tôi đã thấy nhiều phụ nữ có thai ở Đồi Hét, nhưng không hề có cảm giác háo hức chờ mong đứa trẻ ở họ hay những người đàn ông. Thậm chí trong khi đang mang bầu nặng nhọc như thế họ vẫn phải làm việc như trước và vẫn bị *dùng* bởi các ông chồng của họ, những kẻ biện minh rằng “chỉ có những đứa trẻ không bị nghiền nát mới đủ mạnh mẽ”. Tôi kinh hoàng trước tất cả những chuyện này, đặc biệt là khi nghĩ về chuyện những người vợ chung vẫn bị *dùng* bởi vài người đàn ông trong suốt thai kỳ của họ. Những đứa trẻ được sinh ra thực sự là rất khỏe, quan niệm *khôn sống mống chết* là một sự thực ngẫu nhiên ở Đồi Hét này. Thứ chủ nghĩa thực dụng tàn bạo này dẫn tới tình trạng sa tử cung nghiêm trọng ở những người phụ nữ chẳng biết sợ và không bao giờ biết nghĩ đến bản thân ở ngôi làng này.

Tối hôm sau, khi xác minh được rằng hiện tượng sa tử cung là hiện tượng phổ biến ở Đồi Hét, tôi nằm rất lâu mà không tài nào chợp mắt. Tôi nằm trên chiếc *kháng* bằng đất khốc cho những người phụ nữ đó, những người cùng thế hệ và cùng thời đại với tôi. Việc những người phụ nữ ở Đồi Hét không có một khái niệm nào về xã hội hiện đại, chưa nói gì đến một ý thức nào về quyền phụ nữ, là một niềm an ủi nho nhỏ; hạnh phúc của họ nằm ở sự dốt nát, những tập tục và sự thỏa mãn với niềm tin rằng tất cả phụ nữ trên đời này đều sống như họ. Nói với họ về thế giới bên ngoài sẽ giống như là lột đi lớp chai sần trên một bàn tay méo mó vì lao động rồi để gai châm vào lớp thịt dễ thương tổn.

Vào cái ngày tôi rời khỏi Đồi Hét, tôi nhận thấy rằng những chiếc băng vệ sinh tôi đã đưa cho bà của Nữ Nhi như một món quà lưu niệm đang được giắt ở dây lưng quần của các con trai bà; chúng được dùng làm khăn lau mồ hôi hoặc lót bảo vệ cho bàn tay của họ.

Trước chuyến đi tới Đồi Hét, tôi đã tưởng rằng mọi phụ nữ của tất cả các dân tộc ở Trung Quốc được thống nhất với nhau, mỗi nhóm phát triển theo một cách khác nhau, nhưng về cơ bản thì vẫn nhịp bước cùng thời đại. Tuy nhiên, suốt hai tuần ở Đồi Hét tôi đã nhìn thấy những người mẹ, những người con gái, những người vợ hình như đã bị bỏ lại phía sau ngay từ buổi đầu của lịch sử, sống một cuộc sống nguyên thủy giữa một thế giới hiện đại. Tôi thấy lo lắng cho họ. Liệu có lúc nào họ bắt kịp được không? Người ta không thể đi tới tận cùng của lịch sử bằng một bước đi duy nhất và lịch sử sẽ không chờ đợi họ. Tuy nhiên, khi tôi trở lại văn phòng và nhìn lại những chuyến đi như của chúng tôi khiến cho những cộng đồng còn ẩn khuất được những cộng đồng còn lại trên đất nước này chú ý tới, tôi cảm thấy như thể mình đang ở điểm khởi đầu của một chuyện gì đó. Sự khởi đầu này chứa chất hy vọng của tôi. Có lẽ có một cách nào đó để giúp đỡ những người phụ nữ ở Đồi Hét tiến lên nhanh hơn một chút...

Lý Đại nghe tôi kể về những người phụ nữ ở Đồi Hét và hỏi, “Họ có hạnh phúc không?”

Mạnh Tinh kêu lên, “Ồ hay! Làm sao họ có thể hạnh phúc nổi chứ?”

Tôi nói với Mạnh Tinh rằng trong số hàng trăm phụ nữ Trung Quốc tôi đã nói chuyện trong gần mười năm làm phát thanh và làm báo, phụ nữ ở Đồi Hét là những người duy nhất bảo tôi rằng họ hạnh phúc.

LỜI BẠT

Tháng Tám năm 1997, tôi rời Trung Quốc sang Anh. Chuyến đi tới Đồi Hét đã làm tôi chấn động. Tôi cảm thấy cần được hít thở một bầu không khí mới - được biết thế nào là sống trong một xã hội tự do. Trên chuyến bay tới Luân Đôn, tôi ngồi cạnh một người đàn ông kể với tôi rằng ông ta lên đường về nước sau chuyến đi lần thứ bảy tới Trung Quốc. Ông ta đã đi thăm tất cả những địa danh lịch sử quan trọng của Trung Quốc. Ông ta nói với về đầy am hiểu về trà, lụa và Cách Mạng Văn Hóa. Lấy làm tò mò, tôi hỏi ông ta biết gì về địa vị của người phụ nữ trong xã hội Trung Quốc. Ông ta đáp rằng với ông ta Trung Quốc là một xã hội rất bình đẳng: đâu đâu ông ta tới cũng thấy đàn ông và đàn bà làm việc như nhau.

Tôi lên máy bay với ý tưởng rằng có lẽ mình sẽ tìm một cách nào đó để khắc họa cuộc sống của phụ nữ Trung Quốc với người Phương Tây. Đột nhiên, khi tình cờ đối diện với sự hiểu biết rất hạn chế của người đàn ông này, nhiệm vụ đó dường như càng thêm dễ nản. Tôi cần phải quay lại thật xa vào ký ức của mình để lấy lại tất cả những câu chuyện tôi đã thu thập suốt bao năm qua. Lẽ ra tôi đã phải làm sống lại những cảm xúc tôi trải qua khi nghe chúng lần đầu và cố tìm ra những lời lẽ hay nhất để diễn tả lại những nỗi đau đớn, cay đắng, và tình yêu mà những người phụ nữ đó đã bày tỏ. Và ngay cả thế, tôi cũng không chắc độc giả Phương Tây sẽ hiểu những câu chuyện đó như thế nào. Chưa bao giờ sang Phương Tây, tôi biết rất ít về việc người Phương Tây biết gì về Trung Quốc.

Bốn ngày sau khi tôi tới Luân Đôn, Công nương Diana qua đời. Tôi nhớ mình đang ngồi trên sân ga tàu điện ngầm Ealing Broadway xung quanh đầy những người ôm theo những bó hoa họ định đặt xuống cổng cung điện Buckingham. Tôi không thể cưỡng lại sự thôi thúc nghề nghiệp, bèn quay sang hỏi người phụ nữ bên cạnh trong đám đông rằng Công nương Diana có ý nghĩa như thế nào đối với bà ta. Chúng tôi bắt đầu nói về địa vị của người phụ nữ trong xã hội Anh Quốc. Sau một lúc, bà ta hỏi tôi cuộc sống của người phụ nữ ở Trung Quốc thì thế nào. Bà ta bảo với người Phương Tây phụ nữ Trung Quốc hiện đại dường như vẫn đeo chiếc mạng che mặt thời cổ đại. Bà ta tin rằng việc cố gắng nhìn qua tấm mạng đó là rất quan trọng. Những lời bà ta nói khơi dậy nguồn cảm hứng trong tôi. Có lẽ rốt cuộc cũng sẽ có một thính giả ở Phương Tây quan tâm tới những câu chuyện của tôi. Sau này, khi tới làm việc tại Khoa Phương Đông và Châu Phi thuộc Đại Học Luân Đôn, nhiều người khác cũng khích lệ tôi. Tôi kể với một giáo viên về vài cuộc phỏng vấn của tôi và bà ta kiên quyết khuyên tôi nên viết chúng ra. Bà ta bảo hầu hết các cuốn sách viết ra cho tới thời điểm đó đều là về một gia tộc Trung Quốc cụ thể. Những câu chuyện này sẽ đưa tới một viễn cảnh rộng lớn hơn.

Tuy nhiên, khoảnh khắc khiến tôi quyết định là khi một cô gái người Hoa hai mươi hai tuổi đến nhờ tôi giúp đỡ. Cô bé đang học tại SOAS^[7] và một hôm ngồi cạnh tôi trong căng tin sinh viên. Cô bé rất buồn phiền. Mẹ cô, không chút bận tâm tới cước điện thoại đường dài, ngày nào cũng gọi điện cho cô để cảnh báo rằng đàn ông Phương Tây là *những kẻ du côn háo sắc* và cô không được để cho họ tới gần. Không thể nhờ ai khuyên giải, cô gái tuyệt vọng muốn biết câu trả lời cho những câu hỏi cơ bản nhất về mối quan hệ giữa đàn ông và đàn bà. Nếu hôn một người đàn ông, liệu người ta có được coi là còn trinh nữa không? Tại sao đàn ông Phương Tây lại đụng chạm vào phụ nữ nhiều và dễ dàng đến thế?

Lúc đó cũng có những sinh viên khác biết tiếng Trung và hiểu những gì cô bé kia đang nói ngồi cạnh chúng tôi trong căng tin. Họ cười phá lên vì không tin nổi lại có người ngây thơ đến thế. Nhưng tôi thì rất xúc động trước nỗi buồn khổ của cô bé. Mười năm trước Tiểu Ngọc viết thư cho tôi hỏi liệu tình yêu có phải là vi phạm thuần phong mỹ tục không rồi tự sát khi tôi vô

tình không trả lời cô bé, ở đây lại có một cô bé khác mà người mẹ phải chịu trách nhiệm vì đã giữ cô trong tình trạng mù tịt hoàn toàn về giới tính. Những sinh viên Phương Tây mà cô ngồi học ngay bên cạnh, những người ôm nhau không cần suy nghĩ, không hề có chút ý niệm nào về điều mà cô phải chịu đựng. Thực ra, ở Trung Quốc, cũng có nhiều người phụ nữ trẻ có đời sống tình dục từng trải - thường là sống ở các đô thị - họ sẽ cười cô. Nhưng tôi đã nói chuyện với rất nhiều người phụ nữ trong tình huống tương tự. Sau khi cô bé đó cầu cứu, tôi càng thấy rằng cần phải dùng nước mắt của họ, và cả của tôi nữa, để mở một con đường dẫn tới hiểu biết.

Tôi nhớ lại lời ông Trần đã từng nói với tôi: *"Hân Nhiên, cô nên viết chuyện đó ra. Viết là một kiểu ký thác và có thể giúp tạo ra một không gian trú ngụ cho những suy nghĩ và cảm xúc mới. Nếu cô không viết ra những câu chuyện này, trái tim cô sẽ tràn ứ và vỡ tung ra bởi chúng."* Vào thời điểm đó ở Trung Quốc, có lẽ tôi đã bị vào tù vì viết ra một cuốn sách như thế này. Tôi không dám mạo hiểm bỏ rơi con trai tôi hay những người phụ nữ nhận được sự trợ giúp và động viên qua chương trình phát thanh của tôi. Ở Anh, cuốn sách này mới có thể ra đời. Như thể một cây bút đã hình thành trong trái tim tôi vậy.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

CHÚ THÍCH

[1] Lời trong gió đêm.

[2] Phiên âm Hán Việt: Hân hân nhiên trương khai liễu nhãn (Xuân - Chu Tự Thanh)

[3] Tiếng Anh: A broken shoe, dịch từ nguyên văn tiếng Trung (Hán Việt: Phá Hài). Người Trung Quốc thời xưa hình dung âm đạo người phụ nữ như chiếc giày, giày rách, chỉ những người phụ nữ không đường hoàng, hoặc làm nghề bán thân.

[4] Tên phiên âm Hán Việt là Bót cá dạng bàn hí. Tám vở nhạc kịch này được biểu diễn khắp Trung Quốc trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa. Các chủ đề đều hướng tới mục tiêu tuyên truyền cách mạng và ca ngợi Chủ Nghĩa Cộng Sản.

[5] Dược Sư Phật (hay còn gọi là Dược Sư Lưu Ly Quang Phật) là vị Phật đại diện cho sự trọn vẹn của Phật quả ngũ cõi Tịnh độ. Tranh tượng của vị Phật này hay được vẽ với tay trái cầm thuốc chữa bệnh và tay mặt giữ Ấn thí nguyện. Dược Sư Phật được thờ ở Trung Quốc, Tây Tạng và Nhật Bản.

[6] A visitor to Ice Mountain/ Băng Sơn Thượng Lai Khách: Một bộ phim chiến tranh nổi tiếng của Trung Quốc sản xuất năm 1963.

[7] School of Oriental and African Studies (Khoa Phương Đông và Châu Phi) viết tắt.